

TIẾNG VIỆT GIÀU ĐẸP

NGUYỄN ĐỨC DÂN

Từ câu.  
**Sai**  
đến câu  
**hay**



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

---

Từ câu.  
sai  
đến câu  
hay



[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

---



BIỂU GHI BIẾN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHHTH TP.HCM  
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

**Nguyễn Đức Dân**

Từ câu sai đến câu hay / Nguyễn Đức Dân. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2013.

436 tr. ; 20 cm. - (Tiếng Việt giàu đẹp)

1. Tiếng Việt -- Câu.

1. Vietnamese language -- Sentence.

495.9225 -- dc 22

N573-D17

GS.TS NGUYỄN ĐỨC DÂN

Tử câu.  
Sai  
Đến câu  
hay



download sach mien phi.com  
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

---

# PHẦN MỘT



[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

---



[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

---

---

## CHƯƠNG 1

---

# MỞ ĐẦU

### 1.1. Nguyên nhân viết sai: Nhìn từ phía xã hội<sup>1</sup>

1.1.1. Vì sao tình trạng dùng tiếng Việt lộn xộn, tùy tiện, bừa bãi hiện nay không hề thuyên giảm mà có chiều hướng gia tăng đáng sợ? Do nhà trường, do sách giáo khoa? Do Nhà nước? Do xã hội? Hay do chính chúng ta?

Có người viết rằng chúng ta đã hoàn toàn thất bại trong giảng dạy tiếng Việt do ‘sách ngữ pháp hoàn toàn thoát ly tiếng Việt’, (từ đây trở đi, chúng tôi dùng dấu ‘,’ thay cho dấu ngoặc kép) do chúng ta dạy thứ tiếng Việt ‘không hề căn cứ vào một cái gì mà một người Việt có văn hóa phải biết cả’. Thậm chí ‘nhiều giáo sư văn học phải thốt lên: mong sao sau 12 năm học phổ thông con tôi vẫn còn nói và viết được tiếng Việt như trước khi đi học’...

---

1 Với tit cùng tên, một phần của mục này đã đăng trong *SGTT*, ngày 21.02.2011

### 1.1.2. Quan sát kỹ, chúng ta thấy:

Nói và viết là hai chuyện khác nhau. Do con người có khả năng bẩm sinh trong tiếp nhận ngôn ngữ, nên trẻ em được sinh ra và lớn lên trong môi trường ngôn ngữ nào là tự chúng nói thành thạo ngôn ngữ đó. Nhưng viết lại là chuyện khác. Không học thì không biết viết. Chúng ta từng gặp những giấy tờ, thư từ do những người mới thông ‘mặt chữ’ tiếng Việt viết. Còn xa chúng mới đạt chuẩn chữ nghĩa.

Người biết một ngoại ngữ, tiếng Anh, tiếng Pháp hay tiếng Nga... thường viết chuẩn hơn, tốt hơn những người không biết ngoại ngữ nào. Ngôn ngữ là một công cụ phản ánh tư duy, con người tư duy qua ngôn ngữ. Học được một ngoại ngữ là biết thêm được cấu trúc của một ngôn ngữ, biết thêm một công cụ thể hiện tư duy. Học sinh giỏi khoa học tự nhiên thường viết chuẩn mực hơn (không kể một số rất ít những học sinh yếu về khoa học tự nhiên nhưng có năng khiếu văn học). Như vậy, năng lực tư duy chặt chẽ ảnh hưởng tới khả năng viết chuẩn xác (Tôi chưa bàn tới chuyện viết hay). Những người tư duy tốt thường viết chính xác.

Thời trước học sinh viết đúng hơn. Những người thế hệ trước, nói chung viết tốt hơn. Mà thời trước học sinh nào có được nhiều sách tham khảo về tiếng Việt như hiện nay. Trong công trình *Từ điển về từ điển* (1999), Phó giáo sư Vũ Quang Hào cho chúng ta biết tới nay ở Việt Nam đã có 18 *từ điển chính tả*, 7 *từ điển ngữ pháp*, 23 *từ điển thành ngữ*, 10 *từ điển tục ngữ*, 8 *từ điển đồng nghĩa*, 6 *từ điển trái nghĩa*, 7 *từ điển giáo khoa*, 10 *từ điển học sinh*, 220 *từ điển thuật*

*ngữ, 48 từ điển tiếng Việt.* Vậy không thể nói chúng ta thiếu sách, thiếu những công cụ tra cứu. Ai quan tâm tới cách dùng chuẩn mực tiếng Việt đều có thể dễ dàng tìm ra những quyển sách cần thiết.

Vậy thì, vì sao hiện nay học sinh viết sai hơn thời trước và sai quá nhiều? Vì sao trên các phương tiện truyền thông nhan nhản những lỗi về từ ngữ, câu cú? Câu trả lời có thể khác nhau, nhưng chắc chắn sách giáo khoa đỡ không phải là nguyên nhân duy nhất, thậm chí không phải là nguyên nhân chính.

### 1.1.3. Viết sai nhìn từ phía Nhà nước và công luận

Không quan tâm và không có chính sách cụ thể bảo vệ tiếng Việt chuẩn mực của những người quản lý, điều hành đất nước là nguyên nhân cơ bản tạo ra tình trạng tiếng Việt tùy tiện, lộn xộn hiện nay.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng là người nhiều tâm huyết với việc giữ gìn và bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. Ông có những bài nói rất hay về vấn đề này, gây được tiếng vang, tạo được sự đồng tình và quan tâm của giáo giới và giới cầm bút. Tuy nhiên, điều đó chưa đủ.

#### *Kinh nghiệm nước ngoài*

*Không điếc nên sợ sùng.* Người nước ngoài, nhất là Pháp, Anh, Mỹ... rất sợ viết, nói những câu sai. Viết những câu sai là một điều đáng hổ thẹn. Thời nay, vì có băng ghi âm nên không còn chuyện ‘khẩu thiệt vô bằng’. Họ lo một lời thất thố, một câu viết sai là có thể bị đem ra nhạo báng dù cả

chục năm sau. Sau này nếu được làm chức to hoặc muốn ra tranh cử một ghế dân biểu... lỡ có một tay nhà báo nhiều sự hoặc không nhiều sự nào đó đem những hành vi thiếu văn hóa hoặc lời nói không chuẩn mực và thiếu trí tuệ trước đây của mình trưng lên mặt báo thì cũng phiền. Sẽ mất vài điểm tín nhiệm trong các cuộc thăm dò dư luận... ít nhất cũng làm chuyện cười, đàm tiếu về thiếu năng lực, thiếu văn hóa, kém cỏi trong tư duy. Sợ viết sai nên người Pháp thường xuyên dùng từ điển khi viết lách. Thôi thì viết có sách, có từ điển. Ở những nước đó, quan chức càng cao càng thận trọng trong ngôn từ. Công khai hóa dư luận kể cũng tốt.

Có một giai thoại về phó tổng thống Mỹ Spiro Agnew dưới thời R. Nixon liên quan đến năng lực tiếng Anh của ông này. Trong quyển *Bình đẳng, Tự do và Cười phá lên* (tiếng Pháp), M. và A. Guillois kể giai thoại: Có một phóng viên hỏi Spiro Agnew ‘Tại sao ngài lại ác cảm với cánh nhà báo như vậy? Phải chăng họ hay xuyên tạc lời của ngài?’ Spiro Agnew đáp: ‘Trái lại thì có. Họ cứ đưa nguyên xi những lời của tôi lên mặt báo mà không chịu *biên tập* lại gì cả.’ Vậy đấy, đưa nguyên xi những lời của một quan chức lên mặt báo là một cách để xã hội nhận ra chân ‘giá trị’ của người này.

Thường dân cũng cần giữ gìn ngôn từ. Một vận động viên thể thao thường bị coi là ‘vô biên’ nhưng trước công chúng thì không được phép có những cử chỉ và lời nói thiếu văn hóa. Trong trận bán kết giải Wimbledon ngày 03.07.2009, đang trong lúc thi đấu Andy Murray bị trọng tài *nhắc nhở vì có những lời nói ‘không thích hợp.’* (VTC 3)

Bên cạnh việc dùng dư luận xã hội người ta còn dùng hình thức chế tài với những người nói sai:

Chuyện viết đúng sai còn liên quan trực tiếp đến cuộc sống của bạn. ‘Nhiều thanh niên Nhật thất nghiệp vì viết sai chính tả’ (*Tuổi Trẻ*, 19.02.2002). Viết sai thì bị loại. Trong chương trình ‘Chiếc nón kỳ diệu’, ngày 12.06.2004, có một ô 7 chữ. Một thí sinh sau khi đoán được 6 chữ ‘TIEU □ AO’, đã đoán đúng đó là chữ ‘tiểu xảo’, nhưng lại nói là ‘Tôi đoán chữ S’. Là *tiểu xảo* chứ không phải là *tiểu sảo*! Thế là mất cơ hội giành phần thắng. ‘Theo Burton, để được tuyển chọn vào CIA hay tham dự các khoá đào tạo của CIA dành cho sinh viên, các thí sinh cần phải trả lời một bản câu hỏi dày 21 trang, trong đó có việc yêu cầu thí sinh phải viết một bài dài 500 chữ về một sự kiện thời sự và viết ra những câu trả lời cá nhân về những câu hỏi liên quan đến việc sử dụng ma tuý...’ (*TTCN*, 23.06.1996)

Theo một bộ luật mới đang được Bộ Thông tin Truyền thông Nga soạn thảo: ‘Các quan chức và chính trị gia Nga sẽ bị phạt nếu phát âm sai các từ hoặc sử dụng ngôn từ thô lỗ trong các bài trả lời phỏng vấn’. Có điều, luật này khó thực hiện vì ‘chưa có từ điển nào được dùng làm chuẩn phát âm và khái niệm thế nào là ‘thô lỗ’ cũng chưa được luật pháp quy định’. (*Tuổi Trẻ*, 02.07.2009)

### *Kinh nghiệm Việt Nam thời xưa*

Người Việt cũng từng dùng dư luận xã hội để trừng trị kẻ viết sai. Từ xưa xã hội Việt Nam đã không đồng tình với

lối dùng tiếng Việt tùy tiện, bừa bãi. Những người viết sai thường bị chê cười, phê phán. Trong *Phụ san Văn Nghệ*, số 5.1993, Nguyễn Đức Bính kể lại chuyện sau:

Hồi đó báo chí bị kiểm soát rất gắt gao, khó lòng nói được những gì muốn nói. Nhân có một ‘cụ nghề’ viết một bài công kích cộng sản. Ngô Tất Tố xem bài ấy, lấy làm giận lắm, bèn tìm cách sửa người ấy một mẻ. Sau khi tìm được một vài câu văn bất thông trong bài đó, Ngô tiên sinh liền viết một bài chỉ ra những chỗ văn dốt trong bài này rồi buộc tội ‘cụ nghề’ âm mưu phá hoại quốc văn và bôi nhọ đạo Khổng. Ông ví ‘cụ nghề’ như thầy đề trong truyện tiếu lâm sau: Viên tri huyện cử thầy đề đi tịch ký nhà một người bị án. Thầy đề, theo luật lệ, lập biên bản ghi tất cả những tài sản của nhà này. Còn lại một cái váy nâu đàn bà, thầy đề nghĩ mãi không biết ghi bằng chữ gì. Cuối cùng thầy nảy ra một ý: cái váy nâu ở địa phương này người ta gọi là cái *xống nâu*. Thầy nghĩ rằng tại người ta đọc chệch chứ thật sự phải là cái *sống lâu*. Thầy đề bèn hạ bút đặt tên cho chiếc váy nâu: *thọ nhất bức*. Ngô Tất Tố kết luận rằng học lực của cụ nghề cũng xấp xỉ học lực của thầy đề. Bài công kích cộng sản của ‘cụ nghề’ làm sao mà có giá trị được nữa. Ngòi bút của Ngô Tất Tố không tha thứ *cụ nghề-công kích-cộng sản* bị bắt quả tang đã đổ rác ngôn từ ra xã hội.

*Thời nay*

Ở Việt Nam từng có người định dùng chế tài để hạn chế nạn dùng sai tiếng Việt. Theo tin từ *Tuổi Trẻ*, 28.12.2004,

giám đốc Lê Thanh Minh (Điện lực Đà Nẵng) đã mạnh dạn ra quyết định phạt tiền thưởng những ai viết sai tiếng Việt. Không rõ quyết định này có đi đến đâu không. Nếu ở đâu cũng có vài ba giám đốc như ông Lê Thanh Minh, hoặc lý tưởng hơn nữa nếu người đứng đầu tỉnh với nhận thức *xả ngôn từ bậy bạ, làm hỏng tiếng Việt* cũng là một hành vi chống lại cộng đồng, dám ra quyết định xử phạt những ai ‘xả rác’ ngôn từ ra xã hội thì nạn viết sai tiếng Việt chắc chắn sẽ giảm đi nhiều.

Không đưa tiêu chí ‘*có khả năng dùng chuẩn mực tiếng Việt*’ vào việc thi tuyển công chức, đề bạt cán bộ nên viết sai không có giá trị gì trên con đường thăng quan tiến chức. Kết quả là lời kêu gọi giữ gìn sự trong sáng tiếng Việt của cố thủ tướng Phạm Văn Đồng chỉ dừng lại ở lời kêu gọi, trong thực tế hành động, các cơ quan công quyền không chú trọng tới tiếng Việt. Nhà nước cần có những chính sách thích đáng, cụ thể để hạn chế những người dùng không chuẩn mực tiếng Việt trong cơ quan công quyền. Hãy đưa việc viết đúng tiếng Việt thành tiêu chí tối thiểu trong việc xét tuyển công chức và đề bạt cán bộ. Nếu viết sai tới một mức nào đó thì *không thể* trở thành công chức nhà nước, *không thể* đề bạt lên chức vụ cao hơn...

## 1.2. Nguyên nhân viết sai:

### Nhìn từ phía người viết<sup>1</sup>

#### 1.2.1. Ai cũng có thể viết sai

Không ít trường hợp sau khi viết xong chúng ta xoa tay: thế là đã có một văn bản hoàn hảo. Nhưng khi được người khác chất vấn về những lời lẽ, ý tứ trong đó chúng ta mới giật mình. Không ngờ mình lại có thể viết một câu trái ngược với ý định của chính mình đến như thế.

Nếu không lưu ý tới ngôn từ, ai cũng có thể viết ra những câu sai, những câu vô nghĩa, dư thừa thậm chí những câu trái ngược với ý nghĩ, quan điểm của mình, kể cả nhà ngôn ngữ học. Trong báo *Người Hà Nội*, số 29, ngày 20.07.2002, Trần Mạnh Hảo đã chỉ ra nhiều đoạn tiếng Việt không chuẩn, câu văn lủng củng, từ ngữ dùng sai hoặc dư thừa, trong một cuốn sách nghiên cứu ngôn ngữ do Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội tái bản 2001.

Ví dụ: 1) Rải rác trong các chương sách có các bảng kê và sơ đồ, chúng được đánh số theo số thứ tự của các mục tương ứng ở mỗi chương. Những ký hiệu chuyên môn được sử dụng trong sách này là phổ biến trong sách vở ngôn ngữ học, khi thực sự cần thiết, chúng sẽ được ghi chú ngay ở nơi mà chúng xuất hiện. (trích ‘Lời dẫn’ của sách)

2) Hiển nhiên là không phải tất cả mọi vấn đề có liên quan đến hiện tượng âm tiết và loại hình ngôn ngữ đều đã

---

1 Một phần trong mục này đã đăng trong SGTT, số ra ngày 14.03.2011, với tit *Nghĩ một đàng, nghĩa một nẻo*.

được đặt vào chương trình ng nghị sự của sách này. (trích ‘Lời kết’ của sách)

Trong đoạn 1, dư những từ gạch chân. Trong đoạn 2, dư từ *tất cả* và dùng sai từ *ng nghị sự*, một từ chỉ dùng trong những cuộc hội thảo chứ không dùng trong chương trình của sách nghiên cứu.

1.2.2. *Không biết nên viết sai*. Đương nhiên là vậy. Sau này chúng ta sẽ đề cập tới những hiện tượng viết sai cụ thể.

1.2.3. *Khuynh hướng viết ra những câu sai*

Viết câu ngắn thường đúng. Viết câu dài dễ sai.

Nếu viết ‘Cùng với việc ăn và ở’, mọi người sẽ hô lên *sai rồi, chưa thành câu* và chính người viết đọc lại cũng thấy như vậy. Ấy thế mà có báo viết ‘Cùng với việc phân công lại lao động nông nghiệp, chấn chỉnh tổ chức chăn nuôi, hoàn chỉnh và xây dựng thêm cơ sở vật chất - kỹ thuật gồm các hệ thống trạm, trại giống, cơ sở sản xuất và chế biến thức ăn, cơ sở thú y và mạng lưới phòng, chống dịch bệnh gia súc trên địa bàn huyện.’ Do viết dài nên không chăm sóc đầy đủ các từ ngữ trong câu mình viết và đi tới những câu sai.

Viết câu đơn thường đúng. Viết những câu ghép được phát triển ra nhiều tầng dễ sai.

Ví dụ:

Nhưng đối với những sinh hoạt văn hóa cho thanh niên trong ấp, dù theo bản sơ kết một năm thực hiện ấp văn hóa của huyện Bình Chánh thì ‘điểm sinh hoạt văn hóa - thể

dục thể thao của ấp 4, xã Tân Túc quy tụ được nhiều thanh thiếu niên tham gia hàng đêm phục vụ nhu cầu giải trí sau những giờ lao động của bà con, đồng thời giúp bà con tìm hiểu thêm các thông tin, kiến thức về mặt khoa học kỹ thuật thông qua sách báo của điểm sinh hoạt’, nhưng theo ông Sáu, hồi trước cũng có tụ điểm sinh hoạt văn hóa cho bạn trẻ chơi bida, bóng chuyền, đàn hát (hai cây ghi ta tân nhạc, cổ nhạc), đọc sách, có tivi, đầu máy (đầu máy 110V nên chưa sử dụng được), nhưng rồi không duy trì được lâu.’ (b., 06.10.1998) Câu này dài 143 tiếng, có tới 5 liên từ: 3 *nhưng*, 1 *dù*, 1 *thì*. Năm liên từ này biểu hiện những quan hệ ngữ pháp nào? Thế là câu thành rối và sai. Xem cách sửa câu này ở §9.3.2.

Viết một câu thường không cần chữa lại. Nhưng viết một đoạn có nhiều câu, thường dễ lủng củng, thiếu thừa. Chúng ta thường phải điều chỉnh lại sao cho các câu trong đoạn trôi chảy, có liên kết mạch lạc với nhau.

#### 1.2.4. *Biết vẫn có thể viết sai*

Có những điều đương nhiên là biết nhưng chúng ta vẫn có thể viết sai, dù chỉ viết một câu ngắn. Ví dụ: ‘Mới vào bộ đội, chúng ta thường được nghe cán bộ phổ biến: chiến sĩ trai phải cắt tóc ngắn; chiến sĩ gái thì cuộn, tết tóc lên cao, râu phải cạo nhẵn.’

Ai chả biết nữ thường không có râu, sao lại viết ‘chiến sĩ gái [...] râu phải cạo nhẵn’? Khách quan mà xét, có lẽ chính tác giả câu này khi đọc lại cũng phải bật cười và thanh minh

rằng: ‘Tôi vô ý quá, tôi không định viết thế!’ Vậy tại sao lại viết ra câu đó?

Đây là hiện tượng do *không tập trung tư tưởng* nên rối trong tư duy. Tư thế tác phong người lính được xem xét ở các phương diện đầu, tóc, quần áo, giày dép, đi đứng... Trong những đơn vị có cả nam lẫn nữ, nên ở từng phương diện cần *cụ thể hóa* cho từng giới. Nếu *đăng trí* sẽ sinh rối. Nếu lần lượt xét riêng nam rồi nữ thì câu trên chỉ cần đổi lại trật tự: ‘... chiến sĩ trai phải cắt tóc ngắn; râu phải cạo nhẵn. Chiến sĩ gái thì cuộn, tết tóc lên cao’ Nếu muốn giữ nguyên trật tự đó thì tách phần cuối thành một câu khác: ‘... chiến sĩ trai phải cắt tóc ngắn; chiến sĩ gái thì cuộn, tết tóc lên cao. Râu phải cạo nhẵn’. *Cạo râu* là chuyện của nam giới nên không ai còn hiểu câu cuối liên quan đến nữ.

Không tập trung tư tưởng dẫn tới hiện tượng chuyển hướng tư duy và tạo ra những câu sai mang tên gọi ‘chập cấu trúc’. (x. §9.1.2.)

#### 1.2.5. *Viết không sai nhưng không thích hợp*

##### (5a) *Khó hiểu*

Có những câu không sai nhưng khó hiểu. Ví dụ ‘Ai thực sự là cha ruột của người cha ra đời ngoài giá thú của hấn?’ (b., 10.10.1998 - Xem giải thích ở §5.3.2.)

##### (5b) *Không diễn đạt đúng ý định*

Không chú ý tới phương pháp diễn đạt chúng ta có thể viết những câu tuy không sai ngữ pháp nhưng lại ngược với ý định của mình.

*Thay đổi, thêm bớt một từ, một dấu câu có thể làm nội dung khác hẳn đi. Đang chê biến thành khen hoặc ngược lại. (xem.§2.2. và §5.1.2)*

*Ngôn từ thường bộc lộ quan điểm của người nói.*

Có những câu mà *cấu trúc* của chúng bộc lộ rõ ý nghĩ, quan điểm của người nói, dù họ có muốn hay không.

Ví dụ 1: *Những lời vô tình*

Về vụ Năm Cam, trong cuộc gặp các nhà báo ngày 04.03.2002, trả lời câu hỏi ‘... thời gian tới, lãnh đạo Bộ Công an chỉ đạo tiếp tục làm rõ xử lý một số cán bộ cao cấp hơn trong ngành...?’ Thiếu tướng Nguyễn Việt Thành đáp: ‘... Xin thông báo thêm với các nhà báo *không chỉ cán bộ, nhân dân mà lãnh đạo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh cũng rất quan tâm đến việc xử lý nội bộ.*’ (Tuổi Trẻ, 05.03.2002).

Phần cuối của câu trên đây ‘*Không chỉ cán bộ, nhân dân mà lãnh đạo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh cũng rất quan tâm đến việc xử lý nội bộ*’ có cấu trúc ‘*Không chỉ A mà B cũng...*’. Cấu trúc này bộc lộ hàm ý: *A thì hơn B* trong vấn đề được xem xét. Câu của thiếu tướng Nguyễn Việt Thành bộc lộ một điều là *cán bộ, nhân dân quan tâm hơn lãnh đạo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh đến việc xử lý nội bộ*. Nếu quan tâm như nhau thì nói: ‘*Cán bộ, nhân dân và lãnh đạo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh đều rất quan tâm đến việc xử lý nội bộ*’.

Ví dụ 2: *Những lời cố ý*

Mẹ: *Thằng đó đẹp trai nhưng* nghèo lắm con ơi!

Con gái: Anh ấy nghèo *nhưng* đẹp trai má à.

Hai mẹ con không khác nhau khi nhận xét về đặc điểm của người thanh niên nọ. Nhưng *trật tự* của những đặc điểm này được sắp xếp khác nhau khiến *quan điểm* của hai mẹ con về anh ta hoàn toàn khác nhau.

Trong cấu trúc ‘A *nhưng* B’ từ B đứng cuối sẽ tạo ra định hướng nghĩa cho toàn câu.

+ Bàn chuyện liệu hai người có thể liên kết chống lại mình không, một người nói: ‘Đang thù nhau thật *nhưng* họ vẫn là anh em’.

Thông thường, ‘Anh em’ có ‘quan hệ tốt’, còn ‘thù nhau’ có ‘quan hệ xấu’. Từ *nhưng* khiến cho kết luận rút ra từ câu này phụ thuộc vào vế thứ hai: họ vẫn có thể có quan hệ tốt với nhau. Nghĩa là, họ vẫn có thể liên kết với nhau để chống lại mình.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

+ Tranh cãi giữa công tố viên và luật sư:

Công tố viên: Xét về tình có thể lượng thứ nhưng tội không thể tha.

Luật sư bào chữa: Tội không thể tha nhưng xét về tình có thể lượng thứ.

Quan sát yếu tố thứ hai đứng sau từ *nhưng*, chúng ta thấy ngay hàm ý của công tố viên là không tha, còn hàm ý của luật sư là tha.

Lời khuyên đầu tiên:

Khi viết cũng như khi nói *bạn hãy đặc biệt chú ý tới trật tự từ ngữ*.

## (5c) Không chuẩn

Trên phim ảnh cũng như trong thực tế, không ít trường hợp viết xong lại vò vắt đi và viết lại, rồi lại vò xé đi... Ấy là người viết không hài lòng với nội dung cũng như cách diễn đạt, không nói được những điều cần nói nhưng lại viết những điều không nên nói. Đây là những câu không sai, nhưng *không thích hợp*. Không thích hợp với tình huống, với hoàn cảnh... Chúng ta đã viết những câu sai về *phong cách*.

Đúng riêng một câu có thể không sai. Nhưng trong một hoàn cảnh ngôn ngữ cụ thể, một câu không sai có thể trở thành *không chuẩn*.

Diễn đạt thời gian không chuẩn. Câu dưới đây trích từ một hồi ký:

‘Tối nay, theo đúng hẹn tôi mang bộ ảnh phong cảnh đất nước đến giới thiệu để cụ xem.’

‘Đây là lần đầu tiên trong đời bố nói dối.’ (Phim *Người mất ngủ*)

Sự việc trong *hồi ký* đều là *nhớ lại*. Trong phim, người bố cũng nhớ lại. Nhớ lại chuyện đã qua thì phải dùng các từ *ấy, đó, đấy*: ‘Tối *ấy*, theo đúng hẹn...’; ‘*Đó* (/*Đấy*) là lần đầu tiên...’

‘*Một ngày gần đây*, Đỗ Huy Hoàng và các đồng sự ở văn phòng Microsoft Việt Nam đã ngồi nghe thầy Thọ trình bày phần mềm của mình.’ (b., 21.01.2008)

Nhận xét: ‘*Một ngày gần đây*,’ nói điều sẽ xảy ra trong tương lai, những *đã* lại chỉ điều *đã* xảy ra. Do vậy, câu trên sai. Sửa: ‘Sau đó ít ngày...’ hoặc ‘Trước đây vài ngày...’

‘Cho đến ngày tôi sẽ chết’ (Tít, 19.01.2008)

‘Tôi sẽ chết’ là câu đúng. Nhưng ‘tôi sẽ chết’ là tôi chưa chết. Ngữ cảnh không cho biết thời điểm tôi chết nên ‘Cho đến ngày tôi sẽ chết’ không thể trở một thời điểm xác định được. Từ *sẽ* làm tít trên thành câu sai. Chỉ có thể nói, như câu kết cuối bài ‘Nhưng tôi quyết định sẽ tranh tài với nó *cho đến ngày tôi chết.*’

Trong khi đó, do thiếu từ *sẽ* nên tít ‘Bêlarut: không thừa nhận kết quả cuộc trưng cầu ý dân’ và câu ‘Ngày 12.11, Chủ tịch Ủy ban bầu cử trung ương Bêlarut V. Gôncha từ chối thừa nhận kết quả cuộc trưng cầu ý dân *sắp tới... dự định* tiến hành ngày 24.11’ (b. 14.11.1996) thành sai vì cuộc trưng cầu ý dân *chưa tổ chức* thì làm gì có kết quả.

(5d) *Gây hiểu lầm, trái với ý người viết*

Ví dụ 1: ‘Không gian của *lão nhà văn* Từ Ngọc đọc một phòng...’

(*Một người đáng chiêm ngưỡng*, báo, 03.07.1999)

Sao lại gọi ‘một người đáng chiêm ngưỡng’ là *lão*? Vì *lão* là cách gọi người khác với ý nghĩa xem thường (lão thầy bói, lão ăn mày,...). Trật tự này trùng với trật tự của cụm từ theo trật tự Hán-Việt *lão nhà văn*, tức là *nhà văn già*. Vậy, nên đổi ‘*lão nhà văn* Từ Ngọc’ thành ‘*nhà văn lão thành* Từ Ngọc’.

Trong cuộc thi tài năng âm nhạc *Vietnam Idol*, ca sĩ Siu Black ngồi trong ghế giám khảo. Khi thí sinh Sơn Lâm (khuyết tật) bị loại, Siu Black nói: ‘*Nếu trong chương trình của người khuyết tật, em muốn hát cho mọi người nghe, em sẽ thành công.*’

Son Lâm phản ứng: ‘*Giám khảo nên nhớ, tôi đã có hai bằng đại học*’. (Vnexpress, 17.07.2010) Siu Black cho rằng cô rất cảm kích, nên ngay sau khi Son Lâm hát, cô có nói ‘*chị có thể ôm em được không?*’ và nói tiếp một câu động viên nhưng Son Lâm lại cho rằng câu nói đó xúc phạm tới người khuyết tật nên đã gửi đơn kiện đến các cơ quan có thẩm quyền.

Lời ca sĩ nọ được Son Lâm hiểu như sau: *Trong chương trình cho người bình thường (không khuyết tật) em đã không thành công. Nhưng [Nếu] trong chương trình của người khuyết tật, em sẽ thành công*. Lý lẽ ngầm ẩn: Giọng hát được xếp theo *thang độ*. Cùng một giọng hát, không thành công ở mức A (với người bình thường) nhưng thành công ở mức B (với người khuyết tật) thì *mức độ B thấp hơn mức độ A*. Son Lâm phản ứng là phải.

Nhân ngày thế giới chống ma túy, nhiều người nói và nhiều khẩu hiệu ‘phòng chống lạm dụng ma túy’. Có hai điều cần bàn:

*Lạm dụng* là ‘dùng quá mức, quá giới hạn đã định’. Câu trên dẫn tới một hàm ý là *cho phép dùng* ma túy, chỉ chống dùng quá mức thôi!

b) Sao lại ‘*phòng*’? Từ này làm cách nói *phòng chống* có hàm ý *thụ động*. Thái độ chúng ta là *kiên quyết chống*. Vậy chỉ nên nói gọn mà rõ ý: *kiên quyết chống ma túy*.

‘Còn ở ta, các tập đoàn hoạt động trong một cơ chế kiểm soát lỏng lẻo và *không* có quyền tự chủ, một điều kiện tiên quyết để tạo nên một tập đoàn kinh tế thực thụ’ (b.,

27.01.2008). Từ ‘*không*’ gây ra hiểu lầm, làm trái ý của tác giả: ‘*không có quyền tự chủ là một điều kiện tiên quyết để...*’(?)

*Bạn có thể không có ngụ ý gì, nhưng...* Những câu *mơ hồ* cũng có thể gây ra những cách hiểu ngược với ý của người viết.

Nhẹ là những câu như ‘Hai người phụ nữ [...] tình nguyện chăm sóc những em bé còn đồ hỗn bị *cha mẹ vô tình vứt bỏ*’ (b., 07.05.2011). Sao cha mẹ lại có thể *vô tình vứt bỏ* con? Hẳn nhà báo muốn nói những cha mẹ *nhân tâm (/ bạc tình)* vứt bỏ?

Hiểu lầm nặng hơn là ‘[...] thái độ quyết tâm cao chống tệ nạn buôn lậu của chính phủ’. Sao lại viết ‘tệ nạn buôn lậu của chính phủ’? Vậy cần sửa lại trật tự: ‘*thái độ quyết tâm cao của chính phủ chống tệ nạn buôn lậu.*’

Như vậy, muốn diễn đạt đúng ý nghĩ của mình, bên cạnh việc dùng thận trọng những câu có thể gây ra hàm ý, cần tránh viết những câu mơ hồ, những câu có nhiều cách hiểu. Do vậy cũng cần biết cách chuyển những câu mơ hồ thành những câu chỉ có một cách hiểu. Về vấn đề này, xem chương 3.

#### (5e) Những lời vô nghĩa sẽ làm hỏng một câu

MC: ‘Xin hỏi... được nhận giải (/ được lọt vào vòng chung khảo/được đứng trên sân khấu)... có *vui không ạ?*’ Chả lẽ trả lời ‘không vui’ nếu thực sự không hài lòng? Lời hỏi của MC vô duyên. Không nên hỏi một điều *đương nhiên* xảy ra.

Những kiểu hỏi vô duyên tương tự: ‘*Được hạng nhất có vui không?*’; ‘*Được về thăm bố mẹ có vui không?*’; ‘*Phải xa*

*nhà trong 3 năm có buồn không? Có nhớ nhà không?; ‘Bị thua có buồn không?’ là những câu hỏi vô duyên.*

#### 1.2.6. Kết luận

Để tránh hiện tượng này không gì tốt hơn là mỗi khi viết xong chúng ta đọc lại bài đã viết. Nhờ vậy sẽ sửa được những lỗi ngớ ngẩn không đáng có. Có điều, trong không ít trường hợp tìm ra những lỗi sai thì dễ nhưng sửa chúng lại không đơn giản chút nào.

Trong bài nói về ‘Cách viết’, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn:

*Viết rồi thì phải đọc đi đọc lại. Thấy cái gì thừa, chữ nào thừa thì bỏ bớt đi. Đọc đi đọc lại bốn năm lần đã đủ chưa? Chưa đủ. Đọc đi đọc lại, sửa đi sửa lại... Cách viết truyền đơn cũng thế, viết báo cũng thế, viết báo cáo, viết gì cũng thế.*

Bạn hãy đọc lại bài viết của mình. Để dễ nhận ra những lỗi cần sửa, bạn hãy đọc to và *đọc bằng con mắt của người khác*.

---

 CHƯƠNG 2
 

---

# CÂU SAI

## 2.1. Thế nào là một câu sai?

*Câu không đúng chuẩn mực tiếng Việt là câu sai. Có những loại câu sai nào?*

**Sai chính tả** là câu viết không đúng những quy định về chính tả, không đúng quy tắc về dấu câu, không đúng quy tắc viết tắt.

Viết ‘Trần thị Hòa’ là sai về *quy tắc viết hoa* tên người, sai về *quy tắc bỏ dấu thanh điệu* (xem thêm 6.3.2.2.). Cần viết là ‘Trần Thị Hoà’. Viết ‘*Lẩn quẩn* cối xay’ là sai chính tả. Viết sai phần vần. Viết đúng là: ‘*Luẩn quẩn* cối xay’.

Viết ‘Hóc xương gà, xa càngh khế’ (*Đại Từ điển Tiếng Việt*, tr. 695) cũng là sai chính tả. Đúng chính tả phải là ‘**sa** càngh khế’. Có người bình luận:

‘Xương gà hóc phải thì nguy

Còn xa càngh khế có gì mà lo?’

**Sai ngữ pháp** là câu viết *không đúng quy tắc ngữ pháp*, nghĩa là viết không đúng cấu trúc câu. Thường là những câu cụt, thiếu chủ ngữ hay vị ngữ, thậm chí thiếu cả hai. Ví dụ ‘Trong xã hội cũ, cái xã hội làm cho con người chỉ biết sống vì mình.’ Câu này mới chỉ có trạng ngữ, thiếu cả chủ ngữ lẫn vị ngữ. Câu ‘Không nên đến gần hơn được đâu’ cũng sai ngữ pháp. Đã viết theo cấu trúc *khuyến bảo* ‘*Không nên đến gần hơn*’ thì đừng chuyển thành cấu trúc *nhận định* ‘*Không đến gần hơn được đâu*’.

**Sai từ vựng** là câu mà giữa các từ trong đó không tương hợp về nghĩa. Ví dụ:

(1) ‘Mặc cho máy bay địch bắn phá, các ông bụt chùa Tây Phương vẫn phớt lờ ngồi trầm tư suy nghĩ.’ Hai từ ‘ông bụt’ và ‘phớt lờ’ không tương hợp về nghĩa. (x. §8.3)

(2) ‘Trời xanh, trắng sáng, **cao vàng vạc**’ (b., số 24, 15.06.2002)

Hai từ ‘cao’ và ‘vàng vạc’ không tương hợp với nhau. Nên viết ‘Trời xanh, trắng sáng, **cao vôi vôi**’ hoặc ‘Trời xanh, trắng sáng **vàng vạc**.’

**Sai lô gích** là một câu viết *không đúng quy tắc lô gích và tư duy*. Ví dụ:

Câu ‘Các loại áo nam, nữ, đơn giản nhưng họa tiết nhẹ nhàng thì người Pháp ưa chuộng, màu sắc trên quần áo sặc sỡ người châu Âu lại hay mua.’ Sai lô gích vì người Pháp không phải là người châu Âu sao?

Có lần văn hào Pháp A. Daudet viết: ‘Con lạc đà phi nước kiệu, theo sau là 3 nghìn người Ả Rập pho sáu trăm nghìn

chiếc răng trắng nhớn.’ Câu này cũng sai lô gích vì tính ra mỗi người có tới... 200 chiếc răng. Ở những lần xuất bản sau người ta chữa ‘sáu trăm nghìn’ thành 6 nghìn. Như vậy lại hóa ra quá ít: mỗi người phô ra có... 2 chiếc răng?! (Con số hay gây ra những câu chứa mâu thuẫn lô gích)

Câu ‘Chú tôi bị thương hai lần, một lần ở *đùi*, một lần ở *Khe Sanh*.’ không sai ngữ pháp, cũng không sai từ vựng. Câu này sai vì đã chuyển hướng tư duy từ nơi bị thương trên cơ thể sang địa điểm bị thương. Thế cũng là sai lô gích.

**Sai phong cách** là câu viết không đúng quy tắc về phong cách. Ví dụ: ‘Giọng ca solo, top mười, show ca nhạc, các best-seller được sản xuất trên đây chuyên...’ Câu này theo phong cách *nửa Tây nửa ta*. Thế là sai phong cách. Trong tiếng Việt có cách diễn đạt tương đương và đơn giản: ‘Giọng đơn ca, top mười, chương trình ca nhạc, các đĩa bán chạy nhất được sản xuất trên đây chuyên...’

**Sai tri thức** là câu viết *không đúng với thực tế hoặc không đúng với những kiến thức khoa học đã biết*. Viết ‘[...] dù *quân hiệu* không còn gắn trên *ve áo* bạc màu’ là sai kiến thức vì *quân hiệu* đã gắn nhầm chỗ. *Quân hiệu* bao giờ cũng *gắn trên mũ*. Chỉ có phù hiệu (chỉ cấp bậc, binh chủng, quân chủng) mới gắn trên *ve áo*.

Dùng tiếng nước ngoài mà ‘chữ tác đánh chữ tộ’ thì tự nó sẽ tố cáo trình độ ngoại ngữ của tác giả. Có những lỗi tác giả có thể đổ thừa cho người đánh vi tính: ‘Miếng paté ung ủng mùi sông Tô Lịch’ (paté ← pâté); ‘Bãi xe ngập đầy những *Autor* và Moto’ (*Autor* ← auto).

Nhưng có những lỗi người viết không thể đổ thừa cho ai cả:

- Tâm rút trong túi áo *Bluson* chai Henessy dẹt. (*Bluson* ← blouson)

- Một vài kẻ làm ra baremt chuẩn cho toàn bộ xã hội. (baremt ← barème)...

- ‘Fabregas là người Tây Ban Nha và thuộc *tuýp* tiền vệ trung tâm mà Real rất cần.’ (b., 07.05.2008)

Lê ra *típ* (type - kiểu) ; còn *tuýp* (tube - ống), như quần ống tuýp, tuýp thuốc đánh răng...



## 2.2. Đúng sai:

### Những ranh giới mong manh<sup>1</sup>

#### 2.2.1. Nhìn nhận hiện tượng sai không đơn giản

Có những cơ quan nhà nước đầy quyền hành về chữ nghĩa cũng có những quyết định không chuẩn.

#### *Lấy lại tên gọi sau 99 năm*

Lấy tên người đặt cho tên một vùng đất, một con kênh, một thị trấn... là chuyện bình thường. Nhưng viết thế nào mới đúng? Bang California (Mỹ) có một thị trấn được đặt theo tên ông Smart, người xây dựng tòa nhà đầu tiên của thị trấn vào năm 1856. Theo ngữ pháp tiếng Anh, lẽ ra ‘thị trấn của ông Smart’ viết là *Smart’s ville* thì người ta lại viết *Smartsville*. Năm 1909 Cơ quan Bưu điện Mỹ tuyên bố chữ

1 Bài này đã đăng trên SGTT, số 22.11.2010.

S thứ hai trong Smartsville là sai ngữ pháp. Từ đó, thị trấn này được gọi bằng Smartville. Từ nhiều năm qua người dân thị trấn này đấu tranh giành lại tên gốc, giành lại ‘nguồn gốc, danh dự và sự nổi tiếng’ của thị trấn. Tháng 05.2008, Cơ quan phụ trách các tên gọi địa lý Mỹ phán quyết rằng, thị trấn có quyền sử dụng tên gốc Smartsville của mình. (*Tuổi Trẻ*, 28.05.2008). Vậy là thị trấn này được phép lấy lại tên cũ sau khi mất chữ S thứ hai trong suốt 99 năm qua. Vậy là có những cơ quan nhà nước đầy quyền hành về chữ nghĩa cũng có những quyết định không chuẩn.

Không có khái niệm sai về tên đặt ra trong giấy khai sinh. Cũng không có khái niệm sai về *bút danh, bí danh*. Ai muốn viết như thế nào mặc lòng. Tên gọi ‘*Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*’ là đúng, mặc dù theo trật tự Hán-Việt có người cho rằng phải đảo lại trật tự mới chuẩn.

Có câu, người này cho là sai nhưng người khác lại thấy đúng.

Câu ‘Vói đồng lương hưu không đủ sống, từ những năm 1987, anh đã viết hàng chục lá đơn...’ (*Nhà báo và Công luận*, 09-10/1993) đã bị T. Nh. phê là *chỉ có một năm 1987*, sao lại dùng từ *những*? Và *Nhà báo và Công luận* đã cảm ơn. Ấy thế nhưng chúng ta có thể hỏi: Phải chăng câu trên đây không sai? Trong tiếng Việt từ *những* còn được dùng với ý nghĩa *nhiều*: ‘Tôi cao *những* 1m8’, ‘Ông ấy có *những* 3 biệt thự’. Khi người bố hỏi ‘Tối qua con đi *những* đâu?’, người con có thể đáp vào từ *những*: ‘Có đâu mà *những*! Con chỉ sang ôn bài ở nhà Bé Ba’. Vậy nếu người viết muốn nói từ

*hiều năm rồi*, từ những năm 1987, thì câu trên đâu có sai?

- Hoa cúc đẹp *nhưng* hoa ngâu thơm hơn. (*Tiếng Việt*, lớp 5, tập I)

Có báo phê câu này dùng sai từ *nhưng* vì *đẹp* đâu có đối lập với *thơm*. Thật ra câu này hoàn toàn bình thường. Đây là cách so sánh một điều *tường minh*, rõ ràng với một điều *ngầm ẩn*: ‘hoa cúc đẹp (nhưng không thơm) còn hoa ngâu (tuy không đẹp, nhưng) lại thơm’. Từ *nhưng* trong câu trên cho biết người nói trọng mùi thơm của hoa hơn là hình thức đẹp của nó. Lối so sánh này hay gặp lắm:

- Tôi nghĩ là nên chọn cô A.

- Chúng ta cần người thông minh nên tôi chọn cô B. Cô A xinh đẹp *nhưng* cô B thông minh’

*Không sai nhưng dễ tưởng là sai.*

Trong bài thơ Đoàn thuyền đánh cá, Huy Cận viết:

*Mặt trời xuống biển như hòn lửa*

*Sóng đã cài then đêm sập cửa*

*Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi...*

Có bạn đã từng hỏi về câu thơ này: mặt trời khuất núi, xuống núi chứ sao lại ‘*xuống biển*’? Rất đơn giản vì Huy Cận sáng tác bài thơ này trong chuyến đi thực tế ở đảo Cát Bà, Hải Phòng. Ở đảo thì bốn bề là biển, mặt trời lặn xuống phía Tây thì vẫn là *xuống biển*.

Một chuyên gia tiếng Việt, tiến sĩ người Séc Ivo Vasiljev nhận xét: ‘Ở một cửa hàng trên đường Lê Thánh Tôn, Q.1 (Tp.

HCM) có hàng chữ giới thiệu ‘Hàng mới về’. Trước đó, hàng không có ở đây mà bây giờ lại ‘về’? (*Tuổi Trẻ*, 24.10.2010)

Thật ra trong tiếng Việt cách dùng ‘Gió bắc tràn về’, ‘Đưa hàng về phục vụ bà con’, ‘mang ánh sang về bản làng’, ‘Về đâu, về đây khi gió mùa thơm ngát/ôi cánh chim giang hồ?’ (*Đàn chim Việt*)... đã được người Việt dùng bình thường. Từ về không chỉ còn nghĩa ‘trở về cội nguồn, trở về nơi từ đó ra đi’. Nó đã thêm một nét nghĩa mới ‘*chuyển động có mục đích* tới một nơi nào đó’.

Lại nữa, có người cho rằng trong các phiên họp Quốc hội, nhiều quan chức đã dùng sai từ ‘tỷ trọng’, như: ‘Trong năm 2010 sản lượng lúa xuất khẩu đạt x triệu mỹ kim chiếm *tỷ trọng* y% tổng số kim ngạch xuất khẩu.’ Ở đây phải dùng từ *tỷ lệ* mới đúng. Phê phán như vậy, tác giả đã đòi hỏi dùng từ *tỷ trọng* đúng theo khái niệm vật lý: đem trọng lượng một khối vật chất chia cho *trọng lượng* của một khối vật chất đối chứng (thường lấy chất đối chứng là nước) sẽ được *tỷ trọng* của chất đó. Nói tỷ trọng của sắt là 7,8 có nghĩa là sắt nặng gấp 7,8 lần nước. Tuy nhiên, từ đòi thuở nào đó người ta đã dùng sai từ *tỷ trọng* với nghĩa là ‘*tỷ lệ* của một phần nào đó so với tổng thể’. Vì vậy, có thể chấp nhận được câu dẫn trên đây của các đại biểu Quốc hội.

### 2.2.2. Không sai nhưng lại là... sai

*Không sai nhưng trái ý người viết*

Trên tuần báo P. có bài ‘Người Hà Nội mù chữ’. Bài này chỉ nêu lên hiện tượng *có một số* người Hà Nội mù chữ, thế

mà lại viết ‘*người Hà Nội*’. Viết vậy hóa ra: *Mọi người Hà Nội* đều mù chữ. Đầu đề này mang định hướng chê người Hà Nội, ngược với ý tác giả bài phóng sự. Bây giờ chúng ta thử đổi thành: ‘*Người Hà Nội cũng mù chữ?*’ Do dùng kiểu hỏi, đầu đề này thể hiện được sự ngạc nhiên chứ không còn là lời chê nữa. Từ *cũng* trong câu hỏi này tạo nên ý sau: người vùng nào mù chữ còn hiểu được chứ ‘người Hà Nội mà **cũng** mù chữ’ thì không thể tin được. Kết quả là trong thâm tâm có ý *đánh giá cao* Hà Nội về dân trí. Vậy là, thêm một từ hư chúng ta chuyển một câu sai thành câu đúng.

Từ *hư* còn có thể giúp phát hiện ra những nội dung sai lầm.

Trong một luận văn thạc sĩ ở đại học C., học viên X viết: ‘Ở An Giang có một cù lao mang tên Cù lao Ông Chưởng.

*Ba phen quạ nói với điều,  
Cù lao Ông Chưởng còn nhiều cá tôm.*’

Sao lại ‘*còn nhiều*’? Cụm từ ‘còn nhiều’ này ngầm nói về một điều khác: Nhiều nơi khác mất dần cá tôm. Điều này đúng trong thực tế. Nhưng đây là ca dao. Việt Nam chưa có những ca dao đề cập tới *môi trường*. Do vậy suy ra câu ‘sưu tầm’ trên là sai. Nhiều khả năng sai ở từ **còn**. Nhờ vậy, đoán được có lẽ câu ca dao đúng nói về một đặc sản vùng cù lao Ông Chưởng là:

‘Ba phen quạ nói với điều,  
Cù lao Ông Chưởng **có** nhiều cá tôm.’

*Khen cái này lại phủ định cái kia, điều mà người viết không muốn*

Những hàm ý từ trạng ngữ.

Trên tivi, có MC nói: ‘Không như những chương trình khác, chương trình *Việt Nam - đất nước - con người* được dàn dựng công phu, ngôn ngữ chọn lọc, trau chuốt...’ (29.06.2008)

Câu trên đây đề cao chương trình *Việt Nam - đất nước - con người*, nhưng vô tình mà tạo ra hàm ý hạ thấp giá trị của những chương trình khác. Loại hàm ý này liên quan đến *trạng ngữ* của câu. Chức năng của trạng ngữ là *giới hạn tính đúng đắn của câu* trong khuôn khổ trạng ngữ đó. Điều này *ngầm ẩn* nói rằng người nói không chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của nội dung được đề cập ở ngoài phạm vi trạng ngữ. ‘*Không như những chương trình khác*’ là một trạng ngữ *so sánh* chương trình này khác biệt *tất cả* các chương trình khác. Chương trình này công phu thì những chương trình khác sẽ không công phu...

Có bài viết ‘Khác với *Dế mèn phiêu lưu ký*, truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* là một tác phẩm đã đem lại nhiều tiếng vang lớn cho nhà văn Tô Hoài’.

Câu trên ca ngợi truyện ‘*Vợ chồng A Phủ*’ nhưng vô tình đã hạ thấp ‘*Dế mèn phiêu lưu ký*’. Thế là khen cái này, nếu vô ý về câu chữ có thể dẫn tới chê cái kia, điều mà người viết không muốn. Cụm từ ‘*khác với*’ mở đầu trạng ngữ của câu đã tạo ra hàm ý không mong muốn đó. Chỉ cần thay ‘*khác với*’ bằng ‘*giống như*’ chúng ta sẽ được một câu ca ngợi cả

hai tác phẩm: ‘Giống như ‘*Đế mèn phiêu lưu ký*’, truyện ngắn ‘*Vợ chồng A Phủ*’ cũng là một tác phẩm đã đem lại nhiều tiếng vang lớn cho nhà văn Tô Hoài’.

Trên báo H., có người viết về tình cảm với Xuân Diệu của nhà thơ Trần Đăng Khoa như sau: ‘Hồi nhỏ, Trần Đăng Khoa rất kính trọng nhà thơ Xuân Diệu.’

Đọc dòng trên độc giả sẽ hỏi: Hồi nhỏ là vậy còn hiện nay thì sao? Đã khẳng định ‘*hồi nhỏ* rất kính trọng’ thì hiện nay không thể là ‘rất kính trọng’ được nữa vì nếu trước sau vẫn luôn luôn rất kính trọng thì cần gì tới trạng ngữ ‘*hồi nhỏ*’? Ấy thế là hồi nhỏ rất kính trọng còn hiện nay thì khác... nghĩa là không rất kính trọng nữa! Ca ngợi như vậy thì bằng mười phụ nhau.

Những câu sau cũng gây ra những hiểu lầm tai hại cho dù người viết có thể không có ngụ ý gì:

- Hồi trước, ông ấy liêm khiết lắm.
- Nó đã *từng* là người tử tế.
- Mấy năm trước cô ấy xinh lắm.

- Hiện tượng các công trình xây dựng kết cấu hạ tầng tiêu tốn hàng chục tỉ, trăm tỉ, ngàn tỉ đồng vừa hoàn công (thậm chí chưa hoàn thành thủ tục hoàn công, quyết toán) đã hư hỏng hoặc không thể sử dụng được [như...] không phải chuyện cá biệt ở *Việt Nam*. (b., 26.10.09)

Trong câu trên trạng ngữ ở *Việt Nam* đặt cuối khiến câu trở thành mơ hồ mà nghĩa thứ hai là: ‘*không phải cá biệt ở Việt Nam mà ở nhiều nước khác cũng vậy*’ Nghĩa này dẫn tới

cảm nhận rằng bài báo này *bào chữa cho những sai phạm* trong xây dựng hạ tầng ở Việt Nam. Chỉ cần đảo thứ tự, đưa trạng ngữ lên đầu, thì hiện tượng mơ hồ trên sẽ bị mất đi. Câu chỉ còn hàm ý phê phán:

- Ở Việt Nam, hiện tượng các công trình xây dựng kết cấu hạ tầng tiêu tốn hàng chục tỉ, trăm tỉ, ngàn tỉ đồng vừa hoàn công (thậm chí chưa hoàn thành thủ tục hoàn công, quyết toán) đã hư hỏng hoặc không thể sử dụng được [như...] không phải chuyện cá biệt.

Vai trò của tiền giả định trong hàm ý:

Ông nhớ không, hồi chưa cưới tôi lúc nào ông cũng bảo ‘*mỗi ngày chỉ cần gặp em một vài phút là anh đã thấy sung sướng lắm rồi!*’.../ Bây giờ tôi cũng chỉ muốn được như vậy thôi bà ơi! (TTCT, 27.11.2011)

*Chưa cưới* có tiền giả định thời gian không gặp nhau nhiều gấp bội thời gian gặp nhau. Vì vậy ‘*mỗi ngày chỉ cần gặp em một vài phút*’ có hàm ý *mong muốn được gặp nhau*.

*Đã thành vợ chồng*, hàng ngày chung sống, có tiền giả định thời gian gặp nhau nhiều gấp bội thời gian không gặp nhau. Vì vậy ‘*mỗi ngày chỉ cần gặp em một vài phút*’ có hàm ý *mong muốn không phải gặp nhau*.

*Không sai nhưng không thích hợp* với tình huống

Nói năng trong giao tiếp bạn bè khác giao tiếp trước công chúng. Trò chuyện trên bàn ăn khác giao tiếp nghi lễ chính thống.

Có những quốc gia quy định về ngôn ngữ văn hóa trong

những môi trường nhất định. Tại Quốc hội Israel (Knesset), một quy định về ‘đạo đức lời nói’ bắt đầu có hiệu lực từ 21.06.2001. Ông nghị nào vi phạm sẽ bị... chế tài. Theo quy định này có một danh sách các từ cấm kỵ mà các ông nghị không được dùng trong Quốc hội. Đó là những từ thô tục, là những từ mà người Israel cho là lăng nhục họ, như ‘kẻ phản bội’, ‘tên thất học’, ‘tên độc ác’, ‘kẻ giả dối’... và là những từ mang màu sắc chính trị hoặc tôn giáo như ‘bài Do Thái’, ‘phát xít’, ‘tên khủng bố’, ‘chính phủ của những kẻ giết người’... (*Tuổi Trẻ*, 23.06.2001).

Một vận động viên thể thao thường bị coi là ‘vô biên’ nhưng trước công chúng thì không được phép có những cử chỉ và lời nói thiếu văn hóa. Trong trận bán kết giải Wimbledon ngày 03.07.2009, đang trong lúc thi đấu Andy Murray bị trọng tài *nhắc nhở vì có những lời nói ‘không thích hợp.’* (VTC 3)

Ngoài đường phố, trong quán cà phê, khi ‘tám’ với bạn bè có thể dùng ngôn ngữ đường phố, dùng tiếng lóng, nhưng trong nghị trường thì không thể nói ‘Tôi đồng ý xử nghiêm. [...] Nghiêm ở đây không có nghĩa sai là *‘chặt chém’* ngay, như vậy thì hết người, không có người để làm.’ (*Tuổi Trẻ*, 13.06.2010)

*Thay đổi, thêm bớt một từ, một dấu có thể làm nội dung câu khác hẳn đi. Câu đúng đấy nhưng vẫn có thể... sai.*

### 2.2.3. ‘Sai’ nhưng lại là... đúng

Có những câu đúng riêng rẽ thì sai nhưng đặt trong ngữ cảnh thích hợp thì lại đúng. Ví dụ: ‘Bà nổi tiếng là một *người*

*đàn ông nghiêm nghị*’ (PNVN, số 30, 1984). Có đọc cả bài mới biết người viết câu này có cái lý của mình. Đây là câu chuyện viết về bà De James người nước Anh, đóng giả trai và trở thành đại tướng quân y. Mãi tới năm 1865 khi bà mất người ta mới biết viên tướng này là một *phụ nữ*. Kể chuyện về một phụ nữ nên phải viết ‘*Bà nổi tiếng là...*’, nhưng nhà báo viết theo *điểm nhìn của người đương thời* với vị tướng này... là *người đàn ông nghiêm nghị*’. Thế là thành câu trên, một câu có thể chấp nhận được.

### *Từ câu đúng tới câu sai*

Một văn bản, một câu nói chuẩn, nhưng dưới góc độ một cán bộ biên tập thì lại không đạt yêu cầu về sự chính xác ở một vài từ ngữ nào đó, nên đã biên tập lại. Người ta *thay thế* từ ngữ được biên tập lại này bằng những từ ngữ khác nhưng ít chú ý tới những biến đổi ngữ pháp khi thay thế từ. Một từ này không đòi hỏi giới từ nhưng từ thay thế cho nó lại đòi hỏi giới từ, hoặc ngược lại, thế là dẫn tới những câu sai. Chẳng hạn, khi trả lời phóng viên báo T, một vị phó chủ tịch thành phố nói: ‘Vấn đề là chúng ta đang *thiếu* năng lực điều hành’. Dùng câu này làm tiêu đề cho bài phỏng vấn, nhưng có lẽ phóng viên nọ cho rằng từ ‘*thiếu*’ là một nhược điểm quá nặng, vì ‘*thiếu*’ là không có, nên đã giảm nhẹ đi bằng từ ‘*hạn chế*’. Vậy là có bài báo với hàng tit rất lớn đặt ngay đầu trang nhất ‘Vấn đề là hạn chế năng lực điều hành’ (b., 20.02.2006). Tit này sai ngữ pháp. Nói ‘*hạn chế*’ có nghĩa là *ngăn lại, không cho* vượt qua một mức nào đó. Lẽ ra, cần đặt tit là ‘Vấn đề là năng lực điều hành *còn* (/bị) hạn chế’; ‘Vấn đề là hạn chế *về/trong* năng lực điều hành’.

## 2.3. Sửa câu sai thế nào?

### 2.3.1. Nhìn nhận hiện tượng sai thế nào?

Có nhiều ý kiến xác đáng khi bàn về câu sai. Song không khỏi có những ý kiến khiến người đọc băn khoăn khó chấp nhận. Có những điều đơn giản, mọi người vẫn nói như thế nhưng sao có nhà nghiên cứu lại cứ làm rắc rối ra rồi bảo là thừa, là sai, là thiếu lô gích? Lại có những câu sai mà mỗi nhà ngôn ngữ phân tích lỗi theo một cách. Bởi vậy phân định đúng sai và nguyên nhân dẫn tới những câu sai là cần thiết nhưng cũng không đơn giản.

Đã có người viết trên báo rằng lối nói ‘cấm không được hút thuốc lá’ là sai vì nó mâu thuẫn, không có lô gích: đã *cấm* sao lại còn *không được*? Nói vậy chẳng hóa ra *cho phép* hút thuốc lá hay sao? Và tác giả này đã đề nghị hoặc nói ‘*không được* hút thuốc lá’ hoặc là nói ‘*cấm* hút thuốc lá’. Sự thực, cả ba lối nói ‘*cấm không được* hút thuốc lá’, ‘*không được* hút thuốc lá’ và ‘*cấm* hút thuốc lá’ đều đúng. Chúng ta chứng minh được điều này.

Hiện tượng ngôn ngữ nào được nhiều người dùng ấy là đã được xã hội chấp nhận. Cái đúng của ngày hôm nay có thể được hình thành từ cái sai của ngày hôm qua. Và cũng hàng loạt cái đúng của ngày hôm qua thì nay lại không dùng nữa. Có thể chỉ ra hàng loạt từ ngữ mà thời Nguyễn Trãi hay Nguyễn Bỉnh Khiêm dùng nhưng nay không dùng như vậy. *Chuẩn mực ngôn ngữ là một hiện tượng động*. Và xảy ra hiện tượng ‘để lâu câu sai hóa đúng’ (x.§ 2.4). Có những

nguyên cứu đòi hỏi biết từ nguyên của từ ngữ, nhưng thông thường chỉ cần biết nghĩa hiện dùng của từ là đủ. Biết thêm gốc Hán - Việt của từ càng tốt nhưng không nên lấy gốc Hán làm căn cứ quan trọng nhất để phán xét đúng sai cho một từ.

Trở lại với *cấm* và *cấm không được*. Hàng loạt động từ như *quên*, *thôi*, *kiêng*, *tránh*,... cũng giống hệt như *cấm*. Chúng đều có những cách nói ‘*mâu thuẫn*’ nhau, người nói cách này, người dùng cách kia: *quên* mang sách/*quên không* mang sách, *kiêng* ăn mỡ/*kiêng không* ăn mỡ, *thôi* bán hàng/*thôi không* bán hàng, *tránh* gặp nhau/*tránh không* gặp nhau...

### 2.3.2. Có nhiều cách sửa một câu sai

*Có nhiều cách phân tích, nhìn nhận một hiện tượng sai.* Do vậy dẫn đến *những cách sửa khác nhau*. Chỉ ra đúng nguyên nhân của một câu sai sẽ giúp chúng ta sửa câu sai đó một cách hợp lý nhất.

Viết những câu ngắn thường đúng. Ai cũng cảm nhận được quy tắc ngữ pháp của chúng. Viết những câu dài là đã mở rộng các thành phần của câu ra tầng tầng lớp lớp. Viết những câu dài do đưa nhiều ý vào một câu thì dễ *quên* những điều đã viết, và cũng dễ quên mối liên hệ giữa các thành phần chính và mối liên hệ giữa mỗi thành phần chính với những thành phần phụ. Kết quả là dễ dẫn tới những câu sai ngữ pháp. Gặp câu dài, bạn hãy tìm cách gỡ dần dần đưa nó về câu ngắn nhất.

Chúng ta thực hiện các bước sau:

a) *Tìm câu lỗi của câu đó:*

- Những từ nào trong câu này có thể làm vị ngữ?
- Những từ đó có quan hệ với nhau thế nào? (chú ý tới vai trò của từ hư trong thể hiện quan hệ)
- Từ nào có thể là vị ngữ cốt lõi?

b) *Nghi tới những câu thật đơn giản dùng động từ trung tâm đó.*

c) *Quan hệ giữa động từ trung tâm và những động từ còn lại thế nào?*

d) *Đối chiếu sự khác biệt giữa những câu đơn giản này cùng mối liên hệ giữa chúng với câu cần sửa bạn sẽ phát hiện ra những chỗ ‘vênh’. Từ đó chỉ ra được lỗi và cách sửa câu đang xem xét.*

Ví dụ 1: Một câu sai có nhiều cách phân tích lỗi khác nhau

(1) Trong toàn bộ Truyện Kiều của ông đã miêu tả một cách sâu sắc xã hội phong kiến thối nát.

Các nhà ngôn ngữ học, người cho rằng đây là câu *thiếu chủ ngữ*; người thì quy kết do *chưa nắm vững cách dùng quan hệ từ* hoặc coi là dư từ *trong*, hoặc coi là dư từ *của*; Có người lại phân tích do *không biết dùng trạng ngữ*. đã lẫn phần phụ với chủ ngữ.

Chúng ta theo cách sau:

Bước 1: Tìm câu cốt lõi. Câu trên có một động từ là *miêu tả*. Câu cốt lõi là câu chứa động từ này. Ai miêu tả? - Tác giả

truyện Kiều, tức là Nguyễn Du. Vậy câu cốt lõi là ‘*Nguyễn Du đã miêu tả...*’

Bước 2: So với câu này thì câu 1 thiếu một từ đặt trước động từ *miêu tả* làm chủ ngữ. Vậy thử thêm *Nguyễn Du* hoặc *ông* vào câu 1:

(1a) Trong toàn bộ Truyện Kiều của ông *Nguyễn Du* đã miêu tả một cách sâu sắc xã hội phong kiến thối nát.

(1b) Trong toàn bộ Truyện Kiều của ông *ông* đã miêu tả một cách sâu sắc xã hội phong kiến thối nát.

Hai câu này đều đúng, nhưng còn nặng nề. Dư từ ‘của ông’. Vậy bỏ đi:

(1c) Trong toàn bộ Truyện Kiều *Nguyễn Du* đã miêu tả một cách sâu sắc xã hội phong kiến thối nát.

(1d) Trong toàn bộ Truyện Kiều *ông* đã miêu tả một cách sâu sắc xã hội phong kiến thối nát.

Sửa tới đây, bạn có thể dừng lại. Nhưng nếu muốn diễn đạt theo cách khác? Chúng ta lưu ý tới cách chuyển cấu trúc chủ động thành cấu trúc bị động: ‘*miêu tả xã hội phong kiến...*’ chuyển thành ‘*xã hội phong kiến... được miêu tả*’.

(1e) Trong toàn bộ Truyện Kiều của ông, xã hội phong kiến thối nát *đã được* miêu tả một cách sâu sắc.

(1g) Trong toàn bộ Truyện Kiều, xã hội phong kiến thối nát *đã được* Nguyễn Du miêu tả một cách sâu sắc.

Để nhấn mạnh bổ ngữ ‘xã hội phong kiến thối nát’ thì đưa nó lên đầu câu và chuyển trạng ngữ xuống cuối:

(1h) Xã hội phong kiến thối nát đã được *Nguyễn Du* miêu tả một cách sâu sắc trong toàn bộ *Truyện Kiều*.

(1i) Xã hội phong kiến thối nát *đã được* miêu tả một cách sâu sắc trong toàn bộ *Truyện Kiều* của *Nguyễn Du*.

Từ cách nhìn nhận '*chưa nắm vững cách dùng quan hệ từ*' sẽ dẫn tới kết luận câu đó dư từ *trong* hoặc *của*. Để sửa câu này, chỉ việc bỏ đi từ dư *trong* hoặc *của*:

(1k) Toàn bộ *Truyện Kiều* của ông đã miêu tả một cách sâu sắc xã hội phong kiến thối nát.

(1l) Trong toàn bộ *Truyện Kiều* ông đã miêu tả một cách sâu sắc xã hội phong kiến thối nát.

Ví dụ 2: Lỗi về 'trạng ngữ' - loại lỗi đã thành cố tật ở những câu không dài:

(2) Theo bài báo cho biết vấn đề này rất phức tạp.

Câu này có hai từ có thể làm vị ngữ: *cho biết*; rất phức tạp. Trật tự thông thường trong câu nói: *cho biết một điều rất phức tạp*. Vậy *cho biết* là động từ cốt lõi. Chúng ta so sánh nó với những câu có động từ *cho biết* làm vị ngữ mà ai cũng thấy là đúng:

(2) Theo bài báo cho biết vấn đề này rất phức tạp.

(3) Hùng cho biết vấn đề này rất phức tạp.

(4) Quần chúng cho biết vấn đề này rất phức tạp.

Chủ ngữ trong các câu 3 và 4 là *những danh từ* (Hùng, bài báo). Trong khi đó phần đầu của câu 2 '*theo bài báo*' lại không phải là danh từ. Bỏ từ '*theo*' thì còn lại danh từ '*bài báo*'. Và chúng ta có câu đúng.

(2a) Bài báo cho biết vấn đề này rất phức tạp.

*Cách sửa thứ hai.* Đặt lại vấn đề: Có loại câu nào bắt đầu bằng ‘Theo bài báo’, ‘Theo + DANH TỪ’ mà ai cũng thấy là đúng không? - Có.

(5) Theo ông Hùng *thì* vấn đề này rất phức tạp.

(6) Theo quần chúng *thì* vấn đề này rất phức tạp.

Hai câu trên có khuôn: ‘Theo + DANH TỪ + **thì** + CÂU’. Trong câu 2, thử bỏ từ *cho biết* rồi thêm *thì* xem có ‘xuôi’ không:

(2b) Theo bài báo *thì* vấn đề này rất phức tạp.

Câu này nghe được. Vậy 2b là cách sửa thứ hai của câu 2.

*Cách sửa thứ ba.* Có thể lược bỏ từ ‘*thì*’ trong các câu 2b, 5, và 6. Lúc đó, khi nói, cần ngừng một chút trước khi đọc tiếp ‘vấn đề này rất phức tạp’. *Cái chỗ ngừng khi nói được thay bằng dấu phẩy khi viết.* Vậy có thể viết lại các câu 2b, 5, và 6 như sau:

(2c) Theo bài báo, vấn đề này rất phức tạp.

(5a) Theo ông Hùng, vấn đề này rất phức tạp.

(6a) Theo quần chúng, vấn đề này rất phức tạp.

Phần đầu trong mỗi câu trên là *trạng ngữ*.

Ví dụ 3: Câu vừa sai vừa dư:

(3) Nhiều bệnh viện công cấm viện trợ về chuyên môn, kỹ thuật, thậm chí cấm hỗ trợ cả máu cho bệnh nhân ở các bệnh viện tư. (Lời ô. NVN, dẫn lại theo TTCT, 23.12.2007)

Trong câu này, có hai từ sai: *hỗ trợ*, *ở*. Nguyên nhân: 1) hiểu sai từ Hán-Việt ‘hỗ trợ’; 2) do áp lực tránh lặp lại hai từ ‘cho’ nên đã thay từ *cho* thứ hai bằng từ *ở*. Kết quả là ‘cắm viện trợ về chuyên môn... *ở* các bệnh viện tư’. Cách nói ‘hỗ trợ cả máu cho bệnh nhân *ở* các bệnh viện tư’ là dư. Vì hỗ trợ máu *cho* bệnh viện cũng là hỗ trợ máu cho bệnh nhân. Chỉ cần nói ‘trợ giúp máu cho bệnh viện’ là đủ. Câu trên cần được sửa thành ‘Nhiều bệnh viện công cắm viện trợ về chuyên môn, kỹ thuật, thậm chí cắm trợ giúp cả máu cho các bệnh viện tư’.

Ví dụ 4: Một câu sai ‘hỗn hợp’: vừa sai ngữ pháp, vừa sai từ vựng, vừa sai phong cách.

(4) *Thi thể người mẹ được con gái 11 tuổi phát hiện ở phòng ngủ của bà và bà ngoại của em đã vội thông báo cho cảnh sát.* (b., 18.11.2010)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bước 1: Tìm câu cốt lõi

Câu trên có những động từ nào? - *phát hiện* và *thông báo*

*Phát hiện* và *thông báo* có liên quan mật thiết với nhau về nghĩa. Sau khi phát hiện sự kiện mới thông báo sự kiện. Vậy *phát hiện* và *thông báo* là hai động từ tạo ra mối quan hệ nhân quả làm nên câu cốt lõi.

Ai phát hiện, ai thông báo? - *Đứa con*

Phát hiện gì? - *Thi thể người mẹ*

Ở đâu? - *Ở phòng ngủ của bà và bà ngoại*

Thông báo cho ai? - *Cho cảnh sát*

Quan hệ cốt lõi là: ‘*Đứa con phát hiện thi thể người mẹ...*

**và (/rời/liền) thông báo cho cảnh sát’.** Tôi đây có ba cách căn bản để sửa câu trên:

Hoặc tạo ra một *câu ghép lỏng* nối với nhau bằng dấu phẩy hoặc dùng dấu chấm tạo ra 2 câu kế tiếp nhau:

(4a) Đứa con phát hiện..., đứa con thông báo...

Hoặc tạo ra một *câu nhân quả* nối với nhau bằng từ *liền* hoặc từ *và* (ở trường hợp này, tôi không gọi là câu có thành phần *đẳng lập*):

(4b) Đứa con phát hiện... *liền* thông báo...; Đứa con phát hiện... và thông báo...

Hoặc tạo ra một câu đơn có trạng ngữ:

(4c) *Phát hiện thi thể...*, đứa con *liền* thông báo...

Sao đứa con 11 tuổi lại gọi *mẹ* là *người mẹ*, là *bà*? - Người viết đã chuyển *điểm nhìn của đứa con* thành *điểm nhìn của phóng viên*. Vậy cần thay từ *người mẹ* và từ *bà* thứ nhất thành từ *mẹ*: *Thi thể mẹ ở phòng ngủ của mẹ và bà ngoại*.

Sửa theo cách b), chúng ta được:

(4b) Đứa con phát hiện *thi thể mẹ ở phòng ngủ của mẹ và bà ngoại*, *đứa con liền* thông báo cho cảnh sát.

Sửa về phong cách.

1) Từ *thông báo* còn có thể dùng trong tình huống cơ quan nhà nước *thông báo* cho dân một chính sách. Vậy thay vì *thông báo* nên dùng từ *báo* cho nghĩa hẹp hơn.

2) *Con gái* là một từ chỉ *loài*, nên thêm từ *đứa* để *đứa con gái 11 tuổi* thành người con xác định.

3) Một câu khi lặp lại sẽ thành nặng nề. Vậy nên dùng từ *nó*, *em* thay thế cho từ *đứa con* lặp lại. Thế là ít nhất chúng ta cũng được 3 câu sửa theo các cách a, b, c:

(a1) Đứa con gái 11 tuổi phát hiện thi thể mẹ ở phòng ngủ của mẹ và bà ngoại. Em vội báo cho cảnh sát.

(b1) Đứa con gái 11 tuổi phát hiện thi thể mẹ ở phòng ngủ của mẹ và bà ngoại *liền* báo cho cảnh sát.

(c1) Phát hiện thi thể mẹ ở phòng ngủ của mẹ và bà ngoại, đứa con gái 11 tuổi *liền* báo cho cảnh sát.

### 2.3.3. Có nhiều mức độ sai, nhiều mức độ sửa câu sai

Hiện tượng sai có thể xảy ra ở nhiều mức độ. Do vậy có nhiều mức độ khi sửa một câu sai.

**Mức độ 1:** Những câu sai không sửa không được. Đó là những câu sai ngữ pháp, sai lỗi gạch, sai tri thức, câu sai chính tả.

**Mức độ 2:** Những câu dư, sai trong phiên âm, câu không hợp về phong cách như dùng phương ngữ không đúng chỗ, dùng những từ khó, dùng thuật ngữ, dùng từ vay mượn không cần thiết... Những câu không hợp với cách nói người Việt. Đây là những câu có thể *tạm chấp nhận* được.

**Mức độ 3:** Những câu gọi là sai cũng được mà bảo không sai cũng được. Những câu dùng từ chưa đạt, không ‘đắt’ vì có thể chọn những từ gần nghĩa chính xác hơn. Đây là những câu có thể viết chính xác hơn, hay hơn.

Ví dụ 1: ‘Ngày 04-08-1442, sau khi đi *tuần* ở miền Đông [...] Lê Thái Tông được Nguyễn Trãi đón về.’

Câu trên có hai chỗ nhầm. Thứ nhất, lần âm lịch và dương lịch. ‘Lê Thái Tông được Nguyễn Trãi đón về ngày 4 tháng 8 năm *Nhâm Tuất*, tức 07-09-1442’. Lỗi này ở mức độ 1, nhất thiết phải sửa.

Thứ hai, vua đi *tuần thú*. Chỉ có lính trơn mới đi *tuần*. Đây là lỗi dùng từ cổ không thích hợp với vai vua. Ngày nay không còn dùng từ này nữa nên lỗi này ở mức độ 2 và có thể châm chú.

Ví dụ 2: ‘Ông (một trung tá nguy) đã kêu gọi toàn bộ sĩ quan, binh sĩ trong trung đoàn buông súng trở về với quân giải phóng để tránh *hy sinh* không đáng phải xảy ra.’ (b., 02.05.2002)

Câu trên sai ở mức độ 2. Kẻ địch chết thì không nói... hy sinh. Nói vậy hóa ra tôn vinh địch.

Ví dụ 3: ‘Hãy cho tôi tiền  rồi  tôi sẽ giúp ông trốn thoát.’ Đây là cách nói theo tiếng Anh (Give me some money and I'll help you escape). Trong trường hợp này, người Việt thường nói: ‘Có tiền không? Tôi sẽ giúp ông trốn thoát.’

Mặc dù có thể nói như tiếng Anh (The ball reached the white line) nhưng không nên viết ‘Trái banh *chạm* vào cái vạch màu trắng’ khi tường thuật một trận quần vợt vì người Việt nói đơn giản ‘Banh *chạm* vạch (trắng)’.

Những *tục ngữ* dịch theo nghĩa đen tuy không sai nhưng không phải là cách nói của người Việt. Loại sai này ở mức độ 3.

Ví dụ 4: ‘Người này sục bụi cây nhưng người khác lại vớ được chim’ (One beat the bushes and another catches the bird).

Trong trường hợp này, nên dịch là ‘Thằng công làm thằng ngay ăn’ hay ‘Cốc mò cò còi’.

Ví dụ 5: Rải rác trong các chương sách có các bảng kê và sơ đồ, chúng được đánh số theo số thứ tự của các mục tương ứng ở mỗi chương. Những ký hiệu chuyên môn được sử dụng trong sách này là phổ biến trong sách vở ngôn ngữ học, khi thực sự cần thiết, chúng sẽ được ghi chú ngay ở nơi mà chúng xuất hiện [...] Hiển nhiên là không phải *tất cả* mọi vấn đề có liên quan đến hiện tượng âm tiết và loại hình ngôn ngữ đều đã được đặt vào chương trình nghị sự của sách này. (dẫn theo Trần Mạnh Hảo, *Người Hà Nội*, 20.07.2002)

Đoạn này có hai loại sai. Mức độ 2: dư từ *tất cả* và dư những từ gạch chân. Mức độ 1: sai từ *nghị sự*, một từ chỉ dùng trong những cuộc hội thảo chứ không dùng trong chương trình của sách nghiên cứu.

Ví dụ tổng hợp: (1) *Số đỏ* là kiệt tác số một trong giới văn xuôi của Vũ Trọng Phụng.

Mức độ 1: Sửa sai về lô gích (sai từ *giới*)

Các từ *họ, nhóm, ngành, bộ, giới...* trở những tập hợp dùng trong phân loại đối tượng. *Giới văn xuôi* = *những người* viết văn xuôi. Trong khi đó *kiệt tác* (*tác phẩm kiệt xuất*) không phải là *người*. Nên *Số đỏ* và *giới văn xuôi* thuộc hai loại khác nhau.

*Nhất thiết* phải sửa điểm sai lô gích này.

(1a) *Số đỏ* là kiệt tác số một trong *những tác phẩm* văn xuôi của Vũ Trọng Phụng.

Mức độ 2: Sửa yếu tố dư:

a) Vũ Trọng Phụng *chỉ* sáng tác văn xuôi. Vậy câu trên dư từ *văn xuôi*:

(1b) *Số đỏ* là kiệt tác số một *trong những tác phẩm* của Vũ Trọng Phụng.

Hầu như không có ai mà *mỗi* tác phẩm đều là một kiệt tác. Do vậy dư cụm từ '*trong những tác phẩm*':

(1c) *Số đỏ* là kiệt tác *số một* của Vũ Trọng Phụng.

Mức độ 3: Sửa phong cách

Không có thói quen xếp loại *kiệt tác* thành *số 1, số 2, số 3... Cần bỏ số một*.

(1d) *Số đỏ* là kiệt tác của Vũ Trọng Phụng.

Mức độ 4: *Chính xác hóa tư duy*

Để diễn đạt ý 'Vũ Trọng Phụng có *nhiều* kiệt tác' thì cần thêm từ *một*:

(1e) *Số đỏ* là *một* kiệt tác của Vũ Trọng Phụng.

b) Mặc nhiên có tiền đề 'Văn xuôi Việt Nam có *nhiều* kiệt tác, trong đó có *Số đỏ*'. Vậy nên *đảo lại trật tự* từ:

(1g) *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng là *một* kiệt tác.

2.3.4 Câu sai do *chập cấu trúc* (x. §9.1.2.)

## 2.4. Để lâu câu sai hóa... đúng<sup>1</sup>

Nhà ngôn ngữ học người Pháp gốc Thụy Sĩ Charles Bally viết: ‘*Ngôn ngữ ngày mai được chuẩn bị trong một loạt những cái sai của ngôn ngữ ngày hôm nay*’. Điều này có nghĩa là *những cách nói sai hiện nay nếu không phê phán, quyết liệt ngăn cấm dùng kịp thời thì sẽ trở thành những cách nói đúng trong tương lai*.

1. Cách nói ‘chiếc đồng hồ *mới cứng*’ hiện nay được coi là đúng. Ấy thế nhưng cách đây 40 năm nó bị coi là sai, vì lúc đó *mới cứng* chỉ dùng cho tiền giấy bạc mới in, còn cứng. Một từ khác: Cách nói ‘*Hỗ trợ* cho những người gặp hoàn cảnh khó khăn’ hiện nay được coi là bình thường. Trước đây, đó là cách nói sai. Vì *hỗ* là *lần nhau* (mutual), là từ hai phía. *Hỗ trợ* là sự giúp đỡ nhau *từ hai phía*. Lẽ ra phải nói ‘*Trợ giúp*’ (/ *Giúp đỡ*) cho những người gặp hoàn cảnh khó khăn’.

Ngay từ đầu những cách nói sai *mới cứng*, *hỗ trợ* không bị phê phán, uốn nắn nên dần dần được nhiều người dùng. Kết cục thành cách nói được xã hội chấp nhận.

Những từ ngữ sai bắt nguồn từ quy định của cơ quan công quyền thì hết cách sửa, vì nó đã thành thuật ngữ của một *khái niệm pháp lý*. Ví dụ: Khi xe mô tô có dung tích xi lanh trên 50 cm<sup>3</sup> thì ngành công an gọi là ‘xe *phân khối* lớn’. Mọi người phải chấp nhận thuật ngữ này. Học trò tiểu học cũng biết rằng không có khái niệm *phân khối* lớn và *phân khối*

1 Bài đã đăng trên SGT, số 18.10.2010

*nhỏ*. Bây giờ không ai sửa được cái từ ngữ ‘xe *phân khối lớn*’ vô nghĩa về khái niệm này nữa!

2. Dùng từ ngữ dư thừa cũng là sai. Chúng ta nêu ở đây một kiểu dư thừa rất hay gặp trong cấu tạo từ ghép có một yếu tố Hán-Việt và nay đã thành ‘đúng’: *cây đại thụ, đường quốc lộ, người nông dân,...*

Từ Hán-Việt *thụ* là *cây*. Thế nên cách nói ‘Ông là một *cây đại thụ* trong giới sử học’ là dư. Nhưng cách nói này hiện nay được coi là đúng. Và đúng tới mức không thể bỏ từ *cây*. Nghe câu ‘Ông là một *đại thụ* trong giới sử học’ lại bị coi là không bình thường (!). Từ Hán-Việt *nông dân* là ‘người lao động sống bằng nghề làm ruộng’ (*Từ điển Tiếng Việt*, Hoàng Phê chủ biên). Vậy thì ‘*người nông dân*’ cũng là dư. Những cách nói dư này đã trở thành bình thường đến nỗi đã đi vào những bài thơ nổi tiếng. Trong bài *Viếng bạn*, Hoàng Lộc viết: ‘Hôm qua còn theo anh/ Đi ra *đường quốc lộ*/ Hôm nay đã chặt cành/ Đắp cho người dưới mộ’. Vậy là câu dư để lâu cũng thành đúng.

*Sở dĩ* biểu thị điều sắp nêu ra là nguyên nhân, lý do giải thích tại sao có điều sẽ nói đến ngay sau đó. ‘*Cuộc họp sở dĩ hoãn lại, là vì việc chuẩn bị chưa tốt*’ (*Từ điển Tiếng Việt*, Hoàng Phê chủ biên). Thực ra chỉ cần nói ‘*Cuộc họp hoãn lại, là vì việc chuẩn bị chưa tốt*’ là đủ. Cách nói dư ‘*sở dĩ A là vì B*’ đã được đưa vào một quyển từ điển có uy tín vì đã trở thành một ‘chuẩn’ mới!

3. Có những kiểu câu sai ngữ pháp nay cũng thành đúng. Năm 1977, trong mục *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt* trên báo *Nhân Dân*, nhà nghiên cứu Nguyễn Kim Thản với bút danh Vương Thịnh đã viết về một loại lỗi ngữ pháp ‘*Qua thực tế, cho thấy...*’. Kiểu lỗi này được nhiều nhà ngôn ngữ học tiếp tục thảo luận với tên gọi ‘*sai về trạng ngữ*’, nhưng không được xã hội và nhất là các cơ quan truyền thông và công quyền lên án mạnh mẽ nên nó tiếp tục được ‘duy trì’ và nay thành căn bệnh khó chữa. Trên các trang báo, trong các bài viết, xuất hiện không hiếm những câu như ‘*Theo khảo sát mới đây của các nhà nghiên cứu, cho thấy nạn tự tử ở Nhật Bản ngày càng...*’ (Chào Buổi Sáng, 14.09.2010)

4. Thành ngữ ‘*Chân đấm đá chân chiêu*’ nói về dáng đi của người say rượu *chân phải đá chân trái*. Ngày nay không mấy người biết tiếng Việt cổ: *đấm* là *phải*, *chiêu* là *trái* như trong tục ngữ ‘*Tay chiêu đập niêu không vỡ*’. Nhưng từ ‘*chiêu*’ gần âm với từ ‘*xiêu*’, người ta liên tưởng tới hình ảnh người say thì đi *xiêu vẹo* lảo đảo. Thế là thành ngữ trên được nhiều người nói thành *chân nam đá chân xiêu*.

5. Khi một lỗi sai nào trở nên phổ biến thì chúng ta hãy dè chừng, chúng dễ trở thành những từ đúng trong tương lai. Một kiểu nói sai, nếu để lâu từ thế hệ này sang thế hệ khác, mà càng về sau thì những người rõ cội nguồn (etymology) của nó càng ít đi nên họ dễ lầm tưởng là đúng.

Những từ ngữ *sai* nào dễ được chấp nhận? Đó là những từ ngữ sai có điểm tựa là ‘*cơ sở lô gích về nghĩa*’, là ‘*từ nguyên dân gian*’ có vẻ hợp lý.

Chiều 09.07.1995 một nhân viên tòa soạn báo nọ hỏi tôi, viết *xán lạn* hay viết *sáng lạn*? Cách viết nào đúng? Tôi cười: Cả hai, mỗi cách viết đều sai một nửa, đúng một nửa. Một mặt, do không biết gốc của *xán lạn* nên nhiều người liên tưởng tới *ánh sáng*, tới *sáng sửa*, *sáng rực* rõ trên những ngọn núi cao của từ *xán lạn*, nên đã viết *xán lạn* thành phải là *sáng lạn*. Mặt khác, ngoại trừ *xán lạn*, trong tiếng Việt không còn từ nào mà tiếng thứ hai là *lạn*, trong khi đó từ *lạng* là một đơn vị trọng lượng thì gặp hàng ngày. Ấy thế là *xán lạn* thành *xán lạng*!

Có chuyện sau: Chiều 16.05.1999, trên đài truyền hình trung ương, nhạc sĩ HK giới thiệu về chèo giảng giải: nếu hát chèo có dở nhưng nếu có tiếng trống đệm hay, thì sẽ cứu vãn được cho ca sĩ. Đó là *vụng chèo khéo trống* (!) (dẫn Văn Nghệ, 04.07.1999). Giải thích như vậy không xuôi. Người Nam Bộ có hát chèo đâu mà thành ngữ này vẫn dùng rất phổ biến? Thực ra trong *vụng chèo khéo chống*, hai từ *chèo*, *chống* liên quan đến mái chèo và cây sào, nghĩa đen của thành ngữ này nói về chuyện đi lại trên sông nước, còn nghĩa bóng lại là ‘làm thì dở, kém nhưng lại khéo biện bạch, *chống chế*’.

Tuy nhiên, một thành ngữ hay tục ngữ trong quá trình sử dụng nhiều khi được biến đổi theo kiểu ‘*từ nguyên dân gian*’ cho phù hợp, thích hợp với những ngành nghề, những công việc nhất định. Vì vậy, quả là trong ngành biểu diễn người ta hay nói *vụng chèo khéo trống*. Thế là thành ngữ *vụng chèo khéo chống* có một biến thể mới. Con đường hình thành nhiều biến thể của một tục ngữ, thành ngữ phải

chẳng là như vậy? Cú lối giải thích này, với thành ngữ trên người ta có thể ‘sáng tác’ ra những biến thể mới: *Vụng trèo (cây) nhưng khéo chống (thang)*, *vụng trèo (cột mõ) nhưng khéo trống* (đánh trống để cổ vũ)!!

Con đường của một câu sai thành đúng như sau: Một cách nói A lúc đầu bị coi là sai. Do không sửa ngay, dần dần A trở thành cách nói tranh chấp với cách nói B vốn được coi là đúng. Tế bào lạ A này dần dần chiếm ưu thế và đẩy B trở thành cách nói ‘cổ’ ít dùng. Cuối cùng A hoàn toàn thắng thế và trở thành chuẩn mới.

Hiện tượng sai nào vừa mới lộ ra, có nguy cơ trở thành ‘đại chúng hóa’, nếu được phân tích kịp thời và thích đáng thì có thể dẹp được. Chẳng hạn, đầu thập kỷ 90 thế kỷ trước, có một tờ báo trong một loạt bài bàn về *văn hóa tốc độ* có rất nhiều câu dùng từ *tốc độ* một cách vô nghĩa như: ‘nhịp sống tốc độ’, ‘thời đại tốc độ’, ‘chạy theo tốc độ’, ‘hãy tốc độ lên’, ‘tôi từng bị choáng vì tốc độ’... Tôi có trực tiếp góp ý kiến, toà soạn tiếp nhận một cách thiện chí, không dùng nữa. Tới nay, hầu như không còn kiểu nói tắt ‘tốc độ *cao*’, ‘tốc độ *nhANH*’ thành ‘tốc độ’ nữa. Thế là một lối sai theo kiểu nói tắt ‘nhà em *hoàn cảnh* lắm’, ‘đơn vị này *có vấn đề*’... đã được loại đi.

Một khi những cách dùng sai đã trở thành đúng thì các nhà ngôn ngữ học không thể áp đặt kiểu ‘nói đúng phải là...’. Lúc đó người ta không theo nữa. Dạy con từ thuở còn thơ. Lỗi sai cũng phải được nghiêm khắc phê phán ngay từ lúc chúng mới bơ vơ vào tiếng Việt.

Để lâu sai thành đúng, do vậy có những câu đúng hiện nay được hình thành trên cơ sở những cái sai. Suy ra trong không ít câu *không thể biết được* tính lô gích của nó. Một vài ví dụ:

(1) Từ ‘ngăn đe’ xuất hiện khoảng thập kỷ 60 thế kỷ trước, khi Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, do từ deterrence response - ‘phản ứng *ngăn đe*’. Nay thành *răn đe*. Ai viết *ngăn đe*n thường bị coi là sai(!).

(2) Thông thường, có cặp đối lập *ứng cử/đề cử*. Ấy thế nhưng, ‘Việt Nam đã được bầu vào Ủy ban Nhân quyền (nhiệm kỳ 2001-2003) [...] sau khi *tự ứng cử* trong cuộc họp Hội đồng kinh tế và xã hội của Liên Hiệp Quốc ngày 03.05.’ (b., 09.05.2000)

Cụm từ ‘*tự ứng cử*’ này xuất hiện những lần đầu trong các kỳ bầu cử quốc hội Việt Nam và Hội đồng Nhân dân. (Những người được các đoàn thể hiệp thương *chỉ định, giới thiệu* ra ứng cử thì được gọi là *ứng cử*. Do vậy những người ứng cử thực sự thì được gọi là *tự ứng cử*. (!?))

(3) Bằng tốt nghiệp

*Tốt nghiệp* là hoàn tất một công việc hay một sự nghiệp. Theo nghĩa này mà tạo ra cụm từ ‘*bằng tốt nghiệp*’. Nhưng nó đã bị dùng sai thành *bằng tốt nghiệp*. Và nay chúng ta coi *bằng tốt nghiệp* là một cụm từ đúng.

## CHƯƠNG 3

## CÂU MƠ HỒ

3.1. Tiếng Việt có mơ hồ,  
thiếu chính xác?<sup>1</sup>

*Trong phần này chúng ta chỉ đề cập tới hiện tượng mơ hồ - một câu có ít nhất hai cách hiểu, chứ chưa bàn tới kiểu người khôn ăn nói ‘nửa chừng’, hay làm trai cứ ‘nước hai’ mà nói. Thứ tiếng nào cũng có những câu mơ hồ. Tiếng Việt không là ngoại lệ.*

Đã từng có quan niệm ‘tiếng Việt là thứ tiếng của thi ca, tiếng Anh - thứ tiếng của thương mại, tiếng Pháp - thứ tiếng của ngoại giao’. Quan niệm xưa cũ này vừa khen lại vừa chê tiếng Việt: một thứ ngôn ngữ nhiều hàm ý thích hợp với đặc thù ‘ý tại ngôn ngoại’ của ngôn ngữ thơ ca, nhưng cũng chính vì thế mà thiếu chính xác, mơ hồ trong diễn đạt.

---

1 Bài đã đăng trên SGTT, ngày 26.07.2010

### *Ngôn ngữ nào cũng mơ hồ*

Hẳn bạn biết không ít chuyện cười do có những câu không biết hiểu thế nào cho đúng. Nghe câu ‘Ba về làng hỏi vợ’ quả là chúng ta không biết Ba về làng để cầu hôn hay xin ý kiến bà xã.

Sự *kết hợp các chuỗi mơ hồ* làm khả năng mơ hồ tăng lên.

Năm 1969, trong một quyển sách nghiên cứu về ngữ pháp tạo sinh trong tiếng Anh, R. Jacobs và P. Rosenbaum đã chỉ ra câu tiếng Anh sau đây có 6 cách hiểu: ‘*The seniors were told to stop demonstrating on campus*’.

1) *On campus* có thể làm rõ nghĩa cho 3 hành động *tell* (nói); *stop* (dừng lại), *demonstrate* (biểu tình): *nói ở khu trường, dừng lại ở khu trường, biểu tình ở khu trường*;

2) Kết hợp với hai cách hiểu về chủ thể của hành động biểu tình: *sinh viên* hay *những người khác*? sẽ thành 6 cách giải thích.

Iu. Aprexjan, nhà ngôn ngữ học Nga, trong quyển sách *Những quan niệm và phương pháp của ngôn ngữ học cấu trúc hiện đại* xuất bản năm 1966, đã đưa ra một câu tiếng Nga có tới 32 cách giải thích khác nhau kia đấy. Theo phép chuyển tự chữ Nga sang chữ Latinh câu này như sau: ‘*Splochenie rabochikh brigad vyzvalo osuzhdenie tovarishcha ministra*’ (sự hợp nhất - của công nhân - của các đội - đã gây ra - sự phán xét - của đồng chí - của bộ trưởng).

32 cách giải thích như sau:

1) Đầu tiên, *splochenie rabotchikh* có hai cách hiểu vì nó

đồng thời là kết quả của phép danh ngữ hóa hai câu khác nhau: *Nekto splachivaet rabotchikh* (có ai đó hợp nhất công nhân lại) và *Rabochie splachivajutsija* (công nhân tự hợp nhất lại). Tương tự, *splochenie brigad* cũng có hai cách hiểu. Cho nên hợp hai danh ngữ này lại sẽ tạo thành danh ngữ ‘*splochenie rabochikh brigad*’ có tới 4 cách hiểu.

2) Lập luận hoàn toàn tương tự, danh ngữ *osuzhdenie tovarishcha ministra* cũng có 4 cách hiểu.

3) Bốn cách hiểu của danh ngữ thứ nhất kết hợp với 4 cách hiểu của danh ngữ thứ hai tạo ra 16 cách hiểu.

4) Cả hai danh ngữ trên đều là giống trung nên đều có thể làm chủ ngữ hoặc bổ ngữ trong câu đang xem xét. Do vậy thành  $16 \times 2 = 32$  cách giải thích.

Có sự mơ hồ do những từ đồng âm. Khi ông thầy bói gieo cho bà lão móm tính chuyện đi bước nữa một quẻ ‘*Lợi* thì có *lợi* (nhưng rằng không còn)’ ấy là ông đã chơi chữ trên hai từ *lợi* đồng âm. Số lượng từ đồng âm trong nhiều ngôn ngữ lớn gấp nhiều lần so với tiếng Việt. Tiếng Hàn chẳng hạn. Trong tiếng Hàn có rất nhiều từ gốc Hán. Tiếng Hán có 4 thanh, còn tiếng Hàn thì không. Mà chữ Hán là thứ chữ ghi âm. Thế là rất nhiều từ Hán cùng vần khác thanh khi vào tiếng Hàn liền trở thành những từ đồng âm. Người Hàn đọc chữ Hán nhiều khi cũng chẳng hiểu đích thực nghĩa. Ví dụ: có nhiều tiếng Hàn phát âm là *sung* nên khi viết từ *Samsung* công ty này đã phải chừa chữ Hán *tin*h vào sau chữ *sung* để người đọc hiểu rằng *Samsung* là *tam tin*h. Logo trước đây của *Samsung* là *ba ngôi sao*.

Giữa các ngôn ngữ tự nhiên có những kiểu mơ hồ giống hệt nhau.

Mơ hồ ở cấp độ *cụm từ*. Một cụm từ có thể dùng thể hiện nhiều kiểu quan hệ ngữ pháp khác nhau. Đây là hiện tượng mơ hồ ngữ pháp.

Khi viết ‘sự phê bình truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan’ chúng ta đã tạo ra một cụm từ mơ hồ. Người đọc không biết nên hiểu là ‘Nguyễn Công Hoan viết bài phê bình các truyện ngắn’ hay ‘người ta phê bình các truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan’. Tương tự, danh ngữ tiếng Anh *the shooting of the hunters*, tiếng Pháp *le tir des chasseurs* hoặc tiếng Nga *strel'ba okhotnikov* đều có thể hiểu là *sự bắn* là của người đi săn mà cũng có thể hiểu là *sự bắn người đi săn*.

Mơ hồ ở cấp độ *câu*. Lấy câu so sánh làm ví dụ.

Khi viết (1) ‘Tôi cũng thích trà như cà phê.’, thì trà và cà phê là hai đối tượng mà tôi thích như nhau. Khi viết câu (2) ‘Tôi cũng thích trà như anh.’, thì trà là đối tượng mà cả *anh* và *tôi* đều thích. Còn câu (3) ‘Tôi cũng thích cô ấy như anh.’, chấp nhận cả hai cách giải thích nên nó thành mơ hồ. Hoặc là *cô ấy* và *anh* là hai người mà tôi thích như nhau. Hoặc là *tôi* và *anh* thích cô ấy như nhau. Trong tiếng Pháp và tiếng Anh, lối so sánh này cũng mơ hồ y hệt như vậy.

Có thể dẫn ra hàng loạt kiểu mơ hồ giống nhau giữa các ngôn ngữ tự nhiên.

Tuy nhiên, *ngôn ngữ nào cũng có những kiểu mơ hồ đặc thù*.

Cách đây hơn 50 năm, nhà văn hóa Phan Khôi đã ‘kiểm

thảo đại danh từ' tiếng Việt. Theo ông, nó rắc rối quá. Vào một nhà lạ chẳng biết xưng hô thế nào với từng người cho phải phép, cho hợp với quan hệ tôn ty của họ trong gia đình ấy. Nhưng chính vì cách xưng hô khá tinh tế và mang màu sắc tôn ty, trọng-khinh, thân-sơ... này mà số lượng những câu mơ hồ liên quan đến lớp đại từ sở hữu ở tiếng Việt ít hơn hẳn so với các tiếng Nga, Anh, Pháp - những ngôn ngữ có lớp đại từ trung hòa về sắc thái nghĩa. Gặp câu (A) 'Max told to Robert that *his wife* is beautiful', (P) 'Marcel a dit à Robert que *sa femme* était jolie', chúng ta không biết Max *khoe* vợ mình xinh đẹp hay *khen* vợ Robert hay vợ ai đó xinh đẹp. [Tôi muốn lưu ý là những câu tiếng Anh, Pháp, Nga dẫn trong mục này chỉ là những cách nói *có thể* chứ không phải là cách nói *duy nhất* và càng không phải là cách nói *hay nhất*.]

### Vì sao nói tiếng Việt chính xác?

Thực tế, chúng ta đã và đang dùng tiếng Việt để diễn đạt chính xác những vấn đề quan trọng về ngoại giao, quân sự, thương mại, luật pháp... Tiếng Việt có đầy đủ khả năng diễn đạt chính xác những điều cần bộc lộ.

Nếu thiếu từ ngữ diễn đạt những khái niệm mới thì chúng ta *vay mượn*. Điều này đã và đang xảy ra với mọi ngôn ngữ.

Vấn đề còn lại chỉ là *khả năng diễn đạt chính xác* của tiếng Việt.

Tuy có những hiện tượng mơ hồ, nhưng phần lớn khi đặt trong tình huống giao tiếp cụ thể hiện tượng mơ hồ đều mất đi.

Hãy lấy hai câu khác nhau đúng một phụ âm cuối:

a) Chú tôi bị Mỹ bắn trong lúc đi *cần*.

b) Chú tôi bị Mỹ bắn trong lúc đi *cày*.

Về lý thuyết hai câu trên đều mơ hồ: Mỹ hay chú tôi đi cần/ đi cày? Nhưng trong thực tế không có chuyện ‘Mỹ đi cày’ ở Việt Nam nên câu (b) là rõ ràng.

Tiếng Việt có những phương thức diễn đạt chính xác và rõ ràng nội dung cần thông báo. Đó là phương thức dùng dấu câu, dùng trật tự từ, dùng từ hư, từ đồng nghĩa, thay đổi cấu trúc câu... Một ví dụ:

(1) Ba đã biếu thầy giáo chủ nhiệm lớp 7 quyển sách mới mua hôm qua.

Nếu muốn nói rõ ‘7 quyển sách’ chứ không phải là ‘Thầy giáo chủ nhiệm lớp 7’, và đây là ‘sách mới’ chứ không phải là ‘mới mua’ thì chỉ cần thêm hai dấu phẩy:

(1b) Ba đã biếu thầy giáo chủ nhiệm lớp, 7 quyển sách mới, mua hôm qua.

Nếu muốn nói là ‘biếu hôm qua’ chứ không phải ‘mua hôm qua’ thì chỉ việc đảo trật tự:

(1c) *Hôm qua* Ba đã biếu thầy giáo chủ nhiệm lớp, 7 quyển sách mới mua.

Nếu muốn nhấn mạnh tới mới mua thì hãy dùng cách thêm (/thay) từ:

(1d) *Hôm qua* Ba đã biếu thầy giáo chủ nhiệm lớp, 7 quyển sách *vừa* mới mua.

Thực tế, chúng ta đã và đang dùng tiếng Việt để diễn đạt chính xác những văn bản quan trọng về ngoại giao, quân sự, thương mại, luật pháp... Tiếng Việt *có đầy đủ khả năng diễn đạt chính xác những điều cần bộc lộ*.

Ở đây chưa bàn đến cách khai thác hiện tượng mơ hồ trong ngôn từ nghệ thuật.

## 3.2. Đại cương về câu mơ hồ trong tiếng Việt

### 3.2.1. Có những câu mơ hồ cần thiết và những câu mơ hồ tai hại

Một yêu cầu quan trọng trong giao tiếp, nói cũng như viết, là cần rõ ràng và chính xác. Nếu không chú ý, chúng ta có thể tạo ra những câu sai, những câu tối nghĩa, những câu mâu thuẫn nhau hoặc *những câu có thể hiểu thế nào cũng được*. Loại câu cuối này được gọi là câu *mơ hồ*.

Có những câu mơ hồ vô hại, có những câu mơ hồ cần thiết (trong những văn bản ngoại giao, thương mại...) nhưng cũng có những câu mơ hồ tai hại, phản lại ý mình.

Khăn giấy ướt của cửa hàng ăn X&N trên đường Đặng Thái Mai, Tây Hồ, Hà Nội, có tên (in hoa) **SEN ĐẦM TRỊ** vì cửa hàng bên đầm Trị đầy sen ngát hương. Sen của đầm Trị nổi tiếng để ướp trà. Nhưng nếu hiểu từ *trị* theo nghĩa Hán-Việt là đường lối, chính sách, như trong *gia trị*, *quốc trị*, *pháp trị*... thì tên trên sẽ thành ‘sen đầm *trị*’ một nghĩa mà chủ hàng không mong muốn!

(1) Còn ở ta, các tập đoàn hoạt động trong một cơ chế kiểm soát lỏng lẻo và *không* có quyền tự chủ, một điều kiện tiên quyết để tạo nên một tập đoàn kinh tế thực thụ. (b., 27.01.2008)

Cụm từ ở sau dấu phẩy có thể dùng giải thích cho cụm từ trước nó. Thế là từ **không** gây ra hiểu lầm, tạo ra một câu trái ý tác giả ‘... *không* có quyền tự chủ là một điều kiện tiên quyết để tạo nên một tập đoàn kinh tế thực thụ’?

(2) Thái độ quyết tâm cao chống tệ nạn buôn lậu của chính phủ.

(3) Tại cuộc hội đàm của Tổng thống B. Enxin với Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân, Chủ tịch Giang Trạch Dân cũng đã tuyên bố hoàn toàn ủng hộ cuộc chiến chống khủng bố và chủ nghĩa cực đoan tại Chesnia của Nga và trừng trị phong trào ly khai ở cộng hoà này. (b., 11.12.1999)

Câu trên đây còn có thể hiểu: ‘chủ nghĩa cực đoan tại Chesnia của Nga’.

Lẽ ra nên viết ba câu trên như sau:

(1a) Còn ở ta, các tập đoàn hoạt động trong một cơ chế kiểm soát lỏng lẻo và *không* có quyền tự chủ. Một điều kiện tiên quyết để tạo nên một tập đoàn kinh tế thực thụ là *quyền tự chủ*.

(2a)... thái độ quyết tâm cao của chính phủ chống tệ nạn buôn lậu.

(3a) ... hoàn toàn ủng hộ cuộc chiến của Nga chống khủng bố và chủ nghĩa cực đoan tại Chesnia, và trừng trị phong trào ly khai ở cộng hoà này.

(4) Ấn Độ đã đề ra nhiều hạng mục mua vũ khí chống tàu ngầm, trong đó có máy bay tuần tra chống tàu ngầm P-81 tiên tiến nhất của Mỹ. (b., 28.06.2009)

‘P-81 là tàu ngầm tiên tiến nhất của Mỹ’?

Dư ‘chống tàu ngầm’ 2.

Sửa: ‘Ấn Độ đã đề ra nhiều hạng mục mua vũ khí chống tàu ngầm, trong đó có máy bay tuần tra P-81 tiên tiến nhất của Mỹ.’

(5) Theo *kết quả bầu cử*, nhiều thành viên chính phủ *không tham gia* Ban chấp hành Trung ương khóa XI như: [...] Bên cạnh đó, nhiều ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội (là ủy viên Trung ương khóa X) cũng không tham gia Ban chấp hành Trung ương khóa XI như... (b., 19.01.2011)

Cách viết ‘Theo *kết quả bầu cử*, nhiều thành viên... *không tham gia*’ là mơ hồ: ‘không tham gia’ là ‘*không trúng...*’ hay là ‘*không có tên* trong danh sách’?

(6) Nạn nhân tri hô, ngay lúc đó ba anh H., H. và L. có mặt kịp thời đã đuổi bắt được hai tên trên, thu *phương tiện gây án* và *tài sản* trả người bị thiệt hại. Hiện CA Q.5 đang lập hồ sơ xử lý *các đối tượng* này. (b., 13.07.1999)

Câu trên mơ hồ: Sao lại *đưa phương tiện gây án cho người bị hại*? Công an thành phố đang lập hồ sơ xử lý *những ai*?

Vì vậy, tìm hiểu về hiện tượng mơ hồ trong tiếng Việt và các cách diễn đạt rõ ràng là một công việc cần thiết và có lợi ích thiết thực với mọi người.

### 3.2.2. Thế nào là một câu mơ hồ?

Những câu vừa nêu và những câu dưới đây là mơ hồ:

(7) *Chả* ngon lắm.

(8) Người sinh viên *mới* đi tới.

(9) Hai người mua ba quyển sách.

(10) Con có ăn chiếc bánh mẹ mua sáng nay không?

Câu 7 được hiểu là *lời khen* về món *chả* (nem), mà cũng có thể hiểu là *lời chê* một món ăn nào đó *chả* (/chẳng) ngon. Chúng ta nói đó là hiện tượng mơ hồ *từ vựng*. Có hai từ ‘chả’ đồng âm trong câu này.

Các từ ngữ trong câu 8 đều rõ ràng, nhưng chúng ta lại không rõ từ ‘*mới*’ kết hợp với yếu tố đứng trước nó (người *sinh viên mới* đi tới) hay là với yếu tố đứng sau nó người (sinh viên *mới* đi tới). Chúng ta nói câu 8 đã mơ hồ về *cấu trúc*.

Các từ ngữ trong câu 9 đều rõ ràng, cấu trúc cú pháp cũng rõ ràng nhưng chúng ta lại không rõ là cả hai người mua tổng cộng là 3 quyển sách hay mỗi người mua 3 quyển sách. Vì thế, câu 9 được gọi là mơ hồ về *lô gích*.

Câu 10 hoàn toàn rõ ràng về từ vựng, về cấu trúc và về lô gích. Nhưng câu này mơ hồ một cách tiềm năng. Nó có thể được dùng cho hai loại câu hỏi: một câu hỏi về nguyện vọng và một câu tra xét, tra hỏi về sự kiện. Là một câu hỏi về nguyện vọng, người mẹ muốn biết đứa con có muốn ăn chiếc bánh hay không. Thấy không còn chiếc bánh, người

mẹ hỏi, tra xét xem đứa con có ăn hay không. Câu 10 được gọi là mơ hồ về *ngữ dụng*.

Lại có hiện tượng trên chữ viết thì rõ ràng nhưng khi nói thì mơ hồ. Mặt khác, có những câu mơ hồ khi viết nhưng khi nói lại trở thành rõ ràng nhờ cách nhấn âm và ngắt giọng. Trong sách này chúng tôi chỉ giới thiệu câu mơ hồ trên cấp độ *chữ viết*.

**Định nghĩa:** *Câu mơ hồ là câu có ít nhất hai cách hiểu.*

### 3.2.3. Mơ hồ là hiện tượng tất yếu của ngôn ngữ tự nhiên

Không phải chỉ tiếng Việt mới có câu mơ hồ. Các nhà ngôn ngữ học đã chứng minh rằng ngôn ngữ tự nhiên nào cũng có hiện tượng mơ hồ.

Có nhiều công trình khảo cứu về hiện tượng mơ hồ trong ngôn ngữ tự nhiên. Ngày nay, việc nghiên cứu về tính mơ hồ trong ngôn ngữ còn có ý nghĩa rất quan trọng vì nó được ứng dụng để giải quyết vấn đề dịch máy nói riêng và những vấn đề ngôn ngữ trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence) nói chung.

Mỗi ngôn ngữ đều có những đặc điểm nhất định. Vì vậy, bên cạnh những kiểu mơ hồ thường gặp, mỗi ngôn ngữ lại có những kiểu mơ hồ riêng.

Dưới đây chúng ta nêu một vài ví dụ về những câu mơ hồ trong tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Nga để những bạn quan tâm tới vấn đề này tham khảo.

Mơ hồ từ *vịng*:

(1A) Bill proposes John to paint the picture.

Hiểu câu trên thế nào? Ai vẽ tranh? Bill hay John?

(1P) Je propose à mon fils de sortir.

Hiểu câu trên thế nào? Ai ra đi? Tôi hay con trai tôi?

Mơ hồ *cú pháp*:

+ Về cụm danh từ:

(2A) The shooting of the hunters

(2P) Le tir des chasseurs

(2N) Strel'ba okhotnikov

(Trong các câu 2, người đi săn thực hiện hành động bắn hay người đi săn là đối tượng của hành động bắn?)

+ Về *trạng ngữ*:

(3A) I saw the man *in the street*.

(3P) J'ai vu l'homme *dans la rue*

(Trong các câu 3, người đàn ông ở trên đường hay tôi ở trên đường?)

+ Về *phạm vi tác động*:

(4A) Old men and women...

(4N) Starye muzchiny I zhenshiny...

Hiểu câu 4 thế nào? 'những ông lão và *những bà lão*' hay 'những ông lão và *những phụ nữ*'?

(5A) John doesn't beat his child because he loves him.

(5P) Jean ne bat pas son enfant parce qu'il l'aime.

(Trong các câu 5, John có đánh con hay là không đánh con?)

Mơ hồ lô gích:

+ Về đại từ:

(6A) Ivan told Pierre that *his book* is interesting.

(6P) Ivan a dit à Pierre que *son livre* est intéressant.

(6N) Ivan skazal Petru, chtou *nego* interesnaja kniga

(Trong các câu 6, quyển sách của ai thì lý thú? Của Ivan, của Pierre hay của một người thứ ba nào đó?)

+ Về số từ:

(7A) Three rules on this page:

(7P) Trois règles dans cette page.

(7N) Tri pravila na etoy stranice.

(Trong các câu 7, trang sách này có hơn 3 quy tắc hay chỉ có đúng 3 quy tắc?)

+ Về liên từ:

(8A) If John is present or Williams up for our proposal and Stark doesn't come out, it will be adopted. (Ví dụ của S.C. Kleene trong *Mathematical Logic*)

[(8V) Nếu John có mặt hoặc là nếu Williams ủng hộ đề nghị của chúng ta và nếu Stark không phản đối thì đề nghị của chúng ta sẽ được chấp nhận.] Câu (8A), (8V) mơ hồ về phạm vi tác động của hai liên từ **or** và **and**, **hoặc** và **và**. Hai cách diễn đạt lô gích của chúng là:

(8a)  $((J \vee W) \wedge \neg S) \Rightarrow A$

(8b)  $(J \vee (W \wedge \neg S)) \Rightarrow A$

### 3.2.4. Những kiểu mơ hồ thường gặp: từ vựng, cấu trúc, lô gích

#### 3.2.4.1. Mơ hồ về từ vựng

Trong một câu, nếu một từ có thể được hiểu theo hai nghĩa thì chúng ta nói câu đó đã *mơ hồ (về) từ vựng*.

Có hai loại mơ hồ từ vựng: sự đồng âm của *từ đơn* và sự đồng âm của *chuỗi từ*.

(1) Cung kiếm ra tay, thiên hạ đổ dồn hai mắt lại

Triều đình cử mục, anh hùng chỉ có một *người* thôi.

(Câu đối của Nguyễn Khuyến tặng Bạng Long, viên quan võ chột mắt)

Từ *người* có hai nghĩa, sự đồng âm của hai từ khác nhau: (con) *người* và (nhà) *người*.

(2) (Hai cô vào một nhà sách, mua xong, một cô nói):  
Chồng mày mày ôm, chồng tao tao ôm.

(3) Đùng có *qua mặt* ông ấy.

Trong câu trên, *qua mặt* có hai nghĩa: a) đi qua trước mặt, b) coi thường, không đếm xỉa gì đến.

(4) Thứ thuốc *độc nhất*.

Trong câu trên, *độc nhất* có hai nghĩa: a) duy nhất, b) độc hại nhất.

*Một số ví dụ khác:*

- Cảnh táo *đầu hè*. (hè ← mùa hạ/hè sân); *Chân* trạng nguyên. (chân ← cẳng/đích thực); - Bác được mấy *cháu*? (Cháu ← con/con của con mình);

- Ba bảo Năm đi Vũng Tàu. (bảo ← nói rằng/ ra lệnh cho)
- Con chó cắn con mèo *chết*. (chết←cắn chết/cắn chết mất!)
- Lớp trưởng có *bầu* không? (bầu ← bầu cử/mang bầu)
- Tiếng Huế nghe *được* không chị? (được ← hay/rõ)
- Chiều nay nó *phải* có mặt ở Đà Lạt rồi. (phải ← nghĩa vụ bắt buộc/chắc chắn)
- Thời gian học đại học tôi mới dám viết thư về *xin* chị lấy chồng. (xin ← đề nghị/xin phép)

### 3.2.4.2. Mơ hồ về cấu trúc

*Sự mơ hồ của liên từ và giới từ* làm cho từ ngữ trong câu có những *chức năng ngữ pháp* khác nhau, những *vai ngữ nghĩa* khác nhau.

- Quà tặng *của* Thu Phương.

Danh ngữ trên có thể hiểu:

- a) Thu Phương là người *tiếp nhận* quà.
- b) Thu Phương là người *tặng* quà.

*Sự kết hợp của nhiều tiếng thành những cấu trúc khác nhau.*

Những câu dưới đây mơ hồ vì đều có hai cách hiểu:

- *Cần thiết* lập lại trật tự nơi đây.
- (a) Lập lại trật tự nơi đây là *cần thiết*.
- (b) Cần phải *thiết lập* lại trật tự nơi đây.
- *Đêm hôm qua* cầu gãy.

(a) *Đêm hôm* đi qua cầu gãy.

(b) Cầu gãy *đêm hôm* qua.

- Bác nông dân ranh mãnh đáp.

Từ *ranh mãnh* kết hợp với danh từ hay với động từ?

(a) Bác *nông dân ranh mãnh* đáp.

(b) Bác nông dân *ranh mãnh* đáp.

• *Phép chêm câu và hiện tượng mơ hồ*

Từ một câu đơn có thể mở rộng thành một câu phức. Một trong những cách mở rộng là dùng phép chêm câu: *đem một câu B chêm vào sau một thành phần nào đó của câu A để mở rộng câu A.*

Phép chêm câu có thể dẫn tới những câu mơ hồ. Ví dụ:

A = Anh ấy đã gặp con.

B = Anh ấy trên đường về chợ.

Để mở rộng thành phần ‘anh ấy’ của câu A ta đem câu B đặt vào sau thành phần này trong câu A. Sau đó thực hiện rút gọn yếu tố lặp lại sẽ được câu:

A (+B) = Anh ấy - Anh ấy trên đường về chợ - đã gặp con.

→ (a) Anh ấy trên đường về chợ đã gặp con.

Để mở rộng thành phần ‘anh ấy’ của câu B ta đem câu A đặt vào sau thành phần này trong câu B. Sau đó thực hiện rút gọn yếu tố lặp lại sẽ được câu:

B (+A) = Anh ấy - Anh ấy đã gặp con - trên đường về chợ.

→ (b) Anh ấy đã gặp con trên đường về chợ.

Câu b có hai cách hiểu mà cách thứ nhất chính là câu a.  
Xuất hiện cách hiểu thứ hai:

(c) Anh ấy đã gặp con trên đường **con** về chợ.

Ở câu b còn một cách hiểu nữa liên quan đến từ ‘con’:  
*con của anh ấy*

Có hàng loạt câu mơ hồ về cấu trúc liên quan đến phép  
chêm câu.

• *Sự phủ định*

Những từ dùng để phủ định, như *không, không phải, chưa, chẳng*, hay những từ dùng để ra những mệnh lệnh không được thực hiện một hành động nào đó, như: *cấm, không được*, và cả những lời khuyên không nên thực hiện một hành động nào đó, như: *không nên, đừng, chớ*,... thường gây ra những hiện tượng mơ hồ về cấu trúc. Nguyên nhân: *người ta không rõ phạm vi tác động (scope) của những từ phủ định, cấm đoán hay khuyên bảo này tới đâu*. Ví dụ:

- Quận 6, Toàn bộ các tuyến đường không được kẻ vạch báo giao thông. (tít báo - *chưa được kẻ vạch hay cấm kẻ vạch?*)

- Cấm lái xe có mùi bia rượu. (có thể hiểu: *xe có mùi bia rượu?*)

Kiểu mơ hồ về *phạm vi tác dụng* của từ ‘không’:

1) Anh Bang không phải là ba thằng Máo như cô Thìn đã nói.

[a] *Đồng ý* với lời cô Thìn ‘anh Bang không phải là ba thằng Máo’.

b) *Bác bỏ* lời cô Thìn ‘Anh Bang là ba thằng Mão’.

Có thể viết rõ ràng theo nghĩa a: ‘Đúng như cô Thìn đã nói anh Bang không phải là ba thằng Mão’ hoặc theo nghĩa b: ‘Cô Thìn nói ‘anh Bang là ba thằng Mão’ là không đúng.’

2) Một ông vừa tục huyền nói với cô vợ mới:

- Em yêu, anh có một nhược điểm lớn là hay *ghen vô có* lắm!

- Anh yên tâm đi, em sẽ *không bao giờ* để anh phải ghen vô có đâu!

Câu trả lời tạo ra sự mơ hồ do phạm vi tác động của cụm từ *không bao giờ*. Có thể cô vợ muốn nói ‘em sẽ *không bao giờ* để anh phải *ghen*’ nhưng người đọc thường hiểu thành ‘em sẽ *không bao giờ* để anh phải *ghen vô có*’ (!)

3) Vì những bà mẹ này không may mắn gặp được nữ hộ sinh tốt bụng *như* tôi. (b., 26.07.2009)

Những bà mẹ này không may mắn *như* tôi gặp được nữ hộ sinh tốt bụng hay *tôi là nữ hộ sinh tốt bụng?*

### 3.2.4.3. Lưu ý

*Một câu có thể chứa nhiều kiểu mơ hồ khác nhau. Trong những trường hợp này, câu thường có nhiều hơn hai cách hiểu. Ví dụ:*

(1) Mẹ con đi chợ chiều mới về.

Những cách hiểu câu 1:

Con *chào mẹ* để đi chợ: *Mẹ!* Con đi chợ, chiều mới về.

Con *chào mẹ* khi về nhà: *Mẹ!* Con đi chợ chiều mới về.

Con trả lời bố (hoặc người trên): Mẹ con đi chợ, chiều mới về.

Con *thông báo* cho bố là mẹ đã đi chợ: Mẹ con đi chợ chiều mới về.

Bố trả lời con: Mẹ con đi chợ, chiều mới về.

Bố *báo* cho con: Mẹ con đi chợ chiều mới về.

Người hàng xóm nói với nhau: Mẹ con (nhà ấy) đi chợ chiều mới về.



[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

---

 CHƯƠNG 4
 

---

# DIỄN ĐẠT

## 4.1. Viết mơ hồ - một vũ khí ngoại giao<sup>1</sup>

*Phẩm chất của những người cầm bút: Viết chính xác, viết không mơ hồ. Điều này đặc biệt quan trọng với những ai soạn thảo văn bản chính trị, quân sự, ngoại giao, thương mại.*

Ý thức được tầm quan trọng của cách viết rõ ràng, chính xác, có tác giả khi không tránh được một câu mơ hồ đã tìm cách ghi chú thêm cho câu rõ nghĩa. Đồng lý văn phòng triều đình cuối cùng nhà Nguyễn, ông Phạm Khắc Hoè, trong hồi ký *Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc* đã viết: ‘Năm (5) tháng trước, khi bản thảo dụ ‘Dân vi quý’ được nhà vua phê chuẩn [...]’ (tr. 62). Rõ ràng là ông e rằng nếu viết ‘Năm tháng trước’ có thể làm người đọc hiểu lầm thành ‘Những năm, những tháng trước...’. Ông bèn chừa số 5 vào trong ngoặc đơn để mọi người đều hiểu ông viết chính xác là ‘5 tháng trước...’.

---

1 Bài này đã đăng trên SGTT, ngày 02.08.2010

♦ **Một câu mơ hồ có thể là nguyên nhân của một cuộc chiến tranh!**

Đó là câu chuyện tranh chấp biên giới giữa Ấn Độ và Pakistan. Sau khi giành được độc lập từ tay thực dân Anh vào năm 1947, bán đảo Ấn Độ được chia thành hai nước là Ấn Độ (đa số là người Hindu) và Pakistan (đa số là người Hồi giáo). Hồi đó thủ lĩnh của người Hồi giáo vùng Kashmir là Hari Singh kêu gọi độc lập cho vùng đất này. Vì phải đối phó vất vả với tộc người Pastun được Pakistan hậu thuẫn, Hari Singh kêu gọi sự giúp đỡ của Ấn Độ và chấp nhận dưới quyền thống trị của Ấn Độ. Thế là nổ ra cuộc chiến đầu tiên giữa Ấn Độ và Pakistan. Năm 1949, một hiệp định ngừng bắn đầu tiên được ký kết. Theo đó, vùng Kashmir được chia làm hai phần với đường biên kéo dài từ phía tây Kashmir tới gần hết vùng đất có tranh chấp là Siachen Glacier, tên một dòng sông băng trên đỉnh núi. Phần lãnh thổ hình tam giác còn lại được hiệp định phân chia rất mập mờ là *‘cứ tiếp tục như vậy về phía sông băng’* tại khu vực. Từ đó nảy sinh bi kịch. Hai thập kỷ tiếp theo hiệp định đó, chỉ có sự tranh chấp của những người vẽ bản đồ. Nhưng từ đầu thập kỷ 70, khi những người leo núi đầu tiên tới thám hiểm vùng này, người ta nảy sinh ý nghĩ: Tại sao quân đội lại không thể lên đây? Ngày 13.04.1984 quân đội Ấn Độ đặt chân lên đây, lên đỉnh núi và triển khai quân đội quanh sông băng Siachen. Từ đó có cuộc chiến dai dẳng cho tới nay.

◆ **Phải chăng tai họa xảy ra vì dịch sai một từ?**

*Giai thoại:* Tối hậu thư Potsdam gửi cho Nhật do Mỹ, Anh và Trung Hoa ký được công bố ngày 26.07.1945. Bức tối hậu thư buộc Nhật phải chọn một trong hai con đường: Hoặc đầu hàng, hoặc bị tiêu diệt. Hội đồng bộ trưởng Nhật đã họp để thảo luận về tối hậu thư này. Cảnh phe chủ hoà còn có phe chủ chiến như bộ trưởng Bộ chiến tranh Anami và các tham mưu trưởng nên chỉ đi đến một quyết định tương đối thuận lợi cho con đường hoà bình: Chính phủ không có ý định bác bỏ các yêu cầu của đồng minh.

Tuy nhiên, trong cuộc họp báo vào ngày 28.07.1945, thủ tướng Nhật đương thời là Kantaro Suzuki đã tuyên bố một câu là ‘Hội đồng bộ trưởng tạm thời áp dụng chính sách mokusatsu’. Trong các từ tiếng Châu Âu, không có một từ nào đồng nghĩa chính xác với từ mokusatsu. Ngay trong tiếng Nhật, nghĩa của từ này cũng rất mập mờ: Nó có thể chỉ *sự bác bỏ*, mà cũng có nghĩa là *lảng tránh, không bình luận*. Do vậy các nhà phiên dịch của Thông tấn xã Nhật Domei không làm cách nào biết được ý định thực sự của thủ tướng Suzuki. Và bản dịch sang tiếng Anh của họ đã phạm phải một sai lầm quan trọng khi loan tin là chính phủ Nhật quyết định không xem xét tối hậu thư Potsdam.

Thế là trên tờ Times, cùng ngày 28.07.1945 có ngay một bản tin đặc biệt: ‘Hạm đội đồng minh tấn công ngay vào lúc Tokyo *bác bỏ các điều kiện hoà bình.*’ (*Thế giới mới*, số 35, tr.54 - 56).

Thực hư như thế nào là công việc của các nhà lịch sử.

♦ **Bản lĩnh của nhà ngoại giao và chính khách: *biết dùng câu mơ hồ***

*Câu chuyện về lựa chọn từ ngữ cho một bản kiến nghị* (viết bằng tiếng Pháp và đã đăng trên tờ *Le Monde* của Pháp, ngày 22.04.1954)

Tháng 03.1954, một nhóm trí thức yêu nước Hà Nội quyết định viết một bản kiến nghị gửi tới chính phủ Pháp (nhưng lại với danh nghĩa một nhóm trí thức *trung lập* ở Hà Nội) yêu cầu điều đình với chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà để lập lại hoà bình ở Đông Dương.

Trong bản thảo đầu tiên có đoạn ‘*Chính phủ Pháp phải điều đình với Chính phủ Hồ Chí Minh*’. Có người không tán thành. Từ ‘*phải*’ sẽ tố cáo rằng đây không phải là nhóm trí thức *trung lập*.

Có người đề nghị đổi thành ‘yêu cầu *hai bên* gặp nhau để...’. Viết vậy cũng không ổn vì đã gạt chính phủ bù nhìn của Pháp ra ngoài và chắc chắn phía Pháp không đồng ý.

Nhưng cũng không thể viết là ‘yêu cầu *ba bên* gặp nhau để...’. Viết vậy hóa ra chúng ta gián tiếp công nhận chính phủ bù nhìn của Pháp.

Cuối cùng nhờ sự khác biệt giữa tiếng Việt và tiếng Pháp đã tìm ra chữ ‘*các bên*’ (*les parties*): ‘yêu cầu *các bên* gặp nhau để...’. Với tiếng Việt, viết *các bên* thường phải hiểu là ít nhất có ba bên. Tiếng Pháp, viết ‘*les parties*’ là đạt yêu cầu vì chỉ hai bên là phải dùng *les* (các) rồi. Viết *les parties*, ai muốn hiểu thế nào thì hiểu. (*Hà Nội Mới*, 01.10.1989)

*Chọn cách viết mơ hồ cho bản hiệp định: Quốc quân là gì?*

- Chiều ngày 26.02.1946, đoàn đại biểu Đảng cộng sản Trung Quốc do Chu Ân Lai dẫn đầu đã ký 'Phương án cơ bản về việc biên chế lại quân đội và thống nhất biên chế *bộ đội Trung Cộng* thành *Quốc quân*'. Từ *Quốc quân* được Chu Ân Lai dùng mập mờ. Tưởng Giới Thạch biết rằng, chữ '*Quốc quân*' là *quân đội quốc gia*, chứ không phải quân đội của *Quốc dân đảng* và do đó ông đã kiên quyết phản đối, ký thì ký, còn tấn công vẫn cứ tấn công, và không khí nội chiến ngày càng tăng. (Kiến Thức Ngày Nay, 20.12.1995)

*Làm thế nào giảm căng thẳng ngoại giao: Sorry nghĩa là gì?*

- Ngày 01.04.2001, máy bay do thám Mỹ xâm nhập vào lãnh thổ Trung Quốc và ~~đụng~~ ~~rớt~~ máy bay quân sự của nước này. Mỹ đã vi phạm độc lập, chủ quyền của Trung Quốc nên gây ra một không khí rất căng thẳng trong quan hệ Mỹ-Trung... Chính phủ Trung Quốc đòi hỏi Mỹ phải giải thích và xin lỗi. Khi bộ trưởng quốc phòng Mỹ Ronald Rumsfeld xuất hiện trên truyền hình nói về vụ này có nhắc tới từ '*sorry*' thì mối quan hệ này mới bớt căng thẳng đi và lắng dịu lại. Phía Trung Quốc hiểu rằng như vậy là Mỹ đã '*xin lỗi*'. Nhưng sau đó Ronald Rumsfeld giải thích rằng *sorry* chỉ có nghĩa là '*lấy làm tiếc*'. (Chào Buổi Sáng, 27.12.2001)

*Dùng câu mơ hồ để phê phán tế nhị*

Wilson khi làm thống đốc bang New Jersey nhận được cú điện thoại từ Washington, D.C. nói rằng một nghị sĩ bang New Jersey - bạn thân của ông - đã qua đời. Ông rất xúc

động và huỷ mọi cuộc hẹn trong ngày. Sau mấy phút, ông lại nhận được cú điện thoại của một chính trị gia New Jersey. Người ấy lắp bắp nói:

- Ông thống đốc, tôi... tôi hy vọng có thể thay thế vị trí của ông nghị sĩ nọ.

Wilson rất bức với thái độ quá ‘nhanh nhẹn’ của y. Ông bèn chậm rãi trả lời:

- Được lắm, nếu nhà quản đồng ý thì cá nhân tôi cũng nhất trí.

## 4.2. Nói mơ hồ - một nghệ thuật hùng biện<sup>1</sup>

Nhà hùng biện thành công nhờ tài lập luận (argumentation). Trong không ít trường hợp dùng những yếu tố mơ hồ khi nói năng lại là phương kế giao tiếp thành công.

- Người khôn ăn nói nửa chừng,

Để cho người dại nửa mừng nửa lo. (Ca dao)

- Làm trai cứ nước hai mà nói. (Tục ngữ)

### ♦ Thế nào là ăn nói nửa chừng?

Đó là nói những câu không xác định: ngoài những câu mơ hồ có nhiều cách hiểu còn là những câu *không có địa chỉ*, ở đó không xác định được các yếu tố *ai, ở đâu, khi nào, việc gì*.

Có một ông vua hiếu chiến muốn đánh nhau với nước Ba Tư, nhưng không tin lắm vào khả năng mình chiến thắng.

<sup>1</sup> Bài đã đăng trên SGT, ngày 27.09.2010

Ông bèn tới cầu ở một ngôi đền nổi tiếng linh thiêng để xin lời phán của thần linh. Thần phán như sau:

*Nếu đánh nhau với Ba Tư, một vương quốc hùng mạnh sẽ bị phá tan tành.*

Ông vua ngu ngốc này cả mừng, vội đem quân tiến đánh Ba Tư. Nhưng đã đại bại. Chỉ mình ông trốn thoát. Buồn rầu, hối hận và căm tức, ông ta lén gửi thư đến trách thần linh đền nọ đã phán sai với bút danh *người cầu xin tức giận*. Ít lâu sau, người coi đền nọ gửi thư trả lời:

Thần linh đâu có nói sai. Chẳng phải là một vương quốc hùng mạnh - vương quốc mà ông trị vì - đã bị phá tan tành đó sao!

‘*Một vương quốc hùng mạnh*’ là cụm từ không có địa chỉ: vương quốc nào vậy? Từ *một* và những từ chỉ số lượng sẽ làm danh từ đi sau nó thành không xác định. Các đối tượng trong truyện cổ tích không xác định nên người ta dùng từ *một*: Ngày xưa, *có một* ông vua, *có một* mụ phù thủy trong *một* khu rừng, ở *một* làng nọ *có một* ông lão, *có một* chàng trai, *có một* gia đình... Thế là câu ‘*Một vương quốc hùng mạnh sẽ bị phá tan tành*’ thành mơ hồ. Nếu Ba Tư thua thì câu của thần linh vẫn đúng.

♦ **Dùng những từ ngữ trống rỗng**, không có thông tin đích thực cũng là cách nói nước đôi.

Có người hỏi Pistalos, một nhà giáo dục học nổi tiếng người Thụy Sĩ:

- *Ngài có thể nhận ra một đứa trẻ lớn lên sẽ thành người thế nào không?*

Pistalos: *Đương nhiên rồi. Một bé gái lớn lên sẽ thành một phụ nữ. Một bé trai lớn lên sẽ thành một đàn ông.*

Câu trả lời trên đúng có điều không trúng ý người hỏi, nhưng người ta không thể bác bỏ được. Trong ngoại giao người ta hay dùng cách trả lời này, những ngôn từ *trống rỗng vĩ đại*.

Muốn biết về năng lực làm việc hiện nay của một nhà khoa học, một người lại đặt câu hỏi: *Từ năm 1970 đến nay, thầy có gì không đổi và thay đổi những gì?*

Trước một câu hỏi quá chung chung, giáo sư có cơ đưa ra một câu trả lời vô bổ:

- *Điều không đổi là lúc trước người ta gọi tôi bằng tên gì thì nay vẫn gọi tôi bằng tên đó. Điều thay đổi là năm 1970 tôi là một thanh niên ngoài 30 thì nay là một ông già U - 80.*

### ♦ **Nói nước đôi để thoát hiểm, né tránh những điều khó nói**

*Né tránh bằng từ ngữ lẫn lộn lớp, loài của đối tượng.* Khi nói 'Trâu là loài nhai lại' thì *trâu* chỉ lợp, tức là tập hợp các con trâu. Còn 'Nhà anh chín đụn, mười *trâu*' thì *trâu* chỉ một phần tử của tập hợp các con trâu.

Nhiều từ ngữ vừa được dùng để chỉ *tập hợp*, vừa chỉ *phần tử* của một tập hợp.

Theo cách này, Lưu Đường đã trả lời được những câu hỏi khó của vua Càn Long:

Càn Long: *Chín cửa kinh thành, mỗi ngày đi ra bao nhiêu người và đi vào bao nhiêu người?*

Tài thánh cũng không biết chính xác được, Lưu Đường né tránh: *Bẩm hai.*

Càn Long: *Sao lại chỉ có hai người?*

Lưu Đường: Thưa thánh thượng, thần không nói hai người mà là *hai loại người: một là nam và một là nữ.*

Càn Long: *Vậy thì một năm để ra bao nhiêu và chết đi bao nhiêu người?*

Lưu Đường: Muôn tâu thánh thượng, cả nước Đại Thanh *mỗi năm để 1 và chết đi 12.*

Càn Long: *Cứ vậy rồi sẽ hết người hay sao?*

Lưu Đường: *Thần nói trên lý số sinh tử. Ai sinh vào năm Thìn thì mang tuổi Thìn. Nên thần nói là mỗi năm sinh một. Ai chết vào giờ nào thì cũng không thoát khỏi 12 con giáp. Nên thần nói là mỗi năm chết 12.* (theo Triệu Truyền Đống)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

#### ♦ Để bảo vệ công lý, chấp nhận dùng mẹo cài bẫy mơ hồ

Chuyện kể rằng ở một làng nọ, một nhà giàu có con là Lý Chính Tần từ nhỏ đã đính hôn với tiểu thư họ Trang. Sau vì đám cháy làm họ Lý mất sạch cơ nghiệp. Thế là Trang tiểu thư lại đi đính thân với tú tài họ Tiền giàu có. Họ Lý lên kiện Bao Công. Bao Thanh Thiên khuyên cô gái họ Trang nên giữ lời ước cũ, nhưng cô không chịu. Thế là Bao Công đành lập mẹo khi xét xử: *Tạo tình huống để cô gái nói câu mơ hồ rồi Bao Công giải thích theo ý mình.* Ông làm như sau: Đưa ba người ra công đường và bắt tú tài họ Tiền, Trang tiểu thư và Lý Chính Tần theo thứ tự quỳ một hàng dọc. Ông nghiêm trang nói với Trang tiểu thư:

- Trên công đường không nói chơi, cô muốn lấy **tiền phu** hay **hậu phu** cho cô chọn. Nhưng đã chọn rồi thì không được chữa lại, phải lập bằng có ngay.

Trang tiểu thư ngẩng đầu nhìn, thấy phía trước là tú tài họ Tiền, bèn đáp:

- *Tiểu nữ xin lấy tiền phu.*

Bao Công cười lớn. Sau khi tiểu thư nọ ký vào văn bản vừa lập về lời của tiểu thư, ông nói: 'Trang tiểu thư rất cuộc là người hiền huệ, không tham giàu, vẫn muốn lấy *người chồng trước.*' Tiểu thư lúc này mới vỡ lẽ: *tiền phu* không phải là *người đàn ông phía trước* như cô hiểu mà là *người chồng trước.*

Thật ra nếu cô gái nọ có nói muốn lấy *hậu phu* thì Bao Công cũng xoay sang 'Trang tiểu thư muốn lấy *người đàn ông phía sau*' (!).

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

#### ◆ **Cử chỉ mơ hồ: giải thích sao cũng được**

Để có thể đảo lộn phải trái, người nguy biện còn dùng những *hành động mơ hồ* để người nghe không biết đường nào mà hiểu cho đúng. Hiểu xuôi cũng được, có hiểu ngược lại cũng đúng. Nếu ai tìm ra một điều gì đó phù hợp, tương đồng thì họ thích thú. Còn ai không hiểu thì sợ bị chê dốt nên không dám bình phẩm, chỉ im lặng hoặc phụ họa.

Trước khi trải kinh ứng thí, 3 anh đồ đến nhà một đạo sĩ nổi tiếng về tướng số đốt nhang khấn vái xin quẻ. Đạo sĩ nhắm mắt ra hiệu bằng *một ngón tay*. Ba anh đồ xin đạo sĩ giảng rõ. Ông từ chối: *Đi đi, đến lúc đó sẽ hay. Đây là thiên cơ, không nói trước được.*

Khi bọn học trò đi rồi, tiểu đồng hỏi:

- Sư phụ, rốt cuộc ai đổ?
- Ngón tay ta đã nói rồi.
- Ngón tay của thầy nói rằng chỉ *đổ có một?*
- Đúng.
- Nếu hai người đổ thì sao?
- Vậy ngón tay nói rằng chỉ *một người trượt*.
- Nếu cả ba người đổ thì sao?
- Thì ngón tay là *tất cả đổ*.
- Còn nếu cả ba đều trượt?
- Thì ngón tay tức là *tất cả đều trượt*.
- Tiểu đồng ngộ ra: Té ra đó là *thiên cơ!*

[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

#### 4.3. Diễn đạt mơ hồ trong văn học-ngệ thuật

Những hiện tượng *mơ hồ ngữ dụng* thường được tận dụng để gây cười.

Ví dụ. Mẩu chuyện cười dưới đây dựa trên hai cách hiểu khác nhau về câu hỏi '*có... không...?*':

Đại tá, sĩ quan tuyển quân, hỏi nguyện vọng tân binh.

Đại Tá: John, anh muốn vào binh chủng nào?

John: Tôi muốn vào hải quân.

Đại Tá: Được, tôi chấp nhận. Jacques, anh có nguyện vọng gì?

Jacques: Tôi muốn vào pháo binh.

Đại Tá: Được. Còn Bill, anh muốn vào binh chủng nào?

Bill: Tôi muốn làm tham mưu trưởng khối NATO.

Đại Tá: Bill, *anh có điên không đấy?*

Bill: Lại cần *điều kiện* ấy nữa à?

Đại tá đã hỏi một câu mơ hồ. Ông ta dùng cách hỏi ‘*có... không...*’ để *phê phán* Bill là điên khùng. Nhưng Bill láu cá lại cố tình hiểu thành câu hỏi về *điều kiện*, kiểu câu hay dùng để hỏi người đi xin việc: ‘Chị có bằng C tiếng Anh không?’, ‘Anh có bằng trung cấp tin học không?’, ‘Anh có bằng lái ô tô không?’...

Những cách gây cười dựa trên hiện tượng mơ hồ ngữ dụng thường có tính trí tuệ, hóm hỉnh và sâu sắc.

Giai thoại về Pushkin:

Hồi trẻ một lần dự dạ hội, anh mời một quý bà ăn mặc sang trọng khiêu vũ.

- Quý bà: Tôi không thể khiêu vũ với một đứa trẻ.

- Pushkin nhanh trí: Xin lỗi, tôi không biết bà đang mang bầu!

Trong câu trên, quý bà nọ dùng từ *với* theo nghĩa ‘Tôi không thể khiêu vũ cùng anh - một đứa trẻ’, còn Pushkin lại hiểu theo một nghĩa khác.

Những ví dụ tương tự:

- Xuất giá xin đừng giữ chữ trinh. (Khuyên xuất giá hay khuyên giữ chữ trinh?)

- Phó hồi cải giá bất đắc phu cừu. (Cho phép hay cấm đi bước nữa?)

- Ngưu canh tác bất đắc thực nhục. (Cấm hay cho phép mổ trâu đánh chén?)

*Tận dụng mơ hồ ngữ dụng để gây cười*

Cán bộ thanh tra xuống một trường học và thăm lớp. Thấy trong lớp có một quả địa cầu liền hỏi học sinh: ‘*Tại sao quả địa cầu lệch một góc 23,5°?*’

Học sinh A: Thưa thầy em không làm hỏng.

Học sinh B: Thưa thầy em mới vào lớp, các bạn đều biết.

Giáo viên địa lý đứng lớp: Lớp này các em nghịch quá, tôi vừa mới quay đi mà đã như vậy.

Thầy hiệu trưởng: Báo cáo Đoàn thanh tra, kinh phí Sở rót xuống trường eo hẹp quá nên đành phải mua những thứ như vậy... (!!)

Vì sao gây cười? Câu ‘*tại sao A?*’ có hai cách hiểu:

1- Lý do (/nguyên nhân) dẫn tới điều A

2- Chất vấn với hàm ý: ‘Để xảy ra A là một điều đáng tiếc.’

Thầy trò trường nọ, kể từ hiệu trưởng đã hiểu câu hỏi *kiểm tra* kiến thức địa lý thành câu chất vấn phê phán đã xảy ra một sự việc xấu: làm lệch quả cầu đi. Đây là tiếng cười về năng lực, trình độ thầy trò trường nọ.

## 4.4. Câu sai phong cách

4.4.1. *Câu sai phong cách* là những câu viết *không đúng những quy tắc về phong cách*.

Mỗi thể loại văn bản đòi hỏi một phong cách ngôn ngữ riêng. Mỗi tình huống giao tiếp cần có một lối nói thích hợp. Mỗi giai tầng xã hội cũng có lối nói và dùng những lớp từ vựng đặc thù. Mỗi thời đại lại có những lớp từ khác nhau. Tiếng Việt có lối diễn đạt khác với lối diễn đạt của những ngôn ngữ khác. *Có những câu không sai ngữ pháp nhưng nếu không diễn đạt đúng với thể loại văn bản, không diễn đạt đúng với tình huống giao tiếp hoặc không diễn đạt đúng với cách nói của người Việt thì vẫn là sai về phong cách.*

+ Hoàng thượng dạo này [...] thiếu quyết đoán để đưa ra những *chỉ thị* cần thiết. (TV, 22.07.2011; p. *Huyền sử thiên đô*, tập 28) Vua không ra *chỉ thị* mà ra *chiếu*, *chỉ*, *dụ*!

+ Phong cách liên quan đến *quan điểm người nói*. Một sĩ quan trong quân đội Pháp ở Hà Nội (1950) nói ‘Một viên tướng mới ở Pháp sang, nhận nhiệm vụ tư lệnh trưởng quân đội viễn chinh ở *miền Bắc*.’ (ST, *Miền đất lạ*, tr.67) Viên tướng viễn chinh Pháp không nói ‘miền Bắc’ mà nói *Bắc Việt*.

(1) Ngoài Bóc-sét mà tôi đã quen ở Việt Nam, tôi còn được giới thiệu với hai nhà báo Pháp đã nổi tiếng là Mađolen Riphô và Giăng Lacutuya. Một hôm, trước ngày chia tay, Bộ trưởng Hâu Xeng tổ chức một cuộc họp thân mật giữa hai bạn Pháp và tôi. Chuyện trò ‘mày tao’ thoải mái. (b., số 23, 12.1995)

Người Pháp, khi thân mật thì dùng đại từ xưng hô theo kiểu *tu, toi* (mày), *je, moi* (tao), tiếng Pháp gọi là *tutoyer*. Dù thế nào chăng nữa, đây là sự xưng hô giữa những người có cương vị cao trong báo giới ở những nước khác nhau, cách nói của người Việt trong tình huống này là ‘Chuyện trò *cậu* - *tớ* thoải mái’ chứ không phải chuyện trò *mày, tao*.

(2) Với ngần ấy sinh lễ, so với mức sống người dân nông thôn thì vượt quá tầm tay họ.

Trước hết, câu này sai ngữ pháp: Từ ‘*với*’ làm cho câu không có chủ ngữ. Bỏ từ *với* đi, chúng ta được một câu đúng ngữ pháp nhưng cách diễn đạt vẫn còn nặng nề:

(2b) Ngần ấy sinh lễ, *so với mức sống người dân nông thôn*, vượt quá tầm tay họ.

Nên diễn đạt đơn giản hơn:

(2c) Ngần ấy sinh lễ vượt quá khả năng của người dân nông thôn.

(2d) Ngần ấy sinh lễ vượt quá khả năng của nông dân.

#### 4.4.2. Có những thể loại văn bản nào?

Thể loại văn bản thường được phân loại theo *chức năng*. Phong cách phụ thuộc vào *chức năng*. Có phong cách *khẩu ngữ* (văn nói) và phong cách *bút ngữ* (văn viết). Có các thể loại văn bản viết sau: *hành chính* - công vụ; *khoa học*; *văn học* - nghệ thuật; *thông tấn* - báo chí; *ngôn ngữ trong sinh hoạt thường ngày*.

Chúng ta chỉ minh họa hai thể loại văn bản.

#### 4.4.2.1. Phong cách văn bản khoa học

Văn bản khoa học có chức năng chứng minh, phân tích, suy luận, lý giải, nhận xét, đánh giá, trình bày những hiện tượng và quy luật của thế giới tự nhiên cũng như xã hội.

Loại văn bản này đòi hỏi tính lô gích, nhất quán, chặt chẽ, chính xác, khách quan, tường minh, không mơ hồ. Ngôn ngữ súc tích, ngắn gọn, không chứa đựng những thông tin dư. Rất ít từ ngữ thuộc lớp khẩu ngữ. Cấu trúc của các đoạn văn rất rõ ràng.

Về ngữ pháp, trong văn bản khoa học thường là những câu đầy đủ các thành phần.

Là thể loại chứng minh, nên có nhiều câu phức và câu ghép. Văn bản khoa học trung hoà về phong cách. Người viết không đưa cái ‘tôi’ vào văn bản khoa học. Chủ ngữ thường là ‘chúng ta’ hoặc ‘người ta’, ‘nó’. Nhiều câu vô nhân xưng, chủ ngữ không xác định.

Có những tiểu loại văn bản khoa học quy định nghiêm ngặt về quy cách trình bày và chuẩn mực ngôn ngữ. Ví dụ: đồ án tốt nghiệp, luận án khoa học, quy cách tóm lược một văn bản khoa học.

#### 4.4.2.2. Phong cách văn bản hành chính - công vụ

Văn bản hành chính - công vụ là những văn bản pháp lý của các cơ quan công quyền với chức năng *điều hành xã hội, chi phối hành động* mỗi cá nhân và mỗi tổ chức xã hội, và cũng là văn bản của mỗi cá nhân gửi tới cơ quan công quyền. Ngôn ngữ loại văn bản này là trung tính, nghiêm túc,

khách quan, đơn giản, rõ ràng, không mơ hồ mà chính xác và nhất quán. Không dùng từ ngữ địa phương.

Trong loại văn bản này ngầm ẩn tồn tại một quan hệ tôn ty, thứ bậc giữa các vai - vai của người tạo lập văn bản và vai của đối tượng tiếp nhận văn bản.

Đây là ngôn ngữ viết. Trong thể loại văn bản này, có những quy định rõ ràng về *danh xưng, nghi thức lời nói, khuôn mẫu từ ngữ, văn bản*.

*Chú ý:* Cần xưng hô đúng vai, và nhớ: *xưng thì khiêm, hô thì tôn*.

*Lưu ý 1: Phong cách về phương diện số lượng*

Dùng nhiều hay ít một từ ngữ nào đó cũng biểu hiện phong cách ngôn ngữ của tác giả và thể loại. Lấy các từ tình thái đặt cuối câu *à, ạ, ời, nhĩ...* làm ví dụ:

Trong 180 nghìn lượt từ ở ngôn ngữ Hồ Chủ Tịch, những từ này được dùng rất ít: *ời* được dùng 3 lần, từ *ạ* được dùng 5 lần, từ *nhĩ* được dùng 2 lần. Trong khi đó ở 60 ngàn lượt từ thơ ca, từ *ời* được dùng 129 lần; trong 60 nghìn lần ở ngôn ngữ kịch, từ *ạ* được dùng 184 lần; từ *nhĩ* được dùng 35 lần trong 60 nghìn lượt từ ở ngôn ngữ thiếu nhi.

*Lưu ý 2: Dù ở thể loại nào thì cũng cần viết đúng theo cách nói của người Việt.* Mỗi dân tộc thường có những cách nói khác nhau. Chúng liên quan đến đặc điểm của từng nền văn hóa, của từng ngôn ngữ. Giữa các ngôn ngữ có những từ ngữ cùng trở một đối tượng, cùng trở một quan hệ ngữ pháp khiến chúng ta tưởng rằng cách dùng của chúng

giống nhau. Nhưng nhiều khi lại khác hẳn nhau. Chúng ta minh họa qua liên từ ‘và’ và ‘and’ (tiếng Anh). Thông thường, dùng từ ‘và’ để dịch từ ‘and’, và ngược lại. Nhưng không ít trường hợp sẽ làm sai lạc nghĩa.

Với câu ‘Sam and Sally got married’ nếu chúng ta dịch là ‘Sam và Sally đã lập gia đình’ thì không ổn. Ở câu tiếng Anh, người ta thường hiểu là ‘Sam and Sally married *each other*’ (Sam và Sally lấy *nhau*). Còn câu tiếng Việt lại được hiểu là Sam đã lập gia đình, Sally đã lập gia đình nhưng không phải họ lấy nhau.

Tương tự, câu ‘Jack and Bill went up the hill’ có thể được hiểu là ‘Jack đi lên đồi và Bill đi lên đồi’ mà cũng có thể hiểu là ‘Jack và Bill đi lên đồi với nhau’. Nếu hiểu theo nghĩa thứ hai người Việt lại thường nói ‘Jack đi lên đồi với Bill’.

Những khác biệt như thế này rất nhiều.

## 4.5. Vai trò của trật tự từ

### 4.5.1. Trật tự từ là một phương tiện ngữ pháp

Trong tiếng Việt *trật tự từ ngữ* có vai trò cực kỳ quan trọng. Nó vừa là công cụ thể hiện ngữ pháp, vừa là công cụ thể hiện ngữ nghĩa. Năm 1948, Lê Văn Lý cho ví dụ: Với 5 tiếng *nó, bảo, sao, không, đến* có thể tạo ra trên 30 câu khác nhau: *Nó bảo sao không đến; Nó bảo sao đến không; Nó bảo đến không sao; Nó bảo đến sao không; Nó bảo không sao đến; Bảo nó đến không sao; Bảo nó đến sao không; Bảo nó sao không đến; Bảo nó sao đến không;...*

Đầu tiên cần chú ý tới sự khác biệt về trật tự từ giữa ngữ pháp tiếng Việt và ngữ pháp tiếng Hán. Một cụm từ, theo ngữ pháp tiếng Việt thì yếu tố chính đứng trước, yếu tố phụ đứng sau. Ví dụ: điểm yếu, điểm mạnh, điểm đỏ, điểm sáng, điểm tốt... Còn theo ngữ pháp tiếng Hán yếu tố phụ đứng trước yếu tố chính đứng sau. Ví dụ: yếu điểm, ưu điểm, nhược điểm, khuyết điểm, tâm điểm... Như vậy, ‘yếu điểm’ là ‘điểm quan trọng’ chứ không phải là ‘điểm yếu’. Chú ý tới điều này, chúng ta dễ dàng phân biệt được nghĩa của nhiều từ ngữ và tránh được những hiểu lầm đáng tiếc.

Mặt khác nhờ phương thức trật tự chúng ta biết cách chuyển một cụm từ theo cấu tạo Hán Việt sang cấu tạo thuần Việt. Ví dụ: Trong các từ *điện năng*, *hóa năng*, *quang năng*, *nhiệt năng*... thì ‘*năng*’ có nghĩa là ‘*năng lượng*’. Như vậy các từ trên đồng nghĩa với *năng lượng điện*, *năng lượng hóa học*, *năng lượng ánh sáng*, *năng lượng nhiệt*...

#### *Trật tự từ và cách nói thuận tai*

- Biện pháp chống nạn tràn ngập đơn thư khiếu tố tại Tp. Hồ Chí Minh. (Tít báo, 28.06.1999)

Cách tường thuật sự kiện đã xảy ra theo trật tự chủ vị ‘đơn thư khiếu tố tràn ngập’ nghe thuận tai hơn cách đảo ngược trật tự ‘tràn ngập đơn thư khiếu tố’. Vậy thì chỉ cần đảo vị trí ‘tràn ngập’ xuống cuối là được một tít báo thuận tai: ‘Biện pháp chống nạn đơn thư khiếu tố tràn ngập tại Tp. Hồ Chí Minh’

- Hiện nay ở Thừa Thiên Huế vẫn còn số gia đình sinh con thứ ba *cao*. (đ., 25.12.2003)

Cách diễn đạt này làm đứt mạch văn ‘vẫn còn cao’. Hãy đẩy ‘vẫn còn’ xuống cuối: ‘Hiện nay ở Thừa Thiên Huế số gia đình sinh con thứ ba vẫn còn cao’.

*Đảo trật tự từ giúp tránh được những câu mơ hồ tai hại hoặc những câu gây hiểu sai nghĩa.*

- Barack Obama không là con người mềm yếu *như ông đã cho thấy*. (b., 08.06.2008)

Đặt cụm từ so sánh ở cuối câu khiến người đọc có thể hiểu lầm câu trên thành ‘Barack Obama không là con người mềm yếu *như bề ngoài của ông*’.

Nên đảo lại trật tự: ‘Barack Obama *đã cho thấy* ông không là con người mềm yếu’.

- Kết quả giải bóng đá Ý đêm qua (30.04): *Juventus chỉ còn cách Lazio 2 điểm*. (b., 01.05.2000)

Tít trên gây hiểu lầm là *Lazio* đang dẫn đầu giải và *Juventus* đã gần đuổi kịp. Sự thực ngược lại, *Juventus* đang dẫn đầu giải. Có hai cách sửa:

a) Đảo trật tự: *Lazio chỉ còn cách Juventus 2 điểm*.

b) Muốn giữ nguyên trật tự thì cần thay *cách* bằng *hơn*: *Juventus chỉ còn hơn Lazio 2 điểm*.

- Kinh tế tăng trưởng 2 tốc độ. (Tít báo, 01.01.2011)

Đọc tít trên độc giả không hiểu bài báo muốn nói gì. Người ta nói mức tăng trưởng 2 chữ số, nghĩa là tăng trưởng trên 10%. Nhưng thế nào là tăng trưởng 2 tốc độ? Bài báo viết rằng kinh tế toàn cầu có tăng trưởng nhưng thấp thôi, còn giá cả thì tăng vọt. Hóa ra 2 ‘tốc độ’ là như vậy. Phải

chẳng nên đảo lại trật tự 2 tốc độ “tăng trưởng” kinh tế? Cái từ *tăng trưởng* đứng trong ngoặc kép khiến người đọc hiểu ngay được giá cả tăng vọt thì không phải là tăng trưởng.

- Giải ngoại hạng Anh *chỉ duy nhất* có ở Việt Nam trên VTC. (Chương trình quảng cáo trên tivi, 25.08.2009)

Giải ngoại hạng Anh thì phải đá ở Anh rồi truyền hình ở Anh chứ sao lại ‘*chỉ duy nhất* có ở Việt Nam’? Đưa trạng ngữ ‘ở Việt Nam’ lên đầu, câu sẽ mất mơ hồ:

‘Ở Việt Nam, giải ngoại hạng Anh *chỉ duy nhất* có trên VTC’.

Đặt trạng ngữ ở cuối câu để dẫn tới những câu mơ hồ vì không rõ trạng ngữ đó bổ nghĩa cho động từ nào.

- Các cuộc biểu tình phản đối việc bắt giữ ông Julian Assange, hiện đang ở trong nhà giam của Anh, vì các cáo buộc cưỡng hiếp diễn ra trên khắp Tây Ban Nha. (b., 13.12.2010)

Điều gì diễn ra trên khắp Tây Ban Nha? Các cuộc biểu tình hay các cáo buộc cưỡng hiếp? Vì để vị ngữ ‘diễn ra’ đứng cách quá xa chủ ngữ ‘các cuộc biểu tình’ làm đứt mạch văn và để cụm từ ‘trên khắp Tây Ban Nha’ đứng cuối khiến câu thành mơ hồ. Chỉ cần đảo lại trật tự là câu trở nên rõ ràng và thanh thoát:

- Các cuộc biểu tình diễn ra trên khắp Tây Ban Nha phản đối việc bắt giữ ông Julian Assange, hiện đang ở trong nhà giam của Anh vì các cáo buộc cưỡng hiếp.

*Nhớ sai trật tự ‘mục đích - kết quả’ khiến câu sai:*

- Suy nghĩ mãi, Thế tử Hữu mới tìm ra được một kế, quyết ‘*di thân thí pháp*’. (dùng thân mình liều với pháp luật - sách)

Đúng ra phải là ‘*thí thân di pháp*’ - hy sinh thân mình (thí thân) để mong sửa đổi được pháp luật hà khắc (di pháp). Thế tử Hữu dám liều mình để xin vua cha là Ngô Phù Sai bãi bỏ quân pháp ‘kẻ nào dám can ngăn vua xuất binh đánh Tề bị xử tử’. Ở đây, chữ dùng sai, chú thích càng sai: đâu phải chuyện dùng thân mình liều với pháp luật!

*Đảo trật tự từ, cấu trúc cú pháp thay đổi, câu có thể trúc trắc và dài ra vô ích.*

Câu ‘Nốt ruồi trên người em anh nhớ từng vị trí một, em còn giấu anh điều gì’ (p.CTT, TV, 03.8.2011) dài dòng. Viết theo trật tự thuận sẽ đơn giản và ngắn hơn: ‘Anh nhớ từng nốt ruồi trên người em, còn giấu anh làm gì’

Câu ‘... điều tra gần đây cho thấy tuổi thọ bình quân ở Nam Phi được dự kiến sẽ giảm gần 20 tuổi đến năm 2010 do HIV/AIDS’. (b., 27.09.2003)

Câu này trúc trắc vì không chú ý tới vị trí trạng ngữ và cách diễn đạt câu theo quan hệ nhân quả ‘*do... mà...*’. Chúng ta sửa:

Hoặc ‘... điều tra gần đây cho thấy *do HIV/AIDS*, [mà] *đến năm 2010* tuổi thọ bình quân ở Nam Phi được dự báo sẽ giảm gần 20 tuổi’.

Hoặc ‘... điều tra gần đây cho thấy *do HIV/AIDS*, tuổi thọ bình quân ở Nam Phi *đến năm 2010* được dự báo sẽ giảm gần 20 tuổi.’

*Chú ý về vị trí của bổ ngữ*

Thường thì không nên để các thành phần khác xen giữa

vị ngữ và bổ ngữ làm *đứt mạch* văn và tạo ra những câu khó hiểu.

- Ở trên cao họ có thể nhìn thấy tốt hơn so với mặt biển những gì có ở dưới nước.

Câu này khó hiểu vì cụm từ ‘so với mặt biển’ đã xen giữa động từ ‘nhìn thấy’ và bổ ngữ ‘những gì có ở dưới nước’. Vậy chỉ cần chuyển nó lên đầu câu hoặc xuống cuối câu:

- Ở trên cao họ có thể nhìn thấy *những gì có ở dưới nước* tốt hơn so với (ở trên) mặt biển.

- So với ở trên mặt biển, ở trên cao họ có thể nhìn thấy *những gì có ở dưới nước* tốt hơn.

#### 4.5.2. Trật tự từ là một phương tiện ngữ nghĩa

Chúng ta quan sát một đề báo của Trần Bạch Đằng: ‘Mậu Thân và tuổi trẻ Sài Gòn. Tuổi trẻ Sài Gòn và Mậu Thân’. (Tuổi Trẻ, 29.01.2003)

Trong tit trên, vế sau chỉ là vế trước đảo lại trật tự. Điều này cho thấy trật tự từ ngữ chuyển tải được ý nghĩa. Nếu không tác giả đã không cần thêm vế sau nữa.

*Trật tự từ ngữ dù là trật tự giữa hai mệnh đề, giữa hai vế trong một câu ghép hay giữa các thành phần trong một câu luôn luôn ảnh hưởng tới nghĩa của câu.*

- Bà bị cáo buộc sao chép 25% luận văn của mình về cải cách tiền tệ để nhận bằng tiến sĩ năm 2000. (b.,27.4.2011)

Sao lại ‘sao chép 25% luận văn của mình’? Hẳn là cần viết theo trật tự ‘25% luận văn của mình là sao chép’:

- Bà bị cáo buộc 25% luận văn của mình về cải cách tiền tệ là sao chép để nhận bằng tiến sĩ năm 2000. (b.,27.04.2011)

*Thay đổi trật tự từ giữa hai mệnh đề mang lại cảm nhận chủ quan khác nhau.*

- Hai sinh viên tranh cãi nhau về chuyện có thể đồng thời học triết học và hút thuốc lá được không. Không ai chịu ai. Họ phải nhờ giáo viên triết phân xử.

A: Thưa thầy, *trong khi học triết học Mác-Lênin thì có được hút thuốc lá không ạ?*

Thầy giáo triết học (không bằng lòng): Bậy nào, hút thuốc sao được.

B bèn nói với A: Cách hỏi của anh sai rồi, để tôi hỏi lại thầy xem.

B: Thưa thầy, *trong khi hút thuốc lá thì có được học triết học Mác-Lênin không ạ?*

Thầy giáo triết học (hài lòng): Đương nhiên là được rồi.

Vậy là hai cấu trúc '*trong khi A thì B*' và '*trong khi B thì A*' mang lại những sắc thái nghĩa khác nhau. Ở cấu trúc thứ nhất A là điều đã tồn tại và người ta nói về B, còn ở cấu trúc thứ hai B là điều đã tồn tại và người ta nói về A.

*Trật tự giữa hai vế trong một câu ghép*

- Có câu chuyện sau: Theo lệnh Hoàng đế, Tăng Quốc Phiên (đời nhà Thanh) mang quân triều đình đi đàn áp nghĩa quân Thái Bình Thiên Quốc, tuy nhiên mấy lần đều thất bại. Ông ta định cầu nhà vua cho viện binh. Trong tờ tấu này,

tất nhiên không thể nói dối vua, nên ông đã viết ‘*đánh mãi mà vẫn thua*’. Một mưu sĩ thấy câu này không ổn vì trước đây cũng có một đại tướng đi dẹp loạn không thành đã tâu lên vua một câu đại loại như thế để xin tăng viện. Hoàng đế nổi giận, bảo viên tướng nọ bắt tài không dẹp nổi loạn, bèn giáng chức đại tướng và đày ra biên ải. Mưu sĩ này liền bày mẹo đổi lại trật tự trong tờ tấu ‘*thua mãi mà vẫn đánh*’ làm ý nghĩa câu nói thay đổi hẳn.

Quả nhiên khi đọc tờ tấu này, Hoàng đế tươi cười khen: Tăng Quốc Phiên kiên cường lắm, không nhụt ý chí, *thua mãi mà vẫn đánh*. Trẫm cho thêm viện binh! (dẫn Triệu Truyền Đống)

Vậy là có thể *thay đổi trật tự từ ngữ để nguy hiểm, để dẫn dụ người nghe theo một quan điểm nào đó*.

Đảo trật tự từ là quan điểm thay đổi:

Trọng tâm ngữ nghĩa rơi vào phần đứng sau từ *nhưng*. Ví dụ:

- Ngành này dễ kiếm việc làm *nhưng* khó học lắm.
- Ngành này khó học lắm *nhưng* dễ kiếm việc làm.

Chúng ta đều cảm nhận được người nói câu (a) *ngại học ngành khó* còn người nói câu (b) coi *dễ kiếm việc làm* là quan trọng nhất, nên sẵn sàng chấp nhận học ngành khó.

*Trật tự giữa các thành phần trong một câu*

*Thay đổi trật tự từ để tạo ra điểm nhấn của câu, trọng tâm ngữ nghĩa sẽ thay đổi.*

- Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo kiểm tra việc báo Nhân

Dân nêu về thực hiện Chương trình 135 ở Cao Bằng. (Tít, *Nhân Dân*, 28.01.2005)

Viết như trên, độc giả có thể hiểu điểm nhấn của câu là ‘kiểm tra xem việc báo Nhân Dân nêu có đúng hay không’. Lẽ ra nên viết: ‘Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện Chương trình 135 ở Cao Bằng mà báo Nhân Dân đã nêu’. Sửa như vậy, độc giả sẽ hiểu rằng ‘Thủ tướng Chính phủ cho rằng không ít thì nhiều vấn đề mà báo Nhân Dân nêu là đúng. Vậy cần kiểm tra xem mức độ của nó thế nào’.

- Nghị quyết của Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ IV viết:

a. Xây dựng Việt Nam thành nước công nông nghiệp hiện đại.

b. Xây dựng các huyện thành những huyện nông công nghiệp hiện đại.

Câu trên cho biết công nghiệp hiện đại là mục tiêu trọng tâm trong việc xây dựng đất nước. Câu dưới lại thể hiện ý nông nghiệp hiện đại là mục tiêu trọng tâm trong việc xây dựng cấp huyện.

- Tôi đã từng có cô ấy, mà có lẽ đúng hơn là cô ấy đã từng có tôi. (Rừng Na-uy, tr.15)

Với từ *từng* và chuyển chủ ngữ thành bổ ngữ khiến hai câu ‘Tôi đã từng có cô ấy’, ‘cô ấy đã từng có tôi’ có hàm nghĩa khác nhau.

Có nhiều lỗi về trật tự từ khi dùng từ Hán-Việt. (x. §8.1 Lỗi từ vựng)

## 4.6. Vai trò của phương ngữ

4.6.1. *Phương ngữ làm phong phú thêm ngôn ngữ toàn dân*, mang lại sắc thái vùng miền mà ngôn ngữ toàn dân khó diễn tả nổi. Những biến thể *ngữ âm* do phương ngữ, do kiêng kị, do khẩu ngữ như mồng/mùng (một/tôi); nhật/nhựt; bảo/bửu... được dùng trong những tình huống thích hợp giúp tạo ra những cách nói ẩn tượng.

Có một người Đức mê nhạc Trịnh Công Sơn, tự đặt tên Việt là Trịnh Công Duy viết thế này: 'Tôi học tiếng Việt trong các trường ở vĩa hè,[...], ngôn ngữ ngoài vĩa hè giàu hơn và đời hơn. [...] Tôi làm việc cho một dự án trồng cà phê của người Đức ở Buôn Ma Thuột - Buôn Ma Thuột... *buồn thấy mẹ*'. (TTCN, 19.10.2003). Ông Tây này dùng khẩu ngữ Nam Bộ thật tuyệt: Người Bắc Bộ nói *buồn nẫu ruột* nhưng chỉ Nam Bộ mới *buồn thấy mẹ*!

Phương pháp cơ bản của viết tiểu phẩm châm biếm là *lý lẽ ngược đời*, là *nói ngược*: '*Nói vậy nhưng không phải vậy*'. Nói ngược *theo cách nói dân gian* để gây hiệu quả nhất. Vì vậy, tiếng địa phương, kể cả những từ nước ngoài theo biến thể địa phương, được dùng để miêu tả những sự kiện trái khoáy, ngược đời, để nói ngược và *bình ngược*.

*Phương ngữ làm giàu thêm các biện pháp tu từ*. Mỗi phương ngữ thường phát âm chuẩn ở bộ phận này của âm tiết nhưng lại sai ở một bộ phận khác. Nhờ phát âm không phân biệt *d~/gi~/; d~/r~/...* nên sĩ phu Bắc Hà mới nghĩ ra được câu miêu tả đời sống cán bộ thời bao cấp thật là sang:

‘Đi xe *cố vấn*; Mặc áo *chuyên gia*; Ăn uống *qua loa*; Là anh cán bộ’. Nghĩ lại mới thấy cay: Xe đạp của cán bộ, nếu không cố mà *vấn* mà buộc thì ruột xe lòi ra nổ tung. Vải thiếu, áo rách hở cả *da thịt* nên được phong là áo chuyên *da*. Ăn uống thì sao? Cứ nghe qua đài, qua *loa*... thì vẫn no đủ.

Những thủ pháp chơi chữ như *nói lái* thì Nam Bắc giống nhau, nhưng nhờ không phân biệt hai âm đầu *d~/r~* nên chuyện cười sau đặc Bắc Bộ:

- Bố vợ hay nói lái, con rể ‘theo gương’ bố cũng hay nói lái, đùa ra đùa, nhiều khi quá trớn. Bữa ấy bố vợ tổ chức mừng ông thượng thọ 70. Khách khứa đông. Bữa ăn gần xong, anh con rể:

- *Ơi bố*, bây giờ con đi ‘*rửa bố*’ nhé?

Khách khứa sững sờ. Bố vợ tức quá mắng:

- Đang ăn uống mà anh nói năng gì lạ thế? ‘*Rửa bố*’ có mà *rửa bố* anh thì có.

Chàng rể lễ phép lui ra, gọi to bảo vợ:

- Bố bảo không ‘*rửa bố*’, mà ‘*rửa bố*’. Để *dưa lê* đấy! Chạy ù ra chợ mua ít *dứa* về ngay!

Người Bắc Bộ nói lái *bố dưa* thành *rửa bố*, *bố dưa* (bồ thơm) thành *rửa bố*, còn *bố ơ* thành lời kêu cái bồ *ơi bố*!

#### 4.6.2. Có những câu sai mang dấu ấn phương ngữ

*Phát âm sai dễ dẫn tới những sai chính tả*. Không có địa phương nào phát âm hoàn hảo cả. Từ đây, mỗi vùng phương ngữ đều có những lỗi chính tả đặc thù. Dấu vết của loại sai chính tả này để lại khá nhiều trong văn học.

Trong *Cours de Vietnamien* (giáo trình tiếng Việt) của Antoine Dauphin, nxb Asiathèque, Paris, 1978, có câu ‘Anh hùng đâu cứ phải *mài dao*’. Ở đâu ra cái thuyết người anh hùng phải giỏi võ nghệ, cung kiếm, nên thường *mài dao kiếm*? Hóa ra ông dẫn câu thơ ‘Ra thế to gan hơn béo bụng/ Anh hùng đâu cứ phải *mày râu*.’ (Tố Hữu) Nhưng sao *mày râu* lại thành *mài dao*? Đây là dấu vết của phương ngữ Nam Bộ, ở đó phát âm không phân biệt *ay/ai* và *au/ao*. Và *mày râu* đọc thành *mài rao*. Nghe đọc *mài rao* hẳn là ông người Pháp này đã suy luận *mài rao* là sai chính tả. Sửa là ‘Anh hùng đâu cứ phải *mài dao*’ mới đúng(!)

Trên *Tuổi Trẻ* (26.07.2009), có hai bài viết rất cảm động về Bruce Weigl đã giáo dục con gái nuôi tên Hạnh của mình tình yêu cội nguồn Việt Nam như thế nào. Ông đón bé Hạnh trong một trại trẻ ở *Hà Nam*. Khi ấy, ông hứa: ‘Hôm nay, tôi nhận của quý vị một đứa bé Việt Nam, tôi hứa sau này sẽ trả lại quý vị một cô gái Việt Nam’. Trong tập thơ xuất bản cuối tháng 06.2009 với tựa đề ‘*Declension in the village of Chung Luong*’ có bài thơ mang tựa đề tiếng Việt không dấu là *Con gái bố* (con gái bố). Trong bài thơ này có câu (được dịch sang tiếng Việt là) ‘những dòng sông của *Bình Lục* vẫn chảy êm đềm.’ Vậy đây là xã ‘*Chung Luong*’ của Bình Lục. Nhưng huyện này chỉ có xã *Trung Luong*. Tựa đề tập thơ này để lại một dấu vết của phương ngữ Bắc Bộ, ở đó phát âm không phân biệt hai âm đầu *ch~tr~*. Thế là xã *Trung Luong* đã thành *Chung Luong*. Hẳn một ai đó ở Hà Nam đã ghi nơi sinh *Trung Luong* của bé Hạnh thành *Chung Luong*?

#### 4.6.3. Phương ngữ và... tín ngưỡng dân gian

Vì sao trên bàn cúng gia tiên ngày Tết, mâm ngũ quả của miền Nam hoặc là 5 loại trái *mãng cầu, dừa, xoài, đu đủ* (có thể thêm *thơm*) hoặc là *chùm sung, trái măng cầu, trái xoài, trái đu đủ*?

Có thể giải thích bằng lý do... phương ngữ: Do không phân biệt âm đầu *v~/d~*; âm cuối *~n/~ng* nên *dừa* đọc thành *vừa*, *mãng cầu* đọc thành *mãn cầu*, còn *xoài* biến âm thành *xài*. Với niềm tin và cầu ước giản dị, người Nam Bộ thể hiện lời khấn '**cầu vừa đủ xài**' qua 4 loại trái cây: *mãng cầu, dừa, đu đủ*, và *xoài*, thêm trái **thơm** càng tốt? Cũng vậy, thể hiện lời cầu ước '**sung mãn đủ xài**' không gì tốt hơn chùm *sung*, trái *mãng cầu*, trái *đu đủ* và trái *xoài*?

#### 4.6.4. Phương ngữ làm ngôn từ thêm sâu sắc

Nhiều trường hợp từ địa phương rất có ích cho bài viết.

Nhờ từ địa phương mà câu mất tính mơ hồ không có lợi.

Trong một bài viết về những nữ sinh viên kiếm thêm tiền ăn học bằng cách đi bán hoa hồng ở các khách sạn, một tờ báo đặt títt theo nghĩa đen: 'Tôi đi bán hoa!' Tít này gây ra nghĩa bóng không thể chấp nhận được: Vào khách sạn bán hoa khác gì... 'Tôi đi bán dâm'? Phương ngữ Nam Bộ có từ *bông* đồng nghĩa với từ *hoa*. Do vậy, nên chăng sửa lại thành 'Những cô gái bán bông'?

Trong một số tình huống, một từ địa phương, một từ cổ lại chứa nhiều thông tin 'đắt' hơn thông tin của từ toàn dân.

Trưa 08.10.2001, sau khi bom đã rơi xuống Afghanistan, cố vấn an ninh quốc gia Condoleezza Rice họp báo tại phòng số 450 trong toà nhà D.D. Eisenhower thuộc khuôn viên Nhà Trắng. Nhà báo Randy hỏi:

‘Tôi muốn hỏi về thời điểm. Có một lý do riêng nào đó để chọn ngày *Chúa nhật* để tấn công?’ (TTCN, số 40.2001)

Câu hỏi này không phải ‘vô hại’ mà là một cái bẫy. Tại sao? (Nếu không dùng phương ngữ *chúa nhật* mà dùng *chủ nhật*, bạn đọc bình thường, nhiều khả năng không thấy điều ám chỉ trong câu hỏi.)

Khi mới mở màn trận chiến này, trong khi phe Taliban hò hét ‘thánh chiến’ (Jihad) thì tổng thống Bush đã buột miệng gọi đây là một ‘*crusade*’ làm cả thế giới Hồi giáo bàng hoàng: *Crusade* là cuộc thập tự chinh của những người Thiên chúa giáo thời Trung cổ để giành lại Đất Thánh từ tay những người theo đạo Hồi. Người Do Thái và người theo đạo Cơ đốc hiểu hơn ai hết tên gọi thứ bảy và chủ nhật. Tuần lễ Do Thái gọi ngày thứ bảy là Sabbath, ngày nghỉ cuối tuần. Đạo Cơ đốc thừa hưởng tuần lễ kiểu Do Thái nhưng lại coi ngày tiếp sau ngày Sabbath mới là ngày nghỉ và đó là *ngày của Chúa (chúa nhật)*. Câu chất vấn của Randy hàm chứa ám chỉ ‘Phải chăng đây chính là kế hoạch *crusade* của tổng thống Bush?’ Nữ cố vấn an ninh Rice đã né tránh: ‘Thật ra, đó chỉ là do đúng vào lúc mà mọi công tác chuẩn bị đều đã sẵn sàng, nên cứ thế bắt đầu kế hoạch thôi’.

## CHƯƠNG 5

# CÂU HAY

### 5.1. Thế nào là câu hay?

5.1.1. Câu hay là những câu lệch chuẩn tiếng Việt nhưng có thể chấp nhận được trong những tình huống, những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể và thường được sáng tạo ra một cách ý thức.

Bài thơ *Mất Lý Công Uẩn* (1994) của Huy Cận như sau:

*Mất chứa thời gian, chứa không gian*

*Nhìn trước nghìn năm mất địa bàn*

*Vạn dặm phù sa bồi lịch sử*

*Dời đô, đất nước đã sang trang.*

Hình như chưa ai dùng ‘mất địa bàn’. Thế là câu thứ hai lệch chuẩn. Có người thẩm thơ cho rằng câu thứ hai phải là ‘*Nhìn trước nghìn năm mất đại bàng*’. Đúng là mất loài đại bàng rất tinh, có thể nhìn xa vài dặm. Nhưng dấu sao cũng

chỉ là con mắt sinh vật trần tục, sao mà *chứa thời gian, nhìn trước nghìn năm* được? ‘Mắt địa bàn’ là một từ lệch chuẩn đặc địa. Chỉ *mắt địa bàn* mới nhìn thấu thời gian và không gian, làm nền cho câu thứ hai và cho cả một bài thơ hay.

Cũng nói về con mắt, câu ‘Không gì vui bằng *mắt Bác Hồ cười*’ (Tố Hữu) là hay. Miệng cười là chuyện bình thường. Còn ‘mắt cười’ là kết hợp lạ, nhưng cách dùng này hợp lý. Nó phản ánh nhận thức con mắt là cửa sổ của tâm hồn, vui buồn hiện ra trong ánh mắt.

*Câu hay và bản gốc.* Câu gốc có thể không ‘hay’ nhất, nhưng cần phải tôn trọng. Huỳnh Văn Nghệ trong bài thơ *Nhớ Bắc*, viết từ 1946-1948, có câu thơ hay:

‘Từ độ mang gươm đi mở cõi

Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long’

Không nên sửa lại như Huy Cận, rồi *Tuyển thơ Việt Nam*, 2004, và một vài báo khác:

- Từ *thuở* mang gươm đi mở cõi

*Ngàn năm* thương nhớ đất Thăng Long.

- Từ độ mang gươm đi mở cõi

*Ngàn năm* thương nhớ đất Thăng Long. (ANTĐ, 27.11.2004)

Trong khuôn khổ sách này, chúng ta chỉ đề cập tới loại câu hay mà một người bình thường có thể tạo ra được.

*Câu hay là một câu đúng và có giá trị thẩm mỹ ngôn từ.*

Đó là những câu đơn giản, không dư thừa, có hình ảnh, súc tích, lời ít ý nhiều, diễn đạt theo cách nói của người Việt, dùng thích hợp với tình huống, phù hợp với văn hóa người

Việt và tạo ra cảm hứng thích thú nơi người đọc qua những biện pháp ngôn từ như so sánh, ẩn dụ, ngụ ý, ám chỉ, chơi chữ... để tạo ra thông điệp cần thiết. Những câu như vậy, nếu thêm yếu tố bất ngờ lại càng hay.

*Câu nêu triết lý hợp với cảm nhận của nhiều người hay ít nhất cũng được nhiều người chia sẻ và ưa thích rồi dùng theo là câu hay.*

Chẳng hạn, ‘Cái gì không mua được bằng tiền thì có thể mua được bằng rất nhiều tiền’ (Lời Thuyết ‘buôn vua’ trong vụ Năm Cam). Câu này có vẻ như tự mâu thuẫn. Thực ra, sự đối lập giữa *tiền/rất nhiều tiền* chỉ là đối lập bề ngoài, còn bản chất chỉ là sự đối lập giữa *không nhiều tiền* và *rất nhiều tiền*. Câu này bộc lộ triết lý *có tiền mua tiền cũng được* nhưng được nói theo giọng con buôn: Không gì không mua được bằng tiền. Chỉ thay từ *có thể* bằng từ *phải*, câu trên được chuyển thành lời luật sư Ngọc Hoàn ‘Cái gì không mua được bằng tiền thì *phải* mua bằng rất nhiều tiền’. (p. *Bản lĩnh người đẹp*, tập 8) Đó cũng là triết lý của bà Hằng ‘Cái gì không mua được bằng tiền sẽ mua được bằng rất nhiều tiền’ (p. *CTT, t.1*) Đối lập *tiền/rất nhiều tiền* biểu trưng cho đối lập *không nhiều tiền* và *rất nhiều tiền* trở thành một khuôn ngôn ngữ: ‘Chuyện của Công Minh không phải vì tiền mà là vì rất nhiều tiền’. (TV, 22.09.2011)

Có nhiều lý do khiến chúng ta sử dụng cách nói có hàm ý. Đầu tiên là ‘nói thật mất lòng’. Nói thật cũng làm ‘mất thể diện’, gọi nôm na là ‘mất mặt’. Nhưng có những sự việc vẫn cần phải nói thật. Lúc đó nên chọn cách nói gián tiếp. Những

hàm ý, ngụ ý thích hợp với tình huống là ngụ ý ‘đất’ và hay.

- Ông... ủng hộ tổng biên tập Lê Hoàng gỡ cái vật cản ngay *dưới chân* mình để đòi một ‘phương thức lãnh đạo tốt nhất là tạo điều kiện để báo *Tuổi Trẻ* vươn lên xứng tầm quốc gia và khu vực. (b., 03.09.2007)

Nếu thay ‘vật cản ngay *dưới chân*’ bằng ‘vật cản ngay *trước mặt*’ thì ngụ ý sẽ thay đổi và mất hay. *Dưới chân* và *trước mặt* tạo ra hai sự liên tưởng khác nhau. ‘Chân’ là thấp và liên quan tới bước đi. Đối lập lại ‘mặt’ là cao và liên quan tới tầm nhìn. Vật cản ngay *dưới chân* tạo ngụ ý *cái vật cản* ngáng đường và *thấp kém*. Cái đoạn tiếp theo ‘đòi một phương thức lãnh đạo tốt nhất’ khiến người đọc hiểu rõ và hiểu ngay cái ‘vật cản’ *dưới chân* này ngụ ý điều gì.

Dùng những ‘câu hỏi khéo’ cũng là cách nói hay.

- Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết kể: ‘Có lần sang thăm một nước ở Bắc Âu, khi dàn nhạc binh cử quốc thiều hai nước, phía bạn thì từ vua đến các thành viên chính phủ đều hát, còn đến lượt ta chỉ có nghe tiếng nhạc mà không có tiếng người, khiến người đứng đầu nước chủ nhà hỏi khéo: ‘*Thế nước bạn quốc ca không có lời à?*’ (*Tuổi Trẻ*, 29.10.2010)

Những sự thật xấu xa thì cần được phơi bày. Châm biếm là một phương thức tốt, nhằm bộc lộ sự thật một cách hiệu quả. (x. §5.7.2)

Đoạn văn hay là đoạn văn mạch lạc, giữa các câu có liên kết chặt chẽ về hình thức cũng như nội dung.

Viết sao cho độc giả tự phát hiện ra ý tứ của mình cũng là viết hay.

### 5.1.2. Câu đúng, câu hay: ranh giới mong manh

Thay một chữ, từ câu hay có thể chuyển thành câu bình thường hoặc một câu dở. Thay một chữ, câu hay chuyển thành câu dở. Nhưng sự khác biệt này nhiều khi rất khó thấy. Khi tả Kiều tám, ‘*Rõ ràng* trong ngọc trắng ngà/ Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên.’ được coi là nguyên tác, nhiều bản Kiều in như vậy. Nhưng có một bản Kiều lại viết ‘*Rõ màu* trong ngọc trắng ngà’. Chuyển từ *rõ ràng* sang *rõ màu*, Nguyễn Khắc Bảo bình luận: ‘*Rõ ràng* trong ngọc trắng ngà, khác đi một chữ ra người... phàm phu’ (NN&ĐS, 3.2003, t. 44)

Xem thêm: §6.1 *Chữ tác đánh chữ tộ.*

*Câu không hay là những câu dài dòng, những câu có thể viết ngắn hơn mà vẫn đồng nghĩa, vẫn giữ nguyên sắc thái.*

(1) Trên mạng Internet dấy lên những lời đồn đại Choi Jil Sil đã cho Ahn, *một người bạn của cô*, vay tới 2,5 tỉ won. (b., 03.10.2008)

Trong câu trên, danh từ Ahn được định rõ bằng một chú giải *một người bạn của cô*. Phong cách khoa học thường dùng cách viết này, nhưng lời nói thường ngày người ta nói giản dị hơn ‘bạn cô là Ahn’ nghĩa là có thể viết phần cuối của câu 1 như sau:

(2) ‘... Choi Jil Sil đã cho *bạn cô là Ahn* vay tới 2,5 tỉ won’.

Câu 2 hay hơn câu 1.

Cách nói súc tích chứa nhiều lượng thông tin trong môi trường trí thức cũng được coi là hay. Năm 1996 cố vấn Phạm Văn Đồng tròn 90 tuổi, một giáo viên hỏi:

- Thừa Bác, Bác sinh ngày nào ạ?
- *Thỉnh thoảng* mới có một ngày sinh.

Người nghe chưa hiểu ngay. Thủ tướng giải thích thêm ‘*Bốn năm* mới được sinh nhật một lần’. Suy ra ông sinh ngày 29.02.1906.

## 5.2. Diễn đạt theo cách nói của người Việt là diễn đạt hay

Nói đúng, nói chính xác là một phương châm quan trọng trong giao tiếp. Để giao tiếp có hiệu quả, cần nói năng dễ nghe, dễ hiểu. Muốn vậy, cần nói như người Việt thường nói.

5.2.1. *Người Việt thường nói thế nào?* Nhà văn hóa Phan Khôi cho ví dụ: Trên đường về, nghe hỏi ‘Anh đi đâu về đấy?’ người thợ săn Việt Nam sẽ trả lời:

(1) Tôi đi săn về.

Người thợ săn Pháp lại lấy cái việc chính mình đang làm (*tôi trở về...*) để trả lời:

(2) Tôi trở về từ sự đi săn. (Je reviens de la chasse)

Vậy là người Việt trả lời theo cách *kể lại tuần tự những việc đã xảy ra*: tôi đi - tôi săn - tôi về, và thành ‘*Tôi đi săn về*’.

Người Việt nói ‘*từ A trở về*’, ‘*từ A đến B*’,... còn ‘*trở về từ A*’, ‘*B đến từ A*’... là cách diễn đạt mượn của tiếng Anh, tiếng Pháp. Không nên viết ‘Rất nhiều kỹ sư vì tính trẻ đang *trở về từ Hoa Kỳ* để tiến hành hoạt động kinh doanh Internet tại quê hương’. Nên viết ‘Rất nhiều kỹ sư vì tính trẻ đang *từ*

*Hoa Kỳ trở về tiến hành hoạt động kinh doanh Internet tại quê hương’.*

Một trong các cách nói của người Việt là *trật tự thời gian các hiện tượng, sự việc đã xảy ra thế nào thì trật tự từ ngữ phản ánh chúng cũng như vậy*. Xét thêm câu:

(3) ... *Tùng bài bạc gì đó thua hết tiền, lại bán xe máy mẹ vợ vay tiền mua cho làm phương tiện kiếm sống.* (b., 20.03.2009)

Câu trên do hai câu đơn giản hơn hợp lại:

(3a) *Tùng bài bạc gì đó thua hết tiền, lại bán xe máy.*

(3b) *Mẹ vợ vay tiền mua (xe máy) cho làm phương tiện kiếm sống.*

Ở mỗi câu (3a), (3b), chúng ta gặp những chuỗi động từ theo đúng trật tự thời gian xảy ra nên vẫn nghe được: (3a) *bài bạc - thua hết - bán*; (3b) *vay - mua - cho - làm - kiếm*.

Cách diễn đạt theo trật tự thời gian dẫn tới hiện tượng tiếng Việt dùng nhiều *động từ đi thành chuỗi*, dùng nhiều *động từ, dùng ít danh từ*. Ví dụ:

(4) *Tôi đi tìm mua một số sách tặng học sinh giỏi.*

Câu trên đã xâu bốn động từ *đi, tìm, mua, tặng* thành chuỗi. Cách xâu chuỗi động từ kiểu này khiến tiếng Việt có nhiều *động từ ghép* theo quan hệ nhân quả: *bệnh tật; đổ vỡ* (có đổ mới vỡ); *nghèo hèn* (vì nghèo nên hèn); *giàu sang; cổ kính* (có cổ mới kính)...

Thường thì câu càng ít những từ ***sự, việc*** càng dễ nghe hơn, càng hợp với lỗ tai của người Việt hơn. Người Việt không nói:

(5) Sự có mặt của giám đốc làm chúng ta rất phấn khởi.

Từ ‘sự’ làm câu này thành tĩnh, chuyển danh ngữ ‘Sự có mặt của giám đốc’ thành cụm chủ vị ‘giám đốc đến’ câu bớt được *sự* và *của*, ngắn hơn và trở nên động, phù hợp với đặc điểm ‘rất phấn khởi’ hơn:

(5b) Giám đốc đến (làm) chúng ta rất phấn khởi.

Quan hệ ‘*thua hết tiền - bán xe*’, ‘*Giám đốc đến - chúng ta phấn khởi*’ là những quan hệ nhân quả. Thông thường người ta dùng câu ghép *nguyên nhân - kết quả, điều kiện - kết quả* thể hiện quan hệ này. Có thể dùng động từ *khiến, làm cho...* để nêu quan hệ này trong một câu đơn giản như 3, 5b.

Cũng vậy, danh từ ‘*tính tiêu cực*’ làm câu sau đây nặng nề:

(6) Mặt khác, phe chính trị đối lập Israel cũng đòi điều tra chính thức những lời cáo giác về Iraq do Mossad đưa ra vì điều này phản ánh *tính tiêu cực lên tính trung thực* trong thông tin tình báo của Israel. (b., 23.12.2003).

Chuyển nó thành động từ thì câu thuận hơn:

(6b) ... vì điều này phản ánh *tiêu cực đã chi phối tính trung thực* trong thông tin tình báo của Israel.

Vì sao câu 7 dưới đây khó hiểu?

(7) Nếu chuyên viên không ngay ngắn và thiếu am hiểu sâu sắc *công việc để kiểm tra của lãnh đạo* thường phát sinh tiêu cực ở khâu nghiên cứu, trình xử lý. (b. 17.07.2003)

Từ *của* làm câu trên nặng nề. ‘*Công việc để kiểm tra của lãnh đạo*’ là một danh ngữ nghe lạ tai. Thường nói ‘lãnh đạo kiểm tra công việc’. Cũng có thể chuyển thành một danh

ngữ: công việc để (/mà) lãnh đạo kiểm tra. Cho nên, nếu dùng kết cấu *chủ - vị* ‘lãnh đạo kiểm tra’ để mở rộng từ kiểm tra thì câu nghe ‘thuận’ hơn, nhẹ nhàng hơn:

(7b) Nếu chuyên viên không ngay ngắn và thiếu am hiểu sâu sắc *công việc để (/mà) lãnh đạo kiểm tra*, thường phát sinh tiêu cực ở khâu nghiên cứu, trình xử lý.

(8) Mục tiêu để giám sát bất cứ khi nào ra khỏi tầm mắt của họ chính là các ông chồng. (b., 15.10.2011)

Câu (8) nghe rất lủng củng. Mục đích là *giám sát*. Chúng ta hỏi: *giám sát ai - khi nào?* Theo trật tự ấy, ta viết:

(8b) Mục tiêu giám sát chính là các ông chồng bất cứ khi nào ra khỏi tầm mắt của họ.

Viết như trên vẫn dài vì ‘*bất cứ khi nào*’ là ‘*mỗi khi*’. Vậy có thể nói ngắn hơn nữa:

(8c) Mục tiêu giám sát chính là các ông chồng mỗi khi ra khỏi tầm mắt của họ.

Chú ý tới cách diễn đạt câu theo luật nhân quả chúng ta sẽ bớt đi những cách nói nặng nề:

(9) Không khí trong cuộc họp trở nên rất căng thẳng. *Trước tình hình đó*, ông Ba bỏ ra ngoài.

‘*Trước tình hình đó*’ khiến vế sau nặng nề. Người dân bình thường sẽ dùng quan hệ ‘nhân quả’ *vì vậy, thấy vậy*:

(9b) Không khí trong cuộc họp trở nên rất căng thẳng. *Thấy vậy*, ông Ba bỏ ra ngoài.

Có những cách nói vay mượn, nghe mãi cũng thành quen. Nhiều xướng ngôn viên trên tivi nói ‘Cám ơn *sự* quan tâm

theo dõi của các bạn’. Nhưng ‘Cám ơn các bạn đã *quan tâm theo dõi*’ vẫn thuận tai hơn.

5.2.2. Trong câu *nhân quả* thì *nguyên nhân*, *điều kiện* xảy ra trước *kết quả* xảy ra sau.

Nguyên nhân xảy ra rồi kết quả mới xảy ra. Vậy cách nói ‘*Vì A nên B*’; ‘*Do A mà B*’ thuận tai hơn cách nói ‘*B bởi A*’; ‘*Sở dĩ B vì A*’. Câu ‘Nếu chăm sẽ giỏi’ nghe thuận tai hơn ‘Sẽ giỏi nếu chăm’. Câu ‘Nếu có tiền tôi sẽ mua xe honda’ dễ nghe hơn câu ‘Tôi sẽ mua xe honda nếu có tiền’.

Viết kết quả trước, nguyên nhân sau nên câu dưới đây khó hiểu:

(10) Thế nhưng khi những tay cá cược mê Manchester City sắp ‘dọn nhà’ ra vỉa hè ở vì... Anelka, thì tiền đạo này lại cất tiếng hát: từ đầu mùa bóng đến nay Anelka liên tục ghi bàn cho Manchester City. (b., 27.09.2003)

Nên sửa lại như sau:

(10b) Thế nhưng khi những tay cá cược vì Anelka mà ‘bất’ Manchester City sắp ‘dọn nhà’ ra ở vỉa hè, thì tiền đạo này lại tỏa sáng: từ đầu mùa bóng đến nay anh liên tục ghi bàn cho Manchester City.

Cũng vậy, cách nói ‘Tuy A nhưng B’ phổ biến hơn, nghe thuận tai hơn cách nói ‘B tuy A’.

Nguyên tắc *trật tự từ ngữ phản ánh trật tự thời gian các hiện tượng, sự việc đã xảy ra* cũng được dùng trong những kiểu câu khác như câu hỏi, câu mệnh lệnh...

Nếu việc chưa xảy ra chúng ta hỏi:

(11) Nếu tôi bật tivi có làm phiền anh lắm không?

Nếu việc đã xảy ra rồi thì hỏi:

(11b) Tôi bật tivi có làm phiền anh lắm không?

Kiểu hỏi sau đây khó nghe:

(11c) Có làm phiền anh lắm không nếu tôi bật tivi?

### 5.2.3. **Ai, nào, sao, gì, đâu, bao giờ,...** - những từ phẩm định độc đáo của tiếng Việt.

Ngoài chức năng để hỏi, những từ trên đây còn dùng để tạo ra những câu *thể hiện ý tuyệt đối* theo phương thức *tác động tới yếu tố phẩm định là tác động tới tất cả*. Thế nào là '*tác động tới yếu tố phẩm định*'? Một số ví dụ:

Trong các câu '*Ai cũng vậy thôi*' (TY, 39); '*Ở đời cái gì cũng thế*' (TY, 260) từ *cũng* đã đối chiếu với yếu tố phẩm định *ai, gì...* nên tạo ra những câu có ý nghĩa *tất cả*: mọi người đều vậy, ở đời mọi thứ đều thế.

Những câu sau đây đều là những *câu chất vấn* yếu tố phẩm định để tạo ra ý nghĩa *bác bỏ tuyệt đối*:

(A) Tôi về *bao giờ?* (→ tôi chưa hề về)

(B) Các ông có mất *gì đâu*. - Ngô Tất Tố (→ các ông không mất gì cả)

- Tôi nói *đâu nào?* (→ tôi không hề nói)

- Bác bán rẻ thế *còn đâu* ra tiền lời. (→ không còn tiền lời)

- Làm *gì chẳng* xong. (→ chắc chắn xong)

- Ông là người Êđê, có học, *lẽ nào* ông quên câu nói đó.  
(Xuân Du) (→ ông không thể quên)

- Được là được thế nào? (MĐLNNM, 77) (→ không được)

- Tôi nói điều đó để *làm gì* kia chứ? (→ tôi không nói)

- *Sao* lại không liên quan đến ai? (TY, 510) (→ có liên quan đến người khác)

- Thoát khỏi *thế nào* được! (→ không thể thoát được)

- Còn gì nữa đâu mà yêu. - Lê Lựu (→ không còn gì nữa)

- *Nào ai* còn dám nói năng một lời. - Kiều (→ không ai dám nói).

(C) Trong các câu ‘*Chẳng ai* đến cả’; ‘*Không đời* nào họ cho anh vay’; ‘*Chẳng sao cả*’; ‘*Không đâu* còn thứ hàng này’... từ ‘chẳng’ đã phủ định yếu tố *phiếm định ai, đời nào, sao, đâu...* để tạo ra những câu có ý nghĩa *phủ định tuyệt đối*: mọi người đều không đến, chắc chắn họ không cho anh vay, mọi nơi đều không còn hàng này,...

Những phương thức (A), (B), (C) không thấy ở tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và nhiều ngôn ngữ khác, nên khi dịch những *kiểu diễn đặc Việt Nam* này, hoặc người ta tìm những cách diễn đạt khác, hoặc chỉ *dịch ý* hoặc người ta né và bỏ qua. Chúng tôi đã kiểm tra điều này qua tuyển tập truyện ngắn *Tình yêu sau chiến tranh* (2003) - và bản dịch có uy tín *Love after war* (2003) - của Wayne Karlin và Hồ Anh Thái (chủ biên).

‘Tĩnh người ta thiếu gì?’. ‘Thiếu gì’ nghĩa là không thiếu gì nên được dịch ý là ‘Tĩnh người ta có đầy người như vậy’.

‘*Đâu còn thì giờ lo chuyện nhà cửa*’. (TY, 35); ‘*Đâu còn thì giờ*’ nghĩa là không còn thì giờ, nên được dịch ý là ‘quá bận’: *she was too busy*’. (LAW, 19); ‘*Dời đi đâu? Tiền đâu mà dời?*’ (TY, 35); Chất vấn ‘*tiền đâu?*’ tức là không có tiền, nên được dịch ý là quá nghèo: *Evacuate to where?... our village is real poor*’. (LAW, 19) ‘*Nào có thấy nhà em về đâu ạ! Chờ hết nước hết cái mà hoài công, anh ơi!*’ (TY, 23) ‘*Nào có thấy*’ tức là tuyệt đối không thấy. Thế là được dịch thành ‘*He’s nowhere to be seen...*’ (LAW, 6); ‘*Nếu không thì lo gì tôi*’ (TY, 116). ‘*Lo gì tôi*’ tức là ‘không phải lo cho tôi’. Và đã được dịch thành một mệnh đề ghép phủ định ‘*If you’re not, then don’t worry about me*’.

Tương tự, những cách so sánh cực cấp *nhất* dưới đây cũng là kiểu diễn đạt *đặc Việt Nam* vì không thấy ở mấy ngôn ngữ Anh, Pháp, Nga. Câu ‘*Ài yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng?*’ có nghĩa là nhi đồng yêu Bác Hồ Chí Minh nhất. Câu ‘*Mẹ không thương con thì thương ai?*’ có nghĩa là mẹ thương con nhất. Câu ‘*Anh ta mà giỏi thì còn ai không dốt?*’ có nghĩa là anh ta dốt nhất.

Chú ý tới quy tắc trên đây sẽ tránh được những câu dư thừa.

(12) Tôi không nghĩ rằng sẽ có bất kỳ đội bóng nào muốn gặp chúng tôi vào lúc này. (b., 24.06.2012)

Hai lỗi trong câu trên là:

a) Câu này bày tỏ ý kiến của người nói. Vậy nên viết ‘*Tôi nghĩ rằng [không...]*’. Nếu bác bỏ ý kiến người khác thì mới viết ‘*Tôi không nghĩ rằng...*’

b) Chỉ cần viết ‘không đội bóng nào’ là đã diễn tả được ý phủ định tuyệt đối ‘mọi đội bóng đều không...’. Câu trên đã dư từ ‘*bất kỳ*’. Chúng ta sửa lại:

(12b) Tôi nghĩ rằng không có đội bóng nào muốn gặp chúng tôi vào lúc này.

5.2.4. Trong tiếng Việt có *những cấu trúc hay dùng*. Người Việt thích dùng câu chủ động, ít dùng câu bị động.

Cách thể hiện ý *bị động* cũng khác. Đó là phương thức *đảo bổ ngữ lên đứng ở đầu câu* và có thể *không cần dùng trợ từ thể hiện phương thức bị động* ‘*bởi*’, ‘*bằng*’ như ở nhiều ngôn ngữ khác. Còn lại, *trật tự tác nhân - hành động* (trật tự *chủ ngữ - vị ngữ* trong câu chủ động) vẫn giữ nguyên.

Ở dạng chủ động chúng ta nói:

(a) Ba buộc một con trâu ở bụi tre.

(b) Ba tặng sách cho Năm.

Chuyển sang dạng bị động, người Anh hay người Pháp sẽ nói: ‘Một con trâu *bị* (/được) buộc ở bụi tre *bởi* Ba’; ‘Năm được tặng sách *bởi* Ba’. Nói vậy không sai ngữ pháp nhưng không là cách nói của người Việt. Chúng ta nói:

(a’) Một con trâu (*bị/được*) Ba buộc ở bụi tre.

(a’’) Một con trâu buộc ở bụi tre.

(b’) Năm được Ba tặng sách.

Cũng vậy, không nên nói: ‘Hàng nghìn nạn nhân đã bị giết chết *bởi* bom nguyên tử. (Tivi, 08.01.2006). Nên nói: Hàng nghìn nạn nhân đã bị bom nguyên tử giết chết.

Nên sửa câu dưới đây thế nào?

(13) Bằng cách này, chính quyền Mỹ có thể hạn chế *những lời chỉ trích đến từ Israel và những người Mỹ gốc Do Thái vì* đã nghiêng về phía Palestine.

Có ba điều lưu ý về bố ngữ của câu trên:

a) Giới ngữ *đến từ...* không thuận tai.

b) Chuyển danh ngữ ‘*những lời chỉ trích đến từ Israel...*’ thành câu chủ động ‘*Israel... chỉ trích*’ sẽ dễ nghe hơn.

c) ‘*Lời chỉ trích... vì đã...*’ là cách diễn đạt *kết quả-nguyên nhân* ngược với trật tự nhân quả. Thay ‘*vì*’ bằng ‘*là*’ sẽ chuyển thành cách diễn đạt *sự kiện-giải thích*. Vậy:

(13b) Bằng cách này, chính quyền Mỹ, có thể hạn chế Israel và những người Mỹ gốc Do Thái chỉ trích *là* đã nghiêng về phía Palestine.

Thuận cấu trúc tiếng Việt là thuận theo trật tự hành động như ‘*Giao ai làm việc gì*’. Có giao việc rồi mới làm việc, vậy là thuận. Bằng cách đảo trật tự, chúng ta tạo một câu đồng nghĩa ‘*Giao việc gì cho ai (làm)*’, nhưng ít người dùng cách nói này vì không ‘thuận tai’ người Việt.

Trong quá trình hội nhập hợp tác quốc tế, nhiều văn bản thương mại, văn hóa, khoa học,... được soạn theo hai thứ tiếng. Trong những trường hợp này lại càng cần chú ý viết tiếng Việt theo cách nói của người Việt. Không nên gò tiếng Việt theo khuôn tiếng Anh hay tiếng nước ngoài nào khác. Trên báo *Tuổi Trẻ* ngày 24.04.2002 dẫn nhiều ví dụ về lời văn trong *Hiệp định thương mại Việt-Mỹ* sao mà ‘xa lạ, khó hiểu

và mơ hồ' khiến nhiều doanh nghiệp nói họ không nắm hết các ý của bản hiệp định này.

Ví dụ:

1) Thương mại hàng dệt và sản phẩm dệt. (khoản 4, điều I, chương I)

Sao không viết 'mua bán mặt hàng dệt'?

2) Giao lưu biên giới. (khoản 3, điều I, chương I)

Sao không viết 'buôn bán tiểu ngạch' hay 'biên mậu'?

3) Giao hàng từ cửa đến cửa. (door to door delivery)

Sao không dùng cách nói quen thuộc 'giao hàng tận nhà' của người Việt?

4) Mỗi bên điều hành các biện pháp thuế quan và phi thuế quan có ảnh hưởng tới thương mại để tạo cho hàng hóa của bên kia hỗ trợ cơ hội cạnh tranh có ý nghĩa đối với các nhà cạnh tranh trong nước. (Điều 2, chương I)

Chúng ta không nói 'điều hành các biện pháp thuế quan', mà cũng không nói 'nhà cạnh tranh trong nước'. Cho nên, lẽ ra điều trên cần được viết là 'Mỗi bên áp dụng các biện pháp thuế quan và phi thuế quan tác động đến thương mại sao cho tạo cơ hội cạnh tranh bình đẳng đối với sản phẩm của bên kia so với sản phẩm trong nước'.

5.2.5. Trật tự bình thường trong một câu tiếng Việt là:

**trạng ngữ - chủ ngữ - vị ngữ - bổ ngữ - công cụ**

(14) Ngày 20.03, cựu nữ hoàng Juliana, người cai trị Hà Lan trong 32 năm (1948 - 1980), đã qua đời do nhiễm trùng phổi

tại cung điện Soestdijk, Hà Lan, thọ 94 tuổi. (b., 22.03.2004)

Cách viết trên mơ hồ vì *đứt mạch văn*: chết tại cung điện Soestdijk chứ không phải do nhiễm trùng phổi tại cung điện. Chúng ta sửa bằng cách *đảo lại trật tự thành phần câu*: Đưa trạng ngữ chỉ nguyên nhân ‘do nhiễm trùng phổi’ lên đầu câu:

(14b) Do nhiễm trùng phổi, ngày 20.03, cựu nữ hoàng Juliana, người cai trị Hà Lan trong 32 năm (1948 - 1980), đã qua đời tại cung điện Soestdijk, Hà Lan, thọ 94 tuổi.

(15)... đàn ông thường xuyên tập thể dục *có* nguy cơ mắc bệnh ung thư tuyến tiền liệt *giảm* so với người không có hoạt động thể chất. (b., 04.12.2010)

(16)... đàn ông và phụ nữ tham gia vào các hoạt động thể chất vừa phải và mạnh *có* tỷ lệ mắc bệnh ung thư phổi *giảm*. (b., 04.12.2010)

Hai câu trên đã diễn đạt ngược trật tự *vị ngữ-bổ ngữ*. Giảm gì? - Giảm nguy cơ mắc bệnh. Vậy nói ‘*Có* nguy cơ mắc bệnh *giảm*...’ là ngược trật tự, khiến người đọc nhanh vội lầm tưởng là ‘có nguy cơ mắc bệnh...’. Nên sửa là:

(15b)... đàn ông thường xuyên tập thể dục *giảm* nguy cơ mắc bệnh ung thư tuyến tiền liệt.

(16b)... đàn ông và phụ nữ tham gia vừa phải các hoạt động thể chất mạnh, *giảm* tỷ lệ mắc bệnh ung thư phổi.

Chúng ta nói theo trật tự *trạng ngữ - nguyên nhân - kết quả*:

(17) Hôm qua ở quận Ba, vì hỏng thắng một chiếc xe tải đã tông vào một xe honda.

Không nên đưa trạng ngữ xuống cuối câu, như:

(17b) Vì hỏng thắng một chiếc xe tải đã tông vào một xe honda hôm qua ở quận Ba.

(17c) Vì hỏng thắng, hôm qua một chiếc xe tải đã tông vào một xe honda ở quận Ba.

#### 5.2.6. Liên tục trong cấu trúc

Không theo luật *liên tục trong cấu trúc* (còn gọi là *liên tục trong mạch văn*) thường dẫn tới những câu trúc trắc, khó hiểu.

(18) Đội tuyển bóng rổ Thành phố Hồ Chí Minh đã mất chức vô địch quốc gia ngay trên sân nhà, sau trận thua Không quân vào tối 21.10, đã chấm dứt một chuỗi dài liên tục nhiều năm liên thống lĩnh bóng rổ Việt Nam. (b., 24.10.1996)

Câu trên nghe trúc trắc vì đã vi phạm *tính liên tục* trong cấu trúc. Nên nói theo trật tự ‘mất chức... và đã chấm dứt’. Hơn nữa, *sau khi thua* mới mất chức. Vậy nên đưa trạng ngữ chỉ thời gian lên đầu câu:

(18b) Sau trận thua Không quân vào tối 21.10, Đội tuyển bóng rổ Thành phố Hồ Chí Minh đã mất chức vô địch quốc gia ngay trên sân nhà và đã chấm dứt một chuỗi dài liên tục nhiều năm liên thống lĩnh bóng rổ Việt Nam.

Câu dưới đây được viết trong tình huống Nga và Pháp kêu gọi phong trào ‘Một máy bay cho Iraq’, bất chấp lệnh cấm vận của Liên Hiệp Quốc đối với Iraq:

(19) *Đặt những diễn biến này trong lời đe dọa của ngoại trưởng Mỹ M. Albright ngày 02.10, nhân chuyến thăm Paris, rằng ‘bất kỳ nước nào cho máy bay bay tới Iraq cũng sẽ bị mất quyền bay tới Hoa Kỳ’ (Gazeta.ru), sẽ thấy ý nghĩa không nhỏ của các hành động của Nga và Pháp. (b., 05.10.2000)*

Vì sao câu trên đây khó hiểu? Một phần vì viết dài (tới 55 tiếng). Nhưng khó hiểu chủ yếu do cấu trúc. Lẽ ra nên dùng cấu trúc thông thường ‘**có A mới B**’ cho kiểu câu trên. Câu cũng vi phạm nguyên tắc *liên tục trong mạch văn* (lời nói của M. Albright bị ngắt ra để chen vào đoạn ‘nhân chuyến thăm Paris, rằng’). Vậy nên sửa lại như sau:

(19b) *Có đặt những diễn biến này trong lời đe dọa ‘bất kỳ nước nào cho máy bay bay tới Iraq cũng sẽ bị mất quyền bay tới Hoa Kỳ’ (Gazeta.ru) của ngoại trưởng Mỹ M. Albright ngày 02.10 nhân chuyến thăm Paris mới thấy ý nghĩa không nhỏ của các hành động của Nga và Pháp.*

(20) Chín trong số 10 nhà khoa học có mặt tại cuộc họp chiều 03-03 của hội đồng khoa học bảo tồn di tích Bộ Văn hóa - Thông tin để lấy ý kiến tham mưu cho bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin về việc Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế quyết định xây khách sạn trên đồi Vọng Cảnh đã bày tỏ chính kiến kiên quyết phản đối việc xây dựng này. (b., 04.03.2005)

Câu trên dài quá. Chủ ngữ đứng cách vị ngữ quá xa làm đứt mạch văn. Kết quả là thông tin chủ yếu ‘9/10 nhà khoa học phản đối’ bị chìm đi. Nên tách thành 2 câu. Câu 1: *trạng ngữ mục đích - chủ ngữ - vị ngữ*; câu 2: *Kết quả*.

(20b) Để lấy ý kiến tham mưu cho bộ trưởng, chiều 03-03 hội đồng khoa học bảo tồn di tích Bộ Văn hóa-Thông tin có cuộc họp về quyết định xây dựng khách sạn trên đồi Vọng Cảnh của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế. Chín trong số 10 nhà khoa học có mặt đã kiên quyết phản đối việc xây dựng này.

(21) Làm sao trả lời được dư luận khi mà khối thuốc nổ nay được biết là đã được chôn ngay dưới lòng đường và trong một cái cống chỉ vài ngày trước đó trong một vụ đào đường sửa ống cống? (b., 05.03.2005)

Câu trên khó hiểu cũng do đứt mạch văn: một mặt, câu được viết theo dạng bị động, bỏ ngữ 'khối thuốc nổ' đặt ở trước; mặt khác, phụ ngữ địa điểm 'trong một cái cống' đứng cách xa vị ngữ 'chôn'; hơn nữa trật tự những thông tin trực tiếp về cái cống ở đâu (ngay dưới lòng đường), và vì sao chôn được (trong một vụ đào đường sửa ống cống) rồi thông tin về vụ đào đường 'chỉ vài ngày trước đó' được đặt khá tùy tiện. Do vậy, nên đưa chúng xuống cuối cùng. Và chúng ta có thể sửa:

(21b) Làm sao trả lời được dư luận khi mà nay được biết là khối thuốc nổ đã được chôn trong một cái cống *ngay dưới lòng đường* trong một vụ đào đường sửa ống cống chỉ vài ngày trước đó.

5.2.7. Tuy nhiên, trong nói năng còn có những quy tắc khác.

*Điều muốn nhấn mạnh sẽ được đưa lên đầu câu.*

Nếu muốn nhấn mạnh *một xe honda bị tai nạn*, chúng

ta sẽ dùng một trật tự ngược với trật tự thông thường. Đưa bổ ngữ này lên đầu câu dùng để nhấn mạnh và chúng ta nói theo lối bị động: ‘Một xe honda đã bị một chiếc xe tải hỏng thắng tông vào’. Nếu muốn nhấn mạnh tới việc *mua xe honda* chúng ta không nói theo kiểu câu điều kiện - kết quả ‘Nếu có tiền tôi sẽ mua xe honda’ mà đưa kết quả lên trước: ‘Tôi sẽ mua xe honda nếu có tiền.’

Vì lý do tu từ, nên tránh các từ lặp lại đứng gần nhau.

(22) Nhân tiện, tôi giới thiệu với tất cả các bạn quyền ‘Đường vào khoa học của tôi’ của giáo sư Tôn Thất Tùng. (b., 26.09.2000)

Câu trên trúc trắc vì có hai từ *cửa* đứng gần nhau. Đặt hai từ này cách xa nhau, câu sẽ dễ nghe hơn:

(22b) Nhân tiện, tôi giới thiệu với các bạn quyền sách của giáo sư Tôn Thất Tùng: ‘Đường vào khoa học của tôi’.

Nếu tiêu đề quyền sách không có cụm từ *của tôi* và bỏ đi từ *tất cả* - một từ dư - thì cách viết đầu tiên vẫn dễ nghe:

(22c) Nhân tiện, tôi giới thiệu với các bạn quyền ‘Đường vào khoa học’ của giáo sư Tôn Thất Tùng.

(23) Tác dụng tốt của cá tăng lên với việc ăn cá thường xuyên, với nguy cơ đột quỵ ít hơn 28% nơi những người ăn cá nhiều hơn năm lần/tuần. (b., 28.01.2005)

Câu trên trúc trắc vì lặp lại từ *cá*, *ăn cá* và trình bày câu theo trật tự ngược *kết quả - nguyên nhân*. Nên đảo lại trật tự:

(23b) Những người ăn cá thường xuyên, nhiều hơn năm lần/tuần, (thì tác dụng tốt của cá tăng lên) nguy cơ đột quỵ ít hơn 28%.

*Người Việt thích cách nói đối làm câu ít liên từ và ngắn đi.*

(24) Gần cái gì ta ghét là *khổ*. Xa cái gì ta yêu cũng *khổ*.  
(Nam Cao)

Có thể dùng cặp *đến/đi* thay cho quan hệ nhân quả:

(25) Tuổi già *đến*, sức khỏe *đi*; Tuổi già *đến*, trí nhớ *đi*;  
Chuyên cần *đi*, thất bại *đến*.

### 5.3. Diễn đạt đơn giản là diễn đạt hay

5.3.1. *Có những cách diễn đạt không sai nhưng người đọc khó tiếp nhận vì không đơn giản.*

Về từ ‘hai thân’ trong *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng, nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin chú thích: ‘Dùng trong những tổ hợp chỉ người trong quan hệ gia đình thân thuộc’. (trang 5) Chỉ cần giải thích: *hai thân* (hay *song thân*) là từ chỉ cha và mẹ.

(1) Legend muốn nổi mạng cho đồng đảo khán giả truyền hình. Nguyên nhân: cho tới nay cứ 175 người trong số 1,2 tỉ dân Trung Quốc thì mới chỉ có một người sở hữu PC, nhưng hầu hết các gia đình đều đã có tivi. (b., 07.10.1999)

Câu (1) khó hiểu vì khá dài và không đưa nguyên nhân lên trước. Nên tách thành 3 câu. Phần nguyên nhân có quan hệ nghịch nhân quả, nên ta dùng cấu trúc ‘tuy... nhưng’:

(1b) Tuy hầu hết gia đình Trung Quốc đã có tivi nhưng còn rất ít gia đình có PC. Ở đất nước 1,2 tỉ dân này, cứ 175 người thì mới chỉ 1 người có PC. Vì vậy Legend muốn nổi mạng cho đồng đảo khán giả truyền hình.

(2) Đường như cái tâm tưởng ấy đơn giản chỉ là sự phản kháng *đối với một* ông thầy mà họ vốn đã quá chán ghét. (b., 19.06.2012)

Câu trên không sai nhưng dư không cần thiết và do vậy không hay. Chỉ cần nói ‘phản kháng ai’ chứ không nên nói ‘phản kháng *đối với ai*’. Từ ‘*một*’ dùng chỉ một đối tượng chưa xác định, nhưng ông thầy ‘mà họ đã quá chán ghét’ đã xác định. Vậy từ *một* cũng dư. Chúng ta sửa bằng cách bỏ bớt ‘*đối với một*’:

(2b) Đường như cái tâm tưởng ấy đơn giản chỉ là sự phản kháng ông thầy mà họ vốn đã quá chán ghét.

### 5.3.2. Câu ngắn thường đơn giản

Người Việt nói ‘mười năm nay’. Nó đơn giản hơn ‘mười năm trở lại đây’.

Nên viết ‘Hạn hán, động vật chết đói’. Không nên viết: ‘Hạn hán *làm* động vật chết vì đói’. Mọi người nhận ra ngay quan hệ nhân quả *hạn hán - chết đói* nên có thể lược bỏ những từ gây khiến *làm cho, khiến cho,...* để câu ngắn gọn hơn mà vẫn dễ hiểu. Câu dễ hiểu là câu hay. Cũng không cần nói *chết vì đói*. ‘Chết rét’, ‘chết khát’, ‘chết bệnh’ là những cách nói đơn giản thường gặp.

Để viết câu ngắn hãy dùng các phép liên kết câu như phép thế đại từ, phép lặp, phép liên kết lô gích ngữ nghĩa để *tách câu dài thành những câu ngắn*. (x. §9.2.)

*Lưu ý: Không phải cứ câu ngắn là dễ hiểu*. Nếu viết một câu tương đối ngắn để truyền tải nhiều thông tin và viết theo

cách ngược với lối nói thông thường trong tiếng Việt thì vẫn có thể thành câu khó hiểu. Ví dụ:

(3) Hitler sau khi tiết lộ với Frank cái bí mật tối cao của mình, đã cử Frank đến Áo để xác minh nguồn gốc của hắn: *ai thực sự là cha ruột của người cha ra đời ngoài giá thú của hắn?* (b., 10.10.1998)

Phần cuối cùng rất khó hiểu. Bình thường, viết ‘ai thực sự là cha ruột của hắn?’, ai cũng hiểu ngay. Nhưng người viết đã giải thích thêm về cha hắn, một *người cha ra đời ngoài giá thú*. Cách viết bất bình thường này gây khó hiểu. Người Việt nói ‘đứa con ngoài giá thú’ chứ không bao giờ nói ‘*người cha* ngoài giá thú’. Có thể sửa câu trên theo cách tách thành hai câu:

(3b) *Cha hắn là một đứa con ngoài giá thú. (Nhưng) ai thực sự là cha ruột của cha hắn?*

Người Việt không nói ‘cha ruột của cha’ mà nói ‘ông nội’. Vậy tốt nhất nên nói:

(3c) *Cha hắn là một đứa con ngoài giá thú. (Nhưng) ai thực sự là ông nội của hắn?*

### **Những từ có nghĩa cụ thể, trừu tượng và khái quát**

Khi dịch những tin tức báo nước ngoài nên đặc biệt chú ý tới hiện tượng này. Vì trong những từ điển song ngữ không thể nào giải thích được hết sắc thái của một từ ở ngôn ngữ gốc. Khi dịch sang tiếng Việt, có nhiều trường hợp chúng ta không tìm được từ ngữ tương đương về sắc thái. Câu trong tiếng Anh chấp nhận được, nhưng ở tiếng Việt thì không.

Từ 16 năm trước có những tíu báo: ‘*Săn đầu người ở Việt Nam*’ (b., 23.06.1996), *Dịch vụ ‘săn đầu người’*. (b., 19.40.1996)

Chắc hẳn những tựa đề này được đặt ra có liên quan tới từ ngữ *head - hunters* hoặc *head - hunting firm* trong một bài tin tiếng Anh nào đó. Với tiếng Anh, cách dùng từ ngữ này là bình thường, nhưng trong tiếng Việt *đầu người* mang ý nghĩa cụ thể. Do vậy, *săn đầu người* tạo ra một nghĩa cụ thể, người ta nghĩ tới một cuộc chiến giữa các bộ lạc thổ dân thời xa xưa, và một hình ảnh man rợ: tù binh bắt được liền bị chặt đầu. Bởi vậy, dù đã được đặt trong ngoặc kép, những tiêu đề trên vẫn không thể chấp nhận được. Nếu như *đầu* là một từ mang ý nghĩa cụ thể, thì các từ *đầu óc*, *trí óc*, *trí tuệ* lại mang ý nghĩa khái quát, trừu tượng. Do vậy, trong hai tiêu đề trên nên thay từ *đầu* bằng một trong 3 từ trên đây, chẳng hạn: ‘*Săn đầu óc ở Việt Nam*, *Dịch vụ ‘săn trí tuệ’*. Tuy nhiên, nếu thay *đầu* bằng *chất xám* thì nghĩa của hai đầu đề trên không hề thay đổi: *Săn chất xám ở Việt Nam hoặc Dịch vụ săn chất xám*. Có điều, những từ ngữ không chuẩn dùng ríet rồi quen tai. Cụm từ ‘*săn đầu người*’ bất hợp lý ngày nào nay đã quen tai. Hội nhập quốc tế dẫn tới hiện tượng nhập vào tiếng Việt những từ ngữ xa lạ với văn hóa Việt.

*Cụ thể hóa những từ trừu tượng và trừu tượng hóa những từ cụ thể*

Viết một từ mang nghĩa khái quát có thể tạo ra những câu có hàm ý và trở thành câu hay.

Một nghệ thuật nêu những điều hàm ẩn là cách chuyển những từ ngữ cụ thể sang những từ có nghĩa khái quát (thông thường nhất là chuyển từ đơn tiết sang từ ghép đẳng lập chứa từ đơn đó, đồng thời cũng là nghệ thuật chọn các từ ngữ đặt vào những tình huống thích hợp nhằm tạo ra những câu hai nghĩa. Trong truyện ngắn *Đôi giày hạnh phúc*, Andersen quan sát hiện tượng trẻ em chui qua hàng rào chơi với nhau. Ông nhận thấy những đứa trẻ nhỏ và có cái đầu nhỏ thường dễ chui ra chui vào. Nhưng nếu viết vậy thì chẳng có gì để người lớn phải suy nghĩ. Ông thấy *đầu óc* là một từ trở phẩm chất trí tuệ và từ *chui* khiến ta liên tưởng tới sự *luôn cúi* nên tạo ra một câu (được người dịch chuyển tài tình) trên bề mặt là viết cho trẻ em nhưng trong chiều sâu ý tứ lại dành cho người lớn:

(4) Trường hợp này cũng như những trường hợp thường gặp trên đời, chính những cái đầu óc chật hẹp lại thường chiếm ưu thế.

Cũng có những câu sai liên quan đến từ trừu tượng và cụ thể:

(5) Sau đó trở thành một *tướng lĩnh* nổi tiếng của quân đội'. (Tạp chí X, số 168)

‘Tướng lĩnh’ là từ ghép đẳng lập mang nghĩa khái quát nên không thể đi với từ *một*. Một cá nhân thì phải là *một vị* (/viên) *tướng*. Chúng ta lưu ý một quy tắc: *rất nhiều từ đơn có nghĩa cụ thể nhưng khi chuyển sang từ ghép đẳng lập lại có ý nghĩa khái quát*.

So sánh: nhà/nhà cửa, ruộng/ruộng vườn, áo/quần áo, con/con cái, mặt/mặt mũi... Trong nhiều trường hợp hai từ trong từng cặp nêu trên không thể thay thế cho nhau được.

Những kết hợp bất ngờ, kết hợp lạ thường tạo ra cách viết có hàm ý. Viết có hàm ý là viết hay:

(6) Đang nghĩ lang thang thế, bỗng chúng tôi bị một bác cán bộ xã vặn hỏi. (*Văn Nghệ*, 30.05.1992)

(7) Đèn điện ở phố sáng choang, chủ và nhân viên tươi cười chào khách và hớn hờ đếm tiền. (*TTCN*, 19.10.2003)

(8) Năm 1957, mẹ tôi sinh con đầu lòng,... Rồi nổi lo lắng cho bố tôi đã làm mẹ *nước mắt nhiều hơn sữa*,... (*SSTT*, 02.06.2010)

‘Nghĩ’ là từ trừu tượng còn ‘lang thang’ là từ trở hành động cụ thể. *Nghĩ lang thang* là một kết hợp hay.

(9) Những tay skipper bác loa về những chiếc tàu thủy mà gửi sang những lời nguyện rửa *chọn lọc* nhất. (Paustovsky, 331, *Người kể chuyện cổ tích*)

Nếu nói thẳng ‘dùng những lời nguyện rửa *ngoa ngất nhất*’ sẽ không còn là ngôn ngữ châm biếm nữa. Cách nói ‘A được *chọn lọc*’ có tiền giả định: A là một thứ tốt; ‘gửi A đã chọn lọc’ là gửi những cái tốt; cái tích cực. Gửi lời nguyện rửa *chọn lọc* nhất là ‘tốt nhất về phương diện nguyện rửa’. Vì vậy, (9) là câu hay.

## 5.4. Câu dùng thích hợp với tình huống, phù hợp với văn hóa người Việt

Những câu không thích hợp với tình huống và văn hóa giao tiếp là những câu dở.

Tình huống giao tiếp liên quan tới *Ai nói? Ai nghe? Nói điều gì? Nói ở đâu? Nói khi nào? Nói trong hoàn cảnh nào?*

Cùng chỉ người mẹ nhưng dùng *u, bu, để, má, bàm...* tùy nơi tùy lúc thích hợp mới đạt hiệu quả như mong đợi.

Văn hóa giao tiếp là giao tiếp có văn hóa và phù hợp với văn hóa người Việt.

Trong một báo cáo tin chiến thắng thời chống Pháp, có câu ‘Trận đánh *đẹp*’. Câu này đúng nhưng không thích hợp với điều được nói đến. Bác Hồ gạch từ ‘*đẹp*’ đi: Trận đánh nào cũng gian khổ, có chết chóc, không có trận đánh *đẹp*.

Câu ‘Ngô Đình Nhu (em của Ngô Đình Diệm) là con út của Ngô Đình Khả, Bộ trưởng Bộ Lễ dưới triều vua Thành Thái’ (b., 01.02.2008) có hai chỗ sai. Thứ nhất, Nhu không phải là con út, vì còn là anh Ngô Đình Luyện và Ngô Đình Cẩn. Thứ hai, từ ngữ không phù hợp với *ngôn ngữ thời đại* được nhắc tới: Các triều vua Việt Nam không có chức *bộ trưởng*, chỉ có chức *thượng thư*. Đây là lỗi *phong cách*.

Yếu tố người nói cũng giúp chúng ta đánh giá mức độ sai của một câu.

‘Cô: Muốn giữ cho miệng sạch sẽ chúng ta phải làm gì nào?’

Bé: Dạ, phải *tắm* cho cái miệng.’ (b., 12.01.2008)

Người lớn không được nói ‘tắm cho cái miệng’ (chỉ nói *tắm mình*) nhưng với trẻ em còn thiếu nhiều từ ngữ, có thể thông cảm với lỗi nói này.

Trong một bài ký, Nguyễn Duy thuật lại:

- Tàu bay chạy chậm dần trên đường băng, một bà nhắc mọi bà: ‘Chờ cho tàu bay *họ* rồi hãy cởi dây, nhá.’ Cô giáo Thủy hỏi tôi: ‘Em chưa hiểu tiếng *họ* nghĩa là gì?’. ‘*Họ* là tiếng người đi cày ra *lệnh* cho trâu bò dừng lại - một động từ chỉ dành riêng cho trâu bò thôi’. Em cười ngất, trên tàu bay lại học được một từ mới, một *mệnh lệnh* của người đi cày. (Văn Nghệ, 20.07.1996).

Động từ *họ* trong câu ‘chờ cho tàu bay *họ* rồi hãy cởi dây, nhá’ dùng không đúng, nhưng là lời của người nông dân lần đầu đi máy bay nên có thể châm chước lỗi này.

Quy tắc chung cho con người trong giao tiếp có văn hóa là biết tôn trọng thể diện và giữ lịch sự.

*Thể diện* là một đặc điểm của con người liên quan đến *lòng tự trọng của mỗi cá nhân*. Rất nhiều ngôn ngữ có cụm từ ‘giữ thể diện’ và ‘mất thể diện’ mà người Việt gọi là ‘mất mặt’. Cách nói *sượng mặt, tím mặt, mặt mo, mặt thót*... đều liên quan tới mất ‘thể diện’.

Phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng: ‘Thật ra tôi biết có nơi, có người phê phán lãng phí nhưng mình cũng lãng phí, cũng chi vượt... Tôi *không tiện* nói cụ thể nhưng đều có tên tuổi đầy đủ trong các báo cáo hết đấy. (Tuổi Trẻ, 13.11.2002)

Hai phương diện của thể diện: thể diện dương hay thể diện tích cực, là những điều mà con người muốn mình được *tôn trọng*, và thể diện âm hay thể diện tiêu cực là những điều mà con người muốn mình được *tự do hành động*. Mỗi người có một *không gian cá nhân tự do*. Không gian này còn là *lãnh địa*. Không ai muốn người khác xâm phạm lãnh địa của mình. Trong giao tiếp cần *tôn trọng thể diện người khác*. Nói sao cho người ta ‘nở mày nở mặt’ và không bị ‘bôi giơ trát trấu (vào mặt)’ tức là không bị *xúc phạm thể diện* như vậy là nói hay.

*Có những cách nói khác nhau để đạt mục đích.* Ví dụ:

- Đêm đã khuya, trong khi hai vợ chồng già rất khó ngủ thì anh thanh niên hàng xóm lại mở nhạc rất to, rất ồn. Họ không sao ngủ được. Cụ ông đứng dậy đi ra cửa. Cụ bà hỏi đi đâu vậy.

Cụ ông: Tôi định bảo hần là *hãy chấm dứt ngay cái trò mở nhạc nhảy, gào thét ầm ĩ đó đi*.

Cụ bà: Có lẽ ông chỉ nên *hỏi anh ta xem trời đã khuya rồi liệu anh ta có định đi nghỉ sớm không mà ai thì cũng cần phải đi ngủ*.

Lời cụ ông là xúc phạm thể diện, còn lời cụ bà là tôn trọng thể diện anh thanh niên.

Để *không xúc phạm tới thể diện tiêu cực* của người khác, có chiến lược lấy né tránh, lấy chấp nhận, không can dự vào quan điểm của người đối thoại làm cơ sở. Đó là cách nói vòng vo, không đề cập thẳng vào vấn đề. Nói mập mờ gây

nên những cách suy nghĩ theo hướng khác theo kiểu ‘Người khôn ăn nói nửa chừng, để cho kẻ dại nửa mừng nửa lo’. Sẵn sàng xin lỗi. Không làm nổi bật bản thân, không tự đề cao. Thậm chí, bày tỏ thái độ bi quan cũng khiến người đối thoại suy nghĩ, xem xét lại quan điểm của mình.

### *Lễ phép và lịch sự*

Nhiều nước phương Tây coi lịch sự như là một yếu tố cần thiết để giữ thể diện, đảm bảo cho cuộc giao tiếp thành công. *Lịch sự tích cực* là không làm điều gì xúc phạm tới thể diện người khác. Đó là cần biết lắng nghe, *không áp đặt, đối xử bình đẳng* và để người nghe tự do *lựa chọn*.

Với quan niệm về lợi ích và tổn thất, Leech đưa ra **nguyên lý lịch sự**: *Hãy tối thiểu hóa những lối nói mà mình cho là bất lịch sự (lịch sự tiêu cực) và tối đa hóa những lối nói mà mình cho rằng lịch sự (lịch sự tích cực)*. Nó được cụ thể thành các phương châm giao tiếp lịch sự: *khéo léo, hào hiệp, tán đồng, khiêm tốn, thiện cảm*.

Ai cũng cần *học nói hay*. Có nhiều triết lý về nói năng. ‘Một thương tóc bỏ đuôi gà/ Hai thương ăn nói mạn mà có duyên...’; ‘Thiệt vàng thử lửa thử than/ Chuông kêu thử tiếng người ngoan thử lời.’ Nếu như thành ngữ Việt là ‘Ăn có nhai, nói có nghĩ’, ‘Chó ba khoang mới nằm, người ba năm mới nói’ thì người Pháp cũng có thành ngữ tương tự ‘Uốn lưỡi bảy lần trước khi nói’. Nói hay là một trong tứ đức *công, dung, ngôn, hạnh* của phụ nữ Việt Nam. ‘Đa ngôn đa quá’.

‘Nói ngọt lọt đến xương’ là khéo léo. Người ta thường thích khen, kể cả Diêm Vương.

- Một anh chuyên nịnh bợ người khác. Khi chết xuống âm phủ vừa lộ mặt vào đã bị Diêm Vương đập bàn quát: ‘Tại sao cứ đi bợ đỡ người khác. Ta chúa ghét loại người như mi.’ Tên nịnh bợ khẩu đầu thưa: ‘Bẩm vì người đời ai cũng ưa nịnh nên con mới phải nịnh hót người ta. Chứ như đại vương là bậc công minh chính trực, soi xét rõ ràng từng chân tơ kẽ tóc thì ai dám nói nịnh bợ một câu nào ạ!’ Diêm Vương khoái quá, luôn miệng tán thưởng: ‘Đúng, đúng vậy! Có cho phép mày cũng chả dám!’

Có những điều không nên nói rõ ra trần trụi khiến ai đó đau lòng, ngượng ngập. Có thể tổn thương tới người nói, người nghe hoặc cả hai. Trong những trường hợp ấy, cần tránh nói những điều kiêng kỵ, nên chọn những câu dễ nghe trong những cách nói đồng nghĩa, dùng uyển ngữ hoặc tìm cách nói có hàm ý một cách tế nhị để diễn đạt.

Ví dụ:

Thấy người yêu cũ bế một đứa bé tóc vàng. Phước cay đắng hỏi còn Trâm trả lời không rõ ràng nhưng đủ để Phước hình dung ra những bi kịch có thể về một đứa con lai.

- Con ai đấy?

- Con của *thời loạn*. (Kịch *Một chuyện tình*, đ., 29.06.2008)

Trả lời như vậy là khéo.

- Trong hội nghị có người ngủ gật. Báo cáo viên nói: ‘Các bạn đây thứ ba bên phải tôi vui lòng nói nhỏ đi một chút, kéo làm giật mình những bạn đang ngon giấc và để cho những người muốn nghe tôi nói được nghe rõ hơn.’ Đó là phê bình khéo.

- Triệu Tử Long vì cứu A Đẩu, con Lưu Bị, mà suýt nguy đến tính mạng. Khi an toàn và gặp chủ tướng, Lưu Bị (có động tác định ném A Đẩu xuống và) nói ‘*Vì mày mà ta suýt mất một tướng tài*’. Với câu nói khéo hạ thấp lợi ích của mình và đề cao Triệu Tử Long khiến viên tướng này rất xúc động và càng trung thành với Lưu Bị hơn.

Có thể đề nghị khéo, từ chối khéo hoặc khoe khéo:

(A) Vợ: Anh ơi, chị Thanh vừa mới mua một đôi giày mới kiểu đẹp tuyệt trần.

Chồng: Thế hả? Nếu cô ấy xinh như em thì chẳng cần phải mua kiểu giày đó.

(B) - Cô chuyển về quận 7 đi lại chắc ngại lắm nhỉ?

- Đi đâu đã có ô tô, cũng chẳng thấy ngại.

Người trả lời đã chọn một tình huống thích hợp để khoe mới có ô tô. Thế là khéo.

Dùng uyển ngữ là một cách nói khéo. Để tránh những từ kiêng kỵ, có thể mượn tiếng nước ngoài đồng nghĩa cho vào trong ngoặc kép thì sắc thái nghĩa sẽ chuyển từ xấu sang trung tính. Khi đặt tựa đề *Chợ tranh ‘nuy’* đặt ở trang bìa (b., 12-18.10.2003), *Tuổi Trẻ Chủ Nhật* đã tránh tựa đề *Chợ tranh khoả thân*. Từ ‘khoả thân’ có thể gây ra ấn tượng xấu về loại tranh này.

Giao tiếp *hào hiệp* là tránh tranh cãi không cần thiết, là sẵn sàng cảm ơn, sẵn sàng xin lỗi, nhận phần thiệt về mình ‘ai nhất thì tôi thứ nhì’. Việc đòi, nài người mười ý là lẽ thường. Nên *sẵn sàng tán đồng để tôn trọng* người khác. ‘Cám ơn bạn đã cho biết ý kiến’, ‘Ý kiến chị rất hợp lý’;

‘Tôi chưa đồng ý với anh, nhưng ý kiến của anh rất đáng để chúng ta cùng suy nghĩ thêm’,... Đừng vội ngắt lời khi ai đó đang say sưa trình bày, luận bàn, nhất là khi người ta đang hào hứng kể chuyện mình, kể chuyện con cái, gia đình người ta.

- Vợ chồng bàn nhau nên đi đâu chơi. chồng: ‘Em chọn đi.’ Nói vậy là khéo vì đã tôn trọng, đề cao quyền người vợ.

Không nên nói dài. Có người ví von, ‘khi chúng ta trình bày vấn đề, nên như mini giuyp, càng ngắn càng hay’. Mặc Tử: ‘Con nhái bèn ngày đêm kêu rất hòng mà chẳng ai đoái hoài. Nhưng con gà trống vừa cất lên tiếng gáy sáng là chuyển động cả đất trời.’

*Khiêm tốn* là tránh khoe mình, tránh nói quá nhiều tới cái ‘tôi’, tránh khoe con cái, tránh khoe kiến thức, tránh khoe giàu sang, tránh nói những từ thể hiện sự quá tự tin, khẳng định tuyệt đối ‘đương nhiên là...’, ‘tất nhiên là...’. Nên dùng những từ tình thái mềm mỏng hơn: ‘Có lẽ’, ‘Tôi nghĩ rằng’... Truyện dân gian từng châm biếm hạng người dùng câu trả lời dư để khoe của: ‘Từ lúc tôi mặc chiếc áo mới này đứng đây, không thấy con lợn nào chạy qua’. Edison khi đã nổi danh liền phải chạy trốn các nhà báo để có thời gian thầm lặng tiếp tục công việc phát minh. Còn Einstein khi buộc phải trả lời một phóng viên Mỹ về công thức dẫn tới thành công, đã đáp:

- Đó là  $A = X + Y + Z$ , X là công việc, Y là vui chơi...
- Thế còn Z là gì ạ?
- Z là im lặng!

Trong không ít trường hợp, im lặng cũng là một cách nói. Văn hào Gamzatov nói ‘Tôi mất ba năm để học nói, nhưng phải mất tới 60 năm để học im lặng!’

Lịch sự còn là *không áp đặt*. Không dùng quyền lực buộc người khác theo ý mình, kể cả khi phê bình: Nói ‘tôi thấy’, ‘mình thấy’, ‘theo tôi thì’... để người tiếp nhận coi đó chỉ là những ý kiến tham khảo.

*Tăng khen, giảm chê* là lối nói *thiện cảm*.

*Lưu ý là không phải lúc nào lối nói gián tiếp cũng đồng nghĩa với phép lịch sự.*

Dùng lối nói gián tiếp để chỉ trích, mỉa mai, đe dọa... sẽ xúc phạm nặng nề tới thể diện người nghe. Cách nói gián tiếp ‘Gái khôn chọn chồng giữa chốn ba quân. Gái lỗ thì mới đi lấy thằng nát rượu ấy làm chồng’ biểu thị lời châm chọc hoặc mỉa mai bóng gió nên ít lịch sự hơn lời khuyên trực tiếp ‘Đừng nên lấy thằng nát rượu ấy làm chồng.’

Cách nói trực tiếp ‘Anh *phải* ăn cơm tối với tôi rồi mới được về’ mới nghe có vẻ áp đặt, nhưng là áp đặt chân tình nên tỏ ra lịch sự hơn cách hỏi:

- Sao anh không ở lại ăn cơm tối với tôi rồi hẵng về?
- Anh ở lại ăn cơm tối với tôi rồi hẵng về có được không?

Hai câu hỏi trên gián tiếp mời ở lại ăn cơm nhưng là câu hỏi lựa chọn khiến người nghe cảm thấy khách sáo trong lời mời.

Những từ chỉ mức độ thân mật (từ xưng hô) và những từ bày tỏ sắc thái tình cảm, kêu gọi thiện chí ở người nghe

trong những lối nói trực tiếp nhiều khi còn quan trọng hơn là lối nói gián tiếp. ‘Tối nay anh rửa chén *giùm em nha!*’ dễ nghe hơn ‘Tối nay anh có rửa chén được không?’

Nên chú ý tới những *câu đồng nghĩa* để tránh câu mơ hồ gây hiểu lầm tai hại, như:

‘Ngày 15.01, phiên bản *có tiếng* video clip sex của HTL... và bạn trai lại xuất hiện trên mạng’. (b., 16.01.2008)

Trong câu trên, *có tiếng* được dùng để đối lập với *không có tiếng*, nhưng người nghe có thể hiểu sang một nghĩa khác: người viết khen ‘phiên bản video clip sex của HTL là *có tiếng*’. Vậy nên thay *tiếng* bằng một từ đồng nghĩa của nó: *âm thanh*. ‘Phiên bản *có âm thanh* video clip sex của HTL...’

Trước câu hỏi ‘Chính phủ Mỹ có thừa nhận ông Ahmadinejad là *tổng thống hợp pháp* của Iran?’, Robert Gibbs - người phát ngôn Nhà Trắng - trả lời:

- Ông Ahmadinejad là *tổng thống được bầu* của Iran.

Nói vậy là hớ, vì *được bầu* có hiệu quả là *hợp pháp* - điều chính phủ Mỹ không muốn thừa nhận, nên hôm sau ông ta phải cải chính:

- Ông ấy đã *được nhậm chức* và đó là một thực tế. Còn liệu bầu cử có trung thực hay không, rõ ràng là dân chúng Iran vẫn còn có những câu hỏi...’ (*Tuổi Trẻ*, 14.08.2009)

Trong ngôn ngữ có những từ, những câu được gọi là đồng nghĩa. Nhưng thật ra chẳng có đồng nghĩa tuyệt đối. Giữa chúng luôn có những nét nghĩa riêng, dẫn tới những sắc thái riêng và do vậy có thể chuyển tải được (hoặc phản lại) ý định của người viết.

- Có giai thoại sau: Vua nằm mộng có người nhổ hết răng của ông ta đi. Gọi người đến đoán mộng.

Tể tướng: Cả nhà bệ hạ sẽ chết trước bệ hạ.

Vua giận quá, giết chết tể tướng.

Ai-van-ti: Bệ hạ sẽ trường thọ hơn mọi người trong gia quyến.

Vua rất vui, bèn ban thưởng cho Ai-van-ti.

Dùng những từ đồng nghĩa thích hợp có thể tạo ra những cách nói thân thiện hơn. Ngày nay, người Việt không dùng từ ‘đầy tớ’, ‘người ở’, mà gọi bằng ‘osin’. Nhiều người tránh luôn từ osin mà dùng ‘người giúp việc (gia đình)’.

Mức độ gây sốc giảm dần khi bày tỏ suy nghĩ muốn phá bỏ một cái thai: ‘Có phá thai hay không’ > ‘Có giữ cái thai này hay không’ > ‘Có sinh đứa bé này hay không.’ Dùng ‘Tôi cũng chưa quyết định có sinh đứa bé này hay không’ là cách nói khéo.

- Theo nguồn tin cho biết thì hôm đó có hai phiên tòa cùng lúc, nên luật sư phải ‘chạy sô’. (*Tuổi Trẻ Cười*, 01.08.2008)

Người làm các ngành nghề biểu diễn nghệ thuật, người dạy học mới phải chạy sô. Còn luật sư... mà chạy sô thì còn đâu tâm trí, công sức chuẩn bị nữa. Đây là câu *châm biếm* hay.

Lịch sự còn liên quan tới *phong tục* của từng vùng miền, từng dân tộc.

*Người miền Bắc*: khi đang ăn hoặc khách đến nhà lúc gần trưa, thì mời khách ‘Tiện thể (/gặp bữa) ông (/bà/ chú/ cô)

vào ngồi ăn với chúng tôi'. Không mời là bất lịch sự. Biết quy tắc này, khách thường không nhận lời. Ai mà nhận lời, ngồi vào ăn thì chủ nhà nghĩ ngay là người thô lỗ, không biết gì... 'Mình chỉ *mời rời* mà ông ta cũng nhận lời'.

*Người miền Nam*: không có quy ước như vậy, đã mời là thật lòng. Ngồi vào ăn thì thêm vui vẻ, không khách sáo. Không nhận lời thì lại thể hiện sự xa cách, không chân tình.

Người Việt có thói quen hỏi về tuổi tác, gia đình... thể hiện sự quan tâm và thân tình. Nhưng nhiều dân tộc khác, hỏi vậy là mất lịch sự, tò mò, thóc mạch chuyện riêng tư người khác.

*'Lễ' trong phạm trù văn hóa Việt.*

Mỗi dân tộc có đặc điểm văn hóa riêng.

*Khác biệt về văn hóa* trong giao tiếp liên quan đến những phong tục, quan niệm. Buổi lên lớp đầu tiên về tiếng Nga tại một trường đại học ở Mỹ, thầy giáo cho con chó của mình làm trò rất mỹ mãn theo những lệnh bằng tiếng Nga. Ông nói: 'Các bạn thấy đấy, tiếng Nga rất dễ học, đến con chó nghe tôi nói cũng hiểu ngay, hướng chỉ các anh!' Đây là một lời cổ vũ sinh viên Mỹ, vì người Mỹ nói riêng và người phương Tây nói chung rất yêu quý chó nuôi. Nhưng nếu đem câu này nói với sinh viên Việt Nam tại một trường học ở Việt Nam thì khác chỉ một lời chữ.

Một mặt, ở mọi nơi người ta vẫn giao tiếp với nhau theo cùng một quy tắc. Mặt khác, có những nghi thức giao tiếp rất khác nhau giữa các dân tộc. Có khi một nghi thức của dân tộc này có thể là xa lạ, buồn cười, chương mất thậm chí là quái gở đối với một dân tộc khác.

Chẳng hạn, cùng một quy tắc phải giữ lịch sự trong giao tiếp, nhưng giữa các dân tộc lại có những cách thức, những nghi thức thể hiện khác nhau.

Một sinh viên Tây Ban Nha học ở Pháp tâm sự: Trong bàn ăn *khi người Pháp đưa cho bạn lọ muối thì bạn phải nói ngay ‘cảm ơn!’*. *Nếu không người ta sẽ để ý đấy. Nhưng tôi biết chắc nếu tôi nói như vậy ở Tây Ban Nha dứt khoát tôi sẽ bị người ta cười, chế giễu.*

Nghe đầu ở Hàn Quốc, giữa những người có quan hệ thân thiết thì không nói ‘cảm ơn’.

*Đa dạng và khác biệt.* Với người phương Tây, người ta khuyên người bán hàng nên thiết lập mối quan hệ bình đẳng với khách hàng. ‘Đừng nói: Tôi xin lỗi vì đã làm phiền ngài. Hãy nói: Chúng ta nên đối thoại một cách bình đẳng.’ Lời khuyên này không thể áp dụng ở Nhật Bản, Việt Nam và nhiều nước châu Á khác. Làm theo lời khuyên này có thể gây ra những hậu quả thảm hại. Ở đây khách hàng được coi là thượng đế, họ quen với kiểu tự hạ mình của những người bán hàng. Trong xung hô, người bán hàng thường tôn khách hàng lên cao và hạ mình xuống. Trạc tuổi nhau, thậm chí lớn tuổi hơn nhưng người bán hàng vẫn xưng *em* ngọt xớt và gọi khách là *anh, chị*.

Giá trị của một cách thức ứng xử cũng thay đổi giữa các nền văn hóa. Người Pháp hay ngắt lời người khác nói xen ngang vì họ cho đấy là biểu hiện của tính tích cực và nhiệt tình tham gia vào cuộc trò chuyện. Người Đức lại cho điều này là vô chính phủ, không thể chấp nhận được.

Với người Việt, ‘tiên học lễ, hậu học văn’. Phạm trù *lễ* bao trùm phạm trù *lịch sự*. Đánh giá phẩm chất, nguồn gốc một người, trước hết người Việt xem đó có phải là con nhà *gia giáo, nền nếp* hay không chứ không nhắc tới tính cách có *lịch sự* hay không. ‘*Lịch sự*’ một từ thiên về phong cách *thanh lịch, tinh tế, lịch lãm*, còn ‘*lễ phép*’ nói tới *phẩm chất lễ độ*, chứ không chỉ là ‘*lịch sự*’. Phạm trù *lịch sự* của người Việt được đặt trong mối quan hệ mật thiết với phạm trù *lễ*.

Mỗi hành vi ngôn ngữ bị chi phối bởi nhiều ‘*triết lý*’, được sắp xếp theo một trật tự ưu tiên nào đó. Điều này giúp ta giải thích vì sao có những hành vi ngôn ngữ giống nhau nhưng hành vi này được coi là *lịch sự* (hoặc không *lịch sự*) còn hành vi kia thì hoàn toàn không. Vì phạm trù *lễ* quan trọng hơn phạm trù *lịch sự* nên ‘Con yêu cầu cha phải thế này, phải thế kia’ bị coi là *vô lễ*, nặng hơn *mất lịch sự* rất nhiều. Còn cha *ra lệnh* con, *bắt buộc* con phải làm việc này, việc khác thì hoàn toàn không bị coi là *mất lịch sự*. Việc ra lệnh này phù hợp với triết lý ‘*quyền huynh thế phụ*’. Tức là, trong tâm thức người Việt, phạm trù *tôn ty*, *quyền lực* quan trọng hơn phạm trù *lịch sự*.

Quan niệm *tôn ty* về giới dẫn tới những quy định về hành vi ứng xử giữa nam và nữ, nhiều vụ chồng ngược đãi vợ vì cho rằng vợ đã ‘không ăn nói theo đúng đạo vợ chồng’. Thể diện của nam giới và của nữ giới cũng khác nhau:

Bạn bè rủ chồng đi nhậu, vợ nói: ‘Anh đừng đi, em có chuyện này muốn nói với anh’. Nếu câu trên chỉ có hai vợ chồng với nhau thì chồng không thấy đó là một *mệnh lệnh*.

Nhưng nếu câu trên nói trước mặt bạn bè chồng, người chồng sẽ cảm thấy bị *mất mặt lớn*. (Khi bạn bè đi rồi, chồng: *có mặt bạn bè tôi mà cô nói thế à?* Sau đó là cuộc xô xát.)

Nam giới có thể chịu đựng lời mắng như ở *đor*, *lười biếng*, *luộm thuộm*... nhưng họ không thể chấp nhận được những lời như *đồ vô dụng*, *đồ ăn bám vấy phụ nữ*... là những lời xúc phạm thể diện quá mức.

Có lễ giáo, tế nhị và lịch sự được thể hiện qua lời ăn tiếng nói hàng ngày, qua những quốc ngữ, thành ngữ, tục ngữ. *Câu hay là câu sử dụng thích hợp những thành ngữ, tục ngữ.*

Cần chú ý tới cách diễn đạt trong tiếng dân tộc. Cách nói *Người H'Mông* là bình thường với người Việt, nhưng với người Mông lại không đúng và đáng trách. Cần nói là *Người Mông*. Ông Cư Hoà Vần, chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc của Quốc hội, có lần đã nói rằng đối với người Mông, âm 'hơ' có nghĩa xấu. (*NLB*, 9.99, tr.54)

## 5.5. Cách nói dân gian và những lời quen thuộc

### *Những lời quen thuộc*

Dù ở thời nào và với dân tộc nào thì tận dụng những lời quen thuộc cũng là một biện pháp ngôn từ tạo ra những câu nói ấn tượng.

Khi phát biểu 'Không tồn tại những *cuộc chiến tranh* miễn phí' giáo sư E. Stiglitz, giải Nobel kinh tế 2001, lấy lại một câu nói thường gặp của người Mỹ 'không tồn tại những

*bữa ăn miễn phí*’ để tiết lộ chi phí thật của cuộc chiến tranh Iraq là 3.000 tỉ USD, chứ không phải là 50 tỉ như chính quyền Bush từng tuyên bố. (b., 08.06.2008)

Người Việt ưa dùng lối nói này.

Bước vào thời kỳ đổi mới, Phùng Gia Lộc có phóng sự

(1) *Cái đêm hôm ấy đêm gì*

Có lẽ, đây là một trong những tác phẩm gây chấn động nhất lúc đó. Tựa đề lại được trích từ một câu trong *Cung oán ngâm khúc*.

Báo *Thanh Niên* giật tít cho bài phỏng vấn Nguyễn Đình Thi về Quốc hội đầu tiên của nước ta:

(2) *Cái thuở ban đầu dân quốc ấy...* (Thanh Niên, 06.01.1996)

Tít báo này thật ấn tượng. Chúng ta quen thuộc câu thơ nổi tiếng của Thế Lữ ‘Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy/ Ngàn năm chưa dễ đã ai quên’. Cái hay của tít báo ở chỗ chỉ thay một từ *lưu luyến* bằng *dân quốc*, chủ đề tình yêu lứa đôi bất ngờ chuyển thật tài tình thành chủ đề tình yêu đất nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thời mới khai sinh với Quốc hội đầu tiên.

Trong *Thanh Niên Thời Đại*, số 1.1995, có bài

(3) *Bom Bo còn có nhịp chày khuya?*

Những người ở thời điểm ấy, còn ai chưa từng say sưa lắng nghe bài hát nổi tiếng một thời *Tiếng chày trên sọc Bom Bo* của nhạc sĩ Xuân Hồng? Người viết đã dùng hình ảnh cốt lõi *nhịp chày khuya* của một bài hát quen thuộc để

tạo ra một tựa đề theo hình thức chất vấn khiến người đọc cảm nhận được một điều không bình thường là cuộc sống hôm nay của người dân sóc Bom Bo còn quá cơ cực. Đồng thời, nó cũng thoáng đặt ra cho chúng ta một câu hỏi lớn về trách nhiệm xã hội với người dân sóc Bom Bo, những đồng bào dân tộc trước đây hết lòng vì nghĩa lớn, từng già gạo chày tay nuôi bộ đội. Đó là một cách viết hay.

Có những lời quen thuộc đã thấm sâu vào lòng người. Khi bạn viết một điều gì đó, hãy tận dụng những lời quen thuộc một cách sáng tạo thích hợp với hoàn cảnh và tình huống giao tiếp nhằm tạo ra những câu hay. Có thể là trích nguyên văn (câu 1), thay đổi một vài từ ngữ (câu 2) hoặc dùng hình ảnh cốt lõi (câu 3).

Nhạc sĩ Thanh Tùng có bài hát *Trái tim không ngủ yên*, nên cuộc giao lưu của nam nữ thanh niên chưa có gia đình được báo *Lao Động* đặt tit *Cuộc giao lưu của những ‘trái tim không ngủ yên’*. (*Lao Động*, 23.12.1998). Sài Gòn thường nóng nên trong một bài hát của Phạm Tuyên có câu ‘*Anh ở trong này không có mùa đông*’. Cũng có những mùa đông trời Sài Gòn khá lạnh, ấy thế là Huỳnh Dũng Nhân viết bài ‘*Anh ở trong này cũng có mùa đông*’ (báo *Lao Động*) nói lên tiếng reo vui của người Sài Gòn đã lâu mới có dịp chung diện áo ấm đẹp và quang cảnh Sài Gòn thêm đẹp.

Trong *Số Đỏ*, Vũ Trọng Phụng cho cố Hồng nói câu cửa miệng ‘*Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!*’. Câu này trở thành kinh điển để nhắc tới những chuyện nói dai mà không đi đến đâu. Và ‘Ông Cuông ơi, ông cứ hay chất vấn về nạn ‘chạy

chức, chạy quyền', liệu có giải quyết được vấn đề gì trong cuộc sống, hay chỉ là 'biết rồi, khổ lắm, *chất vấn mãi?*' (b., 28.04.2008)

Có điều, nên lưu ý tới *con dao hai lưỡi* khi vận dụng những lời quen thuộc.

Trên trang bìa của một tạp chí (số 167) đưa lên một bài đình 'Bắc thang lên trời... *đào vàng*'. Bài đề cập tới một chuyện nghiêm túc là đi tìm trong vũ trụ những chất quý hiếm. Tít trên khiến người đọc khó liên hệ ngay được với chủ đề thực của nó. Hầu hết sinh viên báo chí của trường X đều liên hệ tới 'đào vàng' theo nghĩa đen rồi kết luận đây là chuyện hoang tưởng, một việc làm không bao giờ thực hiện được vì vàng chỉ có dưới đất mà thôi. Một số khác liên hệ tới câu ca dao 'Bắc thang lên hỏi ông trời/ Đem tiền cho gái có đòi được không?/ Ông trời phán bảo rằng không/ Đem tiền cho gái đừng mong mà đòi'. Từ câu kết *đừng mong mà đòi* họ cũng rút ra kết luận đây chỉ là chuyện ảo tưởng.

*Dùng thành ngữ và tục ngữ một cách hợp lý và vận dụng sáng tạo.*

Tục ngữ, thành ngữ là lời ăn tiếng nói hàng ngày của những người lao động, những lời nói nôm na, giản dị mà giàu hình ảnh, thấm đượm tâm hồn và triết lý dân tộc. Chúng dễ hiểu với mọi người, được mọi người tiếp nhận, sử dụng và vận dụng dễ dàng. Vì vậy, sử dụng đúng, vận dụng khéo và thích hợp tục ngữ, thành ngữ sẽ làm bài viết thêm hấp dẫn.

Đáng tiếc là tục ngữ, thành ngữ hiện nay ít người dùng và cũng hay hiểu sai, thậm chí ngay cả người soạn từ điển tục

ngữ cũng hiểu sai. Trong một **Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam** (1997) tác giả giải thích ‘Thâm đông, hồng tây, dựng may’ có ý nói ‘cuối mùa đông mà thấy phía tây hồng thì bắt đầu có gió may’ (t. 291). Thế là đã hiểu *thâm đông* là *đi sâu vào* mùa đông. Thật ra thâm đông có nghĩa là ‘ở phía đông có mây đen tối sầm’. Trong một từ điển tục ngữ khác (2010) nêu tục ngữ: ‘*Tát nước theo mưa*’. Lẽ ra ‘*Té nước theo mưa*’ - lợi dụng cơ hội, thực hiện một hành vi xấu để kiếm lợi.

Vận dụng thành ngữ, tục ngữ thế nào?

Có những tình huống cho phép giữ nguyên một tục ngữ, thành ngữ:

A: Sáng nay tớ chiều đãi cậu.

B: *Buồn ngủ gặp chiếu manh* rồi.

Phổ biến nhất là biến đổi chúng cho phù hợp với hoàn cảnh. Vận dụng sáng tạo thành ngữ, tục ngữ sẽ tạo ra những câu hay. Muốn vậy cần hiểu rõ nghĩa của chúng, đặc biệt là con đường hình thành nghĩa của chúng. Nghĩa của thành ngữ, tục ngữ được hình thành theo *phương pháp biểu trưng*.

Rất ít thành ngữ, tục ngữ có nghĩa đen. Thường đó chỉ là những thành ngữ, tục ngữ về kinh nghiệm sản xuất, dự báo thời tiết, như kinh nghiệm xem trăng rằm ‘*sáng tốt tầm, tối tăm tốt lúa*’, hay xem chuồn chuồn bay ‘*chuồn chuồn bay thấp thì mưa...*’. Nhưng ngay cả những thành ngữ, tục ngữ loại này nhiều câu cũng mang nghĩa biểu trưng. Thế nào là nghĩa biểu trưng?

Trong câu ca dao-tục ngữ ‘*Gió đông là chồng lúa chiêm/ Heo may gió bắc là duyên lúa mùa*’. Không ai hiểu từ *chồng* theo nghĩa đen. Chỉ có thể hiểu từ *chồng* biểu trưng cho *quan hệ hòa hợp* giữa gió đông và lúa chiêm.

Chúng ta có tục ngữ ‘Một người làm quan cả họ được nhờ’. Từ ‘*làm quan*’ biểu trưng cho đối tượng *có quyền lực* và *tiền bạc*, nên cấu trúc khái quát sau của nó là:

(I) Một người A, nhiều X được B

Ở đó, A là đối tượng *có quyền lực* và *tiền bạc* như

A = *làm quan; làm bí thư; làm chủ tịch; làm giám đốc,...;*

X = *những người cùng hội cùng thuyền; con cái; họ hàng; làng xóm; phe cánh; đồng bọn;*

B là *hưởng lợi*, như: *vô biên chế; đi du học; về Hà Nội; được trúng thầu; được nhận dự án...*

- Nhờ bí thư huyện mà bà con *hợp tác xã* Gia Đạo được xem một buổi chiếu phim lưu động, vận dụng tục ngữ trên Phó chủ nhiệm hợp tác xã này nói đùa với bà bí thư huyện: ‘Một người làm quan cả *làng* được nhờ’. (p. *BTTU*)

Phó chủ nhiệm hợp tác xã đã vận dụng tục ngữ trên theo cách trực tiếp: ‘Một người làm *bí thư* cả *làng* được nhờ’. Thời bao cấp nhờ bí thư nhỏ mà bà con xã được xem một buổi chiếu phim lưu động. Với bí thư lớn thì ‘Một người làm *bí thư* cả họ được *ra Hà Nội*, hoặc ‘Một người làm *bí thư* cả họ được *vô biên chế*.’ Chúng là những biến thể của tục ngữ đã cho.

Cao tay hơn, trong phóng sự *Kỹ nghệ lầy* Tây đăng trên báo *Nhật Tân* từ ngày 05.12.1934, Vũ Trọng Phụng cho bà

Cai Bu Dích nói: ‘Thôi ông cứ yên tâm... *Một người lấy Tây, cả họ được nhờ*’. Độc giả thích thú vì nhà văn họ Vũ chỉ thay từ ‘*làm quan*’ bằng từ ‘*lấy Tây*’ là có một ‘tục ngữ’ mới thích hợp với mục cai me Tây này.

Thành ngữ cũng vậy. *Màn trời chiếu đất* là một thành ngữ.

Trong chương trình thời sự của VTV1 ngày 09.01.1999, khi đề cập đến những biện pháp khắc phục hậu quả của nạn lũ lụt ở miền Trung, xướng ngôn viên đã nhắc lại lời bộ trưởng Lê Huy Ngọ: ‘Tập trung khắc phục tình trạng *màn trời chiếu nước*’. Câu trên đã vận dụng tài tình thành ngữ ‘*màn trời chiếu đất*’ theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, còn gọi là nghĩa biểu trưng. Nếu như ở *màn trời chiếu đất* nghĩa đen nói về chuyện *ngủ*: ngủ ngoài trời không màn, không chiếu thì ở *màn trời chiếu nước* cũng là ngủ ngoài trời không màn, không chiếu. Và ngủ trên vùng đất lụt mệnh mang nước. Cả hai đều có *nghĩa bóng* là ‘cảnh sống không nhà cửa, nhà cửa tan hoang, dầu dãi nắng mưa’.

Ví dụ: ‘Đồng tiền phải gắn liền với *nỗ lực*’. (b., 25.12.2009)

Câu trên là biến thể của ‘Đồng tiền gắn liền *khúc ruột*’. Hoàn cảnh của nó là vận động viên cầu lông Nguyễn Tiến Minh bị giảm tài trợ từ 50 triệu/tháng xuống 20 triệu/tháng, do bị vắng khỏi топ 10 thế giới. Nhà tài trợ tuyên bố, nếu Minh lại lọt vào топ 10 thì lại được tài trợ 50 triệu/tháng như cũ. Vậy là Tiến Minh phải *nỗ lực* để được nhiều tiền tài trợ.

Tạp chí *Tri Thức Thế Giới* (Trung Quốc) dự báo về thái độ khác thường của Mỹ là giữ bình tĩnh trước lời tuyên bố

có vũ khí hạt nhân của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên và không đưa ra một lời đe dọa lại tín hiệu nghiêm trọng đó (TTCN, 29.05.2005). Đó là thái độ ‘Con chó *định* cắn sẽ không sửa’. Câu này là biến thể của tục ngữ Anh ‘Con chó sửa thì không cắn’.

Giữa các dân tộc, có nhiều tục ngữ, thành ngữ tương đương. Nhờ vậy có thể chuyển những câu nước ngoài thành những câu như người Việt thường nói. ‘Nếu chúng ta nhìn một sợi dây, sẽ thấy ở một đầu là những bài tập gian dối nhỏ của Piper High, còn đầu kia làm những lời nói dối nghiêm trọng của các tên tuổi lớn’ (b., 16.02.2002) Có thể dùng tục ngữ ‘Vết rạn thời trẻ, miếng mè tuổi già’ hay ‘Bé ăn trộm gà, già ăn trộm trâu’ để diễn đạt nội dung trên.

Lấy thêm một tục ngữ nữa: Triết lý người Việt là ‘*Ăn cây nào rào cây ấy*.’ (ăn cây A rào cây A) Nhưng những kẻ vô ơn, bội bạc thì ‘*ăn cây A rào cây B*’. Chọn A là *cây táo*, chỉ cần cho B *không phải táo*, chúng ta sẽ được hàng loạt câu nói về những kẻ vong ơn bội nghĩa này: ‘*Ăn cây táo rào cây sung*’, ‘*Ăn cây táo, rào cây bồ hòn*’, ‘*Ăn cây táo, rào cây soan dâu*’, ‘*Ăn cây táo, rào cây bồ quân*’... Chỉ cần hóm hỉnh một chút là bạn có thể phê phán những kẻ tôn thờ và bảo vệ cho những phong bì có ‘nhân’ bằng câu ‘*ăn cây táo, rào cây... phong bì*’ (NDCN, 13.01.1991)

Với những ông viên kiểm sát, những ông nhà báo hoặc tướng tá phục vụ cho Trương Văn Cam và cho những ai đó, chúng ta nói ‘*Ăn cây táo, rào cây... Năm Cam*’, ‘*Ăn cây táo, rào cây... đô la*’... Tít báo ‘*Trống cha xuôi, kèn mẹ ngược*’

(SGTT, 21.02.2011) cũng là cách vận dụng thành ngữ ‘Trống đánh xuôi, kèn *thối* ngược’.

Nghĩa của một tục ngữ phụ thuộc vào *cách cấu tạo và tình huống* của tục ngữ đó.

Nghĩa của tục ngữ ‘Cái khó *bó* cái khôn’ được hình thành theo lý lẽ *nhân quả*. Một sự kiện có thể là nguyên nhân của những sự kiện khác nhau. Ấy thế nên từ tục ngữ trên, người ta tạo ra cách nói ca ngợi những người biết khắc phục khó khăn, phát huy sáng kiến: ‘Cái khó *ló* cái khôn’. Nhưng lý lẽ của những kẻ đi hối lộ và nhận hối lộ luôn luôn sách nhiễu người khác lại là *Có khó mới **ló** bao thơ, cái khó **ló** cái bao thơ...* Còn cái khó *ló* cái *ngu* chỉ là cách nói *vô nghĩa* kiểu *sát thủ đầu mung mũ*. Khó ai chấp nhận lý lẽ này.

Một người bị hôn mê, chết ngất một lúc không còn hay biết những việc xảy ra xung quanh nữa gọi là ‘bất tỉnh nhân sự’. Thế còn *loài vật* bị ‘bất tỉnh *nhân sự*’ thì sao? Nhà báo có thể tạo ra một ‘thành ngữ’ mới. Trong một phóng sự về bọn dùng súng xung điện bắn chó ngất đi để bắt trộm, tác giả viết: ‘Kể gian mô công tác điện (dòng điện tăng lên cực mạnh qua hệ thống xuyên điện), những chú chó xấu số bị bắn trúng lập tức bị điện giật ‘bất tỉnh *cấu* sự’ ngay tại chỗ. (Tuổi Trẻ, 27.09.2002) Thế là vận dụng sáng tạo một thành ngữ thích hợp với tình huống.

Muốn vận dụng thành công một tục ngữ hay thành ngữ, nên chú ý tới văn nhịp của chúng. Khi đặt tiêu đề ‘Phép *nước* thua lệ *trường*’ (b., 12.09.2001), tác giả đã vận dụng nhưng lại phá vỡ sự hiệp vần vốn có trong tục ngữ gốc ‘Phép *vua*

*thua lệ làng*'. Sao không đặt là 'Phép vua thua lệ trường'? Trong câu này không ai hiểu từ *vua* theo nghĩa đen cả. Đừng sợ người ta hiểu lầm là nước ta đang có vua theo nghĩa đen. Dân gian chỉ hiểu theo nghĩa bóng.

Có câu *Nôm na là cha mách quế* vì đôi khi tục ngữ, thành ngữ không né những từ ngữ kiêng kỵ. Do vậy, cần giảm bớt cách nói thô lậu khi gặp những câu như vậy. Trong lễ đón tiếp Phó thủ tướng Trung Quốc Tập Cận Bình, cờ Trung Quốc có 6 ngôi sao. Lễ ra chỉ có 5 - một lớn và 4 nhỏ biểu trưng cho những dân tộc ở 4 khu tự trị, vì vậy có người bình luận rồi văng tục trên một trang mạng (25.12.2011): 'Cờ với chả quạt *như cái con cú... cú!*'

Danh ngôn là những câu nói nổi tiếng, đúc kết được những quy luật, những chân lý phổ biến. Chúng nổi tiếng vì có lối nói giàu hình ảnh trong một nội dung sâu sắc giàu chất trí tuệ. Vì vậy những người hiểu, thích và cũng thường dùng danh ngôn nhằm tạo ra những câu hay.

Có điều, nhiều danh ngôn phổ biến với người Pháp, người Anh... nhưng với người Việt thì lại không 'dễ hiểu' chút nào. Một danh ngôn dùng với dân tộc này thì có thể rất hay nhưng chưa chắc dân tộc khác đã dễ dàng tiếp nhận.

Năm 1980, trên tờ *Le Monde* (Thế Giới) của Pháp có bài phóng sự về những người Tiệp Khắc chạy sang cư trú chính trị ở Pháp. Trong đó có tiểu đề: *Je ne pense pas donc je suis* (Tôi không suy nghĩ vậy thì tôi tồn tại). Ngay dưới tiểu đề này là câu một người Tiệp Khắc trả lời phỏng vấn: '*Ở đất nước chúng tôi, tôi không suy nghĩ vậy thì tôi tồn tại*'. Một người

Pháp bình thường có thể cảm nhận ngay được ý tứ của câu trên, vì đó là cách *nói ngược* một câu nổi tiếng của triết gia Pháp Descartes mà học sinh trung học Pháp đã được học trong giờ triết: '*Je pense, donc je suis*' (*Tôi suy nghĩ vậy thì tôi tồn tại*).

Để hiểu những câu nói ngược, cần hiểu từ ngữ trong đó theo nghĩa đặt trong hoàn cảnh của câu nói. Có khi nghĩa đen thành nghĩa bóng và nghĩa bóng lại thành nghĩa đen. Ý tứ câu này nảy sinh từ hoàn cảnh của một người xin cư trú chính trị và được bắt đầu bằng '*Ở đất nước chúng tôi...*'. Lúc này, người ta không hiểu 'tôi không suy nghĩ' (*je ne pense pas*) theo nghĩa đen nữa mà lại hiểu thành 'tôi không *độc lập* suy nghĩ'. Và mệnh đề '*tôi tồn tại*' chỉ là 'tôi được sống yên ổn', 'tôi vẫn *còn* trên cõi đời này. Cả tiểu đề lẫn câu trả lời phỏng vấn dẫn tới ý '*Ở đất nước chúng tôi, ai không có độc lập suy nghĩ thì được sống yên ổn*'. Tầng sâu ý nghĩa của câu này rõ ràng là '*Đất nước chúng tôi không có tự do tư tưởng*'. Nhưng rất nhiều người Việt, trong đó có sinh viên báo chí, đã không hiểu ý tứ câu này.

Qua ví dụ trên chúng ta lại thấy rằng có thể vận dụng một tục ngữ, một danh ngôn theo cách *nói ngược* miễn là hợp với tình huống.

Khi vụ bê bối tay thợ may Francesco Smalto chuyên dẫn gái cho tổng thống Bongo bị phanh phui, tường thuật vụ này báo *Tuổi Trẻ* chạy tít '*Chiếc áo làm nên... tên ma cô*'. (b., 15.04.1995) Bạn đọc thấy ngay ở đây đã vận dụng một tục ngữ Pháp rất quen thuộc '*Chiếc áo không làm nên thầy tu*'.

Có rất nhiều tình huống khác nhau trong cuộc sống. Do vậy *một tục ngữ, một danh ngôn cũng có thể có nhiều biến thể vận dụng khác nhau*. Cái câu nói ngược với Descartes *tôi không suy nghĩ vậy thì tôi tồn tại*, nếu dùng cho giới lái xe thì lại được hiểu là khi lái xe ‘nếu tôi tập trung chú ý, không suy nghĩ lung tung thì sẽ không xảy ra tai nạn, vậy thì tôi sống’.

Chả cứ người Việt mới hay dùng thành ngữ, tục ngữ. Người nước ngoài cũng thích dùng thành ngữ, tục ngữ.

Thủ tướng Pháp Balladur muốn tạo cơ hội cho mọi người có xe hơi đã quyết định bán giảm giá xe hơi cho người nghèo và họ được mua trả góp. Châm biếm chủ trương ‘xoá đói giảm nghèo’ này, tạp chí *L'Événement* số ra trong tuần 19-25.05.1994 đăng một bài với hàng tít ‘*Một chiếc ô tô không làm nên mùa xuân*’. Người Pháp cũng có tục ngữ ‘Một con én không làm nên mùa xuân’ nên họ hiểu ngay hàm ý của bài báo trên là một chiếc ô tô không làm nên sự giàu có. Dù có ô tô, nghèo vẫn cứ là nghèo!

Ở Việt Nam nhiều bạn biết ban nhạc nổi tiếng *Rolling Stones*. Năm 1994, khi ban nhạc này phát hành một album mới và in lại một số album cũ, tờ báo Pháp *Le Monde* ngày 14.07.1994 đã giới thiệu và bình luận về chuyện này bằng bài ‘*Tình yêu cho những hòn đá cũ*’ (Pour l’amour des vieilles pierres). *Rolling Stones* là ‘những hòn đá lăn’ sao lại thành những hòn đá cũ được? Có thể giải thích điều này như sau: Châm ngôn của ban nhạc này dựa theo tục ngữ Anh ‘*A rolling stone gathers no moss*’. Nghĩa đen là ‘hòn đá lăn thì không bám rêu’ còn nghĩa biểu trưng là ‘ai hay xê dịch thì

chẳng giàu có', nhưng cũng có thể hiểu là 'ai luôn thay đổi thì chẳng bị trì trệ.' Những album cũ - những hòn đá bám rêu ấy - là những hòn đá cũ.

Tiếng nước nào cũng có những tục ngữ, thành ngữ, quán ngữ và danh ngôn. Khi tiếp nhận, cần dịch cho thoát ý. Nên cố gắng dịch chúng ra những *tục ngữ, thành ngữ Việt tương đương*. Để làm tốt điều này, nên nhớ bản chất và quy tắc hình thành nghĩa của tục ngữ, thành ngữ trong các ngôn ngữ đều giống nhau: Chúng được hình thành theo con đường *biểu trưng*. Có vậy mới thành những bản dịch theo cách nói của người Việt.

Người Ấn Độ có tục ngữ *Một bó đuốc không soi được biển cả*. Còn *Một cây gỗ không làm nên ngôi nhà* là tục ngữ Ruanda. *Một bông hoa không làm nên vòng nguyệt quế* (tục ngữ Hindu), *Một hạt gạo không nấu thành nồi cháo* (tục ngữ Kazakhstan), *Một hạt đậu không làm nên món ăn* (tục ngữ Indonesia). Người Ả Rập lại có tục ngữ *Một ngón tay không che nổi cái mặt*, *Một bông hoa và một con én không báo hiệu mùa xuân* (tục ngữ Nga). Nhưng người Anh ở xứ sở sương mù lạnh lẽo thì lại mong ước chim nhạn và ánh nắng trời: *Một con chim nhạn không làm nên mùa hè*. Những tục ngữ trên đều cùng nghĩa vì ai cũng hiểu chúng theo nghĩa bóng: *một cá thể không làm nên chất lượng*. Chúng đồng nghĩa với câu *Một cây làm chẳng nên non* hay *Có cô thì chợ thêm đông*, cô đi lấy chồng chợ chẳng kém vui của chúng ta.

Vận dụng khéo tục ngữ, thành ngữ trong bài viết là một nghệ thuật.

## 5.6. Những biện pháp ngôn từ

### 5.7.1. Ẩn dụ

Ẩn dụ là một biện pháp ngôn từ tạo ra những cách nói có hình ảnh, những cách nói lời ít ý nhiều.

Cách viết ‘Đáng tiếc nhất cho MU là Rooney lại *‘bắn chim’* khi thực hiện quả đá 11m’ (Tuổi Trẻ, 15.12.2010) hay hơn cách viết theo nghĩa đen ‘Rooney lại *đá vọt xà ngang*’.

So sánh hai câu

(a) Em sẽ không đi với anh đâu.

(b) Em sẽ không đi cùng đường với anh đâu.

Đứng một mình, câu a chỉ có nghĩa đen, còn câu b thì khác. Từ *đường* trong câu b có thể mang nghĩa ẩn dụ *đường đời - mục đích quan niệm về lối sống*. Vậy nên, ngay cả khi đứng một mình nó vẫn có thể có nghĩa bóng ‘em khác anh về quan niệm sống và do vậy em sẽ không phụ họa, không theo anh đâu.’ Đây là câu hay.

Các dân tộc thường có những ẩn dụ giống nhau vì ẩn dụ liên quan mật thiết tới *nhận thức*. Điều này cho phép dịch khá dễ dàng những ẩn dụ, người đọc tiếp nhận tự nhiên và cảm nhận được cái hay của ẩn dụ. Lấy từ *chết* để minh họa.

(1) ‘Lách’ luật hay là ‘chết’? (*Pháp luật*, 04.12.2001)

‘Chết’ trong tí trên được hiểu một cách ẩn dụ. Doanh nghiệp lách luật để tồn tại, nếu không sẽ phá sản tức là ‘chết’.

(2) Ông ấy rầu rầu, ngồi đầu là *ngồi chết* một chỗ. Ông ấy không tha thứ. Nhất định từ con.

*Ngồi chết* là ngồi một chỗ bất động rất lâu. *Chết* có ẩn dụ là bất động. Cũng vậy, có cách nói *mực nước chết* trong các công trình thủy điện.

Mở rộng nghĩa của bất động *thể xác* sang bất động trong *đời sống, hoạt động tinh thần*, chúng ta gặp câu nói nổi tiếng của một nhà văn Pháp:

(3) Trên bia mộ của nhiều người đáng lẽ phải chứa lại là *chết lúc ba mươi tuổi, chôn lúc sáu mươi tuổi*.

Một bài báo viết:

- Nói theo Tổng thống Nga V. Putin thì ‘cả hai cuộc khủng bố *có cùng chữ ký*’: từ *phương thức* (dùng xe chở chất nổ), chiến thuật (đánh bom liều chết) đến tính chất của địa điểm (đều là các toà nhà làm việc hoặc cư trú của nhân viên chính phủ). (b., 16.05.2003)

*Cùng chữ ký* có ẩn dụ là *cùng do một tổ chức thực hiện*.

Anh em nhà Wright - Wilbur và Orville - người Mỹ, là người khai phá dũng cảm trong lịch sử ngành hàng không. Lần đầu tiên họ đã lái thành công máy bay có động cơ lên bầu trời ngày 17.12.1903. Ít lâu sau, trong tiệc chào mừng những người anh hùng này tại Pháp nhân chuyến du lịch châu Âu, họ được mời nói chuyện. Dù đã hết sức từ chối nhưng cuối cùng Wilbur Wright vẫn phải đứng lên phát biểu trước những nhân vật có danh tiếng ở Paris. Ông nói giản

dị: *Theo tôi biết, trong các loài chim, biết nói thì chỉ có vẹt. Thế mà vẹt lại bay không cao.*

Cho đến nay, bài diễn văn dài một câu này vẫn được coi là hay. Ở đây ông đã dùng ẩn dụ: *biết nói* - những lời nói hay, *bay không cao* - không bay lên bầu trời được, không làm được việc gì lớn. Và hàm ý của câu này là ông không giỏi nói những lời đẹp đẽ nên chỉ nói ngắn, và ông chỉ muốn nêu lên một triết lý: muốn thành công thì phải khổ công rèn luyện.

Trong văn học và báo chí, chúng ta thường xuyên gặp những lối nói ẩn dụ. Tiêu đề truyện ngắn *Trong tay có đá* của Nguyễn Ngọc Tư mang ẩn dụ trong lòng mang hận thù. Bình luận về những hủ tục cưới xin làm mất đi những ý nghĩa cao đẹp của một số phong tục, một phóng viên viết: ‘Thái độ của chủ nhà phụ thuộc vào độ dày mỏng của chiếc phong bì.’ Tít báo ‘*Thức dậy vùng đất bãi*’ cũng là ẩn dụ. Hơn nữa trật tự đảo ngược này gây ấn tượng mạnh hơn trật tự bình thường: Vùng đất bãi thức dậy.

Dùng sai từ ngữ có thể khiến một ẩn dụ thành ngô nghê, khó hiểu. Báo *Lidove Noviny*, Cộng hòa Czech, mô tả vai trò của thượng viện sau 13 năm ra đời và lấy làm tiếc vì không làm được việc gì bèn dùng ẩn dụ để hạ tít: ‘Một đứa trẻ không được mong muốn’. (b., 14.01.2010) Tít tiếng Việt này dở, nhưng có thể trở thành hay nếu thêm chữ *như*. Một đứa trẻ không được **như** mong muốn.

Có những ẩn dụ đòi hỏi *tri thức nền* để hiểu: ‘Xe phóng nhanh như vậy thì sớm về Văn Điển lắm đấy’. Nếu không

biết Văn Điển là một nghĩa trang ở Hà Nội thì không thể hiểu rằng câu trên có hàm ý là: ‘Xe phóng nhanh như vậy thì dễ gặp tai nạn chết người lắm đấy’.

Thay thế *đồng nghĩa* (paraphrase) vào những tình huống phù hợp: khi cần nói những câu dễ nghe, tránh điều kiêng kỵ: ‘Sinh thời Vũ Bảo có tâm niệm viết và đặt tên sách theo đủ 24 chữ cái. Ông đã có các tên sách từ chữ A đến chữ X,... cuốn sách có chữ U được xuất bản sau khi ông mất, còn cuốn chữ Y thì *Vũ Bảo khát nợ lại trần gian*’. (Tuổi Trẻ, 31.10.2011) Cách nói này có hình ảnh và tế nhị hơn cách nói ‘Vũ Bảo chết mà chưa kịp viết’.



### 5.7.2. *Châm biếm: vài phương thức thường gặp*

Dựa vào quán ngữ ‘hứa cưới’ nhà báo đặt tit *Những cây cầu nhà họ... ‘hứa’* (Tuổi Trẻ, 05.06.2004) cho bài viết về những cây cầu mà thời hạn hoàn thành cứ được khát lần, lui dần, lui dần... Thậm chí cầu Vàm Sát chưa biết bao giờ mới hoàn thành nên ‘sẽ hoàn thành năm *hai ngàn không trăm... chưa biết*’. Đó là cách viết châm biếm. Những cách viết này tạo nên lời phê phán châm biếm mạnh mẽ về một lỗi làm ăn tùy tiện không có kế hoạch.

Châm biếm những ai tin vào tử vi hợp tuổi vợ chồng, nhà báo vận dụng thành ngữ ‘cưới *chạy tang*’ để viết ‘Kiên trì cầm cự cho đến lúc ‘đủ già’ để hiểu rằng xem tuổi là một thứ dở hơi tốn thời gian, thì họ đành phải cưới... *chạy tuổi*.’ (Tuổi Trẻ, 01.12.2007)

Tạo ra những cách nói châm biếm qua phép liên tưởng. Viết ‘Thái độ của chủ nhà phụ thuộc vào *độ dày mỏng* của chiếc phong bì’ là lời châm biếm chua cay nền ‘văn hóa phong bì’ trong ứng xử thời nay.

*Dùng cách nói ngược: gán nét nghĩa* trở hành động tốt cho hành động xấu: Trong bài ‘Mãi lộ vẫn hoành hành’, nhà báo viết ‘Ba cảnh sát giao thông đang... *miệt mài* làm việc’ (Tuổi Trẻ, 15.02.2008); ‘Được *chia tiền* tham ô thì cũng *được chia tù*’.

Trong tiểu phẩm cười, thường dùng biện pháp đọc chệch âm, giao lưu thành ‘giao lủ’, những ‘*kiến thức*’ ngược đời, những cách suy luận ngược đời.

Sách giáo khoa *Tiếng Việt 4*, đã tái bản tới lần 3 mà vẫn cung cấp kiến thức ‘Hồ Ba Bể nằm giữa bốn bề vách đá, trên độ cao 1.200 mét so với mực nước biển’. Điều này vênh rất nhiều với thực tế, hồ Ba Bể chỉ cao 145m so với mực nước biển. Tuổi Trẻ Cười bèn bình: Có lẽ sách giáo khoa tính theo ‘*thước*’ của *thiếu nhi* nên nhiều hơn chăng? (Tuổi Trẻ Cười, 01.11.2009)

Chưa từng ai hạn chế tốc độ người đi bộ, ấy thế nhưng trên một đoạn đường nhựa phẳng lý thẳng tắp vẫn còn lại tấm biển báo tốc độ 5km/giờ. Thế là trang báo mạng *thanhnienonline* châm biếm về thói làm ăn cẩu thả bằng tit ‘Biển báo tốc độ cho người... đi bộ’. (23.06.2011)

### 5.7.3. Chơi chữ

Nói lái là một cách chơi chữ.

Nhưng đôi khi người ta thực hiện việc nói lái còn nhằm mục đích *giữ bí mật*.

Trong bài ‘*Xé bức màn dối trá trong vụ thảm án Lê Chi Viên*’, tiến sĩ Đinh Công Vi viết rằng Thái hậu Nguyễn Thị Anh dàn dựng vụ án này. Theo bài báo, Nguyễn Thị Anh có thai sẵn từ ngoài nhưng khôn khéo được vào cung, đẻ ra Bang Cơ (vua Nhân Tông) mà vua Thái Tông vẫn tưởng là con mình. Chuyện này hai quan thị Đinh Thắng, Đinh Phúc biết, vì họ là người phải ghi chép lại ngày giờ phi tần ‘vào’ với nhà vua. Hai ông đã mật báo cho Thái sư Lân quốc công Đinh Liệt biết việc này. Sau khi Nhân Tông bị giết, Đinh Liệt mới kín đáo ghi vào *Bút ký Hồng Mai* văn thơ sau:

*‘Nhưng Tân hà hữu tống thai tinh  
Lục nguyệt khai hoa quái dị hình  
Niên nguyệt nhật thời Thăng Đính kỷ  
Hoàng bào ô nhiễm vạn niên thanh’*

Tạm dịch: ‘Nhân Tông đâu phải máu con rồng/ Sáu tháng hoài thai cảnh lạ lùng/ Năm tháng, ngày, giờ Đinh Thắng chép/ Hoàng bào để vết tiếng ngàn năm’. (*Văn Nghệ*, 05.10.2002) Nói lái: Nhân Tông → Nhung Tân; Đinh Thắng → Thăng Đính.

- Sau trận Anh hòa với Algeria 0 - 0 ở Cape town, báo chí Anh đã châm biếm:

‘Thật là một đồng Roobish’; ‘Trận đấu của anh hề *Cape*’ (*Daily Mirror*). Đó là chơi chữ: Roobish là từ ghép tên cầu thủ *Rooney* với từ *rubbish* (rác rưởi); Còn *Cape* vừa ám chỉ sân đấu ở *Cape town*, vừa ám chỉ huấn luyện viên *Capello*. (b., 20.06.2010)

- Sau vụ NATO tấn công Nam Tư, người ta đã ‘định nghĩa’ lại tổ chức này thành:

= New American Terrorist Organization (Tổ chức khủng bố mới của Mỹ), hoặc:

= Nazi American Troop Organization (Tổ chức của đội quân phát xít Mỹ)

= New Armed Test Organization (Tổ chức thử nghiệm vũ khí mới)

NATO còn có nghĩa là ‘ngày tận thế’, vì tên bộ phim *Terminator* (Ngày tận thế), có chứa từ này.

*Chơi chữ để câu nói thêm dí dỏm và gây ấn tượng.*

- Trả lời phỏng vấn về cảm tưởng khi không được vào đội tuyển Anh đi Nam Phi. Theo Walcott cười: ‘I’m a *winger*, not a *wingher*’ (Tôi là *tiền vệ cánh* chứ không phải một *người hay than vãn*). Theo Walcott đã chơi chữ: *winger* (tiền vệ cánh) phát âm gần giống *wingher* (người hay than vãn). (*Tuổi Trẻ*, 30.10.2010)

#### 5.7.4. So sánh

So sánh là biện pháp ngôn từ thường gặp. Chúng luôn luôn gây những ấn tượng mạnh mẽ. Dùng cách so sánh có

thể chuyển tới người tiếp nhận những thông điệp đằng sau câu chữ.

- Châm biếm về những *lời hứa suông*, thủ tướng Hun Sen nói: ‘Các nhà tài trợ giống như những con gà mái cục tác nhiều nhưng chẳng bao giờ đẻ trứng’. (TTCN, 21.08.2001)

- Tổng thống Obama hành động giống cựu tổng thống George Bush hơn là ứng viên tổng thống Obama. (Tuổi Trẻ, 22.12.2009)

Câu này phê phán tổng thống Obama không còn là ông Obama hứa hẹn khi tranh cử nữa, ông ta lại vẫn như tổng thống tiền nhiệm George Bush. Xa hơn, có thể là thông điệp: lời hứa của các chính khách khi tranh cử thường khác xa hành động của họ sau khi trúng cử.

- Trong *Chí Phèo*, sau khi Chí gặp Thị Nở ở vườn chuối, Nam Cao viết một câu khá lạ: ‘Chúng nó ngủ như chưa bao giờ được ngủ’. Thấy hay hay, nhiều người bắt chước theo: ‘Chúng nó *ăn* như chưa bao giờ được *ăn*’; ‘Chúng nó *khóc* như chưa bao giờ được *khóc*’... Câu nào được coi là hay, là hấp dẫn sẽ được nhiều người khác dùng theo như một ‘mốt’. Đó là những câu ‘ăn theo’. Càng lặp lại nhiều thì mức độ hay càng bị giảm đi. Tới một lúc nào đó, kiểu câu này sẽ trở thành sáo rỗng.

Kiểu so sánh này được dùng cho những so sánh tuyệt đối: ‘Tiếng đàn bầu khắc khoải, cô độc như *nỗi buồn đến chẳng buồn hơn được nữa* của những thân phận đời nổi trôi’. (Tuổi Trẻ, 13.10.2010)

### 5.7.5. Khẩu ngữ

Ngôn ngữ văn chương, nếu không phải là những mẫu thoai, thì không nên dùng khẩu ngữ.

Sách *Hướng dẫn làm bài tập tự luận và cảm thụ văn thơ 12* (Nhà xuất bản Đ., 2008), viết ‘Lỗ Tấn là một *danh thủ* truyện ngắn trên thế giới, đã cống hiến cho nhân loại những hình thức dân tộc không thể *bất chiếc* được’. Viết *bất chiếc* chứ không viết theo khẩu ngữ Bắc Bộ là *bất chiếc*. Hơn nữa, Lỗ Tấn còn là một tài năng thể thao hay sao mà gọi là *danh thủ*?

Khi viết văn châm biếm, bạn có thể và nên dùng khẩu ngữ. Khẩu ngữ trong những cách nói ngược khiến ta hình dung ra một người đang nói giễu, đang mỉa mai:

- Trong thiên hạ, sinh viên là nhân vật biểu trưng tươi đẹp nhất của người nghèo, người có thu nhập thấp, có khi chẳng có thu nhập gì *sất*. (*Tuổi Trẻ Cười*, 01.11.2009)

- Chủ trương nhà ở cho người có thu nhập thấp ở đây đã bị các ông bà *mần* ra dự án này làm cho hư bọt hư đường rồi. (*Tuổi Trẻ Cười*, 01.11.2009)

- Oách gớm *nhấy*! Cồng ra cồng nhé. (Chu Lai, *Phố*, 374) (*nhấy* ← *nhỉ*)

‘Nhị Thủy vào ở hẳn ký túc xá:

- Để chị bớt lo cho em... ‘*ví lại*’ em không thích làm một thứ manocanh.

- Người mẫu thời trang chứ! - Kỳ Duyên chữa lời nó.’ (*Văn Nghệ*, 23.03.1996)

Khẩu ngữ là ngôn ngữ giao tiếp. Các lời thoại trong phim là khẩu ngữ. Khẩu ngữ giúp ta nói ngắn gọn:

- Em biết rồi.

Biết cái gì mà biết! (*Kim sum cố lên!*, tập 35)

Nói ‘Em không biết gì mà lại bảo là biết!’ thì dài hơn nhiều.

Trong khẩu ngữ có những cách nói ngược làm nên màu sắc khẩu ngữ đặc thù.

- Người như thế này mà lại đi ăn cắp, đẹp mặt chưa!

Cách nói mỉa mai ‘Đẹp mặt chưa!’ đã xúc phạm thể diện nặng nề hơn, đau hơn lời nói thẳng ‘đồ xấu xa!’.

- Chị không ở nhà nấu cơm giúp mẹ mà lại đi chơi, *hay thật!*

Cách nói mát *hay thật* là lời trách móc, chê bai.

Mẹ nựng con: ‘Chó con của mẹ, trông *đẽ ghét* chưa kìa!’

## 5.7. Từ câu không chuẩn mực tới câu hay và từ câu hay tới câu thường

Thông thường chúng ta viết ‘Tôi đọc sách và ăn bánh mì khô với nước lã’. Viết như vậy là rạch ròi chuyện đọc và ăn. Khi viết ‘đọc sách cùng những tạp chí khoa học’ chúng ta hiểu đọc sách và đọc tạp chí khoa học. Viết vậy là chính xác và rõ ràng. Ấy thế nên câu của Doãn Hoàng Giang: ‘Thời gian rảnh rồi tôi vui đầu ở thư viện, ngấu nghiến đọc *mọi loại sách cùng bánh mì khô và nước lã*’ (*Tuổi Trẻ*, 11.10.2010)

không theo khuôn mẫu thông thường, dường như không chuẩn mực. Ai cũng biết bánh mì để ăn chứ không để đọc nên câu trên gây bất ngờ. Người ta chú ý tới điều bất thường ‘đọc... bánh mì khô và nước lã’. Câu trên không chuẩn mực về cấu trúc ngữ pháp nhưng lại lột tả được ý ‘say mê đọc sách trong cuộc sống rất khó khăn’ nên dễ được chấp nhận và trở thành một câu hay.

### *Khéo tận dụng các nét nghĩa*

Viết ‘Vấn đề nhức nhối hơn cả là số chị em tham gia làm cứu vãn khá đông, chiếm từ 50% - 60% lực lượng buôn lậu, trong đó không ít chị tuổi trên 70 và trẻ em dưới 10 tuổi’ (b., 01.05.1999) là sai. Thứ nhất, dư từ ‘từ’. Thứ hai, không nên trẻ hóa các *cụ* bà trên 70 tuổi thành ‘*chị*’. Nên sửa lại thành: ‘Vấn đề nhức nhối hơn cả là số chị em tham gia làm cứu vãn khá đông, chiếm khoảng 50% - 60% lực lượng buôn lậu, trong đó không ít người tuổi trên 70 và có cả trẻ em dưới 10 tuổi’.

Tuy nhiên, thạc sĩ Nguyễn Thị Oanh mất lúc 79 tuổi, thông thường phải gọi bằng ‘cụ’, nhưng lại có tit ‘*Cô Oanh đã ra đi*’. (*Tuổi Trẻ*, 02.05.2009) Sao lại gọi bằng ‘cô’? Có hai lý do cho cách dùng này:

- Để tạo ra không khí gần gũi, thân thương, chúng ta gọi *bác, cô*: *Bác Tôn*, và *cô Oanh*.

- Có những người già nhưng chưa già về năng lực lao động, vẫn còn làm việc có hiệu quả, vẫn sáng tạo, thì họ chưa già về sức sống chúng ta không chú ý tới tuổi tác mà chú ý tới con người hoạt động trí tuệ trong họ. Chúng ta nhắc tới *nhà thơ* Tố Hữu, *nhạc sĩ* Văn Cao, *nhà văn* Nguyễn Tuân,

*nhà báo* Trần Bạch Đằng... mà không gọi họ bằng ‘cụ’, trừ khi muốn nhấn mạnh tới tuổi tác.

**Khuôn sáo.** Lúc mới xuất hiện, một tiêu đề nào đó có thể rất hay và do vậy tiêu đề này trở thành khuôn mẫu cho hàng loạt tiêu đề khác, nghĩa là nó có *sức sản sinh mạnh*. Khuôn mẫu ngôn ngữ của tiêu đề đó thường được sử dụng để đặt nhiều tiêu đề tương tự với sự thay đổi ở những từ ngữ liên quan đến nội dung. Từ đó hình thành các khuôn tiêu đề. Truyện ngắn ‘*Có một đêm như thế*’ của Phạm Thị Minh Thu được giải nhất trong cuộc thi truyện ngắn của tạp chí *Văn nghệ Quân đội* năm 1981. Ấy thế là có một đợt sóng cơn các tiêu đề ‘*có một ngày như thế*’, ‘*có một làng như thế*’, ‘*có một bệnh viện như thế*’, ‘*có một cô bảo mẫu như thế*’, ‘*có một thầy thuốc như thế*’, ‘*có một cán bộ Hội như thế*’... Khuôn tiêu đề ‘*Có một... như thế*’ nay vẫn được dùng rất nhiều. Tương tự, có những khuôn ngôn ngữ khác cho hàng loạt đề báo như: *Một thoáng (+địa danh)*, *Nghề X cũng lắm công phu*, *Thấy gì qua (+sự việc)*, *Mặt trái của... (tấm huy chương)*, *X - con dao hai lưỡi...*

Mặt khác, năm nào cũng luôn có những loại sự kiện giống nhau và giống những năm trước. Đó là những ngày lễ, tết, kỷ niệm, tổng kết thành tích, khen thưởng... thành ra cũng có những bài báo na ná như nhau. Thế là cũng thành những tiêu đề theo khuôn: *Phấn khởi chào mừng ngày...*, *Thi đua lập thành tích kỷ niệm ngày...*, *Kỷ niệm 40 năm ngày...*, *Vài suy nghĩ về...*, *Cố gắng lập thành tích...*, *Chào mừng ngày...*, *Đẩy mạnh...*, *Tăng cường...*

**Sáo mòn.** Cái gì lặp lại mãi rồi cũng thành nhàm chán. Những từ ngữ, hình ảnh dù hay đến mấy nhưng dùng lặp đi lặp lại thì cũng dần dần trở nên quen thuộc với độc giả. Sức hấp dẫn của chúng giảm dần, giảm dần và mất hay. Tới một lúc nào đó, nếu tiếp tục dùng nữa, độc giả sẽ thấy chán: ‘Biết rồi, khổ lắm, viết mãi!’. Điều này giống như uống trà. Thường thức một hai nước đầu thật tuyệt. Nhưng uống đến nước sáu, bảy, tám thì còn gì là ngon nữa. Vì vậy, chúng ta nên cố gắng tìm kiếm những cách dùng mới, cố gắng tạo ra những từ ngữ mới, hình ảnh mới thay thế cho những thứ đã bị mòn.

Để chống lại lối sáo mòn *Phấn khởi chào mừng 30 năm ngày thành lập công ty SJC*, cơ nhà báo đã đặt tựa đề *Khi SJC có nghĩa là vàng* (KTSG, 01.10.1998). SJC là tên tắt tiếng Anh của Công ty vàng bạc đá quý Sài Gòn (Saigon Jewelry Company). Tựa đề này có đúc và rất hình tượng. Hấp dẫn vì ở đây cụm từ ‘có nghĩa là vàng’ có thể được hiểu theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. (vàng - thứ của cái quý nhất).

### **Ăn theo**

Khâm phục, học tập những cách viết hay là cần thiết để luôn luôn tự nâng cao năng lực ngôn từ của mình. Nhưng nếu chỉ có rập khuôn, chỉ có ăn theo sẽ dần dần làm bài viết của mình mòn đi, nhạt nhẽo đi. Việc cóp theo những ‘bài văn mẫu’ gây hại nhiều hơn là lợi.

Khai thác các nhân vật điển hình văn học không phải là ăn theo. Những cô Tấm, nàng Kiều, chị Dậu, những Sở Khanh, Xuân Tóc đỏ, Chí Phèo, làng Vũ Đại... đã trở thành

những điển hình, đại diện cho những lớp người khác nhau, những nhóm xã hội khác nhau thời xưa cũng như thời nay. Và ai cũng biết. Chúng ta có thể dùng luôn tên những nhân vật này cho xã hội hiện đại. Vậy thì, những bài báo, những truyện ngắn *Chí Phèo lấy vợ*, *Chí Phèo thành tiến sĩ*, *Chí lên ghế lãnh đạo* trong *Hậu Chí Phèo* hay truyện *Chí Phèo mất tích?*... chỉ là khai thác nhân vật Chí Phèo ở thời hiện đại.



# PHẦN HAI



[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

---

## CHƯƠNG 6

## CHÍNH TẢ

6.1. Chữ tác đánh chữ tộ<sup>1</sup>

Nếu một từ rất ít dùng nhưng lại na ná về âm thanh và chữ viết với một từ quen thuộc thường dùng sẽ dễ xảy ra hiện tượng trông gà hóa quóc, chữ nọ xo chữ kia.

**Cẩn thận:** ngư dân có thể thành ngu dân

Trong bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ hai Hội nhà báo Việt Nam ngày 16.04.1959, ở đoạn đề cập tới tầm quan trọng của ngành in, Bác Hồ nói đại ý khi gọi người đánh cá là ‘*ngư dân*’ người thợ sắp chữ có thể sắp thiếu cái dấu của chữ ư, rồi in thành ra ‘*ngu dân*’. Hồ Chủ tịch đã chú ý tới hiện tượng *chữ tác đánh chữ tộ* trong khâu đánh máy, in ấn. Và lời Bác Hồ cũng từng bị nhà báo nghe nhầm: Khi tham gia chống hạn vào đầu xuân 1958, Bác nói với một nhà báo: ‘Muốn viết về nghề nông thì phải biết lao động’. Trong bài

1 Phần chủ yếu của bài đã đăng trên SGTt, số 29.11.2010

báo *Hai mẩu chuyện về Bác Hồ* câu này được in hoa đậm thành một tiêu đề: ‘Muốn *biết* về nghề nông thì phải biết lao động’. (dẫn NLB, 2.96) Nghĩa đã khác hẳn. Nhiều chuyện bi hài về những lầm lẫn kiểu này.

### *Những lầm lẫn hài hước*

Mặt chữ giống nhau, khác chút xíu về dấu *huyền* và dấu *mũ*. Ấy thế là ‘Kẻ *làm dân* khấn vái Bà Chúa Thai Sanh. Xin mẹ tròn con vuông, chẳng đặng trai thì đặng gái’. (b., 24.07.1999) Gái *làm dân* lại muốn sinh con? ‘Kẻ *lâm dân* khấn vái’, trời ạ!

Không chút chú ý tới viết hoa hay viết thường, lại lẫn hai dấu thanh *huyền* và *hỏi* nên cố đạo Alexandre de Rhodes được kết nạp Đảng: ‘Nhìn qua sơ yếu lý lịch của cố đạo Alexandre de Rhodes ta thấy nhiều điều đáng kính nể: người Pháp, gốc Do Thái, sinh 1591, mất 1660, vào Đảng trong năm 1624, 4 tháng thông thạo tiếng Việt...’ (GD&TD, Từ Yersin..., 20.09.1993). Chúng ta biết ngay đây là lỗi morát. Cụm từ ‘vào Đảng Trong’ ít người biết. Vì vậy, trong lúc tập trung vào bàn phím người đánh máy đã lẫn thành *vào Đảng trong...*

*Chữ này lộn sang chữ kia: mất ghế vì ‘ý đồ chính trị’ (!)*

Trên báo *Tuần Tin Tức*, số 21 tháng 5.1994, ở trang 10 có một tit in đậm ‘*Uy tín của dòng họ Nêru - Gandhi ở Ấn Độ không phải nhất*’. May mà hôm sau có đính chính lại: ‘*Uy tín của dòng họ Nêru - Gandhi ở Ấn Độ không phai nhạt*’. Hú vía, Ban biên tập không việc gì!

Dấy *phẩy* và chữ *ỉ*: Trong câu ‘... các nước xã hội chủ nghĩa

**đó,...'** dấu phẩy đặt sau chữ **đó** bị sắp nhầm thành chữ **i**, khi in ra thành '**... các nước xã hội chủ nghĩa *đổi*...**'

Không biết tiếng nước ngoài lại phải sắp chữ tiếng nước ngoài, nên '**... có lần bản thảo viết *l'amiral* (đô đốc), thợ sắp chữ nhầm thành *l'animal* (con vật), người sửa bài không phát hiện được, sự việc thành to chuyện. Có ai đó đã suy diễn ra rằng đây là vấn đề 'chính trị', *quan điểm và tư tưởng* chứ không chỉ là sự sơ xuất! Và người sửa bài đã phải chịu trách nhiệm, bị kỷ luật và thay đổi công tác. (Theo *NB&CL, Quá nhiều lỗi trên báo chí*, 1994)**

### *Lầm lẫn những khái niệm quan trọng*

Những lầm lẫn giữa hai từ na ná âm thanh và rất gần nghĩa dễ dẫn tới những khác biệt quan trọng.

Trong bài '***Xử kín: có thể hay phải làm?***' (b., 18.07.2000) có câu '**Cũng như con chiên khi được vị linh mục làm phép rửa tội đều đã tường trình hết mọi lỗi lầm của mình mà tòa buộc vị linh mục ấy ra tòa làm chứng về việc liên quan đến con chiên của mình thì còn ai dám nói lên sự thật để *xin tội với cha?***' Sao lại *xin tội với cha*? Phải là *xưng tội với cha* chứ.

***Hiến pháp hay biến pháp?*** Trên báo nọ, số 546 (17.07.2010), tác giả Nguyễn Cẩm viết: '**Theo GS Phùng Hữu Lan [...] *hiến pháp* mà Thương Ưởng thực hiện ở đời Tần Hiếu Công...**' (*Tuổi Trẻ Cười*, 01.10.2010)

Nước Tần thời Xuân Thu - Chiến Quốc sao đã có ***hiến pháp*** được? Từ đúng là ***biến pháp*** - cách gọi tắt của '***biến pháp đồ cường***' (thay đổi chính sách để mưu sự cường thịnh). Đây là chủ trương nhất quán của Tần Hiếu Công

(361 - 338, TCN) do Tả thứ trưởng - chức tướng quốc nước Tần - Thương Ưởng (390-338, TCN) vạch ra kế sách này. Dù kế sách của Thương Ưởng làm nước Tần giàu mạnh nhưng ông cũng bị nhiều người ghét. Khi Tần Hiếu Công chết đi, ít lâu sau Thương Ưởng bị vua mới là Tần Huệ Vương xử tử.

- Nhiều người cho rằng, Société Générale có thể đã biến Kerviel thành vật *thế thân* để che giấu nhiều khoản thua lỗ khác. (b., 28.01.2008) Người viết nhằm '*tế thân*' thành '*thế thân*'.

Lại nữa 'Sau khi làm lễ thệ sư ở Thọ Hạc, Thanh Hóa, vua Quang Trung nói: 'Đánh cho *sử thi* Nam quốc anh hùng chi hữu chủ'. (*Nhân đàm*, VN, 12.03.2011) Câu trên của vua Quang Trung thường được ghi là 'Đánh cho để *sử tri* Nam quốc anh hùng chi hữu chủ' - đánh cho sử sách *biết* rằng nước Nam anh hùng là có chủ.

Biên tập viên truyền hình điểm báo: 'Ban Kiểm tra Trung ương tỉnh Quảng Ngãi...' (CBS, 26.09.1999) Ở đây đã *đọc sai chữ viết tắt* T.U và T.U. Ở cấp tỉnh thì phải là 'Ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

#### ♦ Từ câu hay hóa câu thường

Trên báo *Thủ đô Hà Nội* số 10.10.1959 đăng bài thơ *Chín mùa trông đợi* của nữ sĩ Ngân Giang, trong đó có khổ thơ:

*Nhịp tim hòa lẫn nhịp chân đi  
Sóng mắt hòa trong sóng quốc kỳ  
Lắng bước anh hùng trong khúc nhạc  
Nghe hồn thiêng dân tộc dẫn đường về.*

Sao trong khổ thơ 7 chữ này, câu cuối lại những 8 chữ? Chữ *nghe* dư thừa làm hỏng câu cuối. Hóa ra chữ *nghe* là ‘tác phẩm’ của người thợ xếp chữ. Có lẽ từ ghép *lắng nghe* quen thuộc làm nên ‘mạch văn’ câu trên có *lắng* thì câu dưới có *nghe*.

Lẫn lộn ngã thành hỏi đã phá hỏng một bài thơ hay.

Khi in bài thơ

‘*Lên đỉnh Côn Sơn tìm Nguyễn Trãi*

*Trên đầu xanh ngắt một bầu không*

*Bàn cờ thế sự quân không động*

*Mà thấy quanh mình nổi bão đông*’

nhà thơ Khương Hữu Dụng đã từng tìm đến tận nhà in để dặn người xếp chữ đừng sắp nhầm chữ **nổi** thành chữ **nổi**. Ấy thế nhưng trên tờ lịch ngày 03.04.2002 của nhà xuất bản Văn Học lại mắc đúng cái lỗi mà Khương Hữu Dụng đã lo người thợ hiểu nhầm: *Mà thấy quanh mình nổi bão đông*. Danh ngữ *nổi bão đông* đã chuyển thành động ngữ ‘*nổi bão đông* (tùm lum!)’ trong khi ‘trên đầu xanh ngắt một bầu không’ tĩnh lặng và ‘bàn cờ thế sự quân *không động*’.

Có thể kể thêm câu thơ của Tế Hanh trong *Người đàn bà Ninh Thuận* được một người dẫn chệch như sau: ‘Tang cha chưa mãi trên đầu/ *Chồng chị* bị giết mẹ *sầu* chết theo’ (b., 26.01.2002). So với câu gốc ‘Tang cha còn trắng trên đầu/ *Đến chồng* bị giết mẹ *rầu* chết theo’, chất thơ và hình ảnh câu này đã giảm hẳn đi. Từ *sầu* làm mất đi sắc thái địa phương có trong từ *rầu*.

♦ **Từ câu ít hay thành câu rất hay**

Có một giai thoại nổi tiếng về chữ tác đánh chữ tộ trong văn chương Pháp:

Năm 1601, Fr. de Malherbe (1555-1628) xuất thần làm bài thơ điệu 40 câu (10 khổ), chia buồn với một nhà quý tộc có cô con gái chết trẻ. Hai câu cuối của khổ thứ tư nguyên tác là:

*Et Rosette a vécu ce que vivent les roses/L'espace d'un matin*

(Nàng Rosette như kiếp hoa hồng/ Sớm nở tối tàn)

Thợ sắp chữ nhầm thành

***Et, rose, elle** a vécu ce que vivent les roses/ L'espace d'un matin*

(Là bông hồng, nàng như kiếp hoa hồng/ Sớm nở tối tàn).  
 Câu thơ thật lung linh hình tượng.

Khoảng đầu những năm 60 nhà thơ Xuân Quỳnh, lúc đó đang học khoá I trường Bồi dưỡng những cây bút trẻ của Hội nhà văn ở Quảng Bá, có gửi đến nhà xuất bản Văn Học một bản thảo thơ có tên *Trời biếc*, nhưng chị đã viết chữ *Trời* thành *Chòi*, hai biên tập viên lúc ấy của nhà xuất bản Văn học là Yến Lan và Khương Hữu Dụng, đều là người miền Nam, đã đọc *chòi* thành *chôi*. Thế là tập thơ trở thành *CHÔI BIẾC*, đã in chung với *TƠ TẮM* của Cẩm Lai'. (dẫn: VNT, 04.07.1999)

Mấy khi nhầm sai hóa hay!

## 6.2. Hiện trạng

Trong sách báo, trong các văn bản hiện nay, có khá nhiều lỗi chính tả. Vì vậy, mỗi người nên hết sức chú ý tới chính tả trong quá trình rèn luyện tiếng Việt.

Chữ viết do con người tạo ra. Vậy nên chữ viết là quy ước.

Quy tắc chính tả là những quy tắc về *sự chuẩn mực trong chữ viết*.

Chữ viết là quy ước nên chuẩn mực chính tả cũng là quy ước.

Chữ Việt, còn gọi là chữ *quốc ngữ*, là loại chữ viết *ghi âm*. Khi chúng ta nói, mỗi tiếng là một *âm tiết*. Chúng ta ghi các âm tiết đó thành chữ viết. Vậy cần biết cấu tạo của âm tiết tiếng Việt. Cách phát âm giữa các phương ngữ khác nhau. Do vậy, có những *biến thể chính tả*: cùng một từ nhưng có hơn một cách viết khác nhau. Như: *trau dồi/trau dồi, dòng điện/giòng điện, theo dõi/theo dõi, ròng rọc/dòng rọc, bệnh/bệnh, eo sèo/eo xèo, cúng Giàng/cúng Dàng, dẫm/giẫm, dây/giây, dò phong lan/giò phong lan...*

## 6.3. Âm tiết

Mỗi âm tiết gồm có ba bộ phận:

**âm đầu - vần - thanh điệu**

Vần lại được phân tích thành các thành phần nhỏ hơn:

**Vần = âm đệm - âm chính - âm cuối**

Như vậy, *âm đầu, vần (âm đệm, âm chính, âm cuối), thanh điệu* là những yếu tố có liên quan đến chuẩn mực chính tả. Người mỗi phương ngữ thường phát âm chuẩn ở bộ phận này của âm tiết nhưng lại phát âm sai ở một bộ phận khác. Không người địa phương nào phát âm hoàn hảo cả.

Có chữ viết thường, có chữ viết hoa và có chữ viết tắt. Như vậy, *viết hoa* và *viết tắt* cũng là những yếu tố có liên quan đến chuẩn mực chính tả.

Chữ viết ghi âm là thứ chữ viết được xây dựng theo nguyên tắc ngữ âm học, dùng con chữ để ghi âm vị. Tuy nhiên, không có sự tương ứng *một - một* giữa âm và chữ. Có những âm vị được ghi bằng nhiều con chữ, như âm vị /k/, tùy trường hợp mà ghi bằng **c**, **k** hay **q**. Trong tiếng Việt giữa chữ và âm không có sự cách biệt quá xa. Do vậy, chữ Việt là một thứ chữ dễ viết, dễ ‘*đánh vần*’. Nói chung, nhìn chữ viết của một từ là chúng ta biết được ngay cách đọc từ đó.

### 6.3.1. Phụ âm và nguyên âm

Có khá nhiều lỗi chính tả về *phụ âm đầu, phụ âm cuối* và *thanh điệu*. Luật hài hòa thanh điệu sẽ giúp chúng ta khắc phục những lỗi đó khi gặp từ lách và từ ghép.

### Hệ thống phụ âm đầu

|                                        | Môi | Đầu<br>lưỡi -<br>bẹt | Đầu<br>lưỡi -<br>quặt | Mặt<br>lưỡi | Gốc lưỡi   | Thanh<br>hầu |
|----------------------------------------|-----|----------------------|-----------------------|-------------|------------|--------------|
| Tắc - <i>bật hơi</i>                   |     | th~                  |                       |             |            |              |
| Tắc - <i>vô thanh - không bật hơi</i>  |     | t~                   | tr~                   | ch~         | c~, k~, q~ |              |
| Tắc - <i>hữu thanh - không bật hơi</i> | b~  | đ~                   |                       |             |            |              |
| Tắc - <i>vang</i>                      | m~  | n~                   | nh~                   |             | ng~, ngh~  |              |
| Xát - <i>vô thanh</i>                  | ph~ | x~                   | s~                    |             | kh~        | h~           |
| Xát - <i>hữu thanh</i>                 | v~  | d~, gi~              | r~                    |             |            |              |
| Xát - <i>vang</i>                      |     | l~                   |                       |             |            |              |

Các phụ âm đầu cùng một hàng có **phương thức** phát âm giống nhau (*đồng cách phát âm*).

Các phụ âm đầu cùng một cột có **vị trí** của môi hoặc lưỡi giống nhau.

*Hệ thống âm cuối*

|                                           | Môi              | Đầu lưỡi        | Gốc lưỡi          |
|-------------------------------------------|------------------|-----------------|-------------------|
| Ồn                                        | ~p               | ~t              | ~/k/ (~ch, ~c)    |
| Vang - mũi                                | ~m               | ~n              | ~/ h / (~ng, ~nh) |
| Vang -<br>không mũi<br>(bán nguyên<br>âm) | ~/u/<br>(~o, ~u) | ~/i/<br>(~i/~y) |                   |

Các âm cuối cùng một *hàng* thì *đồng cách phát âm*.

Các âm cuối cùng một *cột* thì *đồng vị trí phát âm*.

Những điều trên đây có quan hệ tới một số quy luật chính tả về phụ âm đầu, phụ âm cuối trong các từ láy. Thế nào là từ láy? Đó là những từ ghép có một tiếng *lặp lại* toàn bộ hay một bộ phận của tiếng kia. Phần không lặp lại này, dù là âm đầu hay âm cuối vẫn thường đứng trong cùng một cột so với tiếng kia.

Có những ‘*mẹo*’ chính tả giúp chúng ta tự kiểm tra và rèn luyện về chính tả.

*Có khá nhiều lỗi chính tả về phụ âm đầu.*

Người miền Bắc mắc nhiều lỗi về phụ âm đầu. Không có quy tắc chính tả cho từng phụ âm đầu. Muốn biết chính xác từng từ cụ thể, bạn cần tra những từ điển chính tả có uy tín do Viện Ngôn ngữ học, Trung tâm Từ điển học... biên soạn (do Hoàng Phê hoặc Đào Thản... chủ biên).

Người Nam Bộ hay lẫn một số âm cuối. -t/-c; -ng/-n;...

‘Trước Tết thì *xất bất* xang bang chạy đi mua quà, biếu quà...’  
(b., 16.01.2011); Lẽ ra: *xác bác* xang bang.

*Do vậy, nên chú ý những từ gần vần:*

- Rừng *bạt* ngàn mang lại *bạc* ngàn bạc tỷ.
- Có những người tài hoa không sống *bạt mạng* nhưng lại *bạc mệnh*.
- Bé béo *ục ịch* đứng nhìn đàn lợn đang *ụt ịt* trong chuồng.
- Ông đối xử với họ *ngghiêm khắc* nhưng không *khắc nghiệt, khắt khe*.
- Mỗi chiều thu *man mát* lòng cô buồn *man mác*.
- Họ vừa mới đi được một *chặng* đường thì gặp công an *chặn (/chận)* đường.
- Sự việc *vỡ lở* làm cho tình duyên của cô *lỡ dở*.
- Anh ăn nói *bỗ bã*, lại luôn phải *bươn bả* trong cuộc sống, nhiều *bữa* mệt *bã* người nhưng không vì vậy mà anh *buồn bã*, bi quan.
- Tối đến *cửa ngõ* không đóng, lại *bỏ ngõ*.
- Lá vàng lá xanh *lổ đổ, lỗ chỗ* như tổ ong.
- Ông *chánh* *tránh* mặt ông phó. Ông phó né *tránh* ông chánh.
- Chôn *giấu* rất kỹ, không để lại một *dấu vết* nào cả.

### 6.3.2. Thanh điệu

#### 6.3.2.1. Một vài quy luật thanh điệu của từ Hán Việt

1) Thanh hỏi và thanh ngã:

# **Mình Nên Nhớ Là Viết Dấu Ngã.**

Ý nghĩa của câu trên là:

Từ Hán Việt nào có các âm đầu là M, N, Nh, L, V, D, Ng sẽ có dấu ngã. Những từ với các âm đầu còn lại sẽ viết bằng dấu hỏi.

Ngoại lệ: Có bài ca dao ‘nhất tự’ của Phan Ngọc về những ngoại lệ viết dấu ngã mà chữ đầu là từ Hán Việt, còn chữ sau là từ thuần Việt tương ứng:

‘Kỹ: tài, bấi: bỏ, bĩ: đen

Hữu: bạn, phẫu: mổ, tĩnh: yên, cữu: hòm

Tiền: đưa, tiếu: diệt, trẫm: vua

Trĩ: trẻ, trử: cất, huyển: mê, hốt: cùng

Hỗn: loạn, hãm: hại, đãng: buông

Quẩn: khốn, hữu: có, đãng: đường thênh thang

Xã: xã, hoãn: chậm, quỹ: rương

Suyển: suyễn, quỹ: dấu, tiển: tên, tiển: làm

Hữu: phải, cưỡng: ép, trĩ: chim

Huẩn: chết, kỹ: hát, để: em, sĩ: trò’

Vài ngoại lệ khác: *chiêu đãi, hoài bão, kiêu hãnh...*

Những quy luật khác (theo *Từ điển chính tả* của Hoàng Phê):

- Không có yếu tố Hán Việt vẫn a, â viết dấu ngã hoặc nặng

- Yếu tố Hán Việt có âm đầu là c viết dấu hỏi hay nặng (trừ cưỡng, cữu)

- Yếu tố Hán Việt có âm đầu là h viết dấu hỏi, ngã hay nặng

- Yếu tố Hán Việt có âm đầu là l, n viết không dấu, ngã hay nặng (trừ lý, loát, luyến, náo, nát, niết)

- Không có yếu tố Hán Việt nào có âm đầu là ch, gi viết bằng dấu huyền, ngã hoặc nặng

- Không có yếu tố Hán Việt nào ở vần o, ô viết bằng dấu hỏi, ngã hay nặng (trừ ỏn)

- Không có yếu tố Hán Việt có âm đầu d, v viết bằng dấu huyền, hỏi, hay sắc (trừ dân, vấn)

- Không có yếu tố Hán Việt nào có các âm đầu g, gh, r.

Tại sao ý nghĩa của hai từ *ngã đường* và *ngã ba* rất gần nhau mà một từ dấu hỏi còn từ kia dấu ngã? Câu trả lời là quy tắc chính tả đôi khi vô đoán. Các quy luật vừa nêu về thanh điệu luôn luôn có ngoại lệ.

### 6.3.2.2. Ba quy tắc đặt dấu thanh điệu

(a) Dấu thanh điệu chỉ đặt trên một con chữ.

(b) Dấu thanh điệu đặt ở âm chính của vần (tức là đặt trên nguyên âm).

(c) Dấu thanh điệu đặt ở vị trí cân xứng, hài hoà (đứng ở giữa).

Những mâu thuẫn trong cách bỏ dấu thanh chỉ xảy ra ở những từ chính âm đứng cuối lại có âm đệm hoặc có nguyên âm đôi không có phụ âm cuối, ở đó quy tắc (c) đối chọi với quy tắc (b). Chúng ta giải thích điều này qua cách vận dụng quy tắc (a) và (b) để đặt dấu thanh như bảng III dưới đây:

### BẢNG III

| Từ                             | Âm đầu       | Âm đệm | Âm chính   | Âm cuối |
|--------------------------------|--------------|--------|------------|---------|
| 1) nghề                        | ng           |        | ề          |         |
| 2) loá                         | l            | o      | á          |         |
| 3) quăng                       | q            | u      | ã          | ng      |
| 4) tùy                         | t            | u      | ỳ          |         |
| 5) quỳnh                       | q            | u      | ỳ          | nh      |
| 6) khoẻ                        | kh           | o      | ẻ          |         |
| 7) thuyền                      | th           | u      | ẻ          | n       |
| 8) quý/huỷ                     | q/h          | u      | ỷ/y        |         |
| 9) bày                         | b            |        | à          | y       |
| 10) túi/húi/cúi<br>bồi/bởi/tài | t/h/c<br>b/t |        | ú<br>ồ/ở/à | i<br>i  |
| 11) người                      | ng           |        | ườ         | i       |
| 12) khéo                       | kh           |        | ẻ          | o       |
| 13) chịu                       | ch           |        | ị          | u       |
| 14) ngái                       | ng           |        | á          | i       |
| 15) màu                        | m            |        | à          | u       |
| 16) cuộc                       | c            |        | uộ         | c       |
| 17) kia                        | k            |        | ìa         |         |

|            |    |  |    |    |
|------------|----|--|----|----|
| 18) tiếng  | t  |  | iế | ng |
| 19) chuông | ch |  | uô | ng |
| 20) chùa   | ch |  | ùa |    |
| 21) bữa    | b  |  | ữa |    |
| 22) trước  | tr |  | ướ | c  |

Cụ thể là:

Nếu từ chỉ có *một* nguyên âm, theo quy tắc (b): dấu thanh đặt trên nguyên âm đó (từ *nghe*, số 1).

Nếu từ có 2 hoặc 3 nguyên âm thì hoặc là có âm đệm /w/ được viết bằng chữ *o* hoặc *u* (các từ 2 - 8), hoặc là có bán nguyên âm cuối viết bằng *i, y, o, u* (các từ 9 - 15), hoặc là các từ có nguyên âm *đôi* (các từ 7, 11, 16 - 22). Tới đây lại có hai trường hợp:

a) Từ quy tắc (b) dấu thanh không đặt trên âm đệm (*loá, quăng, quỳnh, khoẻ, tùy, thuyền, quý*) và cũng không đặt trên bán nguyên âm cuối (*bây, người, khéo, gái, màu, túi, húi, núi, bồi, bởi, tài, chịu*).

b) Khi phần vần có *nguyên âm đôi*. Tiếng Việt có 3 cặp nguyên âm đôi có cách viết khác nhau. Cách nhớ nguyên âm đôi: **kia tiếng** (*ia, ya, iê, yê*) **chuông chùa** (*uô, ua*), **bữa trước** (*ưạ, ướ*). Nếu phần vần chỉ tận cùng bằng chữ *a*, dấu thanh bỏ vào nguyên âm đứng trước *a* (*kia, bữa, chùa, giặt giya, rạ...*). Bỏ vào *ê, ô, ơ* trong trường hợp còn lại (*tiếng, chuông, trước, người*).

Quy tắc (c) liên quan đến *luật thẩm mỹ*, hình chữ phải đẹp trong tâm thức của người Việt viết chữ quốc ngữ, sẽ giải đáp cách bỏ dấu thanh khi gặp nguyên âm đôi. Cụ thể là:

Quy tắc (c) đối chọi với quy tắc (b) trong trường hợp chính âm là *nguyên âm đơn* đứng cuối lại có âm đệm. Từ đây dẫn tới *hai cách bỏ dấu trái ngược nhau* hiện đang tồn tại: *đặt dấu thanh lên âm chính* (theo quy tắc (b) hay *âm đệm* theo quy tắc (c)). Viết *loá, khoẻ, hủỷ, thúỷ* theo quy tắc (b), nhưng trên thực tế nhiều người trọng yếu tố cân xứng, hài hòa - dù không biết quy tắc (c) - vẫn viết *lóa, khỏe, hủy, thúy* theo quy tắc (c). Trường hợp này, chúng tôi theo quy tắc (c).

*Lưu ý:* Viết *quý* chứ không viết *quí*. Hai chữ i và y cùng để ghi âm vị /i/ nhưng công dụng trong khi tạo vần lại khác nhau:

Chúng ta viết: *Thúỷ, hủỷ (bỏ), suy, ma túỷ, tích lũỷ, ảnh nuy*,... Ở những từ trên, nếu thay y bằng i chúng ta sẽ được những từ hoàn toàn khác: *thúi, (hất) hủỉ, sui (gia), ma túỉ, (lầm) lủỉ, (nấu) nủỉ*,... Vì vậy viết '*quỷ*' sẽ theo đúng quy tắc viết **uy** để chỉ vần i có âm đệm u. Còn cách viết '*quí*' lại tạo ra một hình thức ngoại lệ của quy tắc viết **ui** để chỉ vần u có bán nguyên âm cuối i.

*Chuẩn chính tả và khuyến hướng biến đổi thanh điệu*

**Mại dâm/ mãi dâm:** *một khuyến hướng về biến đổi từ trong tiếng Việt.*

Có thể kể thêm ở đây, *những đặc điểm về thanh điệu* trong tiếng Việt cũng có khả năng tạo ra những cách nói sai được người Việt chấp nhận.

Về mặt từ nguyên, nói *gái mại dâm* đúng, nói *gái mãi dâm* không đúng. Vì *mại* là *bán*, còn *mãi* là *mua*, như *khuyến mãi*. Nhưng hiện nay rất nhiều người nói *gái mãi dâm*. Lỗi này bắt nguồn từ khuynh hướng về *sự hài hoà âm vực* (cùng cao hoặc cùng thấp) giữa hai thanh điệu trong một từ ghép tiếng Việt. Trong tiếng Việt, thanh điệu giữa hai tiếng trong một từ ghép thường hài hoà, thuộc cùng một âm vực. Điều này hầu như đúng với các từ lấy.

Một điều cần lưu ý là nhiều nhà nghiên cứu nhận thấy rằng trong quá trình phát triển, có sự thay đổi về âm vực trong tiếng Việt: sự phân bố âm vực của thanh điệu tiếng Việt thời trước như sau:

Âm vực bổng (cao) gồm các thanh: **ngang - hỏi - sắc**

Âm vực trầm (thấp) gồm các thanh: **huyền - ngã - nặng**

Ấy thế nên đồng dao có câu: ‘*Ông giăng ông giăng*, ông giăng búi tóc, ông khóc ông cười...’, hoặc trong *Phá vây* của Phù Thăng, anh du kích mở đầu lời gọi loa bằng ‘*A-lố, a-lố!*’. Hiện nay, khi mở đầu cuộc trả lời điện thoại chúng ta thường ‘*A-lố*’ chứ không phải *a-lố* nữa.

Để dễ nhớ hai vùng âm vực này, người ta đặt ra câu ca:

*Em **Huyền** mang **nặng**, **ngã** đau*

*Anh **Ngang** **sắc** thuốc **hỏi** đau thế nào?*

Hai âm vực, cao và thấp hiện nay trong tiếng Việt là:

Âm vực cao gồm các thanh: **ngang - ngã - sắc**

Âm vực thấp gồm các thanh: **huyền - hỏi - nặng**

Trong từ *mại dâm*, hai thanh nặng và ngang không cùng

thuộc một âm vực. Trong khi đó *mãi dâm* có hai thanh ngã và ngang lại cùng thuộc một âm vực nên dễ nói hơn. Vì thế những người không hiểu nghĩa, không phân biệt hai từ *mại*, *mãi* thường nói *mại dâm* thành *mãi dâm*. Từ điển tiếng Việt của Viện ngôn ngữ cũng sai. Cũng lý do này mà ‘bán nước cầu vinh’ lẽ ra phải là ‘*mại quốc cầu vinh*’, nhưng trong hát tuồng người ta lại mắng: ‘*đồ mãi quốc cầu vinh*’. Điều này cũng giải thích vì sao ‘tư sản *mại bản*’ (cùng âm vực thấp *nặng - hỏi*) thì không ai nói nhầm thành ‘tư sản *mãi bản*’.

Cái sai này đã đi vào văn học dân gian. Người Huế có câu đối:

‘*Không vô trong Nội nhớ hoài*

*Bán mãi của quan sợ cụ*’

Câu đối này gồm 6 cặp từ thuần Việt (tiếng Nôm) - Hán-Việt đồng nghĩa đứng kế nhau. Không là vô, nhớ là hoài, trong là nội, bán là mãi (sai)...

Theo gốc Hán, bệnh *mạn tính* là bệnh tiến triển chậm chạp, để lâu ngày thành kinh niên, rất khó chữa. Nhưng các thầy thuốc không đọc là bệnh *mạn tính* mà đọc thành ‘bệnh *mãn tính*’ (cùng âm vực cao *ngã - sắc*). Cũng vì vậy chúng ta không nói *trú sở* mà nói *trụ sở*, lỗi nói có hai thanh cùng thuộc âm vực thấp *nặng - hỏi*.

*Vài ví dụ chính tả về những từ cùng vần nhưng khác thanh điệu*

- Thấy mùi lá *ngai ngái* nên anh *ngài ngại* không muốn uống. Nhưng vẫn phải uống. Uống rồi thì lo *ngay ngáy*.

- Vừa mới *giở* tờ báo ra, đang đọc *dở* thì có khách.
- Vì quá *sợ hãi* nên bà *hót hải* la *bãi hải*....
- Xí nghiệp này tình *giản* bộ máy chứ không phải là *dân* thợ.
- Nhìn lá vàng rơi *lả tả*, em buồn và nước mắt rơi *lã chã*.
- Trăng sáng *vằng vặc* và bóng cau dài *dằng dặc*. Lòng ta thanh thoi, không bị *dằn vặt*.
- Sự việc *vỡ lở* làm cho tình duyên *lỡ dở*.
- Cầu thủ hỏi *dò* xem mình có bị treo *giò* không.
- Nó mê *mải* đọc truyện, *mãi* đến khuya mới đi ngủ.
- Càng *ngẫm* nghĩ càng thấy ngán *ngẫm*.
- Mang lúa đi xay *xát*, bị ngã *sây* (/xây) *sát*, mặt mày *xây xẩm*.
- *Quãng* đường này có nhiều *bằng* *quảng* cáo.
- Chỉ cần một *mẫu* vải làm *mẫu*.
- Cố tình làm *lẩn* lộn để *lẩn* tránh trách nhiệm.
- Xúi *bẩy* làm người khác làm *bậy* rồi mắc *bẩy*.
- Vì quá *nông nổi* nên mới ra *nông nổi* này
- *Lững* thững dạo chơi, quên *lững* có cuộc hẹn.
- Chưa *sẩm* tối, trời đã tối *sẩm*, bầu trời đen *sẩm*, chiếc áo đỏ *sậm* nhìn thành đen.
- Chú *re* tưởng đào *re* đa rất *de*.
- Đến *ngả* tư, nó *ngả* mũ chào tôi rồi đi về *ngả* này.

## 6.4. Quy định về chữ viết

### 6.4.1. Chính tả tiếng Việt: **viết i hay viết y?**<sup>1</sup>

Quy định ngày 30.11.1980 của Bộ Giáo Dục về chính tả liên quan đến hai chữ **y** và **i** như sau: ‘... trường hợp các âm tiết có nguyên âm **i** ở cuối thì viết thống nhất bằng **i**, trừ **uy**, như *duy, tuy, quy...*; thí dụ: *kì dị, lý trí, mĩ vị*.

Chú ý: **i** hoặc **y** đứng một mình hoặc đứng đầu âm tiết vẫn viết theo *thói quen cũ*, thí dụ: *ý nghĩa; y tế, i eo, âm i, im, yêu.*’

Hiện nay có những ý kiến trái chiều với quy định này.

*Chữ viết là quy ước*

Chữ viết là quy ước nên chuẩn mực chính tả cũng là quy ước. Chữ Việt là loại chữ viết *ghi âm*. Khi ta nói, mỗi tiếng là một *âm tiết* (x. §6.2., §6.3.), ví dụ về phân tích âm tiết (x. §6.3.2.2.).

*Những điều còn bỏ qua*

Quy định trên không chú ý tới *thói quen* khi viết âm tiết có *bán nguyên âm* đứng cuối được ghi bằng **y** hoặc **i**. So sánh *tay/tai, hay/hai*. Cùng một nguyên âm, có **i** đứng cuối thì sẽ đọc *dài ra*, có **y** đứng cuối thì đọc *ngắn đi*. Lúc này nguyên âm **a** thể hiện âm vị /ă/ nên không ít học sinh mắc lỗi viết *tăy, hăy*.

Không nói tới công dụng của **y** hay **i** đứng cuối âm tiết để phân biệt hai vần **uy/ui**.

<sup>1</sup> Bài đã đăng trên SGT, ngày 10.01.2011

Ví dụ: ‘*Thuy*’ khác với ‘*thúi*’, ‘*quý*’ khác với ‘*cúi*’...

Không đề cập tới quy tắc viết bằng chữ **y** trong những trường hợp:

+ Viết **yê**, **ya** khi nguyên âm đôi này đứng sau âm đệm /w/: Nguyễn Khuyển; đêm khuya;

+ Viết **y** sau chữ **qu**~ (bán nguyên âm u đứng sau /k/): quy luật; quy ước; quyền lực; quyết định;...

+ Viết **yê** khi âm tiết vắng phụ âm đầu và là nguyên âm đôi /ie/: yến, yếm trợ, yêng hùng, niêm yết, uyển chuyển, yên tâm... Như vậy, viết yêu không phải là ‘viết theo thói quen cũ’ như nhận định trong quy định.

+ Dù đứng một mình hay đứng cuối trong các từ *phiên âm* thì gốc sao phải viết vậy: dao *i-nốc* (inox ← *inoxidable* - không gỉ), muối *i-ôđi*,... Nguyên âm /i/ đứng cuối nhưng vẫn phải viết là khí *oxy*, khí *hy-đrô*.

### Những điều chưa chuẩn

Quy định trên không chú ý tới một quy tắc bất thành văn về **tính thẩm mỹ** trong chữ quốc ngữ: *hình chữ phải đẹp*, nghĩa là có sự cân đối về độ cao giữa các con chữ trong từ ngữ. Điều này dẫn tới hiện tượng ‘phá rào’ với quy định viết i/y hiện nay.

Khái niệm tính thẩm mỹ được hiểu như sau:

- Ghép những phụ âm cùng độ cao với /i/ thì có khuynh hướng dùng **i**: Ví dụ: *si mê* (/ \*sy mê - nghĩa là không viết sy mê); *mị dân* (/ \*my dân); chim *ri* (/ \*ry); rần *ri* (/ \*ry); rên *ri* (/ \*rỹ); xanh *ri* (/ \*rỹ); kẻ *sĩ* (/ \*sỹ); vĩ mô; vi phạm; vì sao; vì

vậy; vị trí. Trong *Gia Định Báo*, viết ‘bán sĩ’ (số 06.05.1882). Không thấy số nào viết bán sỹ. Thói quen viết *ỉ eo*, *âm ĩ*, *im...* cũng phản ánh quy tắc này.

- Khái niệm *cân đối* còn được hiểu là trong một từ nếu con chữ một phụ âm nhô cao lên thì ta viết **y** nhằm tạo ra sự hài hòa *trên dưới*. Viết *lý* thì phần trên và phần dưới chữ này cân đối với nhau, còn viết *lí* thì phần dưới chữ này hơi bị hụt. Vì vậy trong báo *Nông Cổ Mìn Đàm*, năm 1902, chúng ta gặp: *Lý văn Ngọc; chánh lý; chuông lý; mạng lý* (11.01); *không lý vì bộ tướng vạm vỡ; có lý lắm* (27.03). Cũng lý do tương tự, trong *Gia Định Báo*, năm 1881, 1882 chúng ta gặp *ký tên* (26.12); *thơ ký* (12.02); *trong kỳ 15 ngày* (15.03)... Trong *Nông Cổ Mìn Đàm*, năm 1902, chúng ta gặp *xem kỹ* (06.03); *ích kỹ* (09.01; sai thanh hỏi); *Nam-Kỳ; dầu thắng kỳ nhút; anh lấy làm kỳ* (24.07); *chẳng kỳ lòng sung lớn nhỏ; cho kỹ càng* (21.08; sai thanh ngã),... Chúng ta còn gặp *thanh ny hồi tục; mỹ danh, làng Bình-hy*,... Cách viết *Hoa Kỳ* cũng nằm trong hệ thống trên. Trong những âm tiết vừa dẫn không gặp cách viết ‘trường hợp các âm tiết có nguyên âm i ở cuối thì viết thống nhất bằng *ỉ*’ như quy định.

Còn ‘viết theo *thói quen cũ*, thí dụ: *ý nghĩa; y tế...*’ (dẫn quy định) vẫn phản ánh luật cân đối trong chữ quốc ngữ: Dùng **y** trong *ý nghĩa; y tế* để có sự cân đối giữa hai tiếng trong một từ ghép. Có thể kể thêm: *duyet y, ý kiến, y hệt, y phục, ý chí...*

Trường hợp ngoại lệ ‘trừ **uy**, (thì viết y) như *duy, tuy, quy...*’ (quy định) thì báo thời đó lại viết ngược lại: Tất nhiên,

không nói tới **tui, dui** vì đã chuyển thành vần khác rồi. Trong Nông Cổ Mín Đàm, chúng ta gặp *nhon gian qui Sở Khanh, vinh qui, Lão - kị - qui - y* (03.04.1902).

*Kích thước* con chữ cũng là một lý do thẩm mỹ: Chữ **i** có kích thước ngắn hơn chữ **y** tạo ra ấn tượng là *một đối tượng nhỏ*. Vậy nên có khuynh hướng dùng **i** cho những đối tượng tạo ra ý niệm *nhỏ*: Thường viết *li ti, tí mỉ, vi tính; chi li, chi tiết; chơi bi, sân si, lí nhí*;... Hình như không ai viết *chơi by, tỷ mỹ; chy ly, chy tiết, vy tính*...

*Ngoại lệ: Có những thói quen ngôn ngữ không tìm được lý lẽ của nó.*

Trong tiếng Pháp hiện nay có từ *poids* (trọng lượng). Thuở xưa, từ này được viết là *pois*. Tới thời Phục Hưng có người cho rằng nó do từ Latinh *pondus* mà thành, vậy phải thêm *d* vào sau chữ *i* mới đúng. Thế là người ta đổi *pois* thành *poids*. Về sau có người chứng minh được *pois* chính do từ Latinh *pensum* (vật được cân xem nặng nhẹ thế nào) mà ra. Nhưng người Pháp đã quen dùng *poids* mất rồi. Đâu có dễ dàng từ bỏ một thói quen. Vậy là *poids* vẫn giữ nguyên cho đến ngày nay.

Trong tiếng Việt có những biến thể trong cách viết *i/y*. Một từ *mĩ* là đẹp, mọi người quen viết *nước Mỹ, châu Mỹ* nhưng lại viết *mĩ mãn, hoa mỹ*. Những biến thể như vậy gặp rất nhiều. Điều đó bình thường, không có gì đáng tranh cãi.

*Ngoại lệ: Viết i khi là thành tố của một từ láy mô phỏng âm thanh: í a, í ới, ì ạch, ì ầm, ì oạp, ì ọp, í i, ầm ĩ, ì xèo...*

Tóm lại: Cách viết *i/y* trong quy định không phù hợp với tâm lý người Việt và thực tế tiếng Việt nên chúng ta thường ‘vượt rào’ hoặc mắc lỗi trước quy định này.

Nên chấp nhận những biến thể trong cách viết *i/y*.

## 6.5. Viết hoa và viết thường

### 6.5.1. Viết hoa

1) Các tên riêng (nhân danh, địa danh, tên cơ quan, tổ chức...) đều viết hoa.

Có nhiều loại nhân danh (tên người): tên tục, tên tự, tên hèm, tên hiệu, tên thụy, biệt hiệu, tước hiệu, nữ danh, bút danh, pháp danh, tên thánh, bí danh.

Viết hoa ở tất cả các thành phần trong một tên người, kể cả các tên người nước ngoài: Nguyễn Thị Hồng Hà, Tôn Nữ Huyền Trang, Trần Văn Giàu, Mitterrand, Shakespeare...

#### 2) Tên tổ chức, cơ quan

Theo quy định, chỉ viết hoa âm tiết đầu của tên gọi. Nghĩa là viết ‘Trung tâm tin học’, ‘Đảng cộng sản Việt Nam’, ‘Trường đại học khoa học tự nhiên’...

Trong thực tế quy định trên không được tuân theo một cách triệt để. Có hai lý do chính:

a) Người ta thích viết hoa yếu tố cần nhấn mạnh: ‘Trung tâm Tin học’, ‘Đảng Cộng sản Việt Nam’, ‘Trường đại học Khoa học tự nhiên’... Thậm chí người ta còn viết: ‘Đảng Cộng Sản Việt Nam’.

b) Cách hiểu về một tên cơ quan, tổ chức: Khi viết ‘Tôi dạy ở trường đại học Văn Hiến’ thì người ta đã coi Văn Hiến là tên riêng. Lúc này ‘trường’, ‘đại học’ chỉ là những danh từ chung. Đó là lý do dẫn tới cách viết ‘Trường đại học Khoa học tự nhiên’, ‘em muốn học khoa Toán - Tin’...

6.5.2. Về chữ viết thường: chỉ có một trường hợp liên quan đến âm vị /i/ (xem §6.4.1. Viết i hay viết y?)

6.5.3. Giữ nguyên dạng, phiên âm hay chuyển tự các từ nước ngoài?

6.5.3.1. Viết tên riêng nước ngoài thế nào?<sup>1</sup>

1. Tên của một người, một địa danh, một nước được gọi là *tên riêng*, cốt để *phân biệt* người này với người khác, địa danh này với địa danh khác, nước này với nước khác.

Trong lớp học, nếu có hai bạn tên Hùng thì phải thêm chữ A, chữ B vào để phân biệt Hùng A với Hùng B nhưng trong những giấy tờ pháp lý thì cả hai đều vẫn chỉ là Hùng.

Tên riêng là đặc trưng của một cá nhân về *chữ viết*, về ‘*mặt chữ*’ nên được phép viết *lệch chuẩn*, không giống với những quy định thông thường. Tác giả của *Chân trời cũ* có bút danh là Hồ Dzếnh. Trong tiếng Việt không có phụ âm dz nhưng chẳng ai thắc mắc hoặc có quyền đòi hỏi phải sửa lại thành Hồ Dếnh cả. Xin mở một ngoặc đơn: Nhà văn Hà Triệu Anh, họ tên Hà Anh ghi theo giọng Quảng Đông là Hôi - Dính, tên này nghe khó xuôi nên tác giả đặt bút danh

1 Một phần bài này đã đăng trên SGTT, ngày 16.08.2010

là *Hồ Dzénh*. Tuy vậy những người trong làng văn nghệ vẫn cứ trêu đùa gọi ông là *Hồ Dính*, có người còn đặt một vế đối: ‘*Hồ Dính dính hồ hồ chẳng dính*’ để thách đối. Có một vài vế đối nhưng đều chưa chỉnh, như: ‘*Ngọc Giao giao ngọc ngọc không giao*’ (mượn tên nhà văn *Ngọc Giao*). Cũng có người đối lại: ‘*Vũ Bằng bằng vũ vũ chưa bằng*’ (mượn tên nhà văn *Vũ Bằng* - dẫn từ *internet*).

Vậy thì, nguyên tắc đầu tiên của việc viết tên riêng là phải *viết đúng theo mặt chữ như nó vốn có*.

2. Trên thế giới hiện có nhiều hệ thống chữ viết với khoảng 50 bảng chữ cái khác nhau. Nhiều bảng có nguồn gốc từ hệ chữ Latinh (Anh, Pháp, Bồ Đào Nha, Việt...), hệ chữ Slave (Nga, Ba Lan,...), hệ chữ khối vuông (Hán, Hàn,...), hệ chữ Do Thái, chữ Hy Lạp... Có hệ chữ viết *ghi âm*, có hệ *ghi ý*.

Mỗi dân tộc ghi tên riêng theo hệ chữ viết của mình. Trong quá trình giao tiếp, chúng ta có nhu cầu đọc văn bản của những dân tộc khác, ấy thế là có nhu cầu *phiên âm* thứ tiếng này sang thứ tiếng khác hoặc *chuyển tự* chữ viết này sang chữ viết khác.

3. Mỗi ngôn ngữ đều có những đặc trưng ngữ âm riêng, có bảng chữ cái riêng nên có những hiện tượng ngữ âm và chính tả trong thứ tiếng này lại không có âm và chữ viết tương đương trong thứ tiếng khác. Hơn nữa, do năng lực thính âm mỗi người mỗi khác, và mỗi người lại đọc theo tiếng Anh, tiếng Pháp hay theo thứ tiếng nào đó, nên tất yếu xảy ra hiện tượng mỗi người phiên âm một kiểu và phiên âm không luôn luôn đạt được âm giống hệt như âm gốc. Và

chúng ta không hy vọng có được sách công cụ tra cứu chuẩn khi phiên âm tiếng nước ngoài sang tiếng Việt.

Ví dụ 1: Tiếng Việt *có thanh điệu* nên khi phiên âm liền xảy ra những cách phiên khác nhau liên quan tới thanh điệu. Nếu âm cuối là âm khép *-p, -t, -k (-c, -ch)* tạo ra *vần trắc* thì khi viết vần này với thanh *sắc* vẫn phải bỏ dấu *sắc* (quan điểm của sách giáo khoa vật lý), nhưng cũng có thể theo quan điểm của sách giáo khoa hóa học và sinh học không có dấu *sắc* thì vẫn là thanh *sắc* (*axit, cacbonat, glucit, lipid*).

Ví dụ 2: Bảng chữ cái tiếng Việt không có các chữ *f, j, w, z*. Vậy là gặp rắc rối khi phiên các từ bắt đầu bằng những chữ cái đó, nhất là khi những chữ đầu này thành những *đơn vị đo lường*: *J, W, F* (chữ đầu tên của nhà vật lý *J.P. Joule, J. Watt, M. Faraday, G. Fahrenheit*). Dòng điện chạy qua một mạch điện sẽ sinh công. Nói ‘*đơn vị của công là giun*’ nhưng *bắt buộc* viết ‘*đơn vị của công là J*’. Nói ‘*công suất bóng đèn này là 45 oát*’, nhưng *bắt buộc* viết ‘*công suất bóng đèn này là 45W*’. Có nghĩa là không thể phiên âm Joule, Watt mà phải viết theo nguyên dạng.

Hệ quả tất yếu là nhiều khi đọc các từ phiên âm (khá tùy ý) khó mà tái hiện được chữ gốc. Khi đọc *Noóc-mân Mây-lo, Uy-li-am Phôn-cơ, En-tô-ny Béc-gi-ét, Ét-na Ô-brai-en, Frăng-xoa Mô-ri-ac...* mấy người có thể tái hiện ngay tên gốc các nhà văn này? (*N. Mailer, W. Faulkner, A. Bergess, E. O'Brien, F. Mauriac*). Vả lại, trong tiếng Việt làm gì có các vần *cơ, brai, Frăng...* mà gọi là phiên âm sang tiếng Việt? Bạn thử mà xem, cái họ *Nguyễn* của người Việt nếu phiên

âm sang tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga thì viết thế nào và liệu mấy người nước ngoài đọc đúng từ *Nguyễn* như người Việt? Tên thủ đô nước Nga là MOCKBA, một từ khá dễ phiên âm cũng được người Anh phiên thành *Moscow*, người Pháp phiên thành *Moscou*, người Trung Hoa lại phiên theo cách riêng và được người Việt đọc theo âm Hán Việt thành *Mạc Tư Khoa*. Có một thời nhiều người Việt học tiếng Nga nên thủ đô Nga cho đến nay còn được viết theo cách đọc Nga thành *Mát-xcơ-va*. Thử hỏi, những cách viết *Moscow*, *Moscou*, *Mạc Tư Khoa*, *Mát-xcơ-va* (tiếng Việt không có vần *xcơ* nên tên này thậm chí còn được viết là *Mát-xì-cơ-va*) đâu có được người Anh, người Pháp, người Việt đọc đúng như âm Nga của từ MOCKBA?

Mà ngay cách đọc tên nhạc sĩ Ba Lan *F. Chopin* liệu có trùng hoàn toàn với cách đọc tên ông viết theo tiếng Ba Lan: *F. Szopen*?

Nhiều tên riêng chứa đựng ý nghĩa, nếu phiên âm người đọc sẽ không còn nhận ra được những ý nghĩa đó. Ở những ngôn ngữ đa âm tiết, một từ, trong đó có tên riêng, có thể tách ra thành những âm tiết khác nhau rồi lắp ghép với nhau thành những từ mới. Từ đây có một kiểu tên riêng hình thành theo cách chơi chữ mà tiếng Việt không có.

Ví dụ:

- Sự liên minh của hai chính khách được biểu tượng bằng một tên riêng theo cách lấy phần đầu tên người này gắn với phần đuôi tên người kia. Trong câu 'Khi còn cầm quyền,

Tổng thống Pháp Sarkozy và bà Merkel đã hình thành liên minh *Merkozy*. (*Tuổi Trẻ*, 08.05.2012)

Cái tên *Merkozy* có phần đầu *Merk* là phần đầu tên nữ thủ tướng Đức Merkel, còn phần cuối *kozy* lại là phần cuối tên ông Sarkozy, nguyên Tổng thống Pháp.

- Ngày 19.06.2012, khi Tòa án tối cao Mỹ đã phán quyết luật cải cách y tế năm 2010 - mọi người đều phải có bảo hiểm y tế trước 2014 - là hợp hiến, giúp khoảng 32 triệu người Mỹ hưởng lợi, nhưng những người giàu và Đảng Cộng hòa lại phản đối. Họ gọi đó là *Obamacare* (chăm sóc Obama). (*Tuổi Trẻ*, 30.06.2012) Nếu phiên âm làm sao nhận ra được những ý nghĩa này?

*Có nên phiên âm không?* Hiện nay có quan niệm cho rằng cần phiên âm tiếng nước ngoài để cho người đọc bình thường dễ hiểu. Trong câu hỏi 'Viết cho ai?' có vấn đề mỗi tờ báo nhằm vào một số bạn đọc nhất định và mỗi bài báo cũng lựa chọn một số độc giả nhất định. Độc giả của tạp chí *Khoa học Ngôn ngữ* khác độc giả của báo *Thanh niên* và lại càng khác những bạn đọc nhỏ tuổi của báo *Nhi đồng*. Do vậy, vấn đề 'dễ hiểu' hay 'khó hiểu' chủ yếu liên quan đến nội dung, từ ngữ và cách viết một bài cũng như trình độ của người đọc. Cho nên, xét về nội dung, dùng từ nước ngoài nguyên dạng hay phiên âm không ảnh hưởng đáng kể tới tính dễ hiểu của một bài viết. *Không phải cứ phiên âm là nội dung sẽ dễ hiểu hơn.*

Với câu 'Tác phẩm *Don Quixote* là một *pas de deux* rất khó' (b., 03.03.1996), người ngoài ngành nghệ thuật sẽ hiểu

thế nào? Nếu không học tin học, bạn có hiểu được đầy đủ câu ‘Có bao nhà doanh nghiệp (cùng êkíp trợ lý), có bao nhà nghiên cứu truy cập vào *site* của ASEAN để tự tìm hiểu những văn kiện về AFTA?’ (b., 04.1999) Nếu phiên âm *pas de deux* và *site* thành *pa đờ đơ* và *sai (/sai-to)* thì những câu trên dễ hiểu hơn được bao nhiêu hay lại càng thêm bí hiểm? Nếu ai đã không biết *pas de deux* là ‘phần múa đôi trong một vở ba lê’ thì khi phiên âm nó thành *pa đờ đơ* họ lại càng không hiểu câu đó. Gặp trường hợp phải dùng từ nước ngoài để giải thích một khái niệm tiếng Việt thì việc phiên âm có còn ý nghĩa gì nữa không? Bạn có định phiên âm từ *slide* và tên riêng nước ngoài trong câu dưới đây không? ‘Có 35.000 ảnh và phim dương bản (slide) của 5.200 tác giả từ 118 nước gửi đến tham dự cuộc thi ảnh nghệ thuật quốc tế Hasselblad Australia Supes Circuit...’ (b., 04.09.1999)

Vả lại, phiên âm có thể làm hiểu sai lạc nội dung.

Theo quy ước quốc tế, thứ tự các con báo trong một vùng biển được đặt theo một danh sách tên xếp theo thứ tự chữ cái. Nếu thực hiện sự phiên âm, bạn sẽ hiểu thế nào về đề báo ‘*Con báo Xô ni a tàn phá BJP*’? Nếu để nguyên dạng tiếng nước ngoài ‘*Con báo Sonia tàn phá BJP*’ (Tuổi Trẻ, 30.11.1998) bạn còn có cơ may luận ra đây là một đề báo ca ngợi chiến thắng của đảng Quốc Đại I mà đứng đầu là bà *Sonia* Gandhi trong kỳ bầu cử ở bốn bang tại Ấn Độ trước đảng BJP của thủ tướng A. B. Vajpayee.

Hơn nữa, *liệu có thể phiên âm thống nhất được không?*

Trong bài báo ‘*Thấy gì qua những tên riêng nước ngoài*

*trên báo chí?* (GD&TD, số 42.1992) tôi đã dẫn ra hàng loạt chuyện về phiên âm bát nháo tên riêng nước ngoài trên sách báo; cùng một tên người có tới ba, bốn cách phiên khác nhau. Nếu thực hiện việc phiên âm hoặc chuyển tự tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, với tình hình một tên có tới ba bốn cách phiên âm thì với những ai muốn truy tìm chính xác vấn đề hữu quan qua những tài liệu nước ngoài làm sao có thể tái hiện lại được nhanh chóng và chính xác một tên ở nguyên dạng tiếng nước ngoài? Cứ cho rằng có một *Viện chuẩn hóa tiếng Việt* sẽ xây dựng những từ điển quy định cách phiên âm chuẩn từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt thì *xây dựng bao nhiêu từ điển phiên âm cho đủ?* (Xây dựng cả trăm từ điển phiên âm cho những ngôn ngữ trên thế giới có chữ viết chẳng?) *Bao giờ mới xây dựng xong? Có từ điển rồi thì trong thực tế người dùng có điều kiện mua, có điều kiện lưu trữ, có điều kiện để dùng không?* (Một phóng viên đi các nơi viết bài, khi cần phiên âm các địa danh, nhân danh, sản phẩm nước ngoài... thì làm thế nào có từ điển phiên âm để tra cứu? Hay phóng viên cứ viết đại theo nguyên ngữ rồi mỗi báo, mỗi đài lại tăng thêm biên chế để có bộ phận chuyên làm cái việc phiên âm lại các từ ngữ ở nguyên ngữ thành dạng chữ Việt?). *Khi gặp những từ ngữ không được ghi trong từ điển phiên âm của chúng ta thì họ làm thế nào?* Trong mẫu tin *Hết hơi* có câu ‘Từ dài nhất mà ông phải đọc là: *Dichlorodiphenyltrichloroethane*, tức thuốc diệt trùng DDT’. (TTCN, số 40.1998) Nhà từ điển học nào tiên liệu và đưa ra được những quy tắc phiên âm cho cái từ dài 31 chữ trong câu trên hoặc những khái niệm khoa học mới xuất

hiện và cũng dài đại loại như vậy? Nhà từ điển học nào xây dựng nổi một từ điển phiên âm tên họ của mọi người trên thế giới? Kết quả là *vẫn sẽ xảy ra tình trạng tùy tiện trong cách phiên âm các từ nước ngoài*.

Vì vậy, không nên phiên âm mà nên **chuyển tự** (transcription).

4. Các nhà ngôn ngữ học trên thế giới đã xây dựng những quy tắc *chuyển tự* từ hệ chữ viết này sang hệ chữ viết khác, trong đó có chuyển chữ Nga sang chữ Latinh. Theo đó МОСКВА, ПУШКИН... được chuyển thành *Moskva, Pushkin...* Viết như vậy thì bất cứ dân tộc nào cũng nhận ra *Pushkin* là ai.

5. Tên riêng nước ngoài nhập vào tiếng Việt thế nào?

Trước hết qua tiếng Trung Quốc, sau đó là tiếng Pháp và nay là tiếng Anh. Mặt khác chịu tác động của *những quy luật ngôn ngữ*, những tên riêng này thay đổi dần đi.

Nhập qua tiếng Trung Quốc, chúng ta có những tên được viết có dấu nổi: Nước *Anh-cát-lợi*, *Úc-đại-lợi*, *Ý-đại-lợi*, *Bồ-đào-nha*, *Tây-ban-nha*, *Nam-dương*, *Phi-luật-tân*, *Thổ-nhĩ-kỳ*, *Ba-tư*, *Ả-rập*, *Mễ-tây-cơ*, *Hung-gia-lợi*... Rồi những tên thành phố, tên người *Ba-lê*, *Luân Đôn*, *Bắc Kinh*, *Bá-Linh*, *Hán Thành*, *Hoa-thịnh-đốn*, *Nã-phá-luân*; *Hương Cảng*, *Cựu-kim-son*, *Mã-khắc-tư*, *Mạnh-đức Tư-cư*... Sau đó những dấu nổi được bỏ đi.

Chịu ảnh hưởng của tiếng Pháp rồi tiếng Anh nhiều tên được chuyển lại theo cách đọc Pháp, rồi cách đọc Anh: *Ái Nhĩ Lan* → *Iéc-lăng* → *Ai len*, *Nam Dương* → *In-đô-nê-xia*,

Mề Tây Cơ → Mếch-xích, Hung Gia Lợi → Hung ga ri, Bả Gia Lợi → Bu ga ri, Lỗ Ma Ni → Ru ma ni... Ba Lê → Pa ri, Hoa Thịnh Đốn → Oa sinh ton, Hương Cảng → Hồng Kông, Bá linh → Béc lanh, Cựu Kim Sơn → San Francisco, Mã Khắc Tư → Các Mác, Nã phá luân → Na pô lê ông...

Do nguyên lý tiết kiệm trong ngôn ngữ, nhiều tên riêng tự động được rút gọn đi thành những tên rất Việt Nam: Anh Cát Lợi → Anh, Úc Đại Lợi → Úc, Ý Đại Lợi → Ý, Áo Địa Lợi → Áo, A Mỹ Lợi Gia → Mỹ, Hung Gia Lợi → Hung... Quá trình này vẫn đang xảy ra. Báo chí thường viết ‘huấn luyện viên người Bồ Calisto.’

Một tên riêng có thể có nhiều biến thể. Tên riêng hiện thời và những tên riêng được dùng trước đó đều có ích. Hiện nay chúng ta nói đi *Pari*, hay đi *Paris*, nhưng một nhân vật trong tiểu thuyết lịch sử viết về thời kỳ cách nay 2 thế kỷ thì phải nói ‘đi *Ba Lê*.’

Thay đổi tên gọi theo quy định trở lại nguyên gốc mà không tham khảo ý kiến của giới ngôn ngữ học nên có vài tên không thỏa đáng: Ý → *Italia*; Úc → *Australia*.

Có những chi tiết đáng để suy nghĩ:

1) Những người đầu tiên phản nản về đổi tên Ý thành *Italia* là Đại sứ quán Ý: ‘Cái từ *nước Ý* hay như vậy, sao lại chuyển thành *nước Italia*?’

2) Có đổi *Úc* thành *Australia* nhưng nào thấy đổi *Áo* thành *Autriche* (theo tên Pháp), *Austria* (theo tên Anh) hay *Österreich* (theo tên Đức), và chúng ta vẫn cứ nói ‘huấn luyện viên người Áo A. Riedl’.

3) Nhiều báo vẫn cứ viết là đội tuyển Úc, đội tuyển Ý...

Tóm lại:

a. *Khi viết tên riêng cần theo nguyên tắc cố gắng tối đa viết đúng theo mặt chữ như nó vốn có. Cụ thể là:*

Những nước có chữ viết theo hệ Latinh thì giữ nguyên dạng tên riêng. Thủ đô Ba Lan là Warszawa thì viết như vậy. Hà cơ gì trong các báo dịp EURO 2012 lại viết theo tên tiếng Anh 'Varsaw'? Hầu hết các địa danh trên thế giới đã được viết theo tiếng Pháp và tiếng Anh và trở nên quen thuộc, vì vậy khi giữ đúng *cách viết của một quốc gia về tên riêng của họ*, nếu cần thiết có thể chưa thêm tên tiếng Anh hoặc Pháp. Ví dụ: Đức có thành phố *Koln*, tên Pháp là *Cologne* lại rất quen thuộc với người Việt (cuối thập kỷ 50 thế kỷ trước, người Hà Nội rất hâm mộ bộ phim *Đại úy thành Cô-lô-nhơ*); Ba Lan có thành phố cổ *Kraków* rất nổi tiếng mà người Việt quen với tên Pháp là *Cracovie*. Trong những trường hợp này có thể viết *Koln* (hay *Cologne*), *Kraków* (hay *Cracovie*). Có thể lược bớt các dấu phụ. Ví dụ: nhà thơ Sandor Petofi (lược bỏ dấu hai chấm trên chữ o)

Những nước có hệ chữ *không phải Latinh*, họ phiên tên riêng sang chữ Latinh thế nào thì chúng ta theo đúng như vậy. Ví dụ: người Hàn viết *Seoul* thì ta cũng viết *Seoul* chứ không gọi là *Hán Thành*; Người Ấn viết *Mumbai* (còn gọi là *Bombay*) thì ta cũng viết vậy. Ta cũng theo người Nhật gọi *Tokyo* chứ không gọi *Đông Kinh* nữa.

b. *Tôn trọng những tên gọi truyền thống, quen thuộc - có từ trước 1945 và nay vẫn dùng - nhất là những tên gọi phù*

*hợp với nguyên lý tiết kiệm trong ngôn ngữ. Những tên riêng gốc Hán đã vào tiếng Việt lâu đời thì giữ nguyên: Pháp, Anh, Đức, Nhật, Bỉ, Ý, Áo, Úc, Ấn Độ, Đan Mạch, Hy Lạp,... Luân Đôn, Bắc Kinh, Thiên An Môn... Với những tên riêng Trung Quốc không quen thuộc thì người ta viết thế nào chúng ta viết như vậy. Tên một vận động viên bóng bàn được viết là Wang Hao thì chúng ta cũng viết vậy mà không cần truy lại cách viết Hán Việt Quang Hạo.*

*c. Tôn trọng cách viết của một quốc gia về tên riêng của họ. Chẳng hạn, về nước Mỹ, Đại sứ quán Mỹ sử dụng hai cách viết Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ (quốc gia có nhiều chủng tộc), nhưng ‘Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ’ lại là tên xuất hiện trên trang web (ngày 23.06.2010) của Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ ở Thành phố Hồ Chí Minh. Chúng ta chấp nhận cả ba cách viết đó.*

Các kỹ sư tin học dễ dàng viết một phần mềm cho phép nhận diện được một tên riêng qua những biến thể khác nhau của nó.

\* \* \*

### *Về các thuật ngữ khoa học*

Dùng các thuật ngữ tương đương trong tiếng Việt, có thể dùng cách dịch nghĩa. Ví dụ: không nên dùng ‘e-mail’ mà nên dùng ‘thư điện tử’ (Khi nói năng có thể nói *i meo*, trong tương lai, tiếng Việt có thể có từ *i meo*). Khi chưa có được một thuật ngữ tương đương thích hợp thì giữ nguyên dạng.

Ví dụ: trang web, internet... (không ai phiên âm thành *trang uép, trang oép, in-téc-nét, in-tơ-nét...*)

*Về các từ ngữ thông dụng*

*Tự chúng sẽ phát triển theo những quy luật ngôn ngữ. Không cần và không thể áp đặt theo những quy tắc vô đoán. Ví dụ: Từ savon của tiếng Pháp đã thành hai biến thể xà phòng và xà bông.*

Từ *top ten* của tiếng Anh với nghĩa là ‘mười đĩa hát, mười quyển sách (bán chạy nhất)’ hoặc ‘mười ca sĩ (được ưa thích nhất)’, nay được rất nhiều người chuyển thành ‘*tốp mười*’ cũng với nghĩa đó. Có điều, *top* của tiếng Anh và *tốp* của tiếng Việt có nghĩa khác hẳn nhau.

*Khuynh hướng rởm chữ.* Hiện nay có một khuynh hướng không lành mạnh và khá phổ biến là: *cố viết tiếng nước ngoài để làm sang (lấy ‘le’) về trình độ ngoại ngữ.* Cần kịch liệt phê phán những kiểu quá lạm dụng tiếng nước ngoài như vậy. Nhưng dùng tiếng nước ngoài mà ‘chữ tác đánh chữ tộ’, có những sai lầm về cách viết, thì tự nó sẽ phơi bày trình độ ngoại ngữ rởm của tác giả.

*Vấn đề quan trọng là làm thế nào để dân trí nhanh chóng được nâng cao, nhất là về trình độ văn hóa khoa học kỹ thuật.* Trong bài *Tại sao khoa học Trung Quốc chậm cất cánh?*, giáo sư Ho Peng Yoke giám đốc Viện nghiên cứu Needham ở Cambridge, Anh, đã nói về một lý do khiến khoa học Trung Quốc chậm cất cánh. Đó là ‘Người Trung Quốc không có thói quen tạo ra từ ngữ khoa học mới, khiến việc

đọc và hiểu các văn bản khoa học trở nên khó khăn đối với những người không am hiểu'. (*Tuổi Trẻ*, 02.09.1999) Tình hình này có lẽ cũng đúng đối với Việt Nam. Vậy nên nhanh chóng nhập các khái niệm khoa học mới ở nguyên dạng vào vốn từ tiếng Việt. Văn tự của chúng ta theo hệ thống chữ Latinh, viết được theo nguyên dạng từ ngữ của những thứ tiếng cũng viết theo hệ thống chữ Latinh. Tại sao người Pháp chấp nhận được trong ngôn ngữ của họ cách viết các từ nước ngoài theo dạng gốc, trong đó có tiếng Việt, mà ta lại không chấp nhận cả trong những trường hợp cần thiết? (Trong từ điển Pháp *Le petit Robert*, 1992, có từ **nước-mâm** (nước mắm) và **con gai** (con gái) và họ ghi rõ đó là những từ gốc Việt). Vậy có thể chấp nhận giải pháp viết nguyên dạng tiếng nước ngoài và nếu cần thì chưa cách phiên âm hoặc chuyển tự đặt trong ngoặc đơn. Sau này với những từ thuộc phạm vi sinh hoạt đời thường có những cách viết, cách phiên âm hoặc cách chuyển tự nào trở nên quen thuộc và được người Việt chấp nhận trở thành **những từ Việt** thì sẽ dùng những cách viết đó mà không viết nguyên dạng nữa. Nghĩa là trước mắt chúng ta viết *site* (sai/sai-tơ), nhưng chúng ta vẫn viết *múa ba lê*, *xà phòng bột*, *xà bông bột*, *miếng ba tê*, *tên gang-xtơ*, *ô tô chạy rầm rầm phía sau lô cốt*... Cần phê phán những cách viết *múa ballet*, *savon bột*, *miếng pátê*, *tên gangster*, *auto chạy rầm rầm phía sau blockhaus*...

Tóm lại, nên viết nguyên dạng các thuật ngữ khoa học và các tên riêng nước ngoài.

## 6.6. Viết tắt

6.6.1. Khi mới tạo ra chữ viết, con người chưa nghĩ tới chuyện viết tắt. Khi xã hội phát triển, khoa học kỹ thuật phát triển người ta thấy cần phải *viết nhanh hơn, gọn hơn* nhưng lại chuyển tải được nhiều thông tin hơn. Thế là sinh ra hiện tượng rút gọn văn bản và viết tắt. Người ta cứ viết tắt dù không được chính thức thừa nhận. Mãi đến 23.01.1985 báo *Nhân Dân* mới ra quyết định thực hiện viết tắt. Liền đó chúng tôi có bài hoan nghênh: *Về một quyết định hợp quy luật: Thực hiện viết tắt.* (*Nhân Dân*, 21.02.1985)

Chú ý là *viết tắt* khác *nói tắt*.

Với  $\sqrt{a}$ ,  $a^2$  lẽ ra cần đọc là ‘căn bậc hai của a’, ‘a bình phương’ chúng ta lại đọc là ‘căn a’, ‘a bình’. Thế là *nói tắt*.

Sự rút gọn từ ngữ vừa dẫn tới cách viết tắt vừa dẫn tới cách nói tắt. Khi rút gọn ‘Việt Nam Độc lập Đồng minh Hội’ thành Việt Minh là chúng ta đã thực hiện việc viết tắt đồng thời tên gọi gồm bảy tiếng cũng được đọc tắt thành hai tiếng Việt Minh.

Viết tắt không đồng nhất với nói tắt, đọc tắt. Khi Việt Minh viết là VM thì đó chỉ là viết tắt còn đọc thành *về em* thì vẫn là hai tiếng. Xương ngôn viên trên đài truyền hình và truyền thanh nên chú ý điều này. Có thể viết ‘Tỉnh có trên 7.000 phương tiện đánh bắt cá với tổng công suất hơn 300.000 CV’, nhưng không nên đọc là ‘... ba trăm ngàn xê về’, ‘... ba trăm ngàn xi vi’, mà cần đọc thành ‘... ba trăm ngàn *mã lực*’.

Ở đây chúng ta chỉ đề cập tới hiện tượng viết tắt.

### 6.6.2. Một số thuật ngữ và khái niệm

*Ký hiệu & (và)...*

Ngoài những ký hiệu thông dụng, như \$ (đô la), % (phần trăm) mỗi ngành khoa học lại có những hệ thống ký hiệu riêng. Các danh pháp hóa học, các ký hiệu toán học, vật lý học, các ký hiệu trong ngành xuất bản, thương mại, giao thông...

*Dạng tắt của từ ngữ (abbreviation)*

Loại này bao gồm tất cả các cách viết rút gọn từ ngữ nói chung.

Có thể đó là sự rút gọn một bộ phận của từ ngữ để thành một từ mới:

- Một số quá trình rút gọn để thành từ mới như sau:

Tiếng Pháp: *bus* ← *autobus* ← *automobile omnibus*

Tiếng Anh: *motel* ← *motor hotel*; *zoo* ← *zoological gardens*

- Một số dạng tắt của từ: *kg* ← *kính gửi* / *kilôgam*, *l* ← *lít*, *km* ← *kilômét*, *ô.* ← *ông...* Mỗi người, theo nhu cầu và thói quen lại có những quy ước riêng về một số dạng tắt của từ, như: *nhg* ← *nhưng*, *trg.* ← *trang*, *khg* ← *không...*

- *Dạng tắt theo chữ đầu* (Initial, sigle): chỉ ghi chữ đầu trong một số tiếng của từ ngữ: *HTX* ← *hợp tác xã*; *UBND* ← *ủy ban nhân dân*, *QĐND* ← *quân đội nhân dân*, *ASEAN* ← *Association of South East Asian Nations* (*Hiệp hội các nước Đông Nam Á*), *VIP* ← *very important person* (yếu nhân)...

**Từ tắt (acronym):** Cách viết rút gọn từ ngữ sao cho có thể đọc được như những từ ngữ thông thường.

*Tivi* ← *TV* ← *television, télévision*

*Rađa* ← *radar* ← *RADio Detection And Ranging*

Trong số các từ tắt cần tách ra một nhóm riêng: *tên giao dịch, thương hiệu*. *YTECO, COLUSA, COTEVINA...* là những tên giao dịch của *Công ty Y tế Tp. Hồ Chí Minh, Công ty lương thực Tp. Hồ Chí Minh, Công ty tem Việt Nam...*

### 6.6.3. Đọc từ viết tắt và viết từ đọc tắt

- *Đọc từ viết tắt*

+ Gặp những ký hiệu khoa học thì đọc đúng như tên đầy đủ của nó. Gặp *15 km* thì phải đọc ‘mười lăm kí-lô-mét’

+ Gặp những chữ tắt khác, nếu không gây hiểu lầm thì *đọc như văn quốc ngữ*. Người Việt quen đọc bảng chữ cái là *a bê xê...* Vậy không nên ‘Anh hóa’ khi đọc các từ tắt. ASEAN nên đọc là *A xê an* chứ không nên đọc là *A xin*. Chương trình phát thanh dành cho người Việt Nam xa Tổ quốc VOV nên đọc là *vê ô vê*, không nên đọc thành *Vi ô vi*. Chương trình tiếng Việt của người Anh, cũng đọc những từ tắt theo kiểu Việt: Đài BBC ở ngay trên đất Anh cũng tự giới thiệu ‘Đây là Đài *Bê bê xê...*’ mà không đọc là ‘... Đây là Đài *Bi bi xi...*’. NATO đọc là ‘*na tô*’, VIP đọc là ‘*víp*’, YTECO đọc là ‘*y tê cô*’,...

+ Gặp những từ tắt không đọc được theo văn quốc ngữ thì phát âm từng chữ cái: GDP đọc là *giê đê pê*, không đọc là *gi đi pi*.

Do nhu cầu của báo hình là đọc sao cho người nghe hiểu nên chấp nhận lối *đọc dư*: Ít khi đọc ‘Tổ chức OPEC’ mà đọc ‘Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ OPEC’, nên đọc ‘đảng LDP’ mặc dù chữ P đứng cuối có nghĩa là ‘đảng’ rồi (P = party).

+ Gặp những từ tắt tiếng Việt, sẽ đọc như dạng đầy đủ. Với từ tắt HTX, đọc ‘hợp tác xã’ vì đọc ‘hát tê ích’ thì cũng dài như vậy. Như vậy: *Viết tắt trên báo viết khác với đọc tắt trên báo nói*.

*Không viết tắt từ đọc tắt. Đọc tắt nhưng không phiên âm ra để viết*: ‘... Ban lãnh đạo còn bỏ ra 20 triệu đồng vào Nam thuê tư vấn ‘chỉ’ thêm một lần nữa cuối cùng cũng còn được triệu ba. Giá rẻ nửa triệu U-ét.’ (b., số 33, 1999) Từ tắt U.S (lẽ ra USD) được phiên âm rồi viết lại thành U-ét. Thế cũng là sai.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

## CHƯƠNG 7

## DẤU CÂU

## 7.1. Mở đầu



Dấu câu là một công cụ ngữ pháp để diễn đạt rõ ràng một văn bản viết. Dùng không đúng dấu câu sẽ dẫn tới những câu sai, những câu mơ hồ. Vì vậy, *dấu câu có tầm quan trọng đặc biệt trong bài viết.*

Nhiều nhà văn, nhà báo và cả những chính khách rất chú ý tới dấu câu khi viết.

Có người hỏi văn hào Anh Oscar Wilde (1856 - 1900) sao trông ông lại đăm chiêu vậy? O. Wilde đáp: ‘Sáng nay tôi đã bỏ quên một dấu phẩy trong một bài thơ. Chiều nay tôi phải lấy lại’.

*Câu chuyện về thiếu dấu chấm cuối câu*

- Một bé gái mở máy vi tính, học *chính tả* tiếng Anh trên đĩa CD. Máy đọc một câu, em viết lại câu đó bằng cách đánh máy cho các chữ hiện lên màn hình.

Bé gái viết đúng. Máy trả lời: ‘*Wrong, I’m afraid*’ (Tôi e là sai đấy!)

Bé gái: Bố ơi, tại sao con làm bài đúng mà máy cứ bảo là sai?

Bố tới nhìn, biết rõ vì sao máy trả lời như vậy, nên bảo con gái: Con hãy viết sai đi!

Máy trả lời: ‘*Wrong!*’ (Sai rồi!)

Thế là không thể tiến lên học những phần tiếp theo.

Bố: Con thấy không, ‘*Wrong!*’ và ‘*Wrong, I’m afraid*’ khác nhau nhiều đấy. Con để bố làm lại xem. Người bố *đánh đúng như con gái* và *thêm dấu chấm* vào cuối câu.

Máy trả lời: *Correct!* (Đúng!)

Bé gái: Con cũng làm như bố, tại sao máy lại bảo là sai?

Bố: Khác chứ. Con viết *thiếu dấu chấm ở cuối câu*.

Thế là, với máy tính, không chỉ là ‘sai một li đi một dặm’ mà còn có thể là ‘sai một ly *máy đúng* ì ra đấy’.

#### 7.1.1. Hai loại dấu câu: dấu đặt cuối câu và dấu đặt giữa câu

Viết xong một câu, cần đặt một dấu *cuối câu* ở chỗ kết thúc câu đó. Phân cách giữa các câu là chức năng chung của những dấu đặt cuối câu. Có những dấu cuối câu sau đây: *chấm* (.), *chấm hỏi* (?), *chấm cảm* (!), *chấm lửng* (...).

Mới viết xong một phần câu nhưng muốn ghi dấu ngăn cách phần vừa viết với phần còn lại, chúng ta đặt một dấu *giữa câu* vào cuối phần đó. Có những dấu giữa câu sau đây: *dấu phẩy* (,), *chấm phẩy* (;), *hai chấm* (:), *gạch ngang* (-), *ngoặc đơn* ( ), *ngoặc kép* (“ ”), *chấm lửng* (...).

### 7.1.2. Cách dùng bắt buộc và cách dùng cho phép của mỗi dấu

*Cách dùng bắt buộc* của một dấu ở một vị trí: Thiếu nó, câu thành sai.

*Cách dùng cho phép* của một dấu ở một vị trí:

- a) Có thể *đặt dấu* mà cũng có thể *không đặt dấu*.
- b) Có thể dùng *dấu đó* mà cũng có thể dùng *dấu khác*.

Mục đích tu từ và phong cách cá nhân ảnh hưởng tới những cách dùng *không bắt buộc*. Nhờ chúng mà một câu có thể hay hẳn lên đồng thời mang dấu ấn cá nhân.

Cùng một người, ở cùng một kiểu câu, trong cùng một tác phẩm, có lúc dùng dấu này, có lúc thay bằng dấu khác, lại có lúc không dùng dấu nào.

- (1) Uống xong, Mầm trở vào gặt... (Nguyễn Đình Thi)
- (2) Ăn xong nàng đi ra ngoài cửa hàng. (Nguyễn Đình Thi)
- (3) Bộ đội đói. Mỗi. Buồn ngủ. (Nguyễn Đình Thi)
- (4) Bọn chúng đói, mỗi, buồn ngủ.
- (5) Pháp chạy. Nhật hàng. Vua Bảo Đại thoái vị.
- (6) Pháp chạy, Nhật hàng, Vua Bảo Đại thoái vị.
- (7) Chửi. Kêu. Đấm. Đá. Thụi. Bịch. Cẳng chân. Cẳng tay. (Nguyễn Công Hoan)

Hai câu 1 và 2 giống hệt nhau. Ăn uống xong rồi làm việc. Cùng là Nguyễn Đình Thi, ở câu 1 ông đặt dấu phẩy sau trạng ngữ ‘uống xong’ còn ở câu 2 sau ‘ăn xong’ lại không có dấu nào.

Hai câu 3 và 4 giống hệt nhau. Ở câu 3 dùng dấu chấm giống như câu 7, vì người ta coi những động từ là những câu đặc biệt. Ở câu 4 lại dùng dấu phẩy vì người ta coi *đôi, mỗi, buồn ngủ* là những thành phần *đồng chức năng* - đồng vị ngữ.

Là một, nhưng câu (5) dùng dấu chấm vì quan niệm rằng đó là chuỗi ba câu nội dung có quan hệ nhân quả, còn câu (6) dùng dấu phẩy vì quan niệm rằng đó là 3 thành phần *đẳng lập* trong một câu ghép lỏng.

- Tổng thống Mỹ Franklin Roosevelt (1882 - 1945) khi viết diễn văn rất chú ý tới việc nhập đề. Về văn phạm, ông ít chú ý tới tính chính xác mà nặng về liệu nó làm cho bài diễn văn đọc lưu loát hơn hay rối rắm hơn; ông để tâm nhiều đến dấu chấm câu. Grace Tully, Bí thư của ông, cố gắng thêm thật nhiều dấu phẩy và tổng thống lại thích thú bỏ bớt. Một hôm ông bảo:

- Này Grace, tôi đã nói với cô bao nhiêu lần là đừng có phung phí những dấu phẩy của người nộp thuế.

Ngược lại ông thích những gạch ngang, đối với ông là những cái móc cho con mắt, nhưng ông lại không thích dấu chấm phẩy và dấu ngoặc đơn. (Hoàng Nguyên Cát, *GD&TĐ*, 18.05.1992)

## 7.2. Những dấu cuối câu

### 7.2.1. Quy tắc khái quát

1. Về *cấu trúc*, kết thúc câu tường thuật (còn gọi câu miêu tả) dùng dấu chấm; kết thúc câu hỏi dùng dấu chấm hỏi, kết thúc câu mệnh lệnh, yêu cầu, cảm thán dùng dấu chấm cảm.

2. Một câu có thể viết theo cấu trúc (hình thức) của câu loại này nhưng lại dùng với mục đích của một câu loại khác thì *có thể dùng dấu câu theo mục đích* của nó.

Ví dụ:

(8) Anh đóng cửa giùm tôi nhé

Câu 8 có hình thức hỏi. *Vậy có thể đặt dấu hỏi* vào cuối câu này [Anh đóng cửa giùm tôi nhé?]. Nhưng nếu câu 8 dùng với mục đích *để nghị* thì *có thể đặt dấu chấm cảm* vào cuối câu này [Anh đóng cửa giùm tôi nhé!].

(9) Bác đến

Nếu dùng câu 9 để *miêu tả* việc Bác Hồ đến một nơi nào đó, thì chúng ta đặt dấu chấm vào cuối câu [Bác đến.] Nhưng nếu hiểu câu 9 như một lời reo hò, mừng vui thì nó lại là một *câu cảm thán*. Trường hợp này, chúng ta đặt dấu chấm cảm vào cuối câu [Bác đến!].

### 7.2.2. Dấu chấm

*Bắt buộc* dùng dấu chấm đặt cuối câu miêu tả, tường thuật và những câu đặc biệt loại này, như câu 7.

*Những dấu cuối câu có thể*

- *Chấm* hoặc *chấm cảm*

(10) Thầy hãy ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột

Câu 10 là câu cầu khiến, nên có thể đặt dấu chấm cảm vào cuối. Nhưng từ *hãy* là một tín hiệu hô hào, cầu khiến giảm nhẹ làm câu 10 không còn là một mệnh lệnh nữa, người bệnh không ngồi dậy cũng không sao. Vì vậy, *nên* đặt dấu chấm ở cuối câu.

(10a) Thầy hãy ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột.

- *Chấm* và *chấm hỏi*

(11) Ớt nào là ớt chẳng cay

(12) Có lẽ chị ấy bệnh

(13) Hay chính chị Quế cũng muốn thế

Câu 11 *có hình thức* hỏi nên có thể đặt dấu hỏi ở cuối câu. Nhưng *mục đích* câu này lại là một lời chất vấn để bác bỏ ‘chẳng cay’, tức là khẳng định ‘mọi loại ớt đều cay’. Vậy cũng có thể đặt dấu chấm vào cuối câu.

(11a) Ớt nào là ớt chẳng cay?

(11b) Ớt nào là ớt chẳng cay.

Câu 12 là một lời đoán định, *có hình thức* của một câu miêu tả. Vậy *nên* đặt dấu chấm ở cuối câu. Nếu cho rằng người nói còn lưỡng lự, còn *ngghi ngờ* vào chính lời đoán định của mình thì có thể hiểu câu đó có *mục đích hỏi*. Lúc đó *có thể* dùng dấu *chấm hỏi* đặt cuối câu.

(12a) Có lẽ chị ấy bệnh.

(12b) Có lẽ chị ấy bệnh?

Câu 13 *có hình thức* hỏi nên *có thể* đặt dấu hỏi ở cuối câu. Nhưng ngữ cảnh của câu này cho biết đây là lời đoán định. Do vậy, tác giả đã đặt dấu chấm vào cuối câu.

(13a) Hay chính chị Quế cũng muốn thế?

(13b) Những tấm hình đã đánh lừa con, đánh lừa gia đình. *Hay chính chị Quế cũng muốn thế.* Chị không muốn ai biết đến những nỗi đau đớn, tủ cực của chị trên xứ người.

Trong một câu ghép dài, nếu vế đầu đã là một câu trọn vẹn thì chúng ta thường dùng dấu phẩy phân cách hai phần. Nhưng cũng *có thể* dùng dấu chấm đặt cuối vế đầu. Câu ghép được tách thành hai câu. Vế thứ hai được nhấn mạnh.

(14) Chính thật thì cụ đã đang bức mình. Bởi cụ thấy đầu hơi đau. (Nam Cao)

### 7.2.3. Dấu chấm hỏi

*Bắt buộc* dùng dấu chấm hỏi nếu là câu hỏi thực sự.

(15) Anh đi đâu vậy?

(16) Ba mươi tám hay ba mươi chín? Bốn mươi hay là ngoài bốn mươi? Cái mặt hần không trẻ cũng không già; nó không còn phải là mặt người: nó là mặt một con vật lạ, nhìn mặt những con vật có bao giờ biết tuổi? (Nam Cao)

Những trường hợp *có thể* dùng dấu khác:

- *Chấm hỏi* và *chấm*

Xem câu 11, 12, 13

- *Chấm hỏi* và *chấm cảm* (x. §7.2.4)

#### 7.2.4. Dấu chấm cảm (chấm than)

Bắt buộc dùng dấu chấm cảm nếu câu cảm thán, mệnh lệnh, cầu khiến hoặc hô hào thực sự.

(17) Vui ơi là vui!

(18) Anh ra khỏi đây ngay!

(19) Xin bố tha cho con!

(20) *Hãy yêu! Hãy yêu! Hãy yêu và bảo vệ*

Mây nước, cửa nhà, văn học, ngữ ngôn... (Chế Lan Viên)

Những trường hợp *có thể* dùng dấu khác:

*Chấm cảm* và *chấm hỏi*, (câu đầu ví dụ 20), thay cho dấu chấm, (câu sau ví dụ 20, 17):

- *Chấm cảm* và *chấm*

(21) Mây nhón *nhẹ* bay, hôm nay trời *đẹp* lắm! (Tố Hữu)

#### 7.2.5. Dấu chấm lửng (dấu ba chấm)

Dấu chấm lửng được dùng để biểu thị một điều vì lý do nào đó nên *chưa viết hết*. Nó *có thể* đặt giữa câu, cũng có thể đặt cuối câu.

(22) Và ngay lúc Ngọc mở lời: ‘Chúng con muốn nói với Ba...’ thì cô Thương hiện ra ở cửa. (Phan Thị Vàng Anh)

*Có thể* dùng dấu chấm lửng để biểu thị *lời nói ngập ngừng, bị ngắt quãng (không cố ý hoặc cố ý) hoặc những âm thanh kéo dài*:

(23) Ông nói: ‘Bà đã có một đàn con... đó thôi?’

- Ông ngập ngừng làm gì, cứ nói thiệt ra là *đàn con lai* cũng có sao đâu?’ (Văn Nghệ, 25.12.1995)

Dấu chấm lửng là tín hiệu của *quãng ngừng* khi nói. Nó tạo ra ở người nghe tâm lý chờ đợi những thông tin tiếp theo sau dấu này. Vì thế, để *nhấn mạnh* một chi tiết, một điều không bình thường hoặc bất ngờ ngoài dự đoán người ta có thể đặt chúng sau dấu chấm lửng.

(24) Ông cung cấp 500 đô la mỗi người, cho... 30.000 nhà khoa học mũi nhọn của nước Nga [...]. (KTNN, 10.03.1996)

(25) Anh lên đường đi xuất khẩu lao động. Chia tay với chồng, nàng buồn đến nấu người, buồn đến tận... bữa cơm tối.

*Lưu ý:* Việc đặt dấu hỏi và dấu chấm than trong ngoặc đơn cũng là một cách thể hiện lời bình luận, thể hiện quan điểm của người viết. Ví dụ:

(26) Tự nguyện đóng góp theo... định mức (!?) (một đề báo)

Với dấu (!), người viết bình luận về một điều mâu thuẫn trong lời nói của một ai đó: ‘Tự nguyện theo... định mức’. Với dấu (?), người viết bày tỏ sự nghi ngờ của chính mình vào nội dung lời phát biểu đó: có thật là ‘tự nguyện’ không?

(25b) Anh lên đường đi xuất khẩu lao động. Chia tay với chồng, nàng buồn đến nấu người, buồn đến tận... bữa cơm tối. (!)

Với dấu (!) người viết bình luận: ‘chỉ buồn đến tận... bữa cơm tối. Vậy mà lại nói là buồn đến nấu người’.

(27) Ông ta bảo không hề biết gì về chuyện này(?)

Dấu hỏi đặt trong ngoặc đơn (?) bày tỏ sự nghi ngờ: có thật là ‘không hề biết gì về chuyện này’ hay không?

## 7.3. Những dấu giữa câu

### 7.3.1. Dấu phẩy

#### 7.3.1.1. Tầm quan trọng của dấu phẩy: **Dấu phẩy giá bao nhiêu?**<sup>1</sup>

*Dấu phẩy nhằm tách biệt các phần câu. Nó cho phép diễn đạt chính xác điều muốn nói. Đặt sai dấu phẩy, biết bao chuyện dở cười dở khóc xảy ra.*

*Cách đặt dấu phẩy khác nhau dẫn tới ý nghĩa khác nhau.*

Hãy tạm gác những dấu phẩy đặt sai làm câu thành ngô nghê, như một sinh viên Lào, năm 1977, đã đặt dấu phẩy cho câu Kiều ‘(Dở dang nào có hay gì,) Đã tu tu trót quá thì thì thôi!’ như sau: ‘*Đã tu tu, trót quá thì thì thôi!*’

Một giáo viên tiếng Anh đề nghị mỗi sinh viên đặt những dấu thích hợp vào câu sau: ‘Woman without her man is nothing’.

Bọn con trai ngắt câu: ‘Woman, without her man, is nothing’ (đàn bà, nếu thiếu nửa kia của mình, thì chẳng là gì cả).

Bọn con gái lại ngắt câu như sau: ‘Woman: without her, man is nothing’ (phụ nữ: thiếu cô ta, đàn ông chẳng là gì cả).

*Vì sao phải đánh vần dấu câu trong bức điện tín?*

Một phụ nữ Mỹ đi du lịch ở châu Âu gửi điện về cho chồng: ‘Có một chiếc xuyên đẹp mê hồn, giá 75 đô. Em mua được không?’ Anh chồng lập tức trả lời ‘No, price too high’

1 Bài đã đăng trong SGTT, thứ hai 23.08.2010

(không, giá quá cao). Nhưng nhân viên điện tín mắc một sai lầm nhỏ đã bỏ qua dấu phẩy và thành: ‘No price too high’ (không giá nào là quá cao). Được lời như cởi tấm lòng, chị chàng mua ngay chiếc xuyên. Khi về Mỹ, cô vợ khoe chiếc xuyên làm người chồng choáng váng. Người chồng đem vụ ‘bỏ sót dấu phẩy’ này ra kiện và đã thắng. Từ đây, các hãng điện tín đòi hỏi nhân viên phải *đánh vần* các dấu câu trong bức điện chứ không dùng ký hiệu. Nghĩa là phải viết ‘No *comma* price too high’ (Không *phẩy* giá cao quá). Thật ra chỉ viết ‘price too high’ (giá cao quá) là đủ.

### *Mất người yêu chỉ tại thiếu dấu phẩy*

Giai thoại: ‘Họ yêu nhau nhưng chàng trai rất nghèo. Anh đi xuất khẩu lao động để kiếm tiền cưới vợ. Những biến động xã hội nơi xứ người khiến thư từ đi lại thất thường. Sau mấy tháng bặt tin anh, cô gái viết thư sang yêu cầu anh cho biết thái độ dứt khoát, cô không yên tâm và không đủ kiên nhẫn chờ anh... Được thư, anh hốt hoảng viết vội ba chữ trả lời: ‘*Đừng chờ anh!*’. Thế là cô gái đi lấy chồng. Khi về nước anh trách cô gái bội ước. Cô gái đưa thư cũ của anh ra. Anh té ngửa: trong lúc đầu óc mụ mẫm mình đã viết thiếu một dấu phẩy. Thực ra anh định viết ‘*Đừng, chờ anh!*’.

### *Nhầm thành dấu phẩy, Nhà nước mất bao nhiêu?*

Năm 1870, trong danh sách các mặt hàng được miễn thuế vào Mỹ lẽ ra là câu ‘Tropical fruit-plants for the purpose of propagation’ (Các cây nhiệt đới *ăn trái* nhằm mục đích nhân giống) nhưng người ta đánh nhầm *dấu nối* thành *dấu phẩy* ‘Tropical fruit, plants for the purpose of propagation’

(trái cây nhiệt đới, cây nhằm mục đích nhân giống). Thế là toàn bộ các loại trái cây nhiệt đới được nhập miễn thuế vào Mỹ cho tới khi người ta phát hiện ra sai sót chết người này. Tính ra đã mất khoảng 500.000 USD thời ấy tiền thuế không đòi lại được.

*Hiếu sai dấu phẩy, quan chủ khảo bị vài chục... gậy*

Trong *Lều chõng*, Ngô Tất Tố kể chuyện rằng, danh sĩ đời Lê, cụ Nguyễn Công Hoàn là bậc văn hay, học vấn uyên thâm, chỉ vì cái tật đặt câu cầu kỳ, thành ra thi mãi không đỗ. Bởi vì, ‘trong lúc quan trường chấm văn, *người ta chấm như ăn cướp*’, còn thì giờ đâu mà ngẫm nghĩ về ý tứ sâu xa của câu văn. Trong khi đó Nguyễn Công Lân là con, sức học kém cụ rất xa, nhưng mà văn chương hoạt bát nên đã đỗ tiến sĩ.

‘Khoa ấy [...] ông Lân đã làm chủ khảo, cụ Nguyễn vẫn còn cấp quyền đi thi, và cũng lại hồng như trước...’

(Xong việc trường thi, ông Lân về nhà thăm cha). Cụ Nguyễn hỏi:

- Khoa này có được quyền nào khá không?
- Có một quyền khá, chỉ vì phải câu tứ lục thất niêm, không thể lấy đỗ.
- Câu tứ lục ấy thế nào? Có nhớ không?

Ông con thưa rằng, nhớ và đọc:

*Lưu hành chi hóa tự Tây Đông, Nam Bắc vô tư bất phục.*

*Tạo tự chi công tự Cảo Mân, Kỳ Phong dĩ mặc bất hưng.*

Ông ngậm ngùi tiếc: nếu như hai câu dưới, họ đảo hai chữ Cảo Mân ra làm Mân Cảo thì hay biết chừng nào... Không

đội con nói hết lời, cụ Nguyễn vác gậy phang luôn chừng vài chục gậy:... *dốt nát như thế mà đi chấm trường, chôn sống biết bao nhiêu người.* [...]

- Thì ra hai câu tứ lục ấy chính của cụ Nguyễn, ý cụ đặt như thế này:

*Lưu hành chi hóa tự Tây, Đông Nam Bắc vô tư bất phục*

*Tạo tự chi công tự Cảo, Mân Kỳ Phong dĩ mặc bất hưng*  
[...] Bởi vì nhà Chu khởi ở phương Tây, đóng kẻ chợ ở đất Cảo, người ta chỉ có thể nói ‘Cái thói trôi đi nổi tự phương Tây, các phương Đông Nam Bắc đâu đâu cũng phục cái công đắp dựng gậy từ xứ Cảo, các xứ Mân Kỳ Phong đều cùng dấy theo. Chứ ai lại nói ‘Cái thói trôi đi nổi tự phương Tây, phương Đông, cái công đắp dựng gậy từ xứ Cảo, xứ Mân’... (Ngô Tất Tố, 367)

*Được người yêu nhờ quy tắc đánh vần dấu câu*

Ông bố nọ muốn lấy tên nhà thơ La Mã vĩ đại Virgile đặt cho con trai mình. Khốn nỗi, ông lúng túng viết nhầm thành VIRGULE, tiếng Pháp có nghĩa là *dấu phẩy*. Anh chàng lớn lên cũng khảng khiu như dấu phẩy, không thành nhà thơ mà vào làm bưu điện. Anh thầm yêu trộm nhớ cô hàng xóm Sophie. Cô gái này lại yêu chàng trai không yêu cô. Bao nhiêu thư gửi đi mà không nhận được hồi đáp. Rồi một hôm cô quyết định ra bưu điện gửi bức điện (chứ không viết thư nữa) cho chàng trai nọ.

- Tôi muốn gửi một bức điện. Cô buồn rầu nói mắt không nhìn Virgule - nhân viên bưu điện.

- Cô vui lòng đọc nội dung... Virgule cầm bút cảm động lấp lấp nói.

- 'Je t'aime, virgule, Je t'adore, virgule, Je voudrais tant que tu me dises que tu m'aimes aussi, point.' (Em yêu anh, phẩy, em thương anh, phẩy, em muốn anh cũng nói với em rằng anh cũng yêu em, chấm). Anh chàng Virgule không cho virgule là dấu phẩy mà hiểu đó là tên mình: Em yêu anh, *Virgule*, em thương anh, *Virgule*... Anh chàng bưu điện yêu cầu cô gái nhắc lại. Sophie làm theo *Em yêu anh, Virgule, em thương anh, Virgule*... Mắt anh ta sáng lên. Sophie nhận ra anh chàng này đáng yêu làm sao. Virgule thì thầm nói 'Anh cũng yêu em, Sophie!' Và họ đến với nhau.

*Đặt nhầm dấu phẩy, thoát một mạng người*

Giai thoại về Alexandre Đệ Tam (Nga): khi ông từ chối ân xá cho một phạm nhân 'Pardon impossible, to be sent to Siberia'. Vợ ông là Dagmar (cháu gái vua Đan Mạch Christian IX) là một người vô tâm, nên đã đánh nhầm dấu phẩy thành 'Pardon, impossible to be sent to Siberia'. Thế là người tù này thoát tội. Đây là kiểu mơ hồ có trong mọi ngôn ngữ do dấu phẩy ngắt phần '*không được*' vào hai vế khác nhau của câu. Ví dụ:

Tiếng Việt: a) Khi uống bia, không được cho đường.

b) Khi uống bia không được, cho đường.

c) Khi uống bia không, được cho đường.

Tiếng Nga: a) Казнить, нельзя помиловать [Kaznit', nelzja pomilovat'] (xử tử, không ân xá).

b) Казнить нельзя, помиловать [Kaznit'nelzja, pomilovat']  
(không được xử tử, ân xá).

*Có những tình huống dấu phẩy vắng cũng được, có cũng chẳng sao. Nhưng có những tình huống nếu vắng dấu phẩy sẽ gây ra những tổn thất khôn lường.*

7.3.1.2. Dấu phẩy dùng để phân ranh giới giữa thành phần nòng cốt (tức là thành phần chủ - vị) với những thành phần khác.

### **Bắt buộc dùng dấu phẩy**

- Khi thành phần trạng ngữ đứng xen giữa chủ ngữ và vị ngữ.

(1) Chúng tôi, ngày mai, đi Vũng Tàu.

- Để phân cách thành phần nhấn mạnh với thành phần còn lại:

(2) Tôi, tôi là Ba đây.

(3) Làm việc, nó đã làm từ lâu rồi.

- Để phân cách thành phần hô gọi với thành phần còn lại:

(4) Anh Năm ơi, em nhờ anh một chút.

- Để phân cách thành phần dùng để giải thích với thành phần được giải thích:

(5) Hồ Chủ Tịch, lãnh tụ kính yêu của chúng ta, đã nói:  
[...]

(6) Cảm ơn Người, Hồ Chí Minh vĩ đại. (thơ Tố Hữu)

7.3.1.3. **Bắt buộc** dùng để phân ranh giới giữa những thành phần đồng chức năng.

Ví dụ:

- *Đồng chủ ngữ*:

(7) Con áo, vợ, con, gia đình... bó buộc y. (Nam Cao)

- *Đồng vị ngữ*:

(8) Hùng dậy tập thể dục, đánh răng, rửa mặt, ăn sáng rồi tới trường.

- *Đồng bổ ngữ*:

(9) Xí nghiệp này cần tuyển một kỹ sư, hai nhân viên vi tính và 15 công nhân xây dựng.

- *Những vế câu đồng chức năng*:

(10) Đường xa, gáng nặng, bước chân đi thoăn thoắt. Dốc núi, đèo cao, đòn gánh kiu kit. (Thép Mới)

(11) Anh dành riêng cho Đảng phần nhiều,

Phần cho thơ, và phần để em yêu. (thơ Tố Hữu)

(12) Những bạn sau đây sẽ vào đội tuyển của trường: Tuấn, Hùng, Bình và Hải.

Những thành phần liệt kê trong câu 12 cũng là đồng chức năng.

7.3.1.4. **Có thể** dùng dấu phẩy để:

*Phân cách trạng ngữ với thành phần chính*. Như câu 1 và 2.

*Phân cách những thành phần đồng chức năng*. Như câu 4 và 6 (mục §7.1.)

*Phân cách chủ ngữ và vị ngữ:*

(13) Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên. (Hồ Chí Minh)

(14) Cối xay tre, nặng nề quay, từ nghìn đời nay, xay nắm thóc. (Thép Mới)

(15) Cái nhanh nhẩu của đôi mắt sắc ngọt, cái xinh xắn của cặp môi đỏ tươi, cái mịn màng của nước da đen giòn và cái nuột nà của người đàn bà hai mươi bốn tuổi, vẫn không đánh đổ những cái lo phiền buồn bã trong trái tim. (Ngô Tất Tố)

Trong câu 15, hai dấu phẩy đầu làm nhiệm vụ phân cách các thành phần đồng chức năng, dấu phẩy cuối dùng để phân cách chủ ngữ và vị ngữ.

- *Phân cách các vế của một câu ghép:*

(16) Sự nghiệp cách mạng là một sự nghiệp lâu dài và gian khổ, song nhất định thắng lợi. (Hồ Chí Minh)

- *Nhằm diễn đạt rõ ràng khi gặp những câu dài:*

(17) Một ngày yêu là một ngày vui.

Câu 17 giống câu 13, chúng đều có dạng ‘A là B’. Câu 17 ngắn nên không cần đặt dấu phẩy trước từ *là* như ở câu 13 khá dài.

Với câu ngắn ‘Tôi vẫn sống ở đây’ có cấu trúc ‘A *vẫn* B’, không ai đặt dấu phẩy trước từ *vẫn*, nhưng câu (15) khá dài nên có dấu phẩy trước từ ‘*vẫn*’.

- *Nhằm phân cách những yếu tố có thể gây mơ hồ:*

(18) Tòa án kết luận tiền vệ Steven Gerrard (Liverpool) vô tội dù đâm bị thương người chỉnh nhạc Marcus McGee trong một hộp đêm hồi tháng 12-2008 do đó là hành động tự vệ. (b., 26.07.2009)

Chỉ cần một dấu phẩy là có thể sửa được câu trên:

(18b) Tòa án kết luận tiền vệ Steven Gerrard (Liverpool) vô tội dù đâm bị thương người chỉnh nhạc Marcus McGee... do, đó là hành động tự vệ.

Nên chú ý rằng dấu phẩy khác từ và. Thông thường, chúng thay thế cho nhau được nhưng ở những câu phủ định thì bạn cần thận trọng. Ví dụ:

(19)[...] không ai tái cơ cấu mà không sa thải nhân viên, cắt giảm lương cả, ~~đẹp bết chi nhánh~~, trừ phi tái cơ cấu bằng mồm! (b., 17.06.2012).

Lẽ ra:

a) Không ai tái cơ cấu mà không sa thải nhân viên, không cắt giảm lương, không đẹp bết chi nhánh cả. Hoặc:

b) Không ai tái cơ cấu mà không sa thải nhân viên, không cắt giảm lương và đẹp bết chi nhánh cả...

### 7.3.2. Dấu hai chấm

*Phần đứng sau dấu hai chấm dùng để thuyết minh cho phần đứng trước nó.*

*Viết hoa và không viết hoa*

Sau dấu hai chấm sẽ viết hoa khi *phần thuyết minh, chú giải là một câu* (câu 20), khi *qua hàng* (câu 21).

(20) Tôi không tin: Anh không nói đùa đấy chứ?

(21) Lần này đến lượt tôi rồi rít:

- Chuyện thế nào, anh kể đi...

Sau dấu hai chấm sẽ *không viết hoa* nếu là một *liệt kê* (câu 22) hoặc một cụm từ để thuyết minh, chú giải (câu 23).

(22) Dây đàn bầu có thể gợi dậy trong lòng ta: yêu, ghét, buồn, vui, giận, hờn và hy vọng. (Lưu Quý Kỳ)

(23) Hùng bước vào phòng đầu tiên của nhà máy: phòng cửa máy.

### 7.3.3. Dấu chấm phẩy

*Không có quy tắc bắt buộc dùng dấu chấm phẩy.*

*Có thể dùng dấu chấm phẩy khi viết một câu dài mà mỗi vế là một câu trọn vẹn.* (Trong những trường hợp này, có thể dùng dấu chấm để tách câu đã cho thành nhiều câu).

(24) Hồi ấy Bá Kiến mới ra làm lý trưởng, nó hình như kình nhau với hấn ra mặt; Lý Kiến muốn trị nhưng chưa có dịp. (Nam Cao)

### 7.3.4. Dấu ngoặc đơn

*Dùng để phân cách phần bình luận, chú giải, chú thích với các thành phần khác.*

(24) Nhà đã đông: hai cán bộ giảng dạy trường đại học bách khoa (đồng nghiệp), một kỹ sư vô tuyến điện (bạn thanh khí từ thuở học phổ thông)... và một sinh viên năm thứ tư (học trò yêu) cùng người bạn gái (không rõ nghề gì) thơm phức và cực kỳ xinh đẹp.

(25) Cô gái nhà bên (có ai ngờ)/ Cũng vào du kích/ Khi gặp tôi vẫn cười khúc khích/ Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi!) (Giang Nam)

Dùng ngoặc đơn để diễn đạt rõ ràng. Theo Nguyễn Hiến Lê câu dưới đây mơ hồ:

(26) Theo pháp luật ngày nay thì Nguyễn Khánh phải chịu tội nhưng được hưởng trường hợp giảm khinh, vì ông ta không có quyền trả thù cho cha như vậy.

Chúng ta dùng ngoặc đơn để viết lại rõ ràng nội dung mà tác giả muốn diễn đạt:

(26b) Theo pháp luật ngày nay thì Nguyễn Khánh phải chịu tội (nhưng được hưởng trường hợp giảm khinh) vì ông ta không có quyền trả thù cho cha như vậy.

#### 7.3.5. Dấu ngoặc kép: Bộc lộ quan điểm qua dấu ngoặc kép

Nếu đặt lời trích dẫn trong ngoặc kép bạn sẽ không chịu trách nhiệm về nội dung này. Bạn đã chia sẻ quan điểm với lời trích dẫn nếu không đặt nó trong dấu ngoặc kép.

*Chuyện không nhỏ về dấu ngoặc kép*

Trên tạp chí X, số 23, 12.1995, có đoạn ‘Vào những năm 1970-1971, trên chiến trường miền Nam. Chính quyền Sài Gòn tuyên bố “đã bình định xong 90% lãnh thổ”. Sáu tỉnh miền Tây Nam Bộ lúc đó chỉ còn vài ba ấp và một số nơi ven rừng U Minh là thuộc quyền kiểm soát của ta.

Trong bối cảnh đó, mùa mưa năm 1971, địch huy động 3 trung đoàn bộ binh của sư đoàn 21 nguy, 2 giang đoàn có

*máy bay và pháo binh yểm trợ mở cuộc càn “nhổ cỏ U Minh”  
hòng tiêu diệt cơ quan đầu não của cộng sản ở vùng này.’*

Rõ ràng là do vô ý mà nhà báo cách mạng MĐ mắc phải một lần lần tai hại ở câu cuối cùng trong đoạn trên. Người ta nhân đó có thể quy chụp là đã nói theo giọng điệu của địch: Tại sao không viết ‘hòng tiêu diệt cơ quan đầu não của ta ở vùng này’ mà lại viết ‘hòng tiêu diệt cơ quan đầu não của cộng sản ở vùng này’?

Câu trên còn có hai cách sửa khác:

a) Địch mở cuộc càn “*nhổ cỏ U Minh để tiêu diệt cơ quan đầu não của cộng sản ở vùng này*”;

b) Địch mở cuộc càn *nhổ cỏ U Minh* *hòng* “tiêu diệt cơ quan đầu não của cộng sản ở vùng này”. Cả hai cách sửa trên đều đưa từ *cộng sản* vào trong dấu ngoặc kép. Thế là cụm từ ‘tiêu diệt... cộng sản’ chỉ còn là giọng điệu kẻ địch.

Khi viết, có những từ ngữ, có những cấu trúc... cho biết cái nội dung trong từ ngữ, trong cấu trúc đó là quan điểm, giọng điệu của ai.

*Chức năng cơ bản của dấu ngoặc kép*: để trích dẫn trực tiếp

(27) Nhưng cả làng Vũ Đại, ai cũng tự nhủ: “Chắc nó trù mình ra”. (Nam Cao)

(28) Từ cửa hàng bán vải đến cửa hàng may đo, một mét vải (chưa ngâm giặt gù) mà cứ co rúm lại như “miếng da lừa”...

*Miếng da lừa* được đặt trong ngoặc kép vì đó là tên một tiểu thuyết của văn hào Pháp H. de Balzac.

Không phải là lời trích dẫn mà cho *từ ngữ đứng trong dấu ngoặc kép thì nghĩa sẽ khác đi*. Các trường hợp:

a) Người viết *cố tình dùng không theo nghĩa thông thường*:

(29) Đây là một sự lựa chọn khôn ngoan, thức thời. B lấy chồng, ông chồng mang “quốc tịch” Hà Nội, có nhà cửa đàng hoàng.

Không chú ý tới điều trên, người viết có thể dùng sai dấu ngoặc kép.

b) Dùng dấu ngoặc kép cho những từ chưa rõ nghĩa: *tiếng lóng, từ nước ngoài mới nhập*. Và cho cả những từ ngoại nhập quá xưa nay *không còn thông dụng*. Ví dụ:

(30) “Xế nổ”, “đề lừa” đời mới trở thành vật trang sức không thể thiếu của nhieu học trò con nhà khá giả.

(31) Máy chiếc xe “đề ba” giật nảy, tiếng cười vang lên, mấy cô học trò đang ôm eo bạn chọt siết chặt tay theo kiểu “thắt nút”.

*Đề-pa* là một từ gốc Pháp (départ, viết ‘*đề ba*’ là sai) có nghĩa là sự xuất phát. Hiện nay không mấy người hiểu nghĩa từ này nữa nên có thể đặt nó trong dấu ngoặc kép.

Đặt tí ‘*Bất Hiệp* “*phò mã*” - *con rể Năm Cam*’ vì ở Việt Nam hiện nay không còn phò mã. Vậy dù là biệt danh nhưng vẫn cần đặt *phò mã* trong dấu ngoặc kép. Những chức năng trên có thể đan xen nhau trong một câu dùng nhiều dấu ngoặc kép: ‘*Đó là câu chuyện “lâm quà” với chúng tôi của*

*buổi đầu sơ giao, trên đường P. đi kiếm “gà”. Và đó cũng là lý do để “cò” P. giải thích về việc “tuyển gà” chạy đua với thời gian một cách ráo riết như thế, vì theo P., cuộc gặp gỡ bất ngờ với L.H. chỉ diễn ra cách ngày thi khoảng 3 tháng, trong khi “hợp đồng” - hay đúng hơn là đơn đặt hàng thi thuê- quá nhiều mà “gà” lại quá thiếu... Mọi chuyện sau đó diễn ra theo một “gu” quen thuộc [...]’ (b., 01.07.2003)*

Trong câu trên, thành ngữ ‘câu chuyện làm quà’ nay ít dùng nên *làm quà* được đặt trong ngoặc kép; *gu* (một từ gốc Pháp, nay nhiều người không rõ nghĩa), *cò*, *tuyển gà* (tuyển người đi thi thuê)... là những tiếng lóng, còn *hợp đồng* là từ được dùng không đúng với nghĩa thông thường.

*Dấu ngoặc kép có thể bộc lộ quan điểm*

Ví dụ 1: Có một giai thoại về Giải Tấn, một học giả tài đức hơn người ở đầu triều Minh Trung Quốc. Ông hay nói thẳng khiến nhiều lúc nhà vua chạnh lòng và để ý. Bởi vậy... ‘Trong một buổi các quan vào triều kiến, khi không còn việc gì nữa, vua truyền Tả thừa tướng nói một câu đúng sự thật còn Hữu thừa tướng nói một câu sai sự thật. Giải Tấn phải dùng một chữ nối hai câu đó thành một câu *sai sự thật*.

Tả thừa tướng nói: (1) *Hoàng đế ngồi trên ngai vàng.*

Hữu thừa tướng nói: (2) *Chuột bắt mèo.*

Giải Tấn liền dùng từ *xem để* nối:

(3) *Hoàng đế ngồi trên ngai vàng xem chuột bắt mèo.*

Các quan trong triều thở phào: Giải Tấn đã thoát.

Nhưng vua lại truyền một lệnh mới: Nay Giải Tấn hãy dùng một chữ khác để nối hai câu trên thành một câu *đúng sự thật!*

Các quan lo lắng: Liệu Giải Tấn phen này có thoát tội phạm thượng?

Giải Tấn cẩn thận hỏi thêm: ‘Tâu Bệ hạ: Câu thứ hai là câu nào ạ?’. Vua đáp: Là câu ‘*chuột bắt mèo*’.

Chỉ đợi có vậy, Giải Tấn ung dung nói:

(4) *Hoàng đế ngồi trên ngai vàng nói chuột bắt mèo.*

Một lần nữa Giải Tấn lại thoát.

Trong câu 3, chúng ta hiểu rằng Giải Tấn đã nhắc lại lời của hai thừa tướng và chia sẻ quan điểm với họ. Dẫn lời mà không đưa vào trong dấu ngoặc kép ấy là *đã chia sẻ quan điểm* với người nói lời đó. *Xem* là một từ đòi hỏi bổ ngữ của nó là một điều có thực. Nhưng ‘*Chuột bắt mèo*’ là một điều không thể xảy ra, nên nó là một câu sai. Do vậy câu 3 sai.

Trong câu 4, chúng ta hiểu rằng Giải Tấn đã nhắc lại lời của Tả thừa tướng và của nhà vua nhưng không chia sẻ quan điểm với vua. *Từ ngữ đặt trong dấu ngoặc kép không phải là quan điểm của người viết.*

Không có dấu ngoặc kép trong ngôn ngữ nói, nhưng trong trường hợp này ai cũng hiểu Giải Tấn chỉ nhắc lại lời vua, nghĩa là nếu viết ra thì *chuột bắt mèo* phải được đặt trong dấu ngoặc kép: (4b) *Hoàng đế ngồi trên ngai vàng nói “chuột bắt mèo”*. Do vậy câu 4 chỉ là lời nhà vua vừa nói được Giải Tấn nhắc lại theo phong cách *ngôn ngữ trực*

*tiếp*: ông trích dẫn nhưng không chia sẻ với quan điểm này. Vậy câu đó đúng.

Ví dụ 2: Trước đây một thứ trưởng đã nhận ‘quà biếu’ quá nhiều so với mức bình thường. Bị báo chí phanh phui, ông ta viết thư tới toà soạn báo *TN* thanh minh: “Trong tư tưởng không có nhận quà biếu, nhưng...”. Tuần báo *TN* phê phán lại và lấy luôn câu này để đặt tít, có điều dấu ngoặc kép được đẩy sớm lên một từ: “*Trong tư tưởng không có nhận quà biếu*”, *nhưng...*

Từ *nhưng* trong đề báo này đã thoát ra khỏi lời trích dẫn. Nó không còn là lời thanh minh của ông thứ trưởng nọ nữa mà trở thành lời của toà báo phê phán ông ta. Chỉ nhìn thoáng đầu đề này độc giả thấy ngay được quan điểm của toà báo: không tin vào lời biện bạch của vị thứ trưởng nọ.

Người viết có thể thêm cụm từ ‘*cái gọi là*’ trước câu trích dẫn nếu mình muốn biểu lộ hàm ý ‘tôi trích dẫn nhưng tôi không đồng ý với quan điểm này’.

Khéo kết hợp dấu ngoặc kép với những từ đồng nghĩa mang sắc thái khác nhau là một biện pháp để bộc lộ quan điểm, làm câu văn thêm sắc sảo, hấp dẫn.

Ví dụ 3: Hai từ ‘Bác sĩ’ và ‘ông lang’ gần như đồng nghĩa. Để bộc lộ thái độ châm biếm, một phóng viên đặt thầy lang vào trong dấu ngoặc kép: ‘Nhưng cũng đến 90% các cuộc điện thoại và thư điện tử đều kết thúc bằng một sự nghi ngờ về khả năng của “*thầy lang*” đội tuyển khi sử dụng chanh để nhỏ vào mắt Công Minh.’ (*Tuổi Trẻ*, 11.11.2000)

### 7.3.6. Dấu gạch ngang

Có hai chức năng:

(I) *Để phân cách thành phần giải thích với thành phần khác.*

Khi dùng B để giải thích A, chúng ta có thể đặt B trong dấu gạch ngang và đứng ngay sau A. Nghĩa là ‘... A - B -...’. Nói cách khác: Từ ngữ đứng trong dấu gạch ngang được dùng để giải thích cho từ ngữ đứng liền trước nó. Như ‘Niu-  
ton - nhà vật lý vĩ đại - đã nói...’

(II) *Để liên kết hai thành phần đẳng lập.* Đó là:

- Các yếu tố đẳng lập trong một tên gọi: Khoa Toán - Tin, bộ môn hóa - dược, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Thông tư của liên bộ Tài chính - Giáo dục...

- Các yếu tố ở hai mấu của một giới hạn:

a) *Giới hạn không gian:* Chuyển tàu Hà Nội - Huế; Đường bay thành phố Hồ Chí Minh - Paris...

b) *Giới hạn thời gian:* Thời kỳ 1945 - 1954; giai đoạn 1930 - 1945...

c) *Giới hạn con số* (tối thiểu và tối đa): Tuổi của người dự tuyển: 18 - 35; người vi phạm sẽ bị phạt 50 - 100 ngàn đồng; Trọng lượng mỗi con xuất chuồng là 50 - 80 kg...

**Lưu ý:** Hiện nay vẫn còn nhiều người dùng dấu gạch ngang để nối các yếu tố chỉ ngày tháng năm, như: 02-09-1945; 30-04-1975... Tuy nhiên, cách dùng này không thể hiện ý nghĩa liên kết các yếu tố ở hai mấu của một giới hạn. Hơn

nữa, nó sẽ trở nên bất tiện khi cần vạch mốc thời gian chính xác đến từng ngày. Chẳng hạn, với câu ‘Những người công tác trong thời gian từ 02-09-1945 đến 30-04-1975 sẽ được xét hưởng chính sách X’, nếu muốn dùng dấu gạch ngang thay từ *đến* để nối hai mốc thời gian này thì dấu gạch ngang này cần được viết *dài hơn* hoặc *đậm hơn* bình thường: ‘... trong thời gian 02-09-945 - 30-04-1975...’. Điều này khá bất tiện. Vì vậy, hiện nay có khuynh hướng dùng dấu *chấm* để nối các yếu tố chỉ ngày tháng năm, như: 02.09.1945; 30.04.1975; 02.09.1945 - 30.04.1975. Cách viết này còn tiết kiệm được không gian văn bản.

Nếu không đứng ở đầu câu, dấu gạch ngang có thể được thay bằng dấu phẩy. Tận dụng chức năng này để tránh những trường hợp có thể gây mơ hồ. Trong ba cách viết sau, nên chọn cách viết (c).

(a) Niu – ton – nhà vật lý vĩ đại – đã nói...

(b) Niu-ton – nhà vật lý vĩ đại – đã nói...

(c) Niu – ton, nhà vật lý vĩ đại, đã nói...

Dấu gạch ngang còn dùng để ‘gạch đầu dòng’ với chức năng liệt kê hoặc mở đầu cho một lượt lời.

**Lưu ý:** Chúng tôi không chủ trương phân biệt dấu gạch ngang với dấu nối (= gạch ngang ngắn) vì trong thực tế, sự khác biệt của hai dấu này không ảnh hưởng tới phong cách ngôn ngữ.

## 7.4. Những dấu câu dùng hay

*Dấu câu có thể chuyển tải được sắc thái nghĩa*

*Dấu ba chấm diễn đạt được những ngập ngừng, ngắt quãng khi nói.*

(32) Em liền viết thử, anh... đọc... chơi... (*Tuổi Trẻ*, 11.10.2010)

Người đọc hình dung ra thái độ rụt rè thiếu tự tin với giọng nói ngập ngừng của anh thanh niên Doãn Hoàng Giang làm nhiệm vụ pha trà nước lần đầu viết thử khi đưa bài cho ‘sếp’.

Quãng ngừng khiến người đọc chờ đợi, và nội dung bất ngờ ngoài dự đoán khiến câu trở nên hấp dẫn: Tít báo ‘Wozniacki sa thải cha...’ (b. 22.08.2011) không hay. Nhưng nếu đặt từ cha sau dấu ba chấm thì câu sẽ hay hẳn lên:

(33) Wozniacki sa thải... cha

*Khéo dùng dấu ngoặc kép*

(34) Lập luận của các nhà bình luận (VN - NĐD) đưa ra:  
1- Ưu thế sân nhà (đương nhiên). 2- Croatia không còn động lực thi đấu vì đã sớm chiếm một suất dự vòng chung kết Euro 2008! Cái luận cứ thứ hai này nghe bằng bạc “mùi” V-League. Kiểu như ‘Sông Lam Nghệ An đã đủ điểm để trụ hạng nên không còn động lực thi đấu’... (*Tuổi Trẻ*, 23.11.2007)

*Dùng dấu ngoặc kép để châm biếm*

(35) Lơ xe cầm “giấy” (tiền) chạy đến đưa cho viên cảnh sát giao thông, cứ chung “đủ tuổi” (= đủ tiền) là vô tư qua

trạm, anh này thấy tờ tiền chưa đúng “chuẩn” liền quát:...  
(*Mãi lộ vẫn hoành hành, Tuổi Trẻ*, 15.02.2008)

(36) Bằng lối nói như là đã ám ức từ lâu lắm, ông Kiệt “*méc*” với hai người con gái ông Mười: Bà nội ngày xưa *cung* ba mày hơn tao. (*Tuổi Trẻ*, 13.06.2008).

Không có chuyện người lớn và lại là Thủ tướng Võ Văn Kiệt, đi mách với người bằng tuổi con mình. Vì vậy, dấu ngoặc kép làm câu này thành chuẩn, thích hợp với vai giao tiếp và thành câu hay.



## CHƯƠNG 8

# TỪ VÀ NGHĨA

### 8.1. Sai từ và nghĩa: những tiểu loại

#### 8.1.1. Đại cương

Câu có những từ không tương hợp nhau về quan hệ lô gích - ngữ nghĩa là câu sai từ vựng.

Có nhiều cách sửa một câu sai từ vựng. Hoặc trực tiếp sửa từ đó, hoặc sửa từ khác sao cho quan hệ giữa các từ ngữ trong câu, trong đoạn thành chuẩn mực. Ví dụ:

(1) Ngày tôi về quê, mẹ tôi đã mất. Tôi nói với vợ: con tôi nào có thấy bóng dáng bà ngoại.

Câu này sai ở từ *bà ngoại*. Vậy sửa từ này thành *bà nội*:

(1b) Ngày tôi về quê, mẹ tôi đã mất. Tôi nói với vợ: con tôi nào có thấy bóng dáng *bà nội*.

Nếu coi *bà ngoại* là đúng thì sẽ có từ khác sai. *Bà ngoại* chính là *mẹ vợ*. Vậy sửa *mẹ tôi* thành *mẹ vợ tôi*:

(1c) Ngày tôi về quê, *mẹ vợ* tôi đã mất. Tôi nói với vợ: con tôi nào có thấy bóng dáng bà ngoại.

Nhưng nếu muốn coi cả *mẹ tôi*, và *bà ngoại* đều đúng thì chúng ta đưa câu này vào *tình huống* hay *văn cảnh*. Khi về quê vợ, nói *mẹ tôi* có thể được hiểu là ‘mẹ vợ tôi’. Vậy sửa:

(1d) Ngày tôi về *quê vợ*, mẹ tôi đã mất. Tôi nói với vợ: con tôi nào có thấy bóng dáng bà ngoại.

Nhưng nếu cho rằng về đầu câu thứ nhất là đúng thì lại sửa theo cách đây là *lời người vợ*:

(1e) Ngày tôi về quê, mẹ tôi đã mất. Tôi nói với *chồng*: con tôi nào có thấy bóng dáng bà ngoại.

*Một nguyên nhân dẫn tới lỗi từ vựng*: Dùng từ Hán Việt nhưng không hiểu nghĩa, hoặc chỉ nhớ mang máng nghĩa, nhất là giữa những từ gần âm và nghĩa cũng na ná nhau nên dùng nó chệch theo một từ quen dùng khác. Nói cách khác, không phân biệt được nghĩa của những từ Hán Việt đồng âm hoặc gần âm với những từ thuần Việt.

Lúc đó dễ xảy ra tình trạng ‘râu ông nọ cắm cằm bà kia’. Khi gặp từ ‘*cát cứ*’, chúng ta có thể hiểu nghĩa đại để là ‘chia cắt một vùng đất mà chiếm giữ độc lập’, nhưng ‘*cát*’ là một từ Hán Việt có nghĩa là ‘chia cắt’, mà hai từ *cát* và *cắt* rất gần âm, lúc đó dễ có khuynh hướng chuyển *cát cứ* thành *cắt cứ*. ‘Tình trạng quản lý phân tán *cát cứ* dẫn đến lãng phí cơ sở vật chất không nhỏ’. Cách ghép hỗn hợp một từ Hán Việt với một từ thuần Việt theo trật tự tiếng Hán như vậy đã tạo ra một từ không chuẩn (*cắt cứ*) nhưng vì có một yếu tố thuần Việt trong đó nên ‘dễ hiểu’. Thế là được nhiều người

chấp nhận. Và nhiều người dễ mắc lỗi này. Kiểu tạo từ sai này *nhiều người dùng mãi sẽ thành quen, lâu dần rồi cũng được xã hội chấp nhận là... đúng (!)*: phá hoại → phá hại; sáp nhập → sát nhập; hợp chúng quốc → hợp chủng quốc; chúng cư → chung cư; đi tham quan → đi thăm quan...

Không chỉ học sinh mà có cả người viết sách hướng dẫn ngữ văn cũng dùng sai từ Hán Việt. Trong sách *Hướng dẫn làm bài tập tự luận và cảm thụ văn thơ 12* (nxb ĐHQGHN, 2008), tác giả LMT đã viết ‘Lỗ Tấn là một *danh thủ* truyện ngắn trên thế giới’. Nhà văn nổi tiếng vì *cái đầu* chứ đầu phải *phải bàn tay*. Sao lại gọi ‘Lỗ Tấn là một *danh thủ*’? Trong sách *Rèn kỹ năng làm bài thi [...] môn Ngữ văn Nghị luận xã hội* (nxb ĐHQGHN, 2009) tiến sĩ LXA viết ‘... Mikhin Goocbachop [...] có làm cuộc *vi hành* đến Leningrat. Để tạo hình ảnh một nhà lãnh đạo trẻ, [...] ông đi bộ ra quảng trường Cung điện Mùa Đông để trò chuyện với nhân dân’. Đã *vi hành* là phải giữ bí mật, làm sao người dân thấy được ‘*hình ảnh một nhà lãnh đạo trẻ*’? Còn nếu ‘đi bộ ra quảng trường... trò chuyện với nhân dân để tạo ‘*hình ảnh một nhà lãnh đạo trẻ*’ thì sao còn gọi là *vi hành* được?

Không biết chắc từ Hán-Việt, lại nhớ mang máng một thành ngữ, một câu nói cũng dễ gây những sai lầm đáng tiếc: ‘Trên cương vị đó Nguyễn Văn Thiệu đã lạng lẹ *ngọa sơn quan hổ đấu* để đợi thời cơ’. (dẫn *Tuổi Trẻ Cười*, 438) Người ta *ngồi* (tọa) xem hổ đấu chứ không *nằm* (ngọa). Nằm theo dõi tình hình lỗ ngủ quên thì có khi vuột mất thời cơ.

Lại nữa, chùm thơ thu: ***Thu vịnh, Thu điệu, Thu ẩm***

nổi tiếng của Nguyễn Khuyển, sách *Ngữ văn lớp 11*, tập 1 (nxb Giáo Dục, 2007) gọi là *Vịnh mùa thu*, *Câu cá mùa thu*, *Uống rượu mùa thu*. Viết vậy, tác giả đã hiểu *vịnh* là động từ. Sách *Văn học*, tập 1 (nxb Giáo Dục, 2001) cũng giảng *vịnh* là động từ: ‘... nghĩa của nó phải là ‘*Mùa thu làm thơ*, *Mùa thu câu cá*, *Mùa thu uống rượu*’ (*Tuổi Trẻ Cười*, 01.09.2010). Láy *Thu vịnh* để bàn. Khi Vương Duy làm *Tây Thi vịnh* (bài thơ tả nàng Tây Thi), theo kết cấu Hán-Việt, từ ‘vịnh’ ở đây là *danh từ*. Còn Đỗ Phủ sáng tác *Vịnh hoài cổ tích* (làm thơ nhớ chuyện xưa), từ ‘vịnh’ ở đây là *động từ*.

Vậy trong *Thu vịnh*, từ *vịnh* là *danh từ*, nên bài này là *bài thơ tả mùa thu* chứ không phải là *mùa thu làm thơ*.

Chúng ta lưu ý là trong tiếng Việt có hàng loạt từ gốc Hán, cũng gọi là từ Hán-Việt, mà nghĩa và cách dùng không còn giữ nguyên như ở tiếng Hán, thậm chí nghĩa đã khác đi rất nhiều. Chẳng hạn, từ ‘khốn nạn’ trong tiếng Hán có nghĩa là ‘khó khăn’ nhưng ở tiếng Việt hiện nay nó lại có nghĩa là ‘khốn khổ đến mức thảm hại’ hoặc là tính cách ‘hèn mạt, đáng khinh, không còn tính người’.

Giữa từ Hán-Việt và từ thuần Việt đồng nghĩa luôn luôn có tranh chấp về khả năng sử dụng. Từ ‘ăn cắp’ thuần Việt có từ Hán-Việt đồng nghĩa là ‘đạo’. Trong tiếng Việt có những từ *đạo tặc*, *đạo chích*, *đạo văn*,... nhưng hiện nay nhiều trường hợp người Việt vẫn chưa quen hoàn toàn với từ ‘đạo’, nên nó vẫn được dùng trong dấu ngoặc kép: ‘Tại buổi làm việc,... P đã thừa nhận việc “đạo” ảnh và trả lại hai giải thưởng trên.’ (*Tuổi Trẻ*, 15.09.2010)

Có nhiều từ chúng ta chưa hiểu nghĩa và có rất nhiều từ gần nghĩa nhưng chúng ta không phân biệt được những khác nhau tinh tế trong các sắc thái nghĩa của chúng. Hàng ngày, chúng ta thường thấy cách dùng lẫn lộn hai danh từ *màng* và *mạng*: *mạng nhện/màng nhện giăng đầy nhà*; *mạng lưới/màng lưới các cộng tác viên*; *thui vào mạng mỡ/màng mỡ...* Sắc thái nghĩa của chúng như sau: *màng* là một lớp mỏng với diện tích rộng, có tác dụng bọc ngoài hay ngăn cách hai đối tượng với nhau: *màng mỡ, viêm màng não, tràn dịch màng phổi, thủng màng nhĩ...* Còn *mạng* là một đối tượng gồm nhiều mắt, nhiều khâu nối kết lại và có thể giăng ra, trải rộng ra: *mạng nhện, mạng lưới, mạng xã hội...* Nói ‘màng nhện’ là không chuẩn.

Do chỉ *nhớ mang máng* về âm và nghĩa, thành thử nhiều khi định diễn đạt nghĩa này lại hóa ra nghĩa kia. Kiểu sai này hay xảy ở những từ song tiết ít dùng trong đó người ta nhớ đúng một âm tiết còn âm tiết kia thì thường nhớ chệch sang một từ song tiết hay dùng có nghĩa.

Chẳng hạn, *tử ngữ* nhớ thành *từ ngữ*: ‘Trương Vĩnh Ký là người nói giỏi 15 thứ sinh ngữ, từ ngữ của phương Tây’.

*Cánh sao* nhớ thành *ánh sao*: ‘Cũng trong ngày 02-09-2009, lá cờ đỏ sao vàng được may y như thời Mặt trận Việt Minh (*ánh sao vàng* to hơn và hơi lệch hơn một chút so với lá cờ hiện tại) sẽ được phủ lên mặt tiền Nhà hát lớn...’ (b., 31.08.2009)

*Ra lằng ti* (ralenti: chế độ chạy chậm) nhớ thành *garanti*:

‘Dòng người ứ đọng trên các đại lộ, chỉ để các xe chạy *garanti* cũng đã đốt hết hàng trăm triệu USD xăng dầu mỗi năm.’

*Phong thanh* nhớ thành *mong manh*: ‘Cứ mong manh đâu có con gái đẹp là nó mang lũ vô lại tới tận nơi bắt đi’.

Trường *Bá nghệ* nhớ thành Trường *Bá công kỹ nghệ*: ‘Trường *Bá công kỹ nghệ* đào tạo công nhân kỹ thuật đầu tiên ở Nam Kỳ (1897) nay có tên gì?’. Đáp án: Trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng. (*Thử tài thách trí*, TV, 04.03.2012). Thực ra, trường này được thành lập năm 1906 mang tên *L'École des mécaniciens Asiatiques* (Trường cơ khí Á Châu), nhưng người đương thời quen gọi là Trường *Bá Nghệ*. Ở Hà Nội, cũng một trường như vậy người ta gọi là *Trường Bách nghệ* - dạy trăm nghề.

Lỗi sai do nhớ mang máng này còn để lại đặc biệt nhiều và đậm dấu ấn trên những thành ngữ và tục ngữ: *Cạn tình nhân ngãi* được nhớ thành ‘Kể làm như vậy cũng hơi *tận tình nhân ngãi* đó’. ‘*Đi buôn có bạn đi bán có phường*’ được một nhà văn nhớ thành ‘Thế gian đã có câu rồi: *Đi buôn có bạn đi bán có thuyền*’. (DTH)

Chỉ cần chú ý tới quan hệ lô gích-ngữ nghĩa giữa hai vế là đã bót được nhiều câu kiểu râu ông cầm bà. Quan hệ nhân quả là *gieo-gặt* nên tục ngữ đúng là ‘Gieo gió *gặt* bão’ chứ không phải ‘*Gieo gió gặt* bão’. Những sự kiện có hình thức thay đổi nhưng bản chất vẫn vậy được gọi là ‘bình mới rượu cũ’ chứ không phải ‘Nhưng kiện toàn (VFF) như thế nào để không phải là “bình cũ rượu mới”?’ (b., 03.01.2005)

Chẳng ai cầu mong *vực dậy* ma túy nên không thể cải biên ‘Có thực mới vực được đạo’ thành ‘Có thực mới vực được... ma túy chứ!’

### 8.1.2. Câu sai tri thức

Viết một điều *không đúng với thực tế hoặc không đúng với những kiến thức khoa học đã biết* là viết sai tri thức. Hiểu biết lôm bôm, lười suy luận, trí nhớ không tốt nhưng lại không có thói quen tra cứu, kiểm tra những điều đã viết dẫn đến sai tri thức. Từ sai tri thức dẫn tới sai từ ngữ, sai những khái niệm, tên riêng, con số, ngày tháng... khiến râu ông nọ cắm cằm bà kia.

Vì Indies nghĩa là Ấn Độ và những vùng phụ cận, nên có bài báo nói đến thổ dân ở Mêhicô đã dịch từ Indiens là ‘người Ấn Độ’. Nếu chịu tra cứu thì biết được gốc gác từ này. Những người thăm hiểm khi tìm ra châu Mỹ, tưởng đó là Ấn Độ, nên gọi thổ dân là Indiens. Từ đó về sau, từ Indiens được dùng để gọi thổ dân Nam Mỹ hoặc người da đỏ ở Trung và Bắc Mỹ.

Thấy ở Hà Nội có 82 bia tiến sĩ đặt ở Văn Miếu (và hẳn là nghe thành ngữ ‘Bảng vàng bia đá’, lại có câu ca dao ‘Trăm năm bia đá thời mòn/Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ’) liền tưởng rằng cứ đậu tiến sĩ là được khắc ghi vào bia đá nên có người đã viết:

- Thời trước những người thi đậu tiến sĩ đều được khắc tên vào bia đá, dựng trước nhà Văn Miếu, gọi là bia tiến sĩ. Nay còn 82 tấm. (b., 23.09.2000)

Thực ra không phải tất cả những người thi đậu tiến sĩ thời trước đều được khắc tên vào bia đá dựng trước Văn Miếu. Chỉ khoảng một nửa thôi. Hơn nữa, còn có 32 bia tiến sĩ đặt ở Văn Miếu Huế.

- Khi Mỹ tấn công vào kinh Suez, bấy giờ thông tin chưa tràn ngập như bây giờ với cuộc chiến... (b., 16.09.1999)

Mỹ chưa bao giờ tấn công vào kinh Suez. (Chỉ có liên quân Anh-Pháp đổ bộ vào kinh này ngày 31.10.1956. Trước áp lực quốc tế, ngày 06.11.1956 họ đã phải rút quân)

Không ít những chương trình vui chơi trên truyền hình mắc những lỗi về tri thức.

- Beethoven là nhạc sĩ người Áo. (*Rung chuông vàng*, 28.07.2008). Sai vì Beethoven là người Đức. Rồi: 'Người Mỹ phát minh ra tủ lạnh đầu tiên'. (*Đấu trường 100*, 04.08.2008) Thật ra, một kỹ sư người Anh là Jacob Prekins đã chế tạo thành công chiếc tủ lạnh đầu tiên vào năm 1834. Lại nữa: 'Có 12 cấp bão'. (*Đường lên đỉnh Olympia*, 17.08.2008). Ở đây đã lẫn cấp gió với cấp bão.

- Có người lại viết 'Nghị Tâm, quê hương của bà Đoàn Thị Điểm, thi nhân nổi tiếng thế kỷ XVIII, quê huyện Văn Giang'. Tác giả đã lẫn Đoàn Thị Điểm (1705-1748) với Bà Huyện Thanh Quan. Nữ thi sĩ họ Đoàn sinh ở làng Giai Phạm, sau đổi là Hiến Phạm, Hưng Yên.

- Nước Pháp ở phương Tây Việt Nam, nên ta gọi người Pháp là người Tây. Ấy thế là lầm tưởng nước Pháp ở Tây bán cầu. Và có người viết '... hàng năm, cứ vào độ chớm rét cuối

năm, ở Hà Nội lại xuất hiện bà cụ già người Pháp... Vâng, rất đều đặn, từ 12 năm ấy, bà cụ già từ *Tây bán cầu* ấy đã dành cho những phận đời bất hạnh thủ đô những tình cảm đầy lòng nhân ái'. Thực ra, Châu Âu và châu Á cùng thuộc Đông bán cầu.

### *Hiểu lầm chữ tắt*

- USD đồng nhất với đôla: '... thu được 33 triệu USD Hồng Kông' (b., 27.02.08)

Đơn vị tiền tệ được quy ước viết tắt bằng 3 chữ: USD, VND,... Đô la Hồng Kông viết tắt là HKD. Viết '33 triệu USD Hồng Kông' vô nghĩa.

- 'Hà Nội *những* năm 2000' - tên một bài hát của TT. '*Những* năm 2000' gồm 1000 năm, từ 2000 đến 2999. (!) Hóa ra TT thấy trước cả 1000 năm và bất đối.

- 'Nhà thơ Xuân Diệu đã viết:

Cái buổi ban đầu lưu luyến ấy

*Ngàn năm đã dễ mấy ai quên*' (b., số 10.2 - 02.03.1994)

Câu trên có 4 từ sai. Thật ra là:

'Nhà thơ *Thế Lữ* đã viết:

Cái *thuở* ban đầu lưu luyến ấy

Ngàn năm *chưa* dễ *đã* ai quên'

- Một đề thi đại học 1998: 'Phân tích hình tượng nhân vật Khải Định trong truyện ngắn 'Vi hành'; qua đó làm rõ tính chiến đấu mạnh mẽ và nghệ thuật trào phúng sắc bén của ngòi bút Nguyễn Ái Quốc'. (b., 05.06.1999, tr.7)

Sai vì truyện này không hề có nhân vật ‘Khải Định’. Đề đã yêu cầu thí sinh phân tích một nhân vật không có trong văn bản, đồng thời thu hẹp nội dung và ý nghĩa truyện ngắn này’. (*Vi hành* không ám chỉ riêng Khải Định, mà qua nhân vật ‘Hoàng thượng’ trong *Vi hành* để phê phán bản chất xấu xa của nhiều ông hoàng bà chúa khác.)

*Sai do không hiểu khái niệm*

- Năm 1980, ông *nuôi bò* theo phương pháp thụ tinh nhân tạo.

*Nhân giống* bò không phải là *nuôi bò*.

- Ma túy đang là một *vấn nạn* của toàn xã hội.

- Sida là một căn bệnh nguy hiểm, nhưng *vấn nạn* vẫn là con số tiềm chích ma túy và gái điếm gia tăng.

Sai ở từ *vấn nạn* vì *vấn nạn* là ‘đặt câu hỏi để làm phiền, làm khó người khác’. Từ này có nghĩa là những câu hỏi khó chưa có lời giải đáp thoả đáng.

- Dịp đầu năm, cuối năm học là *giai đoạn* các hiệu cầm đồ nhầm đối tượng sinh viên làm ăn khá.

*Giai đoạn* là khoảng thời gian khá dài, nên sửa thành *lúc* (/ *thời điểm*) thì hợp hơn.

- Làm gì để hạn chế tai nạn lưu thông?

Sửa: Làm gì để hạn chế tai nạn *giao thông*?

- Và *Bài hát đầu chỉ là nốt nhạc*, *Ngoại ô*, *Hai chị em*, *Đằng sau một số phận*, *Tình không biên giới* thay nhau ra đời. (b., 23.12.1991)

Những sáng tác đó *kế tiếp* nhau chứ có *thay thế* nhau đâu mà ‘thay nhau ra đời’.

- Nhà trường đã cấp 14 suất học bổng cho học sinh nghèo và tổ chức 10 giải thưởng Lê Quý Đôn hằng năm để khuyến khích các học sinh xuất sắc.(b., 12.11.1992)

Có trường nào mỗi năm tổ chức tới 10 giải? Chắc chỉ 1 lần tổ chức và *trao* 10 giải Lê Quý Đôn thôi.

- Cháu bé kiên quyết đòi chơi game.

Cháu bé *nặng nặc* đòi chơi game còn cha mẹ *kiên quyết* không nuông chiều.

- Người cô đợi tên là gì nếu chẳng may anh ta đến đây? (Phim *Nữ thanh tra phá án*)

Đã chủ ý đợi, sao lại *chẳng may*? Phải chăng là *tình cờ/ ngẫu nhiên*?

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

### 8.1.3. Sai từ Hán Việt

Không biết từ Hán-Việt có nguy cơ không hiểu tác phẩm văn chương.

- Hoàng Cầm kể giai thoại: ‘Trong một kỳ thi tú tài, một giám khảo Tây hỏi một thí sinh - công tử bột về câu Kiều:

*Ba quân chỉ ngọn cờ đào*

*Đạo ra Vô Tích đạo vào Lâm Chuy*

- Còn một đạo nữa đâu?

Chàng công tử bột trả lời:

- *Ở nhà giữ thành.*’

Anh ta không biết *ba quân* tức là *tam quân*. Theo chế độ nhà Chu, nước chư hầu lớn được phép có tam quân, từ này chuyển nghĩa thành *quân đội*. Tất nhiên chàng công tử bột này bị đánh trượt. Viên giám khảo Tây này hỏi Hoàng Cầm:

Đoạn nào nói rằng Thúy Kiều có chữa?

Hoàng Cầm đáp:

Đầy sân gươm tuốt sáng lòà

*Thất kinh/ nàng chữa/* biết là làm sao.

- Bàn về những bản thảo bị thất lạc có nhà văn viết: ‘Phần thể phách còn tán loạn thế, nói chi đến phần tinh anh, *tam sao thất bản*’. (b., 15.05.1993)

Trong *tam sao thất bản* thì ‘thất bản’ không phải là mất, hay ‘thất lạc bản thảo’, chỉ là *sai nguyên bản* thôi. Lại nữa, ‘Philippines và Vatican là hai chính thể *duy nhất* còn cấm chuyện này...’ (*Chuyện ly hôn*, b. 03.06.2011). *Duy nhất* là ‘chỉ có một’. Đã 2 đối tượng thì không còn *duy nhất* nữa.

- Câu chuyện về người uyên thâm Hán học không thích ‘nói chữ’: Năm 1926, cụ Huỳnh Thúc Kháng định xuất bản một tờ báo chữ quốc ngữ. Khi bàn về tên báo, có người đề nghị lấy tên là *Trung Thanh* - tiếng nói của miền Trung. Có người muốn đặt là *Dân Thanh* - tiếng nói của người dân. Uyên thâm về Hán học nhưng cụ Phan Bội Châu nói đại ý: Đã là báo chữ quốc ngữ thì không nên nói ‘chữ’ làm gì, cứ gọi là *Tiếng Dân*. Thế là cụ Huỳnh đã gửi đơn lên toàn quyền Đông Dương xin ra báo *Tiếng Dân*. Và tờ báo này ra đời từ năm 1927.

*Điều ngược đời* là ở Việt Nam hiện nay, ít người hiểu và rất ít người thành thạo chữ Hán, nhưng do muốn nổi trội nên ngày càng nhiều người thích ‘nói chữ’ (cả chữ ‘Tây’ lẫn chữ Hán), và do vậy, ngày càng nhiều người dùng sai và không phân biệt nhiều từ Hán-Việt có nghĩa gần giống nhau. Ví dụ:

(1) Có lẽ ông giám đốc công ty mình sắp *đi bước nữa*.

(2) Cha tôi muốn *tái giá* với một phụ nữ trẻ. (b., 12.09.1995)

Để diễn đạt hành động ‘kết hôn lần nữa’, trong tiếng Việt có những từ ngữ như: *tái hôn, tái thú, tục hôn, tái giá, cải giá, tục huyền, đi bước nữa, qua hai lần đò...* Trong số này có những từ dùng chung cho cả nam lẫn nữ: *tái hôn, tục hôn*. Có những từ chỉ dùng riêng cho nam hoặc riêng cho nữ.

*Giá* là một từ Hán Việt có nghĩa là ‘trồng lúa’. Vì vậy, lúa cấy lại sau khi cấy lần đầu bị hỏng được gọi là lúa cấy *tái giá*. Nghĩa của từ Hán-Việt này liên quan tới sự sinh sôi nảy nở. Nhưng *giá* còn là một từ Hán-Việt có nghĩa là phụ nữ lấy chồng. Vì vậy, người con gái đi lấy chồng lần đầu mà không thành (chồng chết) thì khi làm lại cuộc đời với một người đàn ông khác cũng được gọi là *tái giá*. Chúng ta lại có thành ngữ *gà luộc lại, gái cải giá*. Một phụ nữ đi lấy chồng khác sau khi chồng chết hoặc sau khi đã ly hôn được gọi là ‘cải giá’. Gà luộc lại thì không ngon. Đó là một kinh nghiệm nhiều người biết. Vậy *gái cải giá* để nói rằng một phụ nữ đã *sang hai lần đò*, đã *đi bước nữa* thì giảm giá trị đi nhiều.

Một người đàn ông đi lấy vợ khác sau khi vợ chết được gọi là *tục huyền*. (x.§8.1.10.) Ở hai câu trên cần thay từ *đi bước nữa* và *tái giá* bằng *tục huyền*.

- Hưng Đạo Vương nghĩ nhiều đến ý chí của hai vua..., Người chong đèn thức khuya viết một bức thư ngắn, xúc tiến lời lẽ vô cùng thấm thiết'. (b., 12-1998) Lẽ ra là *súc tích*.

- ... những con rùa đội bia trong *Khuê các Văn Miếu*. (b., 04.06.1999)

Khuê các: cửa nhỏ ở trong cung; phòng của người con gái ngày xưa. [khuê= a) cửa nhỏ, b) phòng của con gái], các = lầu, gác]. Thật ra là 'Khuê văn Các' Do ngày nay mọi người biết với tên Văn Miếu nên đã lầm như vậy.

- Tổng thống Ấn Độ mời bà Sonia Gandhi (vợ *quá* của Cựu Thủ tướng *Ragiw* Gandhi đã bị ám sát) ra thành lập chính phủ mới.

Ở câu trên, phần giải thích đúng trong ngoặc đơn đã mắc tới 3 lỗi. Sửa lại: *vợ goá của Cố Thủ tướng Rajiv Gandhi...*

*Đừng sinh dùng từ Hán-Việt. Nếu dùng, cũng đừng dùng từ quá cổ, vì viết cho người đời nay đọc thì hãy dùng những từ ngày nay mọi người dùng*: - Trong báo Văn nghệ số 19 ngày 15.05.1993 Chu Văn có bài *Những cánh bướm trắng* kể một câu chuyện về giai nhân tài tử xứ Huế, tiểu thư Như Tâm ở với mẹ trong '*biệt dã* Chương đài'. Trong các từ điển tiếng Việt, chỉ có *biệt thự* chứ không có từ *biệt dã*. Mặc dù trong từ điển *Từ Hải* mục *thự*, có ghi '*Thự* còn có âm là *dã*', nhưng nay cả người Trung Quốc cũng không dùng *biệt dã* (dẫn theo Trương Chính, *Thế giới Mới*, số 62, 07.1993). Vậy người Việt dùng *biệt dã* làm gì? Nhưng Chu Văn (*Thế Giới Mới*, số 10.1993) cho rằng từ *biệt dã* có trong giai thoại đặt tên cho ngôi nhà cụ Tú Thanh Quan về quê dưỡng lão, ông

mượn tên đó cho thích hợp với *văn cảnh* và *nhân cảnh* - nơi nghỉ ngơi cô tịch của tiểu thư Như Tâm con một mẹ Huế xế chiều. Xem ra văn chương không chịu những ràng buộc về từ ngữ như vậy.

Có những từ *song tiết* gần nghĩa, trong đó có một yếu tố đồng nhất. Nghĩa của loại này là nghĩa *tổ hợp*. Từ yếu tố chung không thể dùng yếu tố thứ hai để suy ra nghĩa của từ song tiết. Cho nên *khó tìm cái lý* cho sự hình thành nghĩa của lớp từ này. Nhưng yếu tố thứ hai có thể là một gợi ý cho việc tìm nghĩa.

Giữa các dân tộc có những khái niệm tương đương được thể hiện qua từ ngữ. Việc đối chiếu từ ngữ cũng là một cách để chỉ ra sự khác biệt giữa những từ gần nghĩa.

Ví dụ: *tiêu phí* và *tiêu thụ* là hai từ Hán-Việt, nhưng người Trung Quốc dùng những từ này có phần khác với người Việt.

Người Trung Quốc dùng từ *tiêu phí* đồng nghĩa với từ *tiêu dùng* trong tiếng Việt. Trong khi người Việt nói ‘hàng tiêu dùng’, ‘người tiêu dùng’, ‘thành phố tiêu dùng’... thì người Trung Quốc nói ‘hàng tiêu phí’, ‘người tiêu phí’, ‘thành phố tiêu phí’... Họ nói ‘hợp tác xã tiêu phí’ với nghĩa là hợp tác xã mua hàng tiêu dùng về bán lại cho xã viên. Trong tiếng Việt, *tiêu phí* có nghĩa là chi tiêu và phí tổn vô ích. Chẳng hạn, ‘Công trình này xây xong rồi không dùng được. Chúng ta đã tiêu phí vào đó cả chục tỉ đồng’.

Trong từ *tiêu thụ* thì *tiêu* (thuộc bộ kim) lại có một nghĩa là *bán* và có một nghĩa của từ *thụ* cũng là *bán*. Người Trung Quốc gọi quầy bán vé là *thụ phiếu sở*, hiệu bán hàng là *thụ*

*hóa điểm*. Do vậy, trong tiếng Hán *tiêu thụ* là một từ ghép hai yếu tố đồng nghĩa, và đều có nghĩa là bán ra, bán đi. Trong tiếng Việt, ngoài nghĩa này *tiêu thụ* còn được dùng với nghĩa là *dùng dần dần hết vào việc gì*, như: ‘xe tiêu thụ nhiều xăng’, ‘tiêu thụ nhiều năng lượng’... Vậy chúng ta nói: ‘Loại xe ấy *tiêu hao* nhiều xăng quá, không hợp với ý muốn của người *tiêu dùng* nên rất khó *tiêu thụ*. Không ai dại gì mà *tiêu phí* vào đó một món tiền lớn’.

- Giám đốc Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư Tp.HCM cho biết sẽ rút ngắn *thời gian* trả lời từ năm ngày xuống còn ba ngày. (b., 19.01.2008).

Cần thay ‘*thời gian*’ bằng ‘*thời hạn*’.

- Đội bóng của họ chỉ là một thành phần tạm bợ, do chấn thương và do một số vị trí không *hợp lệ*.

Đã không *hợp lệ* sao, trong tài và ban tổ chức trận bóng còn cho phép ra sân? Phải chăng là không *thích hợp* (không *phù hợp*)?

*Vài nhóm từ gần nghĩa*

- (a) Tham nhũng, tham ô, tham lam, tham tàn, hối lộ
- (b) Tham quan, thăm viếng;
- (c) Hoàn thành, hoàn thiện, hoàn chỉnh, hoàn hảo, hoàn mỹ, hoàn tất;
- (d) Tiêu dùng, tiêu xài, tiêu pha, tiêu thụ, tiêu hao, tiêu phí;
- (e) Tản cư, di cư, sơ tán, di tản;
- (f) Biến cố, sự cố, biến đổi;

- (g) Cố kết, câu kết, cấu kết, kết cấu, cấu trúc;
- (h) Cố nhân, cổ nhân;
- (i) Hiền, hiền đức, hiền hậu, hiền lành, hiền từ, lương thiện;
- (j) Nhân, nhân đức, nhân hậu, nhân từ, nhân nghĩa;
- (k) An ninh, bình an, yên ổn, an toàn;
- (l) Ân, ân đức, ân huệ, ân nghĩa, ân tình, ơn nghĩa, ơn tình, ơn huệ, ơn đức;
- (m) Hung, hung ác, hung bạo, hung dữ, hung tàn, hung hãn, hung hăng, hung tợn;
- (na) Bạn bè, bạn hữu, bầu bạn, bằng hữu;
- (o) Chê bai, chê cười, chê trách, gièm pha, mắng nhiếc, trách cứ, trách móc, phê bình;
- (p) Bất chính, bất lương, gian tà, mờ ám, phi nghĩa;
- (q) Long trọng, trang trọng, trịnh trọng, trọng thể, bảo trọng;
- (r) Bất nhất, bất tất, bất nhẫn, bất trắc;
- (s) Bảo an, bảo đảm, bảo vật;
- (t) Thối, tệ;
- (u) *Bỏ qua cho* và *bỏ quá cho*;  
*Bỏ qua cho*: Bỏ qua (bỏ bớt đi) một khâu trong thủ tục.  
*Bỏ quá cho*: (Lời xin lỗi) không chấp nhận trước một thiếu sót: *Tôi lỡ lời, xin ông bỏ quá cho*.
- (v) Đa đoan và đa mang;

*Đa đoan*: Lắm chuyện lôi thôi, rắc rối, khó lường. *Con tạo đa đoan*.

*Đa mang*: Tự vương vào cái điều khiến ta phải bận lòng nhiều. *Đa mang lắm thì oan trái nhiều*.

(Xem thêm §5.7.1 *Ẩn dụ*)

#### 8.1.4. *Trật tự từ* (x. §4.5. *Vai trò của trật tự từ*)

#### 8.1.5. *Nghĩa*

- Khi anh quân y sỹ 21 tuổi trước ngày đi chiến dịch về nhìn trộm cô gái xinh đẹp cùng quê ở *tuổi trắng tròn* 17... (b., số 25, 2002)

Một cô gái xinh đẹp, rực rỡ vào tuổi 17, 18. Hồ Xuân Hương từng viết ‘Mười bảy hay là mười tám đây/ Cho ta yêu dấu chẳng dời tay’ (*Cái quạt*). Nhưng trắng tròn vào ngày 15, tuổi trắng tròn là tuổi 15, còn tuổi 17 có chẳng là tuổi trắng... *méo*. Kiểu sai trên đây được gọi là sai ngữ nghĩa.

##### 8.1.5.1. *Tiền giả định*

Tiền giả định là gì? Trong một câu, đó là điều không nói ra (không hiển ngôn) nhưng tất yếu tồn tại để câu đúng. Từ câu ‘Ba ăn mặc bánh bao’ suy ra Ba là con trai, vì *bánh bao* có tiền giả định nói về con trai. Câu ‘cô ấy ăn mặc bánh bao’ không chuẩn. Cũng vậy, nói *bánh trai*. Hầu như không ai nói *bánh gái*. Như vậy, *bánh* có tiền giả định nói về con trai.

Tiền giả định của một câu giúp chúng ta biết được những thông tin không nói ra trong câu đó. Quan sát đoạn thoại:

a. Tôi biết rồi. Mẹ tôi đã từng làm cho ‘Tổ chức’.

b. Mẹ anh đang làm cho chúng tôi. (p. *Vượt ngục*)

‘Đã từng V’ có tiền giả định trước đây V, nay không còn V nữa (do những nguyên nhân khác nhau: bỏ sang làm cho cơ sở khác hoặc đã chết...). Từ *đang* trong lời đáp đã phủ định tiền giả định ‘mẹ người đó đã chết’ đồng thời nêu *hàm ý* ‘Tổ chức’ chính là chúng tôi.

- Nhà Trắng *chối bỏ* (tin) dự định lật đổ Chính phủ Iran. (b., 27.05.2003)

‘Chối’, ‘chối bỏ’ một điều gì có tiền giả định điều đó là có thật. Do vậy, câu trên giúp ta suy ra *dự định lật đổ Chính phủ Iran* là có thật. Nếu nói Nhà Trắng *bác bỏ* (tin) dự định lật đổ Chính phủ Iran’ thì không thể suy ra điều trên đây.

Tiếng Anh dùng từ *black* để chỉ những vật gì, con gì có màu đen trong khi đó ở tiếng Việt có nhiều từ *đen* khác nhau cho một số loài vật và đồ vật. Chúng có những tiền giả định đặc thù: ngựa đen thì gọi là *ngựa ô*, chó đen thì kêu là *chó mực*, mèo đen thì gọi là *mèo mun*, gà đen là *gà quạ*, bò đen là *bò hóng*, mực đen là *mực tàu*, tóc đen được gọi là *tóc nhung* hoặc *tóc huyền*.

Tiền giả định liên quan đến nhận thức sâu thẳm của mỗi người về nghĩa của từ ngữ. Nhiều từ gần nghĩa chỉ khác nhau rất ít về tiền giả định.

Ví dụ về tiền giả định của từ *dắt*. Vì sao trong những ví dụ dưới đây có câu đúng, có câu không đúng và có câu đáng ngờ?

- Nói ‘Chị *dắt* em đi chơi’. Có thể nói ‘Chị em *dắt nhau* đi chơi’, nhưng không thể nói ‘Em *dắt* chị đi chơi’.

- Có thể nói ‘Hướng dẫn viên *dắt* du khách thăm thành phố’, nhưng không thể nói ‘Du khách *dắt* hướng dẫn viên thăm thành phố’. Khó chấp nhận câu sau đây là chuẩn mực: ‘Du khách và hướng dẫn viên *dắt nhau* thăm thành phố’.

- Nói ‘Ông cháu ông già mù *dắt nhau* đi ăn xin’. Có thể nói ‘Đứa cháu *dắt* người ông mù đi ăn xin’ nhưng khó chấp nhận câu ‘Người ông mù *dắt* cháu đi ăn xin’.

Câu trả lời là từ *dắt* trong ‘A *dắt* B đi’ có tiền giả định A *định hướng được* cho B đi. Tiền giả định này không còn nữa trong ‘A, B *dắt nhau* đi’.

Tương tự, hai từ *đụng*, *chạm* có tiền giả định khác nhau. Vì sao có thể nói ‘Trái banh *chạm* vào vách (màu) trắng’ nhưng không thể nói ‘Vách màu trắng *chạm* vào trái banh’? Bởi lẽ, từ *chạm* có một tiền giả định là ‘vật chuyển động chạm vào vật bất động’. Vì sao có thể nói ‘Sao băng *đụng* (/va) vào mặt trăng’ nhưng không thể nói: ‘Mặt trăng *đụng* (/va) vào sao băng? Bởi lẽ từ *đụng* (/va) có một tiền giả định là vật chuyển động nhanh hơn *đụng* (/va) vào vật chuyển động chậm hơn.

Chúng ta gặp khá nhiều câu đúng ngữ pháp nhưng không chấp nhận được vì sai tiền giả định.

- Sự vắng mặt suốt tháng của họ chắc chắn sẽ làm Arsenal suy yếu cho dù huấn luyện viên Arsene Wenger có thể *lấp liếm* những vị trí đó bằng những cầu thủ trẻ hữu dụng.’ (b.,

03.01.2008). Câu này sai vì *lắp liếm* có tiền giả định chỉ hoạt động nói năng chứ không phải những hành động. Có thể thay bằng *bù đắp*.

- Đêm khuya, cặp *vợ chồng son* và đưa con bé bỏng đang ngủ. (b., 20.06.2003)

Câu này sai vì ‘*vợ chồng son*’ có tiền giả định chưa có con.

- Trong khi đó dịch cúm gia cầm vẫn đang *lưu hành* tại Việt Nam. (Tivi, 02.01.2008) Câu này không chấp nhận được vì *lưu hành* có tiền giả định những gì *đưa ra sử dụng* rộng rãi. Người ta không đưa ra sử dụng ‘dịch cúm gia cầm’. Có thể thay: *đang còn ở, đang tồn tại ở*.

- Bọn tham nhũng nhận được sự *cộng tác* của đám xã hội đen.

Những người bình thường chung sức làm một việc gì đó thì gọi là ‘*cộng tác*’, còn những kẻ hợp sức với nhau để làm những việc xấu thì gọi là *câu kết, cấu kết*. Vậy nói ‘Bọn tham ô nhận được sự *cấu kết* của đám xã hội đen.’

Những cách nói ‘Ông có đôi chân dài *quắc thước*’; ‘thân mình *quắc thước*’; ‘đôi mắt *quắc thước*’; ‘một em bé *quắc thước*’; ‘một bà lão *quắc thước*’ đều sai vì đều trật tiền giả định của *quắc thước* là một ông già khỏe mạnh, nhanh nhẹn, còn đầy sức lực.

*Chủ ý dùng sai một tiền giả định sẽ tạo ra hàm ý liên quan đến tiền giả định đó.*

Suốt buổi ông ngồi xỏm trước cũi để ngắm mèo, như người ta ngắm ‘mèo gái’ vậy. (Nguyễn Công Hoan)

Nói lộn nái, mèo cái, cô gái. ‘Gái’ có tiền giả định nói về người. Dùng sai cụm ‘mèo gái’ dẫn tới hàm ý ‘ông như người ngắm gái’.

- Làn gió ấm áp đang đẩy lùi những hiện tượng tiêu cực, trì trệ, lấy lại sự sôi nổi, *hoạt bát* vốn có của cách mạng nước ta.

Câu trên sai vì ‘hoạt bát’ có tiền giả định nói về người mà cách mạng không phải là người.

Trong báo X, số 30, trang 72, ghi ‘Năm mùi: mặn, đắng, chát, cay, ngọt...’ Đã là *mùi* thì phải được thẩm định bằng mũi. Còn ‘mặn, đắng, chát...’ được thẩm định bằng lưỡi nên gọi là vị mới đúng. *Câu trên sai từ mùi*. Có thứ mùi chứa cả các vị đắng, cay, ngọt, bùi, mà muốn thẩm định bằng gì cũng được là... *mùi đời!*

### *Tiền giả định & từ gần nghĩa*

*Từ đây & từ nay*: ‘từ đây’ định ranh giới không gian. Còn ‘từ nay’ định ranh giới thời gian. Suy ra nói ‘từ đây trở đi các chú cần cẩn thận hơn’ được hiểu là lời dặn dò khi *đang đi* trên đường. Còn ‘từ nay trở đi các chú cần cẩn thận hơn’ lại được hiểu là ‘từ lúc này về sau...’

- Hậu quả cho AC Milan thật tai hại: bị UEFA trừ hai điểm đội này lọt xuống cuối bảng, ngoài ra trong hai trận trên sân nhà tiếp theo phải đá trên sân cách xa Milan tới 300km! (b., 23.10.1994)

Người ta nói ‘lọt vào bán kết’, ‘lọt vào mắt người đẹp’... nhưng không nói ‘\*tụt vào bán kết’. Tụt là *đi xuống*, nên nói

‘tụt hạng’, ‘tụt dốc’, ‘tụt hậu’,... nghĩa là từ *lọt* có thể dùng để chỉ một sự kiện tốt đẹp, còn *tụt* thì không. Vậy cần sửa lại là: ‘*tụt xuống cuối bảng*’.

- Năm 1937 Reimuth phát minh ra tiểu hành tinh Hermes. (b., 23.10.1992)

Người ta phát minh ra (hoặc chế tạo ra) cái mới, cái chưa từng có và phát hiện, khám phá ra cái đã tồn tại. Mà tiểu hành tinh Hermes đã tồn tại. Vậy cần thay ‘phát minh’ bằng ‘phát hiện’ hoặc ‘khám phá’.

- Obama đã đến Kenya gặp các anh chị em cùng cha khác mẹ và hòa giải với các kỷ niệm về cha mình. (b., 08.06.2008)

Con người hòa giải với nhau. Đồ vật đâu có biết suy nghĩ mà *hòa giải*. Hay tác giả muốn viết ‘Obama đã đến Kenya gặp các anh chị em cùng cha khác mẹ và hòa giải với họ những kỷ niệm về cha mình’?

- Hình ảnh những cô gái tóc vấn đuôi gà, chiếc khăn lụa đen quàng hờ trên vai, quẩy *kĩu kịt* gánh hoa tươi hắc vấn còn in đậm trong tâm trí nhiều cụ ông, cụ bà sống lâu năm ở Hà Nội.

‘Kĩu kịt’ có tiền giả định gánh nặng, đôi quang cộ sát vào đòn gánh và gây ra tiếng *kĩu kịt*. Gánh hoa mà quẩy *kĩu kịt* thì nát hết hoa!

Tuy nhiên, có thể khai thác hiện tượng chuyển nghĩa của từ qua cách dùng *lệch chuẩn* về tiền giả định:

- Chị trở thành đề tài *màu mỡ* cho những ‘bà tám’ trong cơ quan. (b., 31.10.2010)

Ruộng đất màu mỡ, phì nhiêu thì thu hoạch, khai thác được nhiều. Cái gì màu mỡ cũng sẽ được khai thác nhiều. Do vậy, ‘đề tài *màu mỡ*’ được hiểu là ‘đề tài được khai thác nhiều’.

Cũng vậy, ‘Bài thơ còn xao xuyến, *rung* nắng vàng ban mai’; ‘Mất buồn vin ngọn cây’... là những cách nói chấp nhận được, có thể gọi là hay.

#### 8.1.5.2. *Phép so sánh* sai về tiền giả định

Phép so sánh ‘A giống như B’ có tiền giả định A không là B.

Vậy thì ‘Lời trần tình này giống như một tiếng gọi tha thiết đối với việc làm’ (b., 29.09.92) có tiền giả định ‘lời trần tình này *không phải* là một tiếng gọi tha thiết (!)’ Hơn nữa, có tiếng gọi tới một đối tượng vô tri hay sao mà ‘tiếng gọi tha thiết *đối với việc làm*’? Chỉ có ‘tiếng gọi tha thiết *đối với* những người có trách nhiệm’ hoặc ‘tiếng gọi tha thiết về việc làm’.

Nên sửa câu trên thành: ‘Lời trần tình này *là* một tiếng gọi tha thiết đối với những người có trách nhiệm về việc làm.’

#### 8.1.6. *Phương ngữ* và hiện tượng *sai chính tả*

Người mỗi vùng phương ngữ thường có những lối sai đặc thù.

Người miền Bắc không phân biệt vần *ươu/iêu* nên khi không nắm chắc từ Hán-Việt thì có thể nhầm *ngự tửu* thành *ngự tiếu*: ‘Thượng hoàng Thánh Tôn và Hoàng đế Nhân Tôn

rất vui, sai ban *ngự tiểu* và lưu Hưng Đạo Vương ở lại dùng cơm liền...' (b., 12-1998)

*Ngự tửu* thì quý còn *ngự tiểu* liệu uống nổi không?

Người miền Nam phát âm không phân biệt vần ay/ai nên khi không nắm chắc từ Hán-Việt thì có thể viết lầm *đái thiên* thành *đáy thiên*: 'Từ ấy, họ như hai kẻ thù 'bất cọng đáy thiên', vẫn ở chung mà cơm ai nấy ăn, giường ai nấy ngủ'. (b., 03.1999)

Thành ngữ Hán-Việt *Bất cọng đới thiên* có nghĩa là 'không đội trời chung'. Từ *đới* (đội) còn có cách phát âm là *đái*. 'Đái thiên' nghĩa là 'đội trời' còn 'đáy thiên' thì lại thành vòm trời này có... đáy!

#### 8.1.7. Vay mượn

Vay mượn là một xu hướng tất yếu nhằm làm tiếng Việt thêm phong phú. Trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay, không ít trường hợp thiếu từ tiếng Việt để diễn đạt những khái niệm mới, nhất là những từ thuộc các lĩnh vực khoa học công nghệ, kinh tế... Trong khi chờ đợi xã hội tìm ra những từ thích hợp, chúng ta buộc phải mượn từ nước ngoài. Lưu ý là lần dùng đầu tiên bao giờ cũng phải chua nghĩa tiếng Việt sau từ nước ngoài vừa dùng. Ví dụ: 'Ban điều hành kiến nghị hội đồng quản trị JPA thông qua phương án mua xăng theo hình thức *hedging* (dự trữ trước nhiên liệu) để kiểm soát giá nhiên liệu trong năm 2008 và 2009...' (Tuổi Trẻ, 17.12.2009) Sau chú thích này, thì bài báo thoải mái dùng tới 6 lần từ *hedging*.

### *Cái lý của những từ nước ngoài.*

Khi xuất hiện báo mạng liền xuất hiện sự cạnh tranh với báo giấy, xuất hiện cạnh tranh giữa các trang mạng, xuất hiện những hình thức ‘câu khách’ mới. Có hình ảnh là một phương thức đặc biệt báo mạng dùng để thu hút độc giả xem (*view*). Ấy thế là: ‘Nếu họ (những trang báo mạng) không muốn *câu view* thì sẽ không đăng tải lặp đi lặp lại những bức ảnh đó’. (Ca sĩ TM, *Tuổi Trẻ*, 19.06.2012)

Dùng ‘câu khách’ không phản ánh được tình huống đặc biệt ‘câu xem hình ảnh’ này. Đó là cái lý tồn tại của ‘câu *view*’.

*Tuy nhiên, nếu có từ tiếng Việt tương đương thì không nên dùng từ nước ngoài.*

- Cuối năm 2000 tất cả các trường ở Hàn Quốc đều được cung cấp computers và vào internet. (đ., 26.07.2000)

Từ internet đã trở thành một thuật ngữ tin học bình thường rồi, giữ nguyên ngữ không sao. Nhưng đã từ lâu, người Việt đã quen dịch computer là *máy vi tính* (ít người dịch *máy điện toán*). Vậy phải chăng nên viết ‘Cuối năm 2000 tất cả các trường ở Hàn Quốc đều được cung cấp máy vi tính và vào internet’?

Sai do *phỏng đoán* mò - tạo ra cách giải thích theo kiểu ‘*từ nguyên dân gian*’.

- Trong một tạp chí số 94 (10.2007), ông ĐNT viết: ‘*Hoa don* là từ tiếng Pháp - *jeune* = trẻ. Hoa này đích thực là tuổi xanh. (*Tuổi Trẻ Cười*, 355) Thật ra, *don*, *lay-on* là những biến

thể rút gọn của *glayon* phiên âm từ *glaïeul* - một từ Pháp. Người Pháp hiểu hoa này biểu trưng cho *sự hẹn hò* (rendez-vous) chứ không phải là tuổi trẻ.

Hiện nay có khuynh hướng *phát âm từ Pháp theo kiểu Anh*, dẫn tới cách phiên âm kiểu Anh (!). Xe *buýt* là từ mượn tiếng Pháp - *bus* - nhưng nhiều thanh niên gọi là xe *bót*. Tên nhà bác học người Pháp *Yersin* có công lao lớn với Việt Nam không được nhiều người Việt đọc theo âm Pháp *Éc-xanh* mà lại theo kiểu Anh thành *Éc-xin*. Bộ vòng đeo tay 7 chiếc là *vòng xơ men* (do từ Pháp *semaine*) cũng thường bị đọc theo kiểu Anh thành vòng *xi men*.

- Tôi cũng yêu cầu cô ấy ký nhận *xori* đôla mà. (b., 10.05.2003)

Từ Pháp *série* (một dãy, một loạt) nhập vào tiếng Việt thành *xêri*. Từ tiếng Anh đồng nghĩa là *series* nhưng không đọc là *xori*. Từ Anh *cerise* (anh đào) mới phiên thành *xori*.

- Sau bữa tiệc *búp-phê* vui vẻ, khách dự sinh nhật còn được... (b., 01.30.2010).

Lỗi này do không biết tiếng Pháp hay là do cách phiên âm tiếng Pháp theo kiểu Anh? Lẽ ra là *buýp phê* (buffet).

- Sau cùng là đội ngũ media (thông tin đại chúng) bản địa - máy quay phim, máy ảnh lăm lăm trong tay.

Lẽ ra 'Sau cùng là đội ngũ *các nhà báo*'. Bởi media (← mass media) là *phương tiện* thông tin đại chúng, chứ không chỉ người làm ngành nghề thông tin đại chúng.

### 8.1.8. Từ hư: liên từ, giới từ, từ tình thái

*Lỗi về từ hư chủ yếu là lỗi do các quan hệ cú pháp và ngữ nghĩa trong câu không phù hợp với nhau.*

Trong tiếng Việt có kiểu câu ghép thể hiện quan hệ *ngịch nhân quả* - trái ngược với quan hệ nhân quả: *Tuy A nhưng (mà) B; Tuy A song B; Dù A nhưng (mà) B; Dẫu A song B; Mặc dù A song B; Mặc dẫu A song (vẫn) B*. Quan hệ ngữ nghĩa giữa A và B trong những câu này là *không phù hợp luật nhân quả*. Nghĩa là, theo luật nhân quả lẽ ra từ A sẽ xảy ra điều X, nhưng ở những câu trên lại xảy ra B là điều trái ngược với X. Những cách nói khác: *A và B đối lập nhau; B là điều người ta không chờ đợi từ A*. Có nhiều lỗi thuộc loại này. Ví dụ:

- Và với chúng tôi, vốn không mẫn mà khuynh hướng kỹ thuật hóa các tiết mục múa, cũng không thể phủ nhận đây là một tiết mục rất hấp dẫn, mặc dù, rất bài bản và điều luyện.

Dàn dựng rất bài bản và điều luyện theo lẽ thường sẽ thành một tiết mục hấp dẫn. Nói cách khác, hấp dẫn không tạo ra ý đối lập với rất bài bản và điều luyện. Câu trên dùng sai từ *mặc dù*. Vậy cần bỏ đi: '[...] đây là một tiết mục rất hấp dẫn, rất bài bản và điều luyện'.

- Tuấn cho biết rằng do nằm ở 'trận địa' sẵn voi từ ngày đầu đến giờ nhưng do sự ngăn cản của lực lượng bảo vệ nên anh chưa hề ghi được hình ảnh nào.[...] Họ lại không có vũ khí và bảo vệ như các chuyên gia? Đường lên chỗ voi nằm chỉ có một con đường duy nhất thì lực lượng bảo vệ sẽ chốt rất chặt. (b., 16.11.2001)

Đoạn trên gồm 3 câu. Câu thứ nhất sai ở cặp *do... nhưng*. Thật vậy, theo lẽ thường nằm ở trận địa ngay từ ngày đầu hẳn ghi được hình ảnh. Vậy mà chưa ghi được hình nào. Cặp *tuy - nhưng, mặc dù - nhưng* mới nói được điều ngược đời này: ‘Tuấn cho biết rằng *mặc dù* nằm ở ‘trận địa’ sẵn voi từ ngày đầu đến giờ *nhưng* do sự ngăn cản của lực lượng bảo vệ nên anh chưa hề ghi được hình ảnh nào.’ Câu thứ hai sai dấu hỏi. Câu thứ ba lặp từ *đường* và sai từ sẽ: lên chỗ voi nằm chỉ có một con đường duy nhất thì lực lượng bảo vệ *lại* chốt rất chặt.

- Đội Áo với vị trí 92... là đội bóng ‘đội số’ trong 16 đội có mặt ở vòng chung kết Euro 2008. Và cho dù là chủ nhà, 92 *cũng* là 92. (b., 09.06.2008)

Với lợi thế sân nhà trong bóng đá, theo lẽ thường chủ nhà sẽ đạt được một kết quả nào đó. Chủ nhà mà đội số là chuyện ngược đời. Từ *cho dù* phản ánh quan hệ ngược đời này. *Cho dù... vẫn* mới đi thành cặp. Cần sửa là ‘Và cho dù là chủ nhà, 92 *vẫn* là 92’.

Một vài kiểu lỗi khác:

*Các & những:*

- Ông đề tặng cuốn sách *Sự tảo bạo của hy vọng* cho mẹ và bà ngoại Madelyn Dunham là *các* phụ nữ đã nuôi dạy tôi nên người. (b., 08.06.2008)

*Các* phụ nữ là *tất cả* phụ nữ một cách tuyệt đối. Còn ‘*những* phụ nữ’ chỉ *tất cả* những đối tượng là phụ nữ được nói tới. Đó là mẹ và bà ngoại. Chỉ thay *các* bằng *những* là

được một câu chuẩn: ‘... là *những* phụ nữ đã nuôi dạy tôi nên người’.

*Có tới:*

- Cứ đi gặp mười người thì *có tới* mười người kêu như thế.

*Có tới* dùng để nhấn mạnh số lượng lớn, nhưng không phải là *tất cả*. Nên sửa: Cứ đi gặp mười người thì *cả* mười người kêu như thế. Hoặc ‘Cứ đi gặp mười người thì *có tới* chín người kêu như thế’.

*Là:*

- Hai sinh viên của đại học Purdue vừa khám phá ra một lỗi quan trọng trong hệ thống an ninh từng được nể trọng của internet. Việc này đã đưa ra một cú đấm lớn cho nền thương mại điện tử.

Người ta nhận định ‘việc này *là* A’ chứ không nói ‘việc này *đưa ra* A’. Nên sửa: ... Sự kiện này là một cú đấm lớn cho nền thương mại điện tử.

- Bao lâu vẫn chưa có một hệ thống kiểm soát quan chức hiệu quả *thì* sẽ khó có thể ngăn cản họ kiếm chác lợi ích từ các doanh nghiệp nhà nước cũng như từ bộ máy công quyền. (Tuổi Trẻ, 01.06.2011)

+ Nếu từ ‘*thì*’ dùng đúng: đây là câu giả định. Vậy phần đầu phải là ‘Nếu như’: ‘Nếu như chưa có một hệ thống kiểm soát quan chức hiệu quả *thì* sẽ khó có thể ngăn cản họ kiếm chác lợi ích từ các doanh nghiệp nhà nước cũng như từ bộ máy công quyền’.

+ Nghĩa trong bài không phải là giả định, mà là sự việc đã

tồn tại lâu nay. Cho nên đây là câu ghép nguyên nhân-kết quả. Kiểu liên kết sẽ là *vì... (cho) nên*. Tức là từ *thì* dùng sai. Câu cần sửa là: ‘Bao lâu nay, (vì) vẫn chưa có một hệ thống kiểm soát quan chức hiệu quả (cho) nên sẽ khó có thể ngăn cản họ kiếm chác lợi ích từ các doanh nghiệp nhà nước cũng như từ bộ máy công quyền’.

#### 8.1.9. Dùng từ hay: những từ tình thái

Nhiều từ tình thái mơ hồ về nghĩa, một nghĩa thể hiện nhận thức của người nói và một nghĩa do đối tượng khác áp đặt. Khi nghĩa áp đặt không cần thiết phải bộc lộ, dùng khéo từ tình thái mơ hồ sẽ giấu đi được điều này.

- Hết khóa học, năm 1964 Đặng Quý *phải* về nước, Ermakova tình nguyện bế con theo chồng về Hà Nội. (TTCT, 01.11.2009) Cái điều hàng loạt sinh viên Việt Nam học ở Liên Xô năm 1964 *bắt buộc phải* về nước đã được kín đáo che giấu đi qua từ *phải* mơ hồ: có lệnh bắt buộc phải về là từ *phải* mà tự thấy cần phải về cũng là từ *phải*. Vậy là hay.

Từ mới: *những sắc thái ngôn từ mới lạ*

Theo Hồ Anh Thái, trong vài thập kỷ gần đây có dòng ‘văn học Ấn Độ tràn đầy hơi thở đời sống, thấm đẫm bản sắc và độc đáo hiếm thấy. Hiện tượng này cũng góp phần tạo ra một thứ tiếng Anh mới, sinh động và khác lạ. Rất nhiều khái niệm văn hóa và đời sống tưởng như dị biệt đã được bổ sung vào tiếng Anh, ban đầu là những chữ nghiêng rồi dần dần bình thường hóa, không in nghiêng nữa. Nhiều từ tiếng Anh ta sử dụng hiện nay có nguồn gốc Ấn Độ’.

- Chủ nghĩa thực dân đã ra đi từ lâu, nhưng *bóng ma so sánh* vẫn ám ảnh giới trí thức bản địa. Họ nhìn đời sống đất nước mình trong sự so sánh theo những chuẩn mực Âu Mỹ. (TTCT, 01.11.2009) *Bóng ma so sánh* - một khái niệm của giáo sư chính trị học Mỹ Benedict Anderson đã được dùng thích hợp.

Bất ngờ: *những kết hợp bất thường*

- Tiếng cười tung ra, làm ngoái cổ cả những cô tiểu thư xinh nhất và lười nhất trần đời...(Nguyễn Công Hoan)

Vội từ và, trọng tâm thông báo của câu châm biếm lộ ra: những tiểu thư lười nhất trần đời.

- Anh không nhìn gái, không nói tục, *đến cả* viết tiểu thuyết và làm thơ mới, anh cũng không nốt.

Dùng cụm từ *đến cả*, Nguyễn Công Hoan vô tình (hay cố tình?) bộc lộ ý tự giễu: viết tiểu thuyết và làm thơ mới còn *xấu hơn* nhìn gái và nói tục.

*Lô gích của những cách nói đồng nghĩa*

- Tôi xin lỗi, nhưng tôi muốn được *ở* một mình. (NCTOH, t.4)

Từ *ở* có thể hiểu là ‘sống tại nơi nào đó’. Từ *ngồi* không có nghĩa này. Khi không muốn có ai bên cạnh làm phiền mình thì nên dùng từ *ngồi*: ‘Tôi xin lỗi, nhưng tôi muốn được *ngồi* một mình’.

*Tư duy*

- Gần đây nạn đua xe lạng lách lại tái diễn theo chiều hướng xấu.

Đua xe lạng lách có diễn ra theo chiều hướng *tốt*? Hẳn không. Vậy, nên sửa thành: ‘Gần đây nạn đua xe lạng lách tái diễn theo chiều hướng nghiêm trọng hơn.

Giữa hai câu dưới đây, chúng ta chọn câu nào?

(a) Nếu không trùng trị kịp thời, tội ác sẽ lây lan.

(b) Nếu không trùng trị kịp thời, sẽ làm cho tội ác lây lan.

Hai vế của những câu trên đều có quan hệ nhân quả. Dùng cặp từ nối *nếu... thì* sẽ diễn đạt được quan hệ này. Nghĩa là, thêm từ *thì* vào đầu vế sau sẽ được những câu bình thường. Nhưng quan hệ nội dung đã rõ, nên không cần từ nối *nếu*. Bỏ đi sẽ được một câu đơn giản hơn:

→ Không trùng trị kịp thời, tội ác sẽ lây lan.

*Tránh dùng những từ ngữ không hay.* Đó là những từ ngữ kiêng kỵ, những từ thô lậu, tục tĩu, không hợp phong cách (x. §4.4) và cả những từ đã *mòn nghĩa*. Có những từ ngữ rất hay được nhiều người ưa dùng, nhưng dùng quá nhiều sẽ thành nhàm và khiến từ trở thành mòn nghĩa, những từ ngữ ‘ăn theo’ nhàm chán. (x. §5.7.4)

#### 8.1.10. Phụ lục: **Dạy chữ Hán hay dạy từ Hán-Việt?**<sup>1</sup>

a. Trên *Tuổi Trẻ Cuối Tuần* (27.06.2010) PGS. TS Đoàn Lê Giang viết bài *Cần khôi phục việc dạy chữ Hán trong nhà trường*, trong đó nói người Hàn và người Nhật cũng dạy chữ Hán cho học sinh trung học. Tác giả viết ‘chùng nào chúng ta còn coi trọng bản sắc văn hóa dân tộc, chùng nào chúng

1 Bài đăng trên *Tuổi Trẻ*, mục *Tiếng nước tôi*, ngày 06.07.2010

ta còn nhìn các nước Đông Á như những cái móc cần phải đuối kịp thì chừng ấy chúng ta còn cần phải dạy chữ Hán'. Tôi đồng ý một phần với bài viết này: *Trong trường trung học cần dạy từ Hán-Việt nhưng không cần dạy chữ Hán.*

b. Người Hàn, người Nhật dạy chữ Hán cho học sinh trung học là cần thiết nhưng người Việt thì không vì chữ Việt không giống chữ Hàn hay chữ Nhật.

*Hangul* là chữ viết của người Hàn, cũng là thứ chữ ghi âm. Cũng như tiếng Việt, rất nhiều từ tiếng Hàn có gốc Hán. Tiếng Hán có 4 thanh còn tiếng Hàn không có thanh điệu nên những từ cùng vần khác thanh khi nhập vào tiếng Hàn sẽ thành những từ đồng âm, dẫn tới nhiều hiện tượng mơ hồ trên mặt chữ hơn tiếng Việt. Khi cần chính xác, trong những văn bản khoa học người ta thường chừa thêm chữ Hán sau những cụm từ quan trọng. Tiến sĩ Trần Văn Tiếng nêu ví dụ: Trong tiếng Hàn, có nhiều từ phát âm là *sung* nên công ty *Samsung* khi viết từ này đã phải chừa chữ Hán *tinh* vào cuối để người đọc hiểu rằng *Samsung* là *tam tinh*. Logo trước đây của *Samsung* là *ba ngôi sao*. Nếu không biết những chữ Hán cơ bản thì chính người Hàn cũng không đọc hiểu được chữ Hàn nên học sinh Hàn cần học tiếng Hán. Còn người Việt không biết chữ Hán vẫn có thể đọc thông thạo chữ Việt dù không hiểu một số từ nào đó. Hiện nay nhiều người dùng sai từ Hán-Việt vì không hiểu nghĩa của chúng chứ không phải vì không biết chữ Hán. Chúng ta chỉ cần biết **nghĩa** chứ không cần biết **mặt chữ** Hán của những từ Hán-Việt (từ Việt gốc Hán). Nhiều nhà nghiên cứu nói rằng, trong tiếng

Việt có khoảng 60% - 70% từ gốc Hán. Có học 1000 chữ Hán thì vẫn còn dăm nghìn chữ chưa biết. Hiểu nghĩa của một từ Hán-Việt dễ dàng hơn rất nhiều so với công sức bỏ ra để nhớ mặt chữ, hiểu nghĩa và viết nó (sao cho không như gà bới). Thời gian bỏ ra để học 1.000 chữ Hán ít nhất có thể dùng để học 5.000 từ Hán-Việt. Chương trình học hiện nay vốn đã nặng nề, dạy thêm chữ Hán lại càng thêm nặng nề. Hơn nữa, biết mặt chữ Hán không phải là điều kiện cần để giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Do vậy, để học sinh hiểu sâu sắc hơn tiếng Việt, chỉ cần dạy từ **Hán-Việt**.

*c. Chúng ta dạy những gì?* Hãy dạy những gì để người Việt không mắc những lỗi do thiếu hiểu biết về từ Hán-Việt.

1. Dạy những từ cơ bản, thường dùng trong đời sống và những từ có trong sách giáo khoa trung học.

2. Hiện tượng đồng âm giữa yếu tố Hán-Việt với yếu tố thuần Việt thường dẫn tới hiểu lầm nghĩa. Cần đặc biệt chú ý dạy nghĩa của lớp từ này.

Ví dụ: *Yếu, cứu* vừa là từ Hán-Việt vừa là từ thuần Việt. Ấy vậy nên ‘yếu nhân’ thay vì ‘nhân vật quan trọng’ lại hiểu lầm là *người yếu*. Cũng vậy, ‘yếu điểm’ hiểu lầm là *điểm yếu, nhược điểm*, ‘cứu cánh’ được hiểu là *cứu vớt, cứu giúp*. Từ Hán-Việt ‘yếu’ có nghĩa là ‘quan trọng’ (nghĩa này có trong *chính yếu, cơ yếu, cần yếu, trích yếu, kỷ yếu, thiết yếu, yếu địa, yếu lĩnh, cốt yếu, thứ yếu...*). Còn ‘cứu cánh’ là ‘mục đích cuối cùng’.

Có rất nhiều từ gần âm, do không hiểu nghĩa nên dễ dùng chệch sang một từ gần âm khác quen dùng: nhậm chức →

nhận chức; kiểm sát → kiểm soát; tinh túy → tinh tú; ưu đãi → chiêu đãi; huy hiệu → danh hiệu; tham quan → thăm quan (Hàng ngày, chàng đội lốt gấu, đi đi lại lại, làm một số trò cho khách *thăm quan*. - b., số 25, tháng 3.1999).

3. Đặc biệt cần lưu ý những hiện tượng liên quan tới *trật tự*.

Không thấy tầm quan trọng của *trật tự các yếu tố* trong từ Hán-Việt, nên có những cách hiểu mơ hồ, lầm lẫn ở nhiều người, kể cả những người cầm bút: *nhân văn/văn nhân, nhân tình/tình nhân, thân nhân/nhân thân, chính quốc/quốc chính, công nhân/nhân công* ('Sáu đối tượng bị bắt tại chỗ trong số gần cả trăm *nhân công* tháo chạy tán loạn. - b., 16.12.2003). *Nhân công* là 'sức người' sao lại có thể tháo chạy được?

Nhiều từ ghép Hán-Việt đã đảo lại trật tự theo khuynh hướng của cấu trúc thuần Việt. Báo viết 'Philippin, Indônêxia là hai *quốc đảo*'. Đài nói 'huyện đảo Lý Sơn', 'quốc đảo Cu Ba' (*Chào Buổi Sáng*, 27.07.2011) Lẽ ra cần đảo lại trật tự là *đảo quốc, đảo huyện*. Từ điển tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học, năm 1992, ghi rằng *chúng nhân/nhân chúng* đều là 'người làm chúng'. Thật ra chỉ *chúng nhân* mới là *người làm chúng*, (thường cho những sự kiện lớn, 'những chúng nhân lịch sử'), còn *nhân chúng* là *chúng cứ* của người (*làm chúng*). Hầu như hiện nay mọi người đều dùng *huyện đảo* thay cho *đảo huyện*, *nhân chúng* để chỉ *người làm chúng*. Phải chăng vì *sai lâu rồi nên nay đã thành đúng*?

Khi nhập vào tiếng Việt, nhiều từ Hán-Việt được hiểu theo

*lối dùng thuần Việt* dẫn tới khác trật tự tiếng Hán gốc. Ví dụ: Nếu như tiếng Việt là thời *tiền sử* (thời kỳ chưa có sử), *tiền khởi nghĩa* (trước khởi nghĩa), *tiền tư bản* (trước chủ nghĩa tư bản) thì tiếng Hán là *sử tiền*, *khởi nghĩa chi tiền*, *tư bản chủ nghĩa dĩ tiền*.

Từ đây cần đặc biệt quan tâm tới những hiện tượng *chuyển nghĩa*, *biến đổi* của từ Hán-Việt. Chẳng hạn, từ những cách hiểu ‘dân gian’, nhiều từ Hán Việt biến đổi theo một cái lý nào đó và nay được coi là chuẩn: *chung cư* → *chung cư*, *trú sở* → *trụ sở*, *thống kế* → *thống kê*,... (hàng loạt từ có yếu tố kế chỉ công cụ đo đạc: *điện kế*, *nhiệt kế*, *áp kế*, *vol kế*, *lực kế*...)

Nhà *cao tầng*, hươu *cao cổ* là những từ thuần Việt, nhưng cách cấu tạo lại phỏng theo *trật tự* Hán Việt: *cao ốc*, *cao lâu* (nhà có gác cao), *cao đường* (nhà lớn)

4. Cần dạy những thành ngữ, tục ngữ cơ bản gốc Hán, vì có quá nhiều người hiểu chúng rất lơ mơ: *An nhiên tự tại*: thư thái, không có điều gì lo phiền.

*Bách bộ xuyên dương*: (Đường Do Cơ thời *Chiến Quốc* có tài bắn cung) cách trăm bước vẫn trăm phát trăm trúng lá liễu được chọn.

*Bách niên giai lão*: *trăm tuổi đều già* = lời chúc sống trọn đời bên nhau.

*Ý tại ngôn ngoại*: lời bên ngoài còn ý ở bên trong.

*Xập xị xập ngầu*: đọc theo âm Quảng Đông của thành ngữ Hán *thập tứ thập ngũ* = lèm nhèm trong tính toán, bót xén của người khác.

*Vô kế khả thi* (không cách gì giải quyết), *ưu thời mẫn thế*:  
*ưu* = lo, *mẫn* = thương xót, *lo lắng đau lòng trước sự đời và*  
*thời cuộc*.

*Trầm tư mặc tưởng*: *trầm* = chìm, *mặc* = im lặng, *lặng lẽ*  
*tập trung suy nghĩ*.

*Tam bành lục tặc*: *tam bành* = ba thân Bành Kiêu, Bành  
 Cú, Bành Chất chuyên xui khiến con người làm những việc  
 xằng bậy; *lục tặc* = 6 điều làm người ta sa ngã, tu hành không  
 đắc đạo (*sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*).

*Nhất tự thiên kim*: một chữ đáng ngàn vàng = *văn chương*  
*tuyệt hay...*

#### d. Dạy từ Hán-Việt thế nào?

1. Dạy các từ và cách kết hợp thành từ. Căn cứ  
 theo mặt chữ mà chia mỗi từ (*chữ*) thành các nhóm nghĩa.  
 Dạy nghĩa thông qua những ví dụ. Tùy theo trình độ, khi dạy  
 cố gắng liên hệ với nghĩa của những từ thuần Việt. Chẳng  
 hạn: Có 4 từ *quy*. 1) Về, trở về: *quy tiên* (về với ông bà ông  
 vải, về chín tuổi), *quy hàng, hồi quy, đồng quy, quy nạp, quy*  
*kết, quy ra vàng, quy về một mối...* 2) Phép tắc, hoạch định:  
*quy cách, quy chế, quy luật, quy phạm, nội quy, phạm quy,*  
*quy hoạch, quy định...* 3) Rùa: thần *Kim quy*, 4) Theo: *quy*  
*y, quy Phật, quy tăng, tam quy...*

2. Dạy từ Hán-Việt, nhất là dạy những từ quen dùng, nếu  
 chú ý tới *nguồn gốc*, gắn nghĩa đen với nghĩa bóng trong  
 quá trình hình thành ý nghĩa sẽ gây hứng thú và giúp học  
 sinh nhớ lâu.

Ví dụ 1: Trong từ *cổ đông*, từ *cổ* - một phần vốn trong số vốn được tập hợp lại, còn *đông* - người chủ. (Thời xưa, người Trung Hoa có phong tục khi tiếp khách thì *chủ ngồi phía đông*, khách ngồi phía tây. Người thuê nhà gọi người chủ là *đông gia*.) Như vậy: *cổ đông* - pháp nhân là chủ sở hữu một số cổ phiếu.

Ví dụ 2: Từ *tục huyền* có nghĩa đen là ‘nối lại dây đàn’ (*tục* là nối lại, *huyền* là dây đàn). Từ sự liên tưởng vợ chết khiến cuộc đời người đàn ông bị gián đoạn tựa như dây đàn bị đứt, lấy vợ một lần nữa là nối lại dây đàn mà hình thành nghĩa bóng - ẩn dụ - của *tục huyền*: người đàn ông đi lấy vợ khác sau khi vợ mất.

#### e. Những công việc cấp thiết cần làm:

1) Nếu coi việc giảng dạy từ Hán-Việt là quan trọng và cấp thiết thì Bộ Giáo dục không nên xây dựng những chương trình, những dự án cấp ‘quốc gia’, cấp ‘nhà nước’ với những ‘hội đồng’ này nọ đứng đầu là các nhà quản lý. Theo kinh nghiệm thực tế, sẽ lãng phí rất nhiều tiền của và thời gian mà chất lượng sẽ không bằng đám ba chuyên gia thực thụ soạn thảo đề cương rồi tổ chức cuộc thi viết sách *dạy từ Hán-Việt* cấp trung học. Như vậy, sẽ có bộ sách giáo khoa tốt dạy kèm theo chương trình ngữ văn.

2) Chính lý, bổ sung những từ điển công cụ đã có về từ Hán-Việt và viết thêm những sách mới.

## 8.2. 'Từ lạ': những số phận khác nhau<sup>1</sup>

*Ngôn ngữ luôn luôn biến đổi, thường xuyên xuất hiện những từ lạ - những từ ngữ không bình thường. Theo thời gian, nhiều từ sẽ mất đi nhưng cũng có những từ trở thành thông thường.*

Có 3 lớp từ lạ đáng lưu ý.

### 8.2.1. Những khái niệm mới

Xã hội luôn luôn biến đổi nên thường xuyên xuất hiện những từ ngữ chỉ những khái niệm mới lạ. Hàng năm, những nhà xuất bản lớn luôn luôn có từ điển những từ ngữ mới xuất hiện trong năm. Nhưng nhiều khi vừa in xong thì ngay trong năm đó lại xuất hiện những từ rất mới nữa. Ví dụ quyển *Oxford Dictionary of English New Words.pdf* (lần thứ hai) của Oxford University Press, xuất bản năm 2003 nhưng lại không có từ **yuppie**, một từ xuất hiện năm 2003 và được tạo thành từ 4 từ: *young* (trẻ), *urban* (ở thành phố), *professional* (có chuyên môn), *hippie* (có tham vọng và một chút nổi loạn). Khái niệm này đã được thảo luận trên *Diễn đàn thanh niên thế giới* (Voice of Youth).

Nhiều từ ngữ lạ bị thời gian đào thải nhưng cũng nhiều từ ngữ tồn tại mãi làm vốn từ của chúng ta tăng lên, phong phú lên.

Những từ ngữ lạ *xưa như trái đất* là những từ liên quan tới những khái niệm khoa học. Một từ mới được đặt ra cho

1 Phần chính của bài đã đăng trên SGTT, với tit *Trước lạ sau quen*, ngày 20.12.2010.

một khái niệm khoa học thường được dùng vĩnh viễn. Một nhà khoa học Mỹ phát hiện một loại hạt cơ bản. Trong lúc loay hoay tìm tên đặt cho loại hạt này thì nghe tiếng quạ kêu. Ông bèn gọi loại hạt này là *quark*. Cái từ mô phỏng tiếng quạ kêu nghe lạ lẫm này trở thành một thuật ngữ được dùng chết luôn trong *vật lý lượng tử*. Nó cũng được dùng trong tiếng Việt. Cũng có trường hợp tiếng Việt vay mượn một thuật ngữ khoa học lẫn biến thể đại chúng của nó và dùng song song. Ngày 04.07.2012, giới vật lý toàn thế giới thờ phào nhẹ nhõm: giả thuyết về sự tồn tại của một hạt cơ bản mà Peter Higgs (và 5 người khác) phỏng đoán từ năm 1964 đã được xác nhận. Hạt boson (truyền lực yếu) này mang tên khoa học là *boson Higgs*, nhưng tên đại chúng của nó lại là ‘hạt của Chúa’. Duyên do như sau: Cái hạt boson Higgs rất khó hiểu này được nhà vật lý đoạt giải Nobel 1988 Leon M. Lederman, trong một cuốn sách phổ biến khoa học, gọi là *hạt chết tiệt* (goddamn particle). Biên tập viên ngại cái từ chửi thề (goddamn) này nên đã sửa lại thành một thuật ngữ đại chúng phủ màu huyền bí *god particle* (hạt của Chúa). Cả hai tên gọi này sẽ nhập vào tiếng Việt.

Khi mới xuất hiện, những đơn vị đo lường *kg, km, ha, m, cm...* cũng là những từ lạ. Nhiều người không hiểu tại sao lại viết như vậy. Không hiểu nhưng vẫn phải dùng. Có những nông dân nói: ‘Nhà tôi có 3 *ha* đất’ mà không nói ‘Nhà tôi có 3 *héc ta* đất’. Đơn vị đo diện tích *héc ta* được viết tắt là *ha* là một ký hiệu quốc tế nhưng dưới mắt nhiều nông dân nó vẫn là một từ tiếng Việt có diện tích 10.000m<sup>2</sup>.

Hiện nay cách viết 300K (với nghĩa là 300.000) trông lạ mắt. Có người cho là tiếng lóng. Thật ra, K là quy ước cho số 1000, theo chữ đầu **k** trong km (= 1000 m), kg (=1000 gam), kw (= 1000 watt)... Số là trong thế kỷ 20, có quy ước cách viết cho máy tính như sau: mỗi ngày, tháng, năm được viết bằng 2 chữ số, chẳng hạn ngày 30 tháng 4 năm 1975 sẽ được viết là 30.04.75. Gần bước sang thiên niên kỷ thứ ba, những chuyên gia tin học trên thế giới rất lo lắng về ‘sự cố máy tính Y2K’, tức là ‘sự cố máy tính năm 2000’. Y2K là viết tắt của *Year 2000*. Lo vì không biết trong một hợp đồng kinh tế, hoặc giờ lại những văn bản ngoại giao, nếu gặp 30.04.75 thì máy sẽ hiểu thế nào? Ngày 30.04.1975 hay ngày 30.04.2075? Thấy cách viết Y2K ngắn gọn, một số nước đã dùng cách viết tắt này, thay vì ba chữ số 0 người ta dùng một chữ K. Quy ước này có hạt nhân hợp lý, nên ngày càng trở nên phổ biến trên thế giới. *Việt Nam không là một ngoại lệ*. Điều gì hợp lý thì sẽ tồn tại. Trước lạ sau quen. Cách viết 300K (với nghĩa là 300.000) trông lạ mắt, thậm chí trông khó chịu với một số người, nhưng trong một tương lai gần, sẽ trở thành phổ biến, và được công nhận chính thức. Hiện nay ở chợ Đồng Xuân Hà Nội nhan nhản cách ghi giá quần áo với chữ K trở 1000.

### 8.2.2. Tiếng lóng

Tiếng lóng cũng là những từ lạ. Tiếng lóng hoặc là những từ dùng không theo chuẩn mực thông thường; hoặc là những từ ngữ đặc biệt dùng riêng trong từng nhóm xã hội, thường là những tầng lớp thấp, nhằm truyền những thông tin bí mật.

‘Hội dịch *pắc*’ là tiếng lóng của giới cầm bút trước đây.

Duyên do là trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, chúng ta thường gọi *lính Nam Triều Tiên Pắc Chung Hy* (gọi tắt là *lính Pắc*) là *lính đánh thuê*. Ấy thế là tên gọi trên để chỉ ‘hội dịch thuê’. Ngày nay, nếu có dùng từ lóng này thì cũng chẳng còn mấy ai hiểu. *Hội dịch Pắc* đã lùi vào quá khứ. Vậy thì, không nên quá lo khi thấy trẻ em dùng tiếng lóng. Một đặc điểm của tiếng lóng là *tính phù du, chóng tàn*. Tiếng lóng phản ánh hiện thực xã hội, khi hiện thực xã hội qua đi thì tiếng lóng cũng âm thầm rút lui. Lứa tuổi 8x, 9x liệu có còn biết *đi vùng chiến thuật; gà cô gáy; chó lửa; nhicôlai, cụ khốt...* là những tiếng lóng chỉ *sự chết, đại bác bắn, súng lục, trẻ vị thành niên, cụ già cổ lỗ sĩ...*? Một loạt tiếng lóng trong những phóng sự của Vũ Trọng Phụng hay *Bỉ vỏ* của Nguyên Hồng nay cũng không còn mấy người biết chứ chưa nói đến dùng.

Đôi khi, có những tiếng lóng được xã hội chấp nhận, và vượt qua được thử thách nghiệt ngã của thời gian. Chúng chuyển thành cách dùng bình thường. Nhiều tiếng lóng xuất hiện từ thập kỷ 50, 60 thế kỷ trước đến nay được sử dụng rộng rãi. Đó là: *mánh, xịn, dỏm, què một cục, chôm chĩa, cóm, cây (vàng), quậy...* (Lúc đầu chỉ nói trẻ em ‘quậy’).

Có những tiếng lóng nay không dùng nữa, nhưng đặt trong *ngữ cảnh* thì vẫn hiểu được: Chẳng hạn, *mang ba lô*:

‘Em vì tình *mang ba lô* đằng trước

Anh vì nước *mang ba lô* sau lưng.’

### 8.2.3. Tiếng nước ngoài

Tiếng nước ngoài cũng là những từ lạ. Do tâm lý chuộng

lạ, chuộng ngoại, lại muốn khẳng định ‘trình độ’ của mình nên không ít người sinh dùng tiếng nước ngoài. Một khi xã hội thay đổi thì hiện tượng dùng tiếng nước ngoài cũng thay đổi.

Thời Pháp, không ít người xài tiếng Pháp trong xưng hô như *moa* (←*moi*: tôi), *toa* (←*toi*: anh, chị...), *lúy* (←*lui*: nó, hắn), *en* (←*elle*: cô ấy), *ô-rơ-voa*, *ô voa* (←*au revoir*: chào tạm biệt).

Khi tiếng Nga thịnh hành thì lại xuất hiện *spaxibô* (cảm ơn); *kharasô* (tốt). Hoặc ‘Đã chẳng có trường hợp những người lương thiện, sống có nguyên tắc, nhất quán với lý tưởng, ở nhà bị con cái chê là *bôn*, là xơ cứng... đấy ư?’ (*Hà Nội mới*, 13.08.1983). Hiện nay còn mấy người trẻ biết được ‘bôn’ là một từ gốc Nga: *bôn-sê-vích*?

Hiện nay, những từ Pháp, từ Nga được thay bằng những từ Anh: *ai* (←*I*: tôi), *ju* (←*you*: anh, chị...), *bai* (←*bye*: chào tạm biệt), *OK*,... Một khi những từ ngoại này không còn lạ, không còn là ‘mốt’ nữa và trở thành dư thừa, nhàm chán, thì nó có thể bị loại đi nếu như vẫn tồn tại những từ tiếng Việt *đồng nghĩa thật sự* với chúng. Người Việt luôn luôn có khuynh hướng nói theo *mã tiếng Việt*, nghĩa là nói theo những từ ngữ và cấu trúc căn bản được lưu truyền qua nhiều thế hệ. (Theo cách nói thời thượng, đó là khuynh hướng loại bỏ những yếu tố ngoại lai để ‘giữ gìn bản sắc tiếng Việt.’)

Tuy nhiên, có những từ nước ngoài mang lại một *sắc thái* mới lạ làm giới trẻ thích thú mà những từ Việt tương đương lâu đời nghĩa dùng đã quá quen thuộc không mấy kích thích.

‘Teen’ là một ví dụ. Trong nhiều trường hợp nên thay ‘tuổi *teen*’ bằng ‘tuổi *thiếu niên*’, ‘tuổi *hoa niên*’, ‘tuổi *choai choai*’ (nam), ‘tuổi *ô mai*’, ‘tuổi *chanh cóm*’ (nữ). Nhưng ‘*tuổi teen*’ vẫn hấp dẫn nhiều bạn trẻ. Từ nhu cầu lôi kéo giới trẻ tò mò tìm đọc mà mới đây một nhà xuất bản và công ty sách đã in bộ sách 4 tập: *Khi teen ở nhà, Khi teen đến trường, Khi teen kết bạn & hẹn hò...* (Chào Buổi Sáng, 17.11.2010). Từ ‘*teen*’ sẽ có chỗ đứng và trở thành một từ ‘quen dùng’ trong tiếng Việt.

### 8.3. Từ câu sai tới câu hay: phép liên tưởng!

#### 8.3.1. Những từ không tương hợp nghĩa

Có sinh viên ngữ văn viết:

(1) Mặc cho máy bay ~~địch bắn phá~~, các ông ~~bụt~~ chùa Tây Phương vẫn ~~phót~~ lò ngồi trầm tư suy nghĩ.

Câu trên xem ra khá văn vẻ nhưng đọc lên cả lớp cười nôn ruột. Vì sao?

Đã là *ông bọt* sao lại *phót lò* được? Trong câu trên, nếu thay *ông bọt* bằng *những tay anh chị* hoặc *phót lò* bằng *điềm nhiên* thì chúng ta được một câu đúng:

(2) Mặc cho máy bay *địch bắn phá*, *những tay anh chị* vẫn *phót lò* ngồi đánh bài.

---

1 Bài đã đăng trên SGT, 08.11.2010

(3) Mặc cho máy bay địch bắn phá, các ông bụt chùa Tây Phương vẫn *điềm nhiên* ngồi trầm tư suy nghĩ.

Vì sao câu 1 là bất bình thường, nghe không xuôi?

Theo cách miêu tả đơn giản nhất để dễ đọc, từ *phót lờ* là một hành vi có hai nét nghĩa sau: [có chủ thể là người] + [bỏ qua, không để ý đến]

Trong cuộc sống, có những điều không thể phót lờ được. Từ đây có những tình huống mà phót lờ là *thiếu lòng nhân ái*.

*Bụt* luôn luôn *từ bi, nhân ái*, trái ngược với *phót lờ*. Hai từ *ông bụt* và *phót lờ* không hợp về nghĩa: Có những *nét nghĩa* của từ này ‘chối’ - trái ngược - với nét nghĩa của từ kia. Vì vậy câu này không chuẩn về từ vựng.

Câu đúng về từ vựng là câu mà *giữa các từ của nó có sự tương hợp nghĩa*. [xem thêm §8.1.1]

### 8.3.2. Từ câu đúng tới câu hay: *phép liên tưởng*

Bình thường, không thể nói ‘con gà phót lờ’. Nhưng với mục đích ‘nhân hóa’ như trong truyện đồng thoại cho thiếu nhi, có thể *coi con gà như con người* thì người viết đã thực hiện một phép liên tưởng và câu dưới đây chấp nhận được:

(4) Mặc cho anh gà trống cục cục tán tỉnh, con gà mẹ vẫn phót lờ bới rác cùng đàn con.

Chúng ta minh họa phép *liên tưởng* qua từ *ngủ*.

Từ *ngủ* có nét nghĩa (tiền giả định) ‘*là sinh vật*’ và 3 nét nghĩa cơ bản:

NGỦ = (a) *nhắm mắt* + (b) *bất động* + (c) *các giác quan tạm ngưng hoạt động*

Quy tắc: Nếu một đối tượng có ít nhất một trong các nét nghĩa trên đây thì chúng ta có quyền liên tưởng rằng đối tượng đó đang ‘ngủ’.

Một con búp bê mở mắt khi đứng và lúc đặt nằm nhắm mắt sẽ có nét nghĩa (a). Chúng ta liên tưởng: ‘Con búp bê ngủ rồi kìa!’.

Một con quay, con gụ khi quay tít dường như đứng yên lại có nét nghĩa (b). Lúc đó, trẻ em nói: ‘Con quay của mình đang *ngủ* kìa’. Một thị trấn ban ngày tấp nập, náo nhiệt. Chiều tối trở nên vắng lặng tức là có nét nghĩa (b). Chúng ta nói: ‘Chiều mùa đông, thị trấn miền núi heo hút này *đi ngủ* sớm’. Con người thức và hoạt động ban ngày, ngủ về đêm. Mặt trời mọc và ‘làm việc’ ban ngày, tối đến thì lặn nên ‘Hôm nay lạnh, mặt trời *đi ngủ* sớm’. (Xuân Diệu)

Khi *ngủ* giác quan tạm ngừng hoạt động (nét nghĩa c), chúng ta không nhận thức được thế giới chung quanh. Một người không biết gì tới những biến động của thời cuộc, là có nét nghĩa (c). Người ta nói ‘Ông này đang *ngủ* mê hay sao ấy’. Một tổ chức thanh niên được lập ra cho có và chẳng hoạt động gì thì bị nói ‘Đoàn thanh niên ở đây *ngủ* suốt nhiệm kỳ rồi’. Những cách dùng từ *ngủ* trên đây còn được gọi là dùng theo phép *ẩn dụ*. Từ *ngủ* đã được mở rộng nghĩa.

Khái quát: Có hai đối tượng A, B. Nếu A có thuộc tính x còn B có thuộc tính y giống x về bản chất hoặc hình thức, thì ta được quyền liên tưởng B cũng là A.

Ví dụ: *Mạ vàng, mạ bạc...* là phủ lớp mỏng vàng bạc lên một vật kim loại để nó *đẹp hơn* và không bị gỉ. Dùng mỹ từ gọi tên cho những sự việc xấu xa có thể được gọi là *mạ* cho sự kiện đó: ‘Đã thế bọn sâu mọt lại triệt để lợi dụng, trù dập đuổi việc được mạ thành giảm biên chế để cải tiến cơ cấu hành chính’. (CHCC, tr. 91)

Tôi mượn những ví dụ từ bản dịch truyện của nhà văn Đan Mạch H.C. Andersen để làm rõ một điều: bản chất của phép liên tưởng dựa trên những *quan hệ lô gích - ngữ nghĩa* khái quát giữa các từ ngữ.

Ví dụ 1: Không gian có *quan hệ trên dưới*, từ đây tạo ra cặp từ đối lập *cao thấp*. Quan hệ không gian chuyển thành quan hệ *xã hội*, ở đây cũng có những cặp từ đối lập về tôn ty, thang bậc xã hội *cao thấp*. Nghĩa của những từ trở không gian được dùng cho những từ *trở quan hệ xã hội*. Ấy thế nên một con lợn bằng sành để đựng tiền đặt trên một chỗ cao là nóc tử liền được Andersen liên tưởng thành ‘một con lợn *bụng đầy tiền* có một *chỗ* vắt vẻo *trên cao* có thể *mua được* tất cả những thứ *đồ chơi* có trong phòng, nó chẳng còn *nghe thấy ai* nữa, dù có kêu to lên mời mọc’. *Nhảy cao* trong điển kinh được liên tưởng tới *leo cao* trong các nấc thang xã hội: Truyện *Các hiệp sĩ nhảy cao* viết về một cuộc thi *nhảy cao*. Con nhảy (cơ giới) đã *suy nghĩ* rất nhiều và nó đã nhảy để *roi vào lòng công chúa*. Con bọ chét có tài nhất, nhảy cao nhất lại *thua cuộc*. ‘Hồn giận, bọ chét *bỏ ra đi* và nghe đâu *đã chết nơi đất khách quê người*’.

Đằng sau những câu chuyện trẻ em này là những câu

chuyện người lớn trong xã hội ngày nay về đối nhân xử thế, về quyền năng của đồng tiền, về sử dụng người tài...

Ví dụ 2: Trong *Chú lính chì dũng cảm*, có ‘Chiếc thuyền chui vào cống, thấy vật lạ, con chuột cống bò ra đánh hơi’. Khi ra kiểm soát giấy tờ người ta cũng phải tiến lại gần, giống như chuột cống bò ra đánh hơi. Hành động này khiến Andersen liên tưởng: ‘Có giấy thông hành không? Đưa trình mau lên!’. Về bản chất, chuột cống hôi hám và ăn bẩn giống như tính cách của người có quyền kiểm soát và ban phát giấy tờ. Tất nhiên, thuyền cứ *lặng lẽ* trôi qua trong cống hôi hám. Hiện tượng này gây ra sự liên tưởng chú lính chì *khinh bỉ* con vật đó. Khi khinh bỉ người ta *im lặng*. Và một loạt 7 cách liên tưởng độc đáo khác liên quan đến *sự im lặng*: ‘Lính ta im lặng, với địa vị của chú, chú muốn *tránh mọi quan hệ với con vật kinh tởm này*’; ‘Kể từ đó, chú tha hồ *ngắm* (chứ không *bắt chuyện* làm quen - NĐD) cô nàng xinh đẹp’. Thấy vậy con quỷ lùn nói: ‘Thằng nhóc con què quặt kia, sao lại dám *nhìn* những người ở địa vị cao quý...?’ Chú lính ta vẫn *lặng thinh chẳng nói chẳng rằng*. Bị rơi xuống khe gạch, người ta xuống tìm, để báo hiệu chú định kêu lên *có tôi*, nhưng sức nhớ tới điều lệnh của quân đội *cấm nói* khi đang bồng súng. Chú lại *im bất*. Sau khi bị cá đớp, tình cờ được trở về với chủ cũ, được thấy lại nàng vũ nữ xinh đẹp... ‘chú ghen ngào cảm động *suýt khóc* nhưng lại thôi, vì nếu khóc thì nước mắt sẽ là những giọt chì và như vậy sẽ không nghiêm chỉnh’. Bị ném vào lửa, ‘chú chỉ *ngước mắt* về phía vũ nữ xem thái độ nàng ra sao’.

Vậy đấy, Andersen đã tài tình liên tưởng quan hệ *cao thấp*, *sự im lặng* tới hàng loạt hiện tượng khác nhau tạo ra những câu hay và những thiên truyện ngắn hay.

## 8.4. Những từ thời thượng<sup>1</sup>

*Xã hội luôn luôn vận động, xuất hiện những khái niệm mới, nổi lên những vấn đề mới là trung tâm chú ý của dư luận. Do vậy hàng loạt từ mới xuất hiện. Có những từ mang hơi thở của thời cuộc.*

### 8.4.1. Tâm lý chuộng lạ và khuynh hướng làm sang trí tuệ

Trong giao tiếp, lời nói có vai trò quan trọng, mỗi người đều có nhu cầu ‘học ăn học nói’... Ngôn ngữ là một phương tiện thể hiện phẩm chất trí tuệ con người. Muốn khẳng định mình qua ngôn từ không ít người thích dùng những từ mới lạ để ít nhất cũng cảm thấy không thua kém người khác. Bởi vậy không tránh khỏi những khuynh hướng lạm dụng từ ngữ mới. Bắt đầu có từ được dùng theo cách rất lạ. Người khác thấy hay, thấy ngộ ngộ, mới lạ bèn đua nhau dùng theo, đua nhau ‘trung diện’ từ này trong lời nói và bài viết. Họ sử dụng chúng như là những ‘mốt’ nói mới nhằm tô điểm cho trí tuệ.

Cuối thập kỷ 80 thế kỷ trước, ở Liên Xô (cũ) trên các phương tiện truyền thông đầy rẫy và ra rả từ *perestrojka* (sự cải tổ). Tiếp đó danh từ ‘*pljuralism*’ (chủ nghĩa đa nguyên), một danh từ mới nhập từ tiếng Anh (pluralism), tiếng Pháp

1 Bài đã đăng trên SGTT, ngày 17.01.2011

(pluralisme) thời cải tổ, xuất hiện rất nhiều. Chứng cứ cho điều này là trong quyển *Từ điển tiếng Nga nổi tiếng*, bản in năm 1982, của S.I. Ozhegov hoặc trong *Từ điển cấu tạo từ tiếng Nga*, xuất bản năm 1978 của A. N. Tikhonov đều còn chưa có danh từ *pljuralism*.

Sau Đại hội IV của Đảng cộng sản Việt Nam, xuất hiện cụm từ '*làm chủ tập thể*'. Từng có lúc, trên các trang báo nhan nhản những '*làm chủ tập thể*'. Sau Đại hội VI, '*làm chủ tập thể*' được dùng ít dần đi; thay vào đó là '*đổi mới tư duy*' và '*những việc cần làm ngay*'. Ở thập kỷ 70 nếu trong bài viết hoặc đang diễn giảng ai không nói *làm chủ tập thể* là 'trình độ lý luận còn thấp'. Nửa cuối thập kỷ 80, ở đâu cũng '*đổi mới tư duy*'. Không nhắc tới cụm từ này là người ta chưa yên tâm, chưa chứng tỏ mình nhạy bén và có năng lực. Bàn về những điều đã thành chuẩn mực cũng cứ cần có chữ *đổi mới tư duy*.

Nhiều kết hợp lạ là những đặc sản xã hội, gây bất ngờ trong nhận thức và nhanh chóng thành cụm từ mới lạ. Chẳng hạn, từ '*khiêm tốn*' biểu thị thái độ con người. Có ai đó dùng nó để biểu thị thuộc tính. NQT viết trên báo Phụ Nữ '*Tôi là một người có chiều cao hơi khiêm tốn*'. Thấy một kết hợp lạ hay hay. Ấy thế là thành ra cái mốt '*khiêm tốn*': đồng lương *khiêm tốn*, bộ quần áo *khiêm tốn*, ngôi nhà *khiêm tốn*, chiều cao *khiêm tốn*, số con cháu tôi cũng *khiêm tốn*: chỉ 20 đứa... 'Đêm 11.03, chúng tôi tập trung lại, chia sẻ bữa tối *khiêm tốn*...' (b., 13.03.2011) Trong *chuyện thường ngày trên Tuổi Trẻ*, ngày 24.09.1998, Bút Bi viết: Nhớ hồi

quận 3 bắt đầu dọn dẹp bia ôm, con đường kề bên Ủy ban quận này chỉ có một ‘nhà hàng đặc sản’. Bây giờ con đường này có vô số nhà hàng đặc sản karaoke máy lạnh, tha hồ cho các đấng mày râu đến dự thi... ‘bàn tay vàng’. Đọc đến đoạn này, sinh viên trường V cười nghiêng ngả. Tôi nghĩ đó là ngày sinh chính thức trên báo chí của ‘bàn tay vàng’ với nghĩa châm biếm. (Ai biết nó sinh sớm hơn xin chỉ giùm!). Lập tức sau đó trên các trang báo thành phố rộ lên cụm từ châm biếm ‘bàn tay vàng’.

Xã hội luôn luôn có khuynh hướng vay mượn từ nước ngoài, mặc dù vẫn có những từ ngữ đồng nghĩa. Vay mượn phần vì khuynh hướng chuộng lạ, có yếu tố kích thích, bắt mắt, nhưng còn vì những từ ngữ vay mượn này phản ánh được những sắc thái mới. Trong tiếng Nga đã có từ *korennoj* (thuộc về gốc rễ, nền tảng) nhưng tiếng Nga vẫn nhập từ *radical* của tiếng Anh và Pháp để thành tính từ *radical’nyj* đồng nghĩa với *korennoj*. Và *radical’nyj* còn thêm nghĩa *cấp tiến* mà *korennoj* không có.

Người Việt cũng vậy. Báo chí Thành phố Hồ Chí Minh thời nay dần dần cả nước khuynh hướng ‘Anh hóa’ nhiều từ vay mượn đã được *phiên âm*. Chúng ta đã từng phiên âm *an-bom* (‘Anh ngồi đây, xem quyển *an-bom* này mà chờ tôi’ - Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*); ‘Những quãng vòng nó vênh vênh lỏng lỏng, chụp cái ảnh mà đưa vào *an-bom* Bộ giao thông hoặc Công ty du lịch thì hấp dẫn biết mấy!’ (NT, *Ký*). Cũng từng có những từ chạy *sô*, *sô diễn*, *sô lô* (‘Vẫn múa, em tham gia hầu hết các điệu múa và nhiều tiết mục em chọn

*sôlô* hoặc *đuy-ô* từng đoạn’ (NDCN, 04.10.1990)), *xì-tốp, đăng-xinh...* (‘Bỗng Maika la lên: *Xì-tốp!* Dừng, mình lại xem trên cây cầu này có chuyện gì mà con người bu đông như con kiến’. - *Tuổi Trẻ Cười*, 06.1991).

- Cái hồ ấy, khi đã thành đất phẳng,

Tôi sẽ xin dựng một trường ‘Cao đẳng *đăng-xinh*’

Rước những ông du học tài tình

Dạy những món văn minh nghệ thuật. (Tú Mỡ, *Giòng nước ngược*)

Nhưng hiện nay người ta thích dùng nguyên ngữ *album, solo, show, live show, stop, dancing*. Thậm chí ‘Anh hóa’ cả các từ vay mượn đã được Việt hóa: Nói hàng giảm giá, hạ giá... nghe ‘*giảm giá trị*’ đi. Nói bán xôn, bán xon (mượn tiếng Pháp *solde*) cũng xưa rồi. Phải là *sale, on sale, sale off* mới sang và sành điệu!

### 1. Sáo ngữ: những lối mòn

Cái gì quá lạm dụng rồi cũng trở thành bình thường, nhiều quá hóa nhàm, và kết quả là lượng thông tin của từ bị giảm đi, nghĩa bị mòn đi. Những từ mới lạ trở thành sáo ngữ. Khi trung tâm chú ý của xã hội thay đổi thì sáo ngữ cũng *nhanh chóng* thay đổi. Rồi những từ ngữ mới khác lại xuất hiện.

Cùng thời với ‘*đổi mới tư duy*’, trong đường lối hoạch định chính sách rộ lên những từ *kinh tế vĩ mô, vi mô; hộp đen, đầu vào, đầu ra...* Không hiểu bản chất của một khái niệm nhưng thấy thiên hạ dùng nhiều thì cũng cố mà dùng

cho cỏ vể ‘trình độ’, ‘thức thời’. ‘Nói như lời ông Trần Đình Hoan là [...] không còn quy hoạch cán bộ theo kiểu ‘*chiếc hộp đen*’ như trước nữa mà thay bằng ‘sân chơi bình đẳng’. [...] Ai đá hay thì đoạt quả bóng vàng chứ không chấm trước ai chắc chắn sẽ làm Bí thư Tỉnh ủy hay Bộ trưởng cả’. (TTCN, 01.06.2003) Giáo sư Hoàng Tuy đã phê phán sự lạm dụng từ ngữ này. Từ *hộp đen* trên báo chí ít hẳn đi, nó được trả lại đúng vị trí trong những bài viết về lý thuyết thông tin.

Lóp từ thời thượng sau Đại hội VII là *kinh tế thị trường, kinh tế trang trại, cổ phần hóa...* rồi những *phần mềm, internet, thị trường chứng khoán, nền kinh tế tri thức...* Những từ này nay trở thành bình thường. Mặc dầu từ *điện tử* đã xuất hiện từ lâu, nhưng từ năm 2002, mới nở rộ lên những ‘chính phủ *điện tử*’, ‘Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn *điện tử*’, ‘công dân *điện tử*’ với một ‘*thẻ căn cước thông minh*’, ‘cử tri *điện tử*’ rồi Nghị viện điện tử cho toàn cầu, *Quốc hội điện tử...*

## 2. Mấy từ thời thượng hiện thời

Hiện nay buôn bán phát triển nên ‘*thương hiệu*’ trở thành mốt. Cái gì cũng ‘*thương hiệu*’. Từ này đang bị lạm dụng, đang lan sang nhiều ngành mà ở đó không có chuyện kinh doanh buôn bán gì cả: ‘Bà đã giúp làm tăng *thương hiệu* Sarkozy’; ông đã làm nên một ‘*thương hiệu* Putin’. Những chính khách, những nguyên thủ quốc gia có buôn bán gì đâu (ngoại trừ buôn bán chính trị) mà *thương hiệu*? Trở thành những con người nổi tiếng, sao không nói ‘*làm tăng tên tuổi* Sarkozy’, làm nên ‘*tên tuổi* Putin’? Trong lĩnh vực

giáo dục cũng vậy. Người ta quyết tâm ‘xây dựng *thương hiệu* ‘Khoa Báo chí và Truyền thông’, ‘xây dựng *thương hiệu* trường chuyên X’... Nhà trường, sao phải xây dựng *thương hiệu* mà không là xây dựng *học hiệu*? Không rõ thiên hạ có dùng *thương hiệu* Havard, Oxford, Cambridge không? Người Việt sao thích *thương hiệu* quá vậy?

Gần đây nhất là những từ *tầm nhìn*, *tái cơ cấu*... Người ta hoạch định những đề án, những công trình, những chiến lược với *tầm nhìn* 30 năm, 40 năm,... Phải có *tầm nhìn* 50 năm để làm đường sắt cao tốc. Rồi sách ‘Việt Nam *tầm nhìn* 2050’. *Tầm nhìn* nào cho khu đô thị Trung Yên Hà Nội mới xây hiện đại kiểu Pháp, sau trận mưa lớn (2008) đã biến thành sông hồ? *Tầm nhìn* nào cho những công trình giao thông vừa bàn giao đã xuất hiện nhiều chục ‘hố tử thần’?

Chúng ta đang *tái cơ cấu* Vinashin. Nay mai liệu có ‘*tái cơ cấu* EVN’ khi Tập đoàn điện lực Việt Nam đang đứng ở ‘chân tường’? (Tuổi Trẻ, 11.01.2011) Và còn *tái cơ cấu* những gì nữa?

Những ví dụ khác về từ thời thượng

- Ngoài ra, nơi đây đang tồn tại nhiều *bất cập* khác nhưng khó lòng được giải quyết.

‘*Bất cập*’ là một từ Hán-Việt, được dùng như một tính từ có nghĩa là *không kịp*, *không đủ mức cần thiết*. Cách dùng ‘nhiều *bất cập*’ trên đây như một danh từ khiến người ta hiểu một cách chung chung là còn ‘nhiều cái chưa tốt’. Trên báo chí hiện nay đang lạm phát từ những từ *bất cập*, *trầm kha*...

- Ngày nay, lầm lỗi đó trở thành những căn bệnh *trầm kha*. (b., 23.09.1995) [*Kha* có nghĩa là bệnh (từ Hán cổ), *trầm kha* = bệnh nặng]

## 8.5. Dấu vết xã hội qua ngôn từ<sup>1</sup>

### 8.5.1. Qua từ ngữ chúng ta nhận ra hiện thực xã hội.

Những bài báo được phản hồi nhiều nhất là những bài được xã hội quan tâm nhất. Trong số ‘mười bài được phản hồi nhiều nhất năm 2010’ (*Tuổi Trẻ*, 01.01.2011) có 8 bài về xã hội xuống cấp đạo đức với những từ hành hạ (3 lần), hành xử ‘địa ngục’, đánh dã man, độc ác, đâm chết người, (bê tông) lộ... cốt tre, 1 bài về cuộc sống đi xuống (tăng giá điện), 1 bài xã hội quan tâm tới số phận con người (trục vớt xe khách mất tích).

Những con số thống kê định lượng về từ ngữ lại cho ta một bức tranh *định tính* về xã hội. Người ta ‘đọc’ được báo chí nói chung và từng tờ báo nói riêng đề cập tới những điều gì. Trong những điều mà báo chí đề cập thì những điều gì được xã hội đọc nhiều nhất, quan tâm nhất (và tất nhiên, cả những điều gì nói ra và chẳng được mấy ai quan tâm)? Và những báo nào được xã hội đọc nhiều nhất? Nói cách khác, dễ thấy có độ vênh nhất định giữa những điều được nói ra và những điều được quan tâm. Thông tin về những chủ đề, những bài báo đang ‘hút’ khách trên các *báo trực tuyến* một

1 Phần này đăng trên *Tuổi Trẻ*, ngày 03.01.2011, với tit *Hiện trạng xã hội qua ngôn từ* với một vài chi tiết được lược bỏ.

mặt phản ánh *dur luận xã hội* và mặt khác rất quan trọng là chúng thực sự trở thành vũ khí *hướng dẫn dur luận xã hội*. Muốn định hướng *dur luận xã hội*, không thể không quan tâm tới hiện tượng này.

Người ta sẽ không dùng những từ ngữ nói về những gì không còn tồn tại trong xã hội hoặc không còn được xã hội quan tâm. Đời sống của những từ ngữ của thể chế, dấu ấn *chính trị* ngấm ngấm nhất. Những từ ngữ *cụ Chánh, cụ Bá, xã xê, lý toét, ông cai, chia quả thực, anh đội, bắt rế, xâu chuỗi, đồng chí...* trên thực tế đã trở thành thứ tiếng của một thời.

Có những từ ngữ lâu đời, đã một thời ít dùng, những kiểu quan hệ xã hội tưởng như đã lùi vào dĩ vãng, nay xuất hiện trở lại và bùng nổ khiến lớp từ này có số lượng từ ngữ mới và số lượt từ ngữ được dùng nhiều tới mức đáng kinh ngạc. Lấy hai từ *tặc* và *chạy* để minh họa.

Về từ *tặc*, trong *Việt Nam tự điển* của Hội Khai Trí Tiến Đức, xuất bản năm 1931, cho ví dụ *đạo tặc, nghịch tặc* với nghĩa *giặc cướp, phản nghịch*. Còn đưa con bội nghịch thì gọi là *tặc tử*. Trong *Từ điển tiếng Việt* của Viện Ngôn Ngữ, xuất bản năm 1992, cho 4 ví dụ: *đạo tặc, gian tặc, nghịch tặc, phản tặc*. Thời kháng chiến chống Mỹ có thêm từ *không tặc* (kẻ lái máy bay Mỹ xâm phạm, bắn phá miền Bắc). Các kiểu ‘tặc’ ngày nay nhiều gấp bội: *đạo tặc, hải tặc, lâm tặc, đình tặc, cáp tặc, đất tặc, nghề tặc, tin tặc*, ‘thợ săn tin tặc ở Mỹ’ (Người Lao Động, 09.06.2005), *vàng tặc* (những người khai thác vàng trái phép), *đế tặc...*

Về từ *chạy*, trong *Việt Nam tự điển* cho hai ví dụ với nghĩa ‘xoay xở để lo việc’: *chạy chọt*, *chạy quan*. Trong khi đó Từ điển tiếng Việt đã loại đi từ *chạy quan*, chỉ còn lại *chạy chọt*. Riêng *chạy tiền*, *chạy thầy chạy thuốc* cả hai từ điển đều hiểu theo nghĩa ‘khẩn trương lo liệu để đạt cái đang cần, đang mong muốn’. Bạn muốn biết tiếng Việt hiện nay? Chỉ riêng tí báo chúng ta đã gặp: *chạy án*: ‘Hoàn tất kết luận điều tra mảng *chạy án* vụ PMU 18’ (*Thanh Niên*, 07.04.2007); *chạy chức*: ‘Nạn chạy chức, chạy quyền xảy ra khá phổ biến’ (*Tuổi Trẻ*, 20.11.2007); *Chạy điểm*: ‘Xét xử vụ “chạy điểm” tại Bạc Liêu’ (*Thanh Niên*, 26.11.2007); *chạy hạn ngạch*: ‘Con trai thứ trưởng cũng tham gia chạy hạn ngạch’ (*Tuổi Trẻ*, 15.03.2007); *chạy quyền*: ‘Nạn chạy chức, chạy quyền xảy ra khá phổ biến’ (*Tuổi Trẻ*, 20.11.2007); *chạy trường*: ‘Thi đầu học đấy, không còn chạy trường’ (*Tuổi Trẻ*, 07.04.2007). Rồi *chạy dự án*, *chạy việc làm*, *chạy bằng*, *chạy thực sĩ*, *chạy huân huy chương*, *chặng bằng khen*, *chạy quota*, *chạy ghế*, *chạy tuổi* (hòng kéo dài thời gian quan chức)...

Qua từ ngữ chúng ta nhận ra hiện thực xã hội là như vậy.

### 8.5.2. Dấu vết văn hóa qua ngôn từ: *Luật tôn ty trong tiếng Việt*<sup>1</sup>

1. Nghị quyết của Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ tư (1976) viết: ‘Xây dựng Việt Nam thành nước *công nông nghiệp* hiện đại. Xây dựng các huyện thành những huyện *nông công nghiệp* hiện đại.’ Phải chăng vô tình mà

1 Bài đã đăng trên SGT, ngày 19.09.2011

câu trước, câu sau viết theo hai trật tự khác nhau: *công nông nghiệp...* và *nông công nghiệp*? Hẳn không, vì có cả một đội ngũ những người soạn thảo, nhiều tháng trời sẫm soi từng câu chữ cho văn kiện Đại hội chẵn chu.

Lại xét trật tự từ trong lời cảm ơn. Năm 1995, sau khi đạt huy chương bạc tại SEA Games 18, đội tuyển bóng đá Việt Nam có thư cảm ơn như sau: ‘Đội tuyển bóng đá Việt Nam kính gửi lời cảm ơn trong vô vàn xúc động đến các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các Thành ủy, Tỉnh ủy và Ủy ban Nhân dân ở các địa phương; các đồng chí lãnh đạo ngành Thể dục Thể thao Việt Nam, Liên Đoàn Bóng Đá Việt Nam, các cán bộ và chiến sĩ ở biên giới và hải đảo; các huấn luyện viên đã không quản khổ khăn vất vả, đào tạo những vận động viên ưu tú cung cấp cho đội tuyển quốc gia, các đơn vị, cơ quan xí nghiệp, các nhà doanh nghiệp, các cơ quan truyền thông, đại chúng, tất cả các bác, các cô, các chú, tất cả các anh chị em và toàn thể người hâm mộ bóng đá trong cả nước’. (Tuổi Trẻ, 26.12.1995) Cái công thức ‘cảm ơn’ và ‘kính thưa’ của người Việt dài ơi là dài! Có thật các cầu thủ nghĩ như vậy không? Hay họ chỉ nghĩ tới ông thầy người Đức Karl Heinz Weigang, tới dòng người hâm mộ diễu hành nghẹt đường phố, cờ hoa đón tiếp với những nụ cười và nước mắt sung sướng? Điều này rất rõ ràng, vì khi đội tuyển thất bại những đối tượng được cảm ơn kia biến mất trong những lời trách cứ, chỉ còn huấn luyện viên trưởng đội tuyển - Weigang, Riedl hay Calisto... chịu trận.

Hiện tượng ngôn ngữ đáng quan tâm qua hai ví dụ trên là: *tôn ty là một phạm trù đặc biệt quan trọng trong tiếng Việt.*

### ***Giả thuyết Sapir - Whorf***

Hai nhà ngôn ngữ học người Mỹ E. Sapir (1884 - 1939) và B. L. Whorf (1879 - 1941) nêu giả thuyết nói rằng *ngôn ngữ là chỉ dẫn cho hiện thực xã hội*, mỗi ngôn ngữ đồ họa lại thực tại thế giới một cách khác nhau. Tức là, những đặc điểm về môi trường sống, về thiên nhiên, về văn hóa (phong tục, tập quán, triết lý...) của một dân tộc được phản ánh vào ngôn ngữ của mình.

#### ***2. Từ tôn ty trong tâm thức thành tôn ty trong tiếng Việt***

Phạm trù tôn ty thường trực trong tâm thức người Việt. Theo giả thuyết *Sapir - Whorf*, điều này ảnh hưởng tới tất cả các phương diện *ngữ pháp và giao tiếp* tiếng Việt: *trật tự từ trong câu, trong cấu tạo từ ngữ, trong xưng hô...*

Tiếng Việt có những từ ghép - hai từ đơn ghép lại. Từ ghép có nhiều loại:

*Nhà gạch, nhà hàng, nhà máy,...* là những từ ghép chính phụ - tiếng đứng đầu là chính, tiếng thứ hai là phụ nhằm làm rõ nghĩa cho tiếng thứ nhất, nhưng nghĩa cơ bản của 3 từ trên vẫn là một loại *nhà*. Trật tự này bất biến. Đảo lại trật tự, nghĩa của chúng thay đổi hoàn toàn, không còn là *nhà* nữa.

*Nhà cửa, đường sá, vợ chồng, chợ búa, ăn chơi, phải trái, trước sau, trên dưới, đi lại, thắng thua, được mất...* là những từ ghép đẳng lập - hai từ cùng loại ghép với nhau để tạo ra một từ cùng loại nhưng có ý nghĩa khái quát hơn. Vai trò của hai yếu tố *nhà* và *cửa*, *đường* và *sá*, *vợ* và *chồng*... như nhau. Trật tự hai yếu tố trong những từ trên đây hầu như không

đổi. Một số từ không đảo được trật tự, như *đường sá, đi lại, ăn chơi...* một số từ nếu đảo lại trật tự nghĩa sẽ thay đổi đi. Nói '*Nhà cửa* vùng này to đẹp' nhưng mấy ai nói '*Cửa nhà* vùng này to đẹp'. Điều này nghĩa là trong tiềm thức, người Việt vẫn nhận ra yếu tố nào cần được đứng trước trong một từ ghép đẳng lập.

Ở đây, chúng ta chỉ đề cập tới tôn ty trong cấu tạo từ *ghép đẳng lập*.

Tâm thức người Việt về tôn ty như sau: ***Yếu tố trọng yếu đặt trên, yếu tố thứ yếu đặt dưới***. Điều này thành quy tắc *trọng - khinh* chi phối cách nói năng và cấu tạo từ, trong đó có từ ghép đẳng lập.

Trong từ ghép đẳng lập trở quan hệ thân tộc hay xã hội, yếu tố nào ở bậc *cao hơn* là *quan trọng hơn* nên cần đứng trước. Vì vậy nói *ông cháu, chồng con...* còn *\*cháu ông, \*con chồng...* không thể là từ ghép đẳng lập. Nói các *trưởng phó phòng* mà không nói các *\*phó trưởng phòng*. Dẫu bà và ông, chị, anh và em cùng vai nhưng do trọng nam khinh nữ nên tiếng trở nam giới đứng trước. Nói *ông bà, anh chị em* mà không nói *\*bà ông, \*chị anh em*.

Vì sao nói *bàn ghế, giường chiếu, ấm chén, nồi niêu, sách vở, trên dưới...* mà không nói theo trật tự ngược lại? Bởi lẽ, nếu các yếu tố trong từ ghép đẳng lập có thể định khối không gian, thì yếu tố nào lớn hơn, cao hơn, rộng hơn sẽ quan trọng hơn nên được đặt trước.

Cũng bởi lẽ yếu tố thời gian xuất hiện trước thì quan trọng hơn nên chúng ta nói '*Sớm muộn* quan tham này cũng lộ

mặt' nhưng không thể nói '\**Muộn sớm* quan tham này cũng lộ mặt'. Nói *sớm trưa, chiều tối, chiều hôm, tối khuya...* cũng theo lý do tương tự.

Giữa hai yếu tố trái nghĩa, người Việt cảm nhận yếu tố tích cực, dương tính quan trọng hơn. Vậy là sinh ra từ ghép đẳng lập *giàu nghèo, sang hèn*.

Ở những từ ghép đẳng lập chỉ bộ phận cơ thể con người thì sao? Người Việt cũng có cái lý về tầm quan trọng của tiếng đứng trước: *mặt mũi* (mặt là thể diện), *răng lợi, tóc tai* (*hàm răng, mái tóc* một góc con người), *mắt mũi, tay chân* (Giàu hai con mắt, khó hai bàn tay)...

Lại có hàng loạt từ ghép đẳng lập nhưng yếu tố đứng sau nay đã *mờ nghĩa* như: *đường sá, chợ búa, tre pheo, làng mạc...* Các nhà Việt ngữ học đã chứng minh rằng trong những từ trên đây yếu tố đứng sau là tiếng Việt cổ đồng nghĩa với yếu tố đứng trước: *sá* là *đường*, *búa* là *chợ*, *pheo* là *tre*... Có thể thấy tiếng đứng sau dùng để *giải thích* tiếng đứng trước. Sách *Tam tự kinh* cũng dạy tiếng theo kiểu này: *thiên là trời, địa là đất...* Vậy là *thiên trời, địa đất, tử mất, tôn còn, tử con, tôn cháu, lục sáu, tam ba...*

Trật tự trong những từ ghép đẳng lập *suy sụp, sụp đổ, đổ vỡ, bệnh tật, cổ kính, giàu sang...* lại do quan hệ nhân quả giữa hai yếu tố quy định: vì *suy* nên *sụp*, do *sụp* mà *đổ*, có *cổ* thì mới *kính*...

### *Cái lý của ngoại lệ*

Trong một từ ghép đẳng lập, khi vai trò của hai yếu tố như nhau thì trật tự tùy ý: nắng mưa/mưa nắng

Khi gặp những từ ghép đẳng lập ngược với trật tự trên đây chúng ta cần hiểu khái niệm ‘trọng yếu’ khái quát hơn. Ví dụ:

+ Theo trật tự thời gian, nói ‘*trước sau*’. Thế nhưng trong bài *Việt Bắc*, Tố Hữu viết ‘Lòng ta *sau trước* mặn mà đinh ninh’. Viết vậy, nhà thơ muốn *nhấn mạnh* thời gian *sau này* khi trở về thủ đô, tình cảm vẫn sắt son như *trước kia*. Vậy *điều nhấn mạnh là yếu tố trọng yếu*.

+ Theo quy tắc trọng nam - khinh (coi nhẹ) nữ, nói *cha mẹ, chồng vợ*. Nhưng vì sao cũng rất hay nói *mẹ cha, vợ chồng*? Có 3 lý do chúng tôi rằng cách nói sau vẫn nhấn mạnh vai trò quan trọng của người phụ nữ trong gia đình:

- a) *Mẹ cha, vợ chồng* là dấu vết của xã hội mẫu hệ.
- b) Ông cha ta quan niệm ‘đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm’. Phụ nữ là *nội tướng* trong gia đình.
- c) Con cái gần mẹ hơn cha. Người Việt coi trọng phạm trù *khoảng cách*.

*Những hiện tượng chưa lý giải được*

Vì sao trong những từ ghép đẳng lập một tiếng Bắc một tiếng Nam, có từ tiếng Nam đặt trước, như *dơ bản, chén bát, kêu gọi, dư thừa, kỳ cọ, đường phố, mê say, ốm đau...* lại có từ tiếng Bắc đặt trước, như *boi lội, hang cùng ngõ hẻm; nông cạn, thứ hạng, tìm kiếm, đón rước, chửi bới*, (‘Bói lăm thì càng lú lẩn đi’ phương ngữ Thanh Hóa), *say mê?* (So sánh: Chú ngủ say quá chùng!; Chú ngủ mê quá trời!)

Chúng ta tạm bằng lòng vì *tính vô đoán* (arbitrariness) của ngôn ngữ.

## CHƯƠNG 9

# CÚ PHÁP

### 9.1. Câu sai ngữ pháp



9.1.1. *Câu sai ngữ pháp là câu viết không đúng quy tắc ngữ pháp tiếng Việt, nghĩa là viết không đúng cấu trúc câu tiếng Việt.* Ví dụ:

- Chuyên án này được Trung tá NĐB vạch ra và thực hiện tuyệt đối bí mật, *ngay cả công an phường sở tại và công an quận Tây Hồ không được thông báo.*

Câu trên thiếu từ *cũng*, nên không tạo ra cặp hô ứng *ngay cả... cũng*.

Sửa: '[...] *ngay cả công an phường sở tại (...)* cũng không được thông báo'

9.1.2. *Chập cấu trúc: một nguyên nhân tâm lý trong những câu sai*

*Một nguyên nhân khá phổ biến của hiện tượng sai ngữ pháp là người viết đang trí nên đã chuyển hướng tư duy*

*trong khi viết*. Kết quả là dẫn tới những câu sai mang tên *chập cấu trúc*.

Mỗi lối nói có những kiểu cấu trúc xác định. Có những lối nói khá gần nhau và chỉ khác nhau ở một vài từ hư. Những lúc tư tưởng tập trung, đầu óc tỉnh táo viết thường đúng. Còn khi tư tưởng không tập trung, đầu óc mỗi mết thì dễ xảy ra trường hợp chuyển từ kiểu câu này sang kiểu câu gần gũi với nó, tức là *chuyển hướng tư duy, vi phạm luật liên tục trong mạch văn*. Kết quả là đã viết ra một câu chứa hai kiểu cấu trúc khác nhau. Hiện tượng này được gọi là sai do *chập cấu trúc*. Ví dụ:

(1) Anh nên uống thuốc đi.

(1a) Anh *nên* uống thuốc.

(1b) Anh uống thuốc *đi*!

Câu 1a là *lời khuyên*. Câu 1b là *lời đề nghị*. Lúc đầu định viết lời *khuyến* 1a. Tới cuối, sau từ *uống thuốc* lại thêm từ *đi* theo khuôn câu *đề nghị* 1b, thế là thành câu 1. Người viết đã chập hành vi *khuyến* với hành vi *đề nghị* vào một câu.

Sửa những câu sai ‘chập cấu trúc’ khá đơn giản: Hãy viết lại theo một trong hai cấu trúc. Vậy có hai cách sửa:

Theo khuôn *khuyến* bảo viết câu 1a.

Theo khuôn *đề nghị* viết câu 1b.

(2) Em có cảm tưởng rằng các em bé dẫm phải mảnh thủy tinh, mảnh sành không biết đau đến thế nào.

Đầu tiên em học sinh định bày tỏ *cảm tưởng* về nỗi *đau đớn vô cùng* khi dẫm phải mảnh thủy tinh:

(2a) Em có cảm tưởng rằng các em bé dầm phải mảnh thủy tinh, mảnh sành sẽ đau đớn vô cùng.

Tuy nhiên, khi đăng trí bỏ quên từ sẽ, các em dễ chuyển thành một câu bày tỏ *sự thông cảm, chia sẻ* ‘không biết đau đến thế nào’ với bạn:

(2b) Các em bé dầm phải mảnh thủy tinh, mảnh sành không biết đau đến thế nào.

Đang viết dở câu 2a phần cuối lại chuyển sang câu 2b, thế là thành câu 2.

(3) Đó là dịp thủ tướng Phạm Văn Đồng sang Mátxcova, bác vẫn rất quý vợ chồng Trà Giang - Bích Ngọc, đã yêu cầu Đại sứ quán ta giải quyết tiền cho Ngọc được mua một cây đàn tương đối tốt để anh sử dụng cho đến ngày anh mãi mãi phải ra đi. (b., 25.11.2001)

Trong câu 3 có những động từ nào? Đó là: *sang, quý, yêu cầu, giải quyết, mua, sử dụng, ra đi*. Đọc theo trật tự rồi xét mối quan hệ cơ bản giữa chúng. ‘Sang Mátxcova’, và ‘vẫn rất quý’ chẳng có mối quan hệ lô gích - ngữ nghĩa nào cả. Vậy hãy tạm gọt sang một bên mệnh đề chứa cụm ‘sang Mátxcova’. Vẫn *rất quý* dẫn tới hành động *yêu cầu giải quyết* việc gì. Cái việc gì ở đây là ‘*mua đàn để sử dụng...*’. Vậy là động từ *ra đi* không nằm trong mệnh đề có cấu trúc ‘[vẫn rất quý nên] *yêu cầu - giải quyết - việc mua đàn để sử dụng*’. Nó nằm trong một mệnh đề khác: ‘*sử dụng cho đến ngày ra đi*, tức là chết’.

Vậy câu trên đã mắc lỗi chập hai cấu trúc làm một. Phần đầu là lý do dẫn tới *lời thủ tướng*: ‘bác [...] đã yêu cầu Đại

sứ quán ta giải quyết tiền cho Ngọc được mua một cây đàn tương đối tốt để anh sử dụng'. Phần sau là *lời kể của phóng viên*: 'anh đã sử dụng cho đến ngày anh mãi mãi phải ra đi'

Để sửa, chỉ cần tách câu 3 thành hai bộ phận: 1) nhắc lại lời của thủ tướng; 2) Nối tiếp bằng lời kể của mình:

(3a) Đó là dịp thủ tướng Phạm Văn Đồng sang Mátxcova. Bác vẫn rất quý vợ chồng Trà Giang - Bích Ngọc, (nên) đã yêu cầu Đại sứ quán ta giải quyết tiền cho Ngọc được mua một cây đàn tương đối tốt để anh sử dụng. *Anh đã sử dụng nó cho đến ngày anh ra đi mãi mãi.*

Một ví dụ khác: Chúng ta có hai cách đánh giá: 'Anh còn kém xa' và 'Anh còn kém *một bậc*'. Chập hai cấu trúc này lại, sẽ dẫn tới câu sai: 'Anh còn kém xa *một bậc*'.

- Đây là một dấu hiệu rõ ràng cho thấy nguy cơ suy thoái kinh tế. (Ti vi, 02.06.2011)

Câu trên sai thế nào? Chúng ta đã chập hai câu 'Đây là một dấu hiệu rõ ràng' và 'dấu hiệu này cho thấy nguy cơ suy thoái kinh tế' thành một. Sửa lại là:

'Đây là một dấu hiệu rõ ràng về (/báo hiệu) nguy cơ suy thoái kinh tế.'

- Về buôn lậu thì sự việc không dừng lại chỉ có những dấu hiệu.

Chúng ta nói 'dừng lại ở đâu', 'không dừng lại ở đâu' chứ không nói 'không dừng lại có'. Mặt khác cấu trúc '*không chỉ có*' dùng để phủ định tính duy nhất. Câu trên là kết quả của sự chuyển hướng tư duy: đang viết theo cấu trúc thứ

nhất thì chuyển sang cấu trúc thứ hai. Thay ‘có’ bằng ‘ở’, câu khác đúng: ‘Về buôn lậu thì sự việc không dừng lại chỉ ở những dấu hiệu’.

### 9.1.3. Câu sai ngữ pháp do viết dài (xem §2.3.2.)

### 9.1.4. Câu rối do nhiều lần mở rộng thành phần câu

(4) Còn đang này, mấy chúa ngục không hiểu tiếng Việt, nào có biết ất giáp gì, họ tưởng rằng ban đêm cả thầy im phẳng phắc để nghe một anh nói chuyện lột da ếch xào măng như thế nào, hay nói chuyện Tôn Hành Giả phò Đường Tăng đi thỉnh kinh, đó là những buổi huấn luyện chính trị nên họ chú ý rất kỹ.

Đầu tiên, ‘Còn đang này’ chỉ là trạng ngữ tạo sự liên kết với câu đứng trước đó. Bỏ qua vì không liên quan đến cấu trúc lõi của câu.

Câu trên có những động từ nào? Đó là *hiểu, biết, tưởng, im, nghe, nói (chuyện), lột, xào, phò, đi, thỉnh kinh, huấn luyện, chú ý (mắt)*.

Có những quan hệ cơ bản nào? Có hai cấu trúc lô gích nhân quả móc với nhau:

1. a) *Không hiểu, không biết* nên *tưởng* **A** là **B**.

b) (Tưởng lầm) nên *chú ý* mắt.

Cấu trúc cốt lõi là như vậy. Cứ triển khai câu theo trật tự này, chúng ta thấy ngay điểm lỗi trong câu 4. Với:

A = Ngồi *im nghe nói* chuyện X hay chuyện Y

X = *lột da ếch xào măng*

Y = *phò Đường Tăng đi thỉnh kinh*

B = *Huấn luyện chính trị*

(4a) *Không hiểu, không biết nên tưởng A là B. (Tưởng lầm) nên chú ý mất.*

= *Không hiểu, không biết nên **tưởng** ngồi im nghe nói chuyện X hay chuyện Y là huấn luyện chính trị. (Tưởng lầm) nên chú ý mất.*

(4b) *Không hiểu, không biết nên **tưởng** ngồi im nghe nói chuyện X (lột da ếch xào măng) hay chuyện Y (phò Đường Tăng đi thỉnh kinh) là huấn luyện chính trị'. (Tưởng lầm) nên chú ý mất.*

Chỗ 'vênh' giữa 4 và 4b là câu 4 đã dư từ 'đó'. Đây là lỗi quan trọng nhất. Chỉ cần bỏ đi từ 'đó' là được một câu đúng về cơ bản:

(4c) *Họ tưởng rằng ban đêm cả thấy im phăng phắc để nghe một anh nói chuyện [lột da ếch xào măng *như thế nào*, hay nói chuyện Tôn Hành Giả phò Đường Tăng đi thỉnh kinh,] là những buổi huấn luyện chính trị.*

Lỗi ở phần còn lại đứng trong móc vuông là thiếu sự *hò ứng* giữa hai bộ phận mở rộng của *nói chuyện* lột da... '*như thế nào*' và phò... '*ra sao*'. Thêm *ra sao* vào cuối phần dưới chúng ta được câu sửa:

(4d) *Còn đằng này, mấy chúa ngục không hiểu tiếng Việt, nào có biết ất giáp gì, họ tưởng rằng ban đêm cả thấy im phăng phắc để nghe một anh nói chuyện lột da ếch xào măng *như thế nào*, hay nói chuyện Tôn Hành Giả phò Đường*

Tăng đi thỉnh kinh *ra sao*, là những buổi huấn luyện chính trị nên họ chương mất lắm.

#### 9.1.5. *Lỗi về cặp từ* hay là *lỗi về những từ hô ứng*

Trong tiếng Việt, có những từ luôn luôn đi thành từng cặp, xuất hiện đồng thời. Nghĩa là, nếu xuất hiện từ này là xuất hiện từ kia. Chúng là những từ *hô ứng*. Chú ý tới điều này, bạn sẽ thấy cách sửa nhiều câu sai trở nên rất đơn giản. Một vài ví dụ:

- Buôn lậu *không phải* là những nỗi đau cho sự phát triển kinh tế *mà còn* là một trong những thách thức của đất nước. (b., 11.10.1992)

‘Không phải’ là cụm từ phủ định yếu tố đứng sau nó, nên không có cặp hô ứng *không phải... mà còn...* ‘Không chỉ’ là cụm từ phủ định *duy nhất* của yếu tố đứng sau nó, nghĩa là nó tiền giả định rằng còn có yếu tố khác nữa bổ sung. Do vậy, trong tiếng Việt có cặp *không chỉ... mà còn...* Từ đây cách sửa câu trên rất đơn giản: thay *phải* bằng *chỉ*: ‘Buôn lậu *không chỉ* là những nỗi đau cho sự phát triển kinh tế *mà còn* là một trong những thách thức của đất nước’.

Những cấu trúc ngữ pháp đòi hỏi những quan hệ ngữ nghĩa giữa các vế phải *phù hợp* với nhau. Nếu không, câu vẫn sai dù hai vế có hô ứng. Ví dụ: ‘Con người ở đó *không chỉ* khổ *mà còn* rất đẹp’. (TNTÂ, tập 2, t.10) *Khổ* và *đẹp* không tương hợp nghĩa, như đòi hỏi của cấu trúc *không chỉ... mà còn*. Chúng tương phản về nghĩa ‘*khổ nhưng đẹp*’. Vậy có thể sửa: ‘Con người ở đó khổ *nhưng* rất đẹp’.

(6) *Nếu như đối với cá basa, khi bị ‘ép’ ở Mỹ chúng ta có thể đẩy mạnh được xuất khẩu sang các thị trường khác.* (b., 29.12.2003)

‘*Nếu như đối với...*’ là cấu trúc giả định hai điều A, B hô ứng. Trong câu trên, cá basa không hô ứng với một loại sản phẩm khác nào cả. Vậy có hai cách sửa:

- Bỏ từ *nếu như* để làm mất cấu trúc giả định:

(6a) *Đối với cá basa, khi bị ‘ép’ ở Mỹ chúng ta có thể đẩy mạnh được xuất khẩu sang các thị trường khác.*

- Thêm một sản phẩm khác, *cá phê* chẳng hạn, nhằm tạo ra sự hô ứng với cá basa:

(6b) *Nếu như đối với cá basa, khi bị ‘ép’ ở Mỹ chúng ta có thể đẩy mạnh được xuất khẩu sang các thị trường khác, thì đối với cá phê [+ câu].*

(7) Đội ngũ các nhà báo phải trong sạch thì uy tín của báo chí càng lớn. (b., 8.1999)

Quan hệ nhân quả là ‘trong sạch *thì* uy tín’. Câu 7 mắc lỗi cặp ‘*phải... càng*’ không *hô ứng* với nhau. Có 3 cách tạo cặp hô ứng: *phải - mới* (*phải* trong sạch thì *mới* uy tín); *phải - để* (*phải* trong sạch *để* có uy tín); *càng - càng* (*càng* trong sạch thì *càng* uy tín). Vậy có 3 cách sửa:

(7a) *Đội ngũ các nhà báo phải trong sạch thì uy tín của báo chí mới lớn.*

(7b) *Đội ngũ các nhà báo phải trong sạch để uy tín của báo chí càng lớn.*

(7c) Đội ngũ các nhà báo càng trong sạch thì uy tín của báo chí càng lớn.

(8) Theo Thông tấn xã Việt Nam, hai tổng thống G. Bush lẫn V. Putin đều thừa nhận không giải quyết được những bất đồng liên quan tới các vấn đề then chốt là Hiệp ước chống tên lửa đạn đạo (ABM) và Hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia (NMD) của Mỹ. (b.,17.11.01)

Câu trên sai về *sự hô ứng*: ‘hai... lẫn... đều’ là một chuỗi từ sai do hiện tượng chập cấu trúc. Chúng ta nói ‘*cả A lẫn B đều...*’. Vậy câu sai ở từ *hai*, cần thay bằng từ *cả*: ‘*cả tổng thống G. Bush lẫn V. Putin đều thừa nhận...*’ Còn như theo cách nói ‘*hai người đều...*’ hoặc ‘*A và B đều...*’ thì câu lại sai ở từ *lẫn*, cần thay bằng từ *và*: ‘*Hai tổng thống G. Bush và V. Putin đều thừa nhận...*’

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

## 9.2. Liên kết câu

### 9.2.1. Thế nào là một văn bản và liên kết văn bản?

Văn bản là kết quả của một quá trình tạo lời khi chuyển một nội dung hoàn chỉnh cần thông báo thành câu chữ. Thông thường, mỗi văn bản gồm nhiều đoạn văn: đoạn mở - những đoạn trung tâm - đoạn kết. Những đoạn này có liên kết với nhau, thường là liên kết ý, tức là liên kết nội dung.

Mỗi đoạn thường gồm nhiều loại câu: câu mở - những câu trung tâm - câu kết. Các câu trong đoạn có liên kết với nhau. Ví dụ:

(A) Có một giai thoại về sách bỏ túi. Hôm ấy, Henri Filipacchi, phụ trách khâu phát hành của nhà xuất bản Hachette, quan sát người lính Mỹ vừa bước ra khỏi một hiệu sách ở Paris. Ông ngạc nhiên khi thấy anh ta xé sách ra làm đôi rồi bỏ vào mỗi túi một nửa cuốn. Một ý nghĩ thoáng hiện ra trong đầu Filipacchi: Tại sao không làm một cuốn sách có thể bỏ vừa vặn vào trong một cái túi? Và ngày 09.02.1953, cuốn sách bỏ túi đầu tiên do nhà xuất bản Hachette phát hành đã xuất hiện tại Pháp. (KTNN, số 218)

Đoạn văn trên đây gồm:

Mở đoạn đồng thời là chủ đề của đoạn: *Có một giai thoại về sách bỏ túi.*

Thân đoạn có 3 câu.

Kết đoạn: *Và ngày 09.02.1953, cuốn sách bỏ túi đầu tiên do nhà xuất bản Hachette phát hành đã xuất hiện tại Pháp.*

Các câu trong một đoạn văn có quan hệ liên kết tức là gắn bó với nhau. Sự liên kết giữa câu mở đoạn và câu tiếp theo trong đoạn trên là liên kết *nội dung*: Sau khi tuyên bố có một giai thoại thì người ta *triển khai* - bắt đầu kể về giai thoại. Ba câu phần thân đoạn có liên kết *ngữ pháp* với nhau qua *phép thế* và *lặp từ vựng*: *Henri Filipacchi - Ông - Filipacchi; người lính Mỹ - anh ta*. Ba câu phần thân đoạn và câu kết còn có liên kết *nội dung* qua phép *liên tưởng*: *nhà xuất bản Hachette - hiệu sách - (mua sách) - xé sách - nửa cuốn (sách) - (làm) cuốn sách - cuốn sách (đầu tiên - nhà Hachette) xuất hiện*.

### 9.2.2. Những phương thức liên kết văn bản

Đoạn (A) trên đây cho thấy có hai phương thức liên kết cơ bản:

*Liên kết hình thức* tức là liên kết ngữ pháp, gồm các phương thức *lặp từ vựng, thay thế từ vựng*, và các phương thức ngữ pháp khác, đặc biệt là liên kết qua các *từ hư*.

*Liên kết nội dung* tức là liên kết lô gích - ngữ nghĩa, gồm sự *liên tưởng, phép đối, liên kết qua những thuộc tính*, qua những *quan hệ lô gích - ngữ nghĩa*, qua những *hành vi ngôn ngữ*.

Khi giao tiếp người này nói, người kia nghe rồi đáp lại. Mỗi lần nói là một lượt lời. Các lượt lời của hai người đối thoại luôn luôn có liên kết với nhau. Đây là sự liên kết của những *hành vi ngôn ngữ* (speech acts). Chẳng hạn, *hỏi - trả lời; yêu cầu - chấp nhận; yêu cầu - từ chối; chất vấn - trả lời; chất vấn - bác bỏ; phê bình - bác bỏ; chê trách - thanh minh; mắng - cãi; khen tặng - cảm ơn; cảnh cáo - phản ứng...* Do nội dung của các câu, do tình huống giao tiếp chúng ta biết được hai lượt lời liên kết với nhau thế nào. Tuy nhiên có những tín hiệu ngôn ngữ để thể hiện những hành vi ngôn ngữ cụ thể. Chúng được thể hiện thành những cấu trúc ngôn ngữ. Một câu theo một cấu trúc ngôn ngữ xác định đứng riêng một mình, chúng ta cũng có thể nhận ra nó được liên kết như thế nào với một câu đi trước đó. Một số ví dụ:

(1a) Con sang nhà nhỏ bạn **đã**.

(1b) Con sang nhà nhỏ bạn **chứ bộ**.

(1c) Con sang nhà nhỏ bạn **ơ**.

Từ *đã* trong (1a) cho biết câu trước đó là một lời đề nghị. Người nói câu (1a) *không từ chối* lời đề nghị này, nhưng có đưa ra một công việc (sang nhà nhỏ bạn) cần làm trước khi thực hiện lời đề nghị của người đối thoại. Ví dụ:

- Đi giặt đồ đi.
- (1a) Con sang nhà nhỏ bạn **đã**.

Từ *chứ bộ* trong (1b) cho biết câu trước đó là một lời nhận xét, quy kết có tính chất tiêu cực đối với một người nào đó. Người nói câu (1b) *thanh minh và bác bỏ* lời nhận xét trên là không đúng bằng cách đưa ra một chứng cứ (sang nhà nhỏ bạn):

- Lại đi chơi rồi.
- (1b) Con sang nhà nhỏ bạn **chứ bộ**.

Từ *cơ* trong (1c) cho biết câu trước đó là một lời đề nghị, yêu cầu. Người nói câu (1c) *từ chối* lời đề nghị này và đưa ra một *đề nghị khác* (sang nhà nhỏ bạn):

- Đi giặt đồ đi.
- (1c) Con sang nhà nhỏ bạn **cơ**.

### 9.3. Cách viết câu ngắn

#### 9.3.1. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới những câu dài

Về phương diện lô gích, đó là kết quả của lối tư duy không mạch lạc, không khúc chiết nên tạo ra những cấu trúc rối rắm, phức tạp.

Về phương diện ngôn ngữ, đó là kết quả của:

- Dùng nhiều câu ghép.
- Dùng nhiều câu đơn được mở rộng thành tầng tầng lớp lớp từ.
- Dùng nhiều câu chứa những nội dung lặp lại gây ra hiện tượng dư.
- Dùng nhiều câu ở dạng bị động, nhiều câu đã mở rộng động từ thành danh ngữ.

Sửa những câu có cấu trúc rối rắm, phức tạp cho ngắn lại về thực chất là *sửa về cấu trúc tư duy*, sửa lại câu theo những *cấu trúc tư duy lô gích chặt chẽ* rồi tách chúng thành những câu ngắn.



### 9.3.2. Kỹ thuật tách câu

Một nguyên tắc sửa câu là làm sao vẫn giữ nguyên được nội dung ban đầu của câu như ý định người viết. Để thực hiện việc này, hãy tìm *cấu trúc lô gích của câu*. Sau đó, dùng những phương thức liên kết câu đã biết để tách chúng thành hai hay nhiều câu. Vài ví dụ:

(1) Đưa dao cắt chiếc bánh kem mà cộng đồng người Malaysia tại Thành phố Hồ Chí Minh tặng nhân chuyến thăm thành phố ngày 20 -10, Ngoại trưởng Abdul Badawi đã cảm ơn về ‘chiếc bánh đầy tình nghĩa’: cách đây hai tuần, ông đã được bầu làm Phó chủ tịch Đảng cầm quyền UMNO và trao tặng danh hiệu ‘Con người trong sạch’ (Mr Clean) trên chính trường Malaysia đã bị Thủ tướng Mahathir cảnh báo về tình trạng tham nhũng. (b., 22.10.1996)

Câu quá dài này có những động từ nào? Danh từ nào bắt nguồn từ động từ?

- *Đưa, cắt, tặng, cảm ơn, được bầu, được trao tặng, cảnh báo, chuyển thăm*

Người viết muốn đưa quá nhiều thông tin thuộc những loại khác nhau vào trong một câu. Cần tìm mối quan hệ *lô gích ngữ nghĩa* giữa các động từ trên đây.

- *Cắt* chiếc bánh *được tặng*. *Cảm ơn* vì đã *được tặng* bánh.

Trên đây là hai điều cốt lõi. Động từ *cảnh báo* dường như chẳng ăn nhập gì với những động từ trước đó. Hãy tạm chưa xét.

Ai cắt? Ai được tặng bánh? Ai thăm? Ai được bầu? Ai được trao tặng danh hiệu? Các câu trả lời đều là *ngoại trưởng*. Trả lời riêng từng câu hỏi, chúng ta được hàng loạt câu đơn giản dễ hiểu:

- Ngoại trưởng thăm thành phố Hồ Chí Minh. Ngoại trưởng đưa dao *cắt* chiếc bánh *được tặng*. Ngoại trưởng *cảm ơn*... Ngoại trưởng *được bầu*... và *được trao tặng*...

- Vì sao được tặng bánh?

- Nhân chuyển thăm thành phố Hồ Chí Minh và nhân dịp *được bầu* làm... và (*được*) *trao tặng*...

- Vì sao ngoại trưởng *cảm ơn*?

- Vì được tặng bánh.

Có nhiều cách để sửa câu này:

*Cách 1:* Tách thành 4 câu, viết theo trật tự các sự kiện:

- Ngoại trưởng... thăm thành phố Hồ Chí Minh. Ông vừa được bầu làm... và (được) trao tặng... Nhân dịp này cộng đồng người Malaysia đã tặng ông chiếc bánh kem. Đưa dao cắt chiếc bánh, ngoại trưởng đã cảm ơn về ‘chiếc bánh đầy tình nghĩa’.

*Cách 2:* Tách thành 2 câu, viết theo trật tự *nguyên nhân - kết quả*.

- Nhân dịp [ngoại trưởng... thăm thành phố Hồ Chí Minh và (nhân dịp) ông vừa được bầu làm... và (được) trao tặng...] cộng đồng người Malaysia đã tặng ông chiếc bánh kem. Đưa dao cắt chiếc bánh kem, ngoại trưởng đã cảm ơn về ‘chiếc bánh đầy tình nghĩa’.

*Cách 3:* Giữ nguyên trật tự các từ trong câu gốc (theo trật tự *kết quả - nguyên nhân*), chỉ thay dấu hai chấm bằng dấu chấm và chú ý hai điều: 1) Ông có hai cái ‘được’: *được* bầu làm... và *được* trao tặng... Vậy cần thêm *được* trước từ ‘trao tặng’; 2) Thêm cụm ‘một chính trường’ vào sau từ ‘Malaysia’ để mất hiện tượng chập cấu trúc:

- Đưa dao cắt chiếc bánh kem mà cộng đồng người Malaysia tại thành phố Hồ Chí Minh tặng nhân chuyến thăm thành phố ngày 20-10, Ngoại trưởng Abdul Badawi đã cảm ơn về ‘chiếc bánh đầy tình nghĩa’. Cách đây hai tuần, ông đã được bầu làm Phó chủ tịch Đảng cầm quyền UMNO và *được* trao tặng danh hiệu ‘Con người trong sạch’ (Mr Clean) trên chính trường Malaysia, *một chính trường* đã bị Thủ tướng Mahathir cảnh báo về tình trạng tham nhũng.

Để sửa một câu quá dài, trước hết bạn hãy tìm các liên từ dùng trong câu đó và viết chúng theo thứ tự như đã xuất hiện trong câu kèm theo một vài từ thể hiện các quan hệ ngữ pháp-ngữ nghĩa trong câu đó. Nhờ vậy, bạn dễ nắm bắt được mạch tư duy của người viết.

Xét ví dụ nêu ở §1.2.3:

(2) **Nhưng** đối với những sinh hoạt văn hóa cho thanh niên trong ấp, **dù** theo bản sơ kết một năm thực hiện ấp văn hóa của huyện Bình Chánh **thì** ‘điểm sinh hoạt văn hóa- thể dục thể thao của ấp 4, xã Tân Túc quy tụ được nhiều thanh thiếu niên tham gia hằng đêm phục vụ nhu cầu giải trí sau những giờ lao động của bà con, đồng thời giúp bà con tìm hiểu thêm các thông tin, kiến thức về mặt khoa học kỹ thuật thông qua sách báo của điểm sinh hoạt, **nhưng** theo ông Sáu, hồi trước cũng có tụ điểm sinh hoạt văn hóa cho bạn trẻ chơi bida, bóng chuyền, đàn hát (hai cây ghi ta tân nhạc, cổ nhạc), đọc sách, có tivi, đầu máy (đầu máy 110V nên chưa sử dụng được), **nhưng** rồi không duy trì được lâu.

Câu trên dài 143 tiếng (!), vừa rối vừa sai. Có tới 5 liên từ: 3 *nhưng*, 1 *dù*, 1 *thì*. Năm liên từ này biểu hiện những quan hệ ngữ pháp nào? Chúng ta gặp những cấu trúc liên kết câu khác nhau viết trong một hàng trông rối mù khiến người đọc không thể nào tiếp nhận nổi ‘Nhưng [đối với X **dù** theo Y thì B, **nhưng** [theo ông Sáu (thì) [D nhưng E]]]. Để gỡ rối chúng ta tách chúng thành *ba tầng* ‘ngịch nhân quả’ rồi diễn giải vấn đề câu trên:

‘Nhưng **A**

**A** = Dù **B** nhưng **C**

**C** = **D** nhưng **E**’

(2b) *Nhưng* không đúng vậy. Dù huyện đánh giá tốt, *nhưng* theo ông Sáu thì lại khác: trước thì có đấy, *nhưng* sau không duy trì được.

Như vậy, câu trên ít nhất có thể tách thành 4 câu khác nhau mà ý cơ bản là:

(2c) Huyện đánh giá tốt. Nhưng không hẳn như vậy. Theo một số quần chúng thì lại khác. Ông Sáu nói: trước thì có đấy, nhưng sau không duy trì được.

Cuối cùng câu được sửa là:

(2d) Theo bản sơ kết một năm thực hiện ấp văn hóa của huyện Bình Chánh thì ‘điểm sinh hoạt văn hóa- thể dục thể thao của ấp 4, xã Tân Túc quy tụ được nhiều thanh thiếu niên tham gia hàng đêm phục vụ nhu cầu giải trí sau những giờ lao động của bà con, đồng thời giúp bà con tìm hiểu thêm các thông tin, kiến thức về mặt khoa học kỹ thuật thông qua sách báo của điểm sinh hoạt’. Nhưng không hẳn như vậy. Theo một số quần chúng thì lại khác. Ông Sáu nói: hồi trước cũng có tụ điểm sinh hoạt văn hóa cho bạn trẻ chơi bida, bóng chuyền, đàn hát (hai cây ghi ta tân nhạc, cổ nhạc), đọc sách, có tivi, đầu máy (đầu máy 110V nên chưa sử dụng được), nhưng rồi không duy trì được lâu.

(3) Ông Xuân đánh thàng con ngõ nghịch đã trốn học và ăn cắp tiền của bạn bè ấy năm roi.

Câu trên không sai nhưng nghe không thuận tai vì bố ngữ trực tiếp '(đánh) *năm roi*' đứng cách quá xa động từ trung tâm *đánh* làm đứt mạch văn. Có ba cách sửa:

a) Chuyển thành một câu ghép 'Kết quả - nguyên nhân':  
*đánh con vì...*

(3a) Ông Xuân đánh thằng con ngõ nghịch ấy năm roi **vì** nó đã trốn học và ăn cắp tiền của bạn bè.

b) Tách thành hai câu: nguyên nhân A. *Do vậy* kết quả B.

(3b) Thằng con ngõ nghịch ấy đã trốn học và ăn cắp tiền của bạn bè. *Do vậy* ông Xuân đã đánh **nó** năm roi.

c) Tách thành hai câu theo kiểu liên kết nội dung: sự kiện - lý do

(3c) Ông Xuân đánh thằng con ngõ nghịch ấy năm roi. Nó đã trốn học và ăn cắp tiền của bạn bè.

(4) Ông Weigang đã thông báo cho chúng tôi sở dĩ ông đột ngột trở về như vậy là để kịp dự lễ tang người em trai ông và tham dự một cuộc họp rất quan trọng với Liên đoàn bóng đá Đức dành cho các huấn luyện viên đang làm việc ở nước ngoài.

Câu trên dài. Đây là *lối nói gián tiếp* vì chúng ta không trực tiếp nhắc lại lời ông Weigang. Sau từ '*sở dĩ*' là một câu. Vậy chúng ta dùng phương thức tách câu theo cách chuyển câu 4 thành lối nói trực tiếp:

(4a) Tôi đột ngột trở về Đức là để [...]. Ông Weigang đã thông báo cho chúng tôi *như vậy*.

Phần đầu của câu 4 khá dài. Nên dùng phép lặp để tách nó thành hai câu. Vậy được câu:

(4b) Tôi đột ngột trở về Đức là để kịp dự lễ tang người em trai và tham dự *một cuộc họp* rất quan trọng với Liên đoàn bóng đá Đức. *Cuộc họp* này dành cho các huấn luyện viên đang làm việc ở nước ngoài. Ông Weigang đã thông báo cho chúng tôi *như vậy*.



## CHƯƠNG 10

# LÔ GÍCH TRONG TIẾNG VIỆT



### 10.1. Câu sai lô gích

Câu viết *không đúng quy tắc lô gích và tư duy* là câu sai lô gích. Ví dụ:

- Họ úp cái nón lên mặt, nằm xuống ngủ một giấc cho đến chiều.

Chỉ sau khi nằm xuống mới úp nón lên mặt. Câu trên viết không đúng thứ tự hành động. Thế là sai lô gích.

- Tác giả TTB đã dẫn thơ *Bánh trôi nước* của Hồ Xuân Hương như sau:

‘Thân em thì trắng phận em tròn

Bảy nổi ba chìm với nước non’

Viết vậy là mâu thuẫn trong *tư duy lô gích*: Nếu đã ‘*phận em tròn*’ tức là *an phận* rồi, là cuộc sống phẳng lặng rồi thì

làm sao lại có chuyện ‘*bảy nổi ba chìm*’ và ‘*rắn nát mặc dù tay kẻ nặn*’ nữa. Trong nguyên tác, câu đó là:

‘Thân em vừa trắng lại vừa tròn

Bảy nổi ba chìm với nước non’

- Nhiều người đi lên đấy bỏ về hết. (p., *Đường đời*, tập 10)

Nhiều không phải là tất cả, sao lại về hết? Lẽ ra *nhiều người đã bỏ về*. Nếu muốn giữ lại từ ‘*hết*’ thì phải thay ‘*nhiều*’ bằng ‘*những*’: Những người đi lên đấy bỏ về hết.

*Hỏi một đường, trả lời một nẻo cũng là sai về tư duy.*

- Ông lão rút tiền xuống ao để làm gì?

- Ông lão rút tiền xuống ao vì ông biết đó không phải tiền do con tự làm ra. (*Hướng dẫn làm bài tập tiếng Việt 3, tập I, t.115*)

‘Để’ là một từ chỉ mục đích. Học để mở mang đầu óc; Luyện tập để thân thể cường tráng... Còn nghĩa hay dùng nhất của từ ‘vì’ là chỉ nguyên nhân: Nghỉ học vì bệnh; Cha mẹ buồn vì con hư;... Đoạn trên hỏi về mục đích của hành động rút tiền xuống ao lại được trả lời bằng nguyên nhân của hành động. Thế cũng là sai về tư duy.

Cho dù không nắm vững nghĩa của những từ hư như để, vì... thì có một nguyên tắc để có câu trả lời đúng là nếu trong câu hỏi dùng từ nào để hỏi thì hãy dùng luôn từ đó mà trả lời:

Hỏi: A để làm gì?

Trả lời: A để...

Hỏi: Vì sao lại A?

Trả lời: Vì... nên A (/A vì...)

*Lập luận mâu thuẫn cũng là sai lô gích.*

- Nếu đòi hỏi nguyên gốc, gốc mất rồi còn đâu nữa. Vấn đề là đảm bảo tính chân xác, điều đó thể hiện ở tính tư tưởng. (Lời ông PP, b., 01.06.2003)

Không còn nguyên gốc thì làm sao đảm bảo được tính chân xác? Vậy là về đầu của câu sau mâu thuẫn với câu đầu tiên.

*Phân loại khái niệm không đúng cũng là sai về tư duy.*

Tới dự lễ khai giảng năm học mới tại một trường ở Hà Nội, một cán bộ lãnh đạo phát biểu: ‘... chúng ta [...] phải lấy *giáo dục con người làm gốc, giáo dục đạo đức là ưu tiên*’ (b., 06.09.2006). Dấu phẩy trong câu trên có chức năng phân cách hai thành phần phân đẳng lập về phương diện ngữ pháp, có quan hệ ngang hàng về phương diện lô gích. Thay dấu phẩy bằng từ và thì cái sai lô gích của câu trên lộ ra rõ hơn: ‘chúng ta [...] phải lấy *giáo dục con người làm gốc và giáo dục đạo đức là ưu tiên*’. Trong câu này, phạm trù ‘*con người*’ và phạm trù ‘*đạo đức*’ đã được đặt ngang hàng. Lẽ ra nên nói ‘chúng ta [...] phải lấy giáo dục con người làm gốc, *trong đó giáo dục đạo đức là ưu tiên*’.

Lời đề nghị ‘Ukraine giúp đỡ sửa chữa những thiết bị mà trước đây Liên Xô và Ukraine viện trợ cho Việt Nam’ (b., 26.03.2011) cũng sai lô gích. Từ ‘và’ khiến trước đây Ukraine không thuộc Liên bang Xô viết. Trong trường hợp này, nên chấp nhận cách nói dài hơn nhưng chính xác: ‘Ukraine giúp

đỡ sửa chữa những thiết bị mà trước đây Ukraine và các nước cộng hòa khác thuộc Liên Xô đã viện trợ cho Việt Nam.'

*Dùng một từ không đúng với những nguyên lý cơ bản của tư duy như các nguyên lý đồng nhất, phi mâu thuẫn, bài trung... là sai lô gích. Nói nôm na, dùng một từ không đúng với những lý lẽ thông thường cũng là sai lô gích.* Chú ý 'lý sự' một chút bạn sẽ nhận ra những kiểu sai này.

- ... Đời sống vật chất thường ngày của gia đình thường diễn ra cảnh 'sáng ăn cơm với dưa, chiều ăn cơm với nhút'... Vì thế, về quê gặp được anh tôi rất mừng. (b., số 14.1994)

Cuộc sống 'sáng ăn cơm với dưa, chiều ăn cơm với nhút' khổ như thế mà mừng lấy được hay sao? Chẳng có lý do gì mà 'vì thế'. Cần bỏ 'vì thế'.

- Đọc một mạch hết 167 trang tiểu thuyết của Ngô Ngọc Bội, người đọc cảm nhận ngay đây là một tập tiểu thuyết viết về tình yêu.

Đọc qua vài trang đầu, bạn có thể *cảm nhận* ngay tiểu thuyết đó viết về gì, chứ đã đọc hết truyện, hết 167 trang mới nhận ra đó là tiểu thuyết viết về tình yêu thì cái *cảm nhận* ngay này quá chậm.

Trong sách *Văn 11* (nhà xuất bản Giáo Dục, 1994, trang 41), phần viết về Nguyễn Khuyến có bài thơ *Chợ Đồng* ở làng *Và* (còn gọi là *Vị Hạ*):

'Tháng chạp *hai mươi bốn* chợ Đồng

.....

Hàng quán người về nghe xáo xác

Nợ nần *năm trước* hỏi lung tung'

‘Năm trước’ hóa ra đã sang *năm mới* rồi. Mà phiên chợ Đồng mở ngày *hai mươi bốn* tháng chạp là ngày *năm hết Tết đến*. Câu trên phải là ‘*Nợ nần năm **hết** hỏi lung tung*’. Người viết lầm ‘*năm hết*’ thành ‘*năm trước*’.

- Trước đó, Quận ủy quận 8 đã ra quyết định *khai trừ* chính trường hợp *nguyên* là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. (b., 29.05.2002)

*Nguyên* là đảng viên tức là nay không còn là đảng viên. Sao quận ủy lại khai trừ những người không còn là đảng viên?

- Dàn nhạc giao hưởng, tại lễ kỷ niệm 15 năm xây dựng và phát triển Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh (27.01.1995 - 27.01.2010) trình bày hợp xướng *Tự nguyện*:

‘Nếu là người tôi sẽ chết cho quê hương’

Nhạc sĩ sáng tác và những người hát bài này *không phải là người* hay sao?

- Do tôm chết hàng loạt nên ở xã này ‘hộ nợ thấp nhất là 50 triệu đồng và cao nhất từ 300 đến 400 triệu đồng’. (Ti vi, 29.06.2010)

Có *hai* mức cao nhất ‘từ 300 đến 400 triệu đồng’ sao? (!)

*Sai khái niệm khoa học cũng là sai lô gích.*

‘Có bao nhiêu *cấp bão*?’ Phần *khởi động* trong chương trình ‘Đường lên đỉnh Olympia’ (17.08.2008) cho đáp án: 12.

Đáp án này sai vì đã lẫn *cấp gió* với *cấp bão*.

Sức gió theo thang độ Beaufort có 13 *cấp*. Cấp O ứng với

tốc độ gió dưới 2km/giờ. Cấp 12 ứng với tốc độ gió 118km - 133km/giờ. Còn lại là ‘sức gió trên cấp 12’.

‘Áp thấp nhiệt đới (tropical depression)’- ứng với sức gió từ cấp 5 đến cấp 7. ‘Bão nhiệt đới’ (tropical storm) ứng với sức gió từ cấp 8 trở lên.

Có 5 cấp bão theo thang bão Saffir-Simpson: Cấp 1 ứng với sức gió cấp 13, cấp 2 ứng với sức gió cấp 14,... cấp 5 ứng với sức gió từ cấp 17 trở lên.

*Viết những câu vô nghĩa cũng là sai lô gích.*

- Một chương kết diễn ra trong tiểu thuyết thật xúc động và tự tin.

Câu trên dư và vô nghĩa. Dư vì không xảy ra trong tiểu thuyết thì xảy ra ở đâu? ‘Một chương *tự tin* là cách nói vô nghĩa.

*Sai trong tư duy là sai lô gích.*

- Công ty chúng tôi yêu cầu học viên phải học nội quy. Đối với học viên nữ khi lái xe không được đi guốc cao gót, không *nói chuyện điện thoại di động*. Đối với học viên nam, không được *hút thuốc lá*. (Ti vi, 22.03.2011).

Lấy thuộc tính phổ biến làm thuộc tính đặc thù là sai về tư duy. Đành rằng nữ thường ‘tám’ trên điện thoại di động hơn nam, còn nam thì hút thuốc lá. Nhưng được phép thực hiện những gì nội quy không cấm. Hệ quả là khi lái xe, nam được phép *nói chuyện điện thoại di động*, còn nữ được phép *hút thuốc lá*. (!?)

Có những câu *không sai lô gích, nhưng...*

- *Sự công minh liêm chính đi tới đâu thì sự thật ở đó lên tiếng.* (b., 13.10.2000)

Cái lô gích của câu này nghe kỳ kỳ: sự thật sẽ không lên tiếng ở những nơi không có công minh, liêm chính hay sao? Sự thật bao giờ cũng là sự thật. Dù chưa có công minh liêm chính thì người dân bị đối xử sai trái vẫn đi khiếu kiện. Vấn đề là sự thật *có được sáng tỏ (lên tiếng), có được tôn trọng* hay không thôi. Vậy nên sửa đề báo trên thành:

- *Nơi đâu công minh liêm chính, nơi đó sự thật được tôn trọng.*

## 10.2. Lô gích của vài từ cơ bản

### 10.2.1. Nước - một từ đặc Việt<sup>1</sup>

Lấy nơi sinh sống đặt tên cho lãnh địa dân tộc mình là lẽ thường tình. Nhiều nước có tên gọi gắn với đất (land). Scotland là đất của những người nói tiếng Gaelic; Phần Lan (Finland) là đất của những người nói tiếng Finnic; Hà Lan (Holland) là vùng đất cây cối rậm rạp, và cũng là những vùng đất thấp (Netherlands); Ba Lan (Poland) là đất của dân tộc Poles. Nhưng người Việt dùng từ nước để chỉ lãnh thổ dân tộc: *Nước Việt Nam*. Điều này gắn với huyền sử Việt, số con của bà Âu Cơ nửa lên núi, nửa xuống biển nên *non nước, đất nước* cũng là *nước*, là quốc gia.

1 Bài đăng trên *Tuổi Trẻ* ngày 28.12.2009

1. Trong tiếng Việt, từ *làng nước* để chỉ những người cùng làng. Gặp hiểm nguy người ta kêu ‘*Ói làng nước oi!*’. Thú vị là từ *làng* cũng gắn với ‘những dải nước lớn’, vì người Việt cổ ‘quần cư quanh những dải nước lớn (cũng như đồng bào miền núi thường quần cư bên bờ suối, bờ sông) mà ngày xưa gọi là **lang** và sau này khi tiếng Việt đã có thanh điệu, cơ sở quần cư ấy được gọi là **làng**’ (Nguyễn Kim Thản). Khi xâm lược nước ta, người Hán gọi dải nước rộng lớn, chạy dài suốt từ Yên Lãng, Đông Anh lên Từ Sơn, v.v. là *Lãng Bạc*. Theo mặt chữ, *lãng* là sóng, *bạc* là hồ nước lớn chung quanh có núi. Chữ ***lãng*** ở đây dùng để phiên âm từ *láng* mà người Việt Nam dùng để gọi dải nước này. Từ *láng*, theo *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê), có nghĩa là *đầm, đĩa*. Hiện vẫn còn nhiều địa danh mang chữ *láng*: làng *Láng* (ở Hà Nội, Dưa La cà *Láng*), *Láng Le*, *Láng Thê*, *Láng Cò*, *Láng Thờ* (dưới Đền Hùng), v.v.

2. Nơi ở của người Việt gắn chặt với nguồn nước nên tổ tiên ta đã dùng từ *nước* (water) đặt tên cho đơn vị hành chính lớn nhất của mình, *nước* là *quốc gia* (state). Theo quy luật lấy con người làm trung tâm và lấy những sự vật gần gũi nhất quanh ta để *đặt tên* nhiều hiện tượng khác, từ *nước* được người Việt dùng theo *nghĩa bóng* rất nhiều, những cách dùng từ ngữ hiếm thấy ở những dân tộc khác.

Bắt đầu một ngày, mặt trời nhô lên khỏi biển được người Việt gọi là ‘mặt trời *mọc*’ giống như cây mọc từ đất, hoa sen, hoa súng mọc từ nước, trong khi các dân tộc Anh, Nga, Pháp nói là ‘mặt trời *đi lên*’ (to rise, podnimatsja, se lever). Chuyển

từ ngày sang đêm, mặt trời buông xuống rồi biến mất, giống như khi ta lặn xuống nước không ai thấy nữa. Vậy là người Việt nói ‘mặt trời *lặn*’.

Trong tiếng Việt, từ *nước* có tính độc lập cao, nó kết hợp được với tính từ, động từ, danh từ theo những trật tự khác nhau. Hãy so sánh với tiếng Anh: Tiếng Việt có 117 cụm từ trong đó có yếu tố *nước*, *sông*, trong số này có 97 cụm mà tiếng Anh lại diễn đạt bằng những từ khác, chứ không phải là *nước*, *sông* (water, river), tuy tiếng Anh cũng có 19 cụm từ chứa *water*, *river* nhưng ở cách nói tương ứng trong tiếng Việt lại không dùng hai từ *sông*, *nước*. (theo luận văn thạc sĩ của Nguyễn Thị Thanh Phương) Chu Lai viết ‘Chị *hàng nước* mang hàm giảng viên đại học... còn có nhĩa bán thêm mặt hàng mía dẫn để phục vụ riêng cho Lâm’ (Phố) *Hàng nước* đâu chỉ có bán nước, còn bán cả kẹo bột, kẹo vùng, mấy gói thuốc Lào, dăm bao thuốc lá. Người uống nước có thể mua thêm chút rượu nhắm vuông kẹo lạc, kẹo vùng... Từ *nước* đã thay cho nhiều mặt hàng ăn uống vặt.

3. Các bạn thử xem có thể dùng những cụm từ chứa *water* để dịch những từ *nước* in nghiêng dưới đây được không?

Tức *nước* vô bờ, nước biểu trưng cho sức mạnh, cho năng lực. Từ đây có những cách nói: học hành như vậy chưa *nước non* gì đâu; nó thì *nước* gì, đến *nước* ấy là cùng; làm thế cũng *chả nước mẹ* gì (xin lỗi!)... Thay vì nói ‘ra tay, trở tài’ người ta cũng nói ‘ra *nước*’.

*Nước* thì có bề mặt phản chiếu, nên có thể dùng từ *nước*

để chỉ những gì trên bề mặt có màu sắc: *nước da* trắng hồng, *nước bóng*, *nước mạ*, *nước kèn*, *nước son*, màu chiếc xe đã *xuống nước* không còn như lúc mới.

Những *con nước* lên xuống, rồi một sông nước chảy đôi dòng, dẫn tới những tình huống mà con người phải xử trí hàng ngày, hoặc nói năng ngang bằng sổ thẳng hoặc theo *nước đôi* muốn hiểu thế nào thì hiểu. Tình huống trong cuộc đời giống như tình thế trong cuộc cờ. Vậy nên nước còn dùng để nói về *nước cờ*, *thế cờ*, ‘*Cờ đang dở cuộc không còn nước*’ (Nguyễn Khuyển). Nhiều lúc, dù có xoay sở *hết nước* thì vẫn không thoát khỏi *nước bí* trong cuộc cờ cũng như trong cuộc đời nếu như không có những lời *mách nước*. Kẻ *được nước*, ở vị thế cao thì *lấn nước*, người kia *mất nước*, ở vị thế thấp đành chịu *nước lép* hoặc tính tới *nước nói dối*. Thậm chí nếu hết đường binh thì chỉ còn *nước đầu hàng*. *Nước đời* là vậy.

Dòng nước chảy gợi nên sự chuyển động, khiến ta liên tưởng tới *cách thức đi đứng*, *hành xử* tìm ra đường đi *nước bước* trong công việc. Ngựa *chạy* được ví như nước chảy, có lúc đi *nước kiệu*, lúc lại phi *nước đại*. Về gần đích, vận động viên *chạy nước rút*. Cuối năm, nhà máy, xí nghiệp cũng mở cuộc *đua nước rút* hoàn thành chỉ tiêu, kế hoạch.

Mời các bạn suy ngẫm và dịch tiếp những từ ‘nước’ dưới đây: *nước chấm*, *nước dùng*, *nước lèo*, *nước cốt*, *nước hàng*, *nước màu*, *nước hoa*, *nước trái cây*, sắc tới *nước thuốc* thứ hai, thêm thứ này vô sẽ *mất nước*, *nước độc*, bị sốt rét *ngã nước*, buôn bán *nước bọt*,...

Ấy là chúng ta chưa nói về *nghĩa bóng* của từ nước trong thành ngữ, tục ngữ Việt.

### 10.2.2. *Cái bụng chứa... tinh thần*<sup>1</sup>

1. Đọc đề báo này chắc có bạn *ngĩ bụng* lại chuyện gì nữa đây? Nếu trong *bụng* còn nửa tin nửa ngờ xin bạn cũng đừng *nóng lòng, sốt ruột*, hãy *bền lòng* đọc tiếp và trước hết trả lời câu hỏi sau: Xin bạn *vui lòng* cho biết có thể tìm được những từ tiếng Anh, Pháp, Nga... chỉ bộ phận cơ thể con người ứng với ‘bụng’, ‘lòng’, ‘ruột’... của tiếng Việt để dịch những từ ngữ viết nghiêng trên đây được không? Tôi nghĩ là không. Nếu bạn tìm được những trường hợp như vậy, xin đừng giữ trong *bụng*. Hãy nói ra, tôi *sẵn lòng* và *hài lòng* lắng nghe, vì tin rằng bạn không có *bụng dạ* gì. Nếu bạn đúng, dù hơi *phiên lòng* nhưng vì tôn trọng chân lý nên tôi *buộc lòng* chấp nhận và *ghi lòng* *tạc dạ* những điều tôi chưa hiểu thấu đáo. Với những điều chưa thỏa đáng, tôi xin được nói lại, mong bạn đừng *méch lòng* và cũng đừng *để bụng* làm gì. Vậy thì tôi cứ viết miễn sao các bạn *ung cái bụng* là tốt lắm rồi.

2. Phần lớn cách dùng từ *lòng* trong tiếng Việt theo nghĩa bóng lại chuyển thành từ *tim* trong tiếng Anh, Pháp hoặc Nga... Vì sao vậy?

Lý thuyết *ẩn dụ* trong ngôn ngữ học hiện đại cho rằng, con người là một vật chứa và thể hiện sự trải nghiệm thế giới vào ngôn ngữ. Tiếng Việt là một trường hợp điển hình.

1 Bài này đã đăng trên *Tuổi Trẻ* ngày 26.01.2010

Với người Việt, *cái bụng* là vật chứa tiêu biểu, nó chứa đựng và thể hiện những gì thuộc phạm trù tinh thần. Một chứng cứ là trong kho giai thoại Việt từng có người cởi trần nằm ngoài nắng để ‘phơi sách’ - phơi chữ trong bụng. Những người lăm chữ nghĩa được coi là *đầy một bụng sách*. Mối rỗi Nguyễn Quang Sáng viết ‘Đúng là quên nhiều... Nhưng viết lại khác, cái gì mình muốn viết nó nằm trong *bụng* rồi, chỉ cần khai ra thôi’. (*Tuổi Trẻ*, 13.01.2010) Trong tiếng Việt, *bụng* và *những* bộ phận của cái *bụng* *lòng, dạ, gan, ruột...* trở thành **biểu tượng** cho phạm trù tinh thần. Chúng là một công cụ biểu hiện tư duy, tâm lý, tình cảm, ý chí, sức chịu đựng.

Trong tiếng nói nhiều dân tộc khác, người ta dùng từ ‘tim’ để biểu hiện điều này. Người Việt nói ‘*học thuộc lòng* bài thơ’ thì người Anh lại nói ‘*học thuộc bài thơ bằng trái tim*’. Không nhiều ẩn dụ được người Anh thể hiện qua các từ *ngực, lồng ngực, tụy, đại tràng, ruột* (He busted a gut laughing, nó cười đau cả *ruột*). Trong tiếng Việt cũng xuất hiện không ít từ *tâm, tim* với ý nghĩa biểu trưng (khẩu phật, tâm xà, một túp lều tranh hai trái tim vàng, hiến dâng con tim và khối óc cho Tổ quốc...). *Tâm* là một từ Hán Việt. Theo Nguyễn Đức Tồn cách dùng từ *tim* theo nghĩa bóng có lẽ được du nhập từ các nền văn hóa khác trong mấy thế kỷ gần đây.

3. Cùng biểu thị phạm trù tinh thần, nhưng mỗi bộ phận *lòng, dạ, ruột, gan...* lại nhấn mạnh một mặt nào đấy.

Nhìn một người theo bề ngoài, thấy *mặt* nhưng không thể thấy *lòng, dạ, ruột, gan...* nên những từ này có một điểm

chung là biểu thị *những trạng thái tinh thần thâm kín*. Cũng vì vậy, có hàng loạt các từ ghép các yếu tố này: *gan dạ, lòng dạ, bụng dạ, ruột gan...* ‘Các thầy giáo thì *bụng dạ* cũng đại khái như thế.’ (Tô Hoài); ‘Lại một lần nữa, *ruột gan* cô Thúy không kìm được sự hồi hộp.’ (Ngô Tất Tố).

Từ *dạ* có khả năng diễn đạt những mức độ của trạng thái tinh thần: *chột dạ, nhẹ dạ, vững dạ...* ‘Mạ thằng Tư Hiền ngẫm thấy mình quá *nhẹ dạ cả tin*.’ (Xuân Thiều); ‘Năm mười ba tuổi, tôi xin ra khỏi nhà trường. Tôi thấy rằng dù còn *trẻ người non dạ* thì tôi cũng đã đủ tư cách kiếm lấy mà ăn.’ (Vũ Trọng Phụng)

Từ *lòng* được dùng rộng rãi nhất, biểu hiện được tất cả những cung bậc tình cảm con người. Thể hiện tình cảm mong muốn, khát khao của *thời thanh niên sôi nổi* chúng ta hát: ‘*Lòng ta hằng mong muốn và ước mơ/ Bàn tay son sắt dâng cao ngọn cờ*’.

Khi vui sướng, người ta *mở cò trong bụng*. Được khen, dù biết đó chỉ là những lời nói lấy lòng ta thường vẫn *hỏi lòng hỏi dạ, mát lòng mát dạ, nở từng khúc ruột*.

Lúc yêu thương, say mê bạn khác giới là ta đã *phải lòng* họ rồi. ‘Không gian quanh Mây tạo nên sự quyến rũ đến *cháy lòng* một cuộc sống yên tĩnh và ấm áp...’ (Trầm Hương)

Khi buồn thương chỉ nghe tiếng cuốc kêu là *lòng buồn tái tê, lòng đau như cắt*. Trước cảnh bất hạnh, ‘Vân thấy *mủi lòng*, nước mắt bỗng nhiên ứa lên cổ khiến chàng nghẹn ngào thương xót.’ (Thạch Lam) ‘Dưới ánh đèn vàng vọt mờ từ cánh cửa của chung cư, khuôn mặt gầy gầy khắc khổ của Định

như dài thêm ra. Tôi bỗng *chạnh lòng*’ (Trầm Hương). ‘Lúc lo lắng, bồn chồn đợi chờ thì *lòng như lửa đốt*’. ‘Tin dữ làm ta *sợ mất mặt*’. ‘Lúc khó chịu, *không bằng lòng* thì cãi lại. Tức giận nhau vẫn có thể *bằng mặt* đấy nhưng *chẳng bằng lòng*’. ‘Chuyện mẹ chồng nàng dâu, di ghẻ con chồng thường do *khác máu tanh lòng*.’

*Bụng*, *dạ* nhấn mạnh tới những điều thầm kín trong tâm tư: *ghi lòng tạc dạ*, thậm chí *sống để dạ, chết mang đi*.

*Bụng* còn để tư duy. Khi suy xét, đánh giá một điều gì đó nhưng không nói ra là bạn *nghĩ bụng*. Có ý định làm một việc gì đó là ta đã *định bụng*. Tự nhủ mình là *bụng bảo dạ*, tự làm mình hoảng sợ là *bụng nát dạ*. Trong tế lễ ma chay nhiều người tin rằng côi dương sao thì côi âm vậy ấy là đã *suy bụng ta ra bụng... thần*.

*Dạ* còn chỉ khả năng ghi nhận. Học hành mau hiểu, mau nhớ là *sáng dạ*. Người *tối dạ* thì ngược lại.

Từ *ruột*, *ruột gan* nhấn mạnh tới sự chịu đựng về tình cảm.

‘*Cao thấp nát gan con sóng lượn,*

*Ngạt ngào đứt ruột tiếng chim kêu*’ (Hồ Biểu Chánh)

Khi *lo lắng*, *ruột gan* rối như tơ vò. Con hư thì bố mẹ *đứt từng khúc ruột*. Bị chọc quê đau, ta có thể *ứa gan lộn ruột*, *buốt ruột buốt gan*. Nhiều khi tức đến ‘*tím gan, tím ruột* với trời xanh’. (Nguyễn Khuyến) ‘Thảm cho em vì muốn báo thù cho mẹ mà phải hư thân, thiệt qua nghĩ đến việc ấy chùng nào, qua càng *nát gan đứt ruột* chùng này.’ (Hồ Biểu Chánh)

‘Khê Trung hầu thấy Lương ngự sử quá nóng, (nên) nói dụ tuy hầu cũng đang *thâm gan tím ruột*.’ (Nguyễn Huy Tưởng)

*Gan* nhấn mạnh tới ý chí mạnh mẽ, bền bỉ, không lùi bước trước khó khăn, hiểm nguy. Đó là *gan con cóc tía* dẫn đàn súc vật lên kiện trời đòi mưa. Người *non gan* thường không làm được việc lớn. Họ ‘*không có gan* chạy trốn đến tận cùng bằng tự sát’. (Chu Lai) Có chí làm quan, *có gan* làm giàu. Những người *cả gan* là những người liều lĩnh, dám làm những việc động trời khác người: ‘Thuở nay người giàu sang thường kiếm con nhà giàu sang mà cưới, chớ có ai *cả gan* dám tính cưới con nhà nghèo hèn bao giờ.’ (Hồ Biểu Chánh) Giới nữ thường mềm yếu, hiếm thấy những ai như trong *Bão biển* của Chu Văn: ‘Nó đánh cán bộ mình mà một con đàn bà trời giáng *mặt sứa gan lim*, hỏi cung hai lần, nó nhất định không khai’. Trong *Cát bụi chân ai*, Tô Hoài nhiều lần dùng từ *gan* biểu trưng cho ý chí: ‘Các cậu này to gan, liều quá’. ‘Về thản nhiên *trơ gan cùng tuế nguyệt* của cảnh vật gọi một nỗi buồn thê lương.’; ‘Cô nào *kiên gan* lắm cũng chỉ đi dạy, đứng bán mậu dịch bách hóa được ít lâu rồi bỏ về.’; ‘Mấy tên lính Thái *gan lỳ* vẫn dai dẳng bắn xuống phát một.’...

*Trong tâm thức người Việt, cái bụng và lục phủ ngũ tạng chứa đựng tinh thần là như vậy.*

### 10.2.3. Sự chuyển nghĩa của từ *ăn*<sup>1</sup>

1. ‘*Ăn*’ là một từ cơ bản và có trong ngôn ngữ của mọi

---

1 Bài đăng trên SGTT, ngày 01.11.2010 trang 30, với tựa đề “Nhiều cách nói ăn đặc sắc mất dần”.

dân tộc. Từ **ăn** trong tiếng Việt cực kỳ lý thú, phản ánh quá trình nhận thức đặc biệt của người Việt về hiện tượng ‘**ăn**’.

Giáo sư Hoàng Tuệ có một bài viết rất hay trên *Tác phẩm mới* (1973) liên quan đến từ *ăn*. Đây là một gợi ý quan trọng để tôi viết bài này.

Thuở hồng hoang, tiếng nói của chúng ta có rất ít từ. Trong quá trình phát triển có nhiều từ mới được thêm vào hoặc *dùng từ cũ với nghĩa mới*. **Ăn** là một từ điển hình có nghĩa được *mở rộng*.

Khởi thủy, ‘**ăn**’ là một hành động của con người. Nghĩa của từ ‘**ăn**’ được mở rộng dần dần theo cách **lấy khuôn mẫu con người để nhận thức vũ trụ**.

2. *Việt Nam tự điển* (1931) của Hội Khai trí tiến đức định nghĩa:

(1) Ăn là *cắn, gặm, bỏ vào miệng nhai rồi nuốt đi*.

Loài vật cũng có hành động ‘**ăn**’. Có điều con rắn chỉ có *nuốt* con mồi. Con cóc, con thằn lằn chỉ *tọt* một cái là con mồi vào bụng chứ không ‘*cắn, gặm, nhai*’. Vậy cần hiểu lại từ *ăn* khái quát hơn cho phù hợp với cả loài vật. *Từ điển tiếng Việt* (1992) của Viện ngôn ngữ học định nghĩa:

(1) → (2) Ăn là *tự cho vào cơ thể thức nuôi sống*

Trong câu ‘*Thợ may ăn giẻ, thợ vẽ ăn hồ, thợ bò ăn nan, thợ hàn ăn thiếc*’ (Tục ngữ), có thể hiểu ‘*ăn giẻ, ăn hồ...*’ để nuôi sống. Nhưng người Việt còn có tục *ăn trầu*. Không ai nuốt trầu như Bill Gates khi tới thăm vùng quê quan họ, mà là nhai rồi nhả bã trầu... Vậy thì *trầu* không phải là *thức nuôi*

sống. Ca dao có câu *cá không ăn muối cá ươn*. Cá nào có tự cho muối vào cơ thể. Nó bị con người rắc muối lên ướp để khỏi ươn, để tồn tại. Lại nữa, đồ vật cũng ‘ăn’: ‘Con tàu neo ở cảng ăn hàng’; ‘Chiếc mô tô này chạy 100 cây số ăn hết 2 lít xăng.’ Động cơ xe máy, tàu thủy, máy bay... phải ăn xăng, ăn than mới chạy được, mới tồn tại được. Khái quát tiếp:

(2) → (3) Ăn là tiếp nhận chất để tồn tại

Thậm chí trong khái niệm ‘ăn’, người Việt không chú ý tới ăn chất gì. Thi hào Nguyễn Du lại cho ăn chất *trừu tượng*: ‘Nói lời rồi lại ăn lời như không’. Ăn lời là nuốt lời. Cũng chả ai nghĩ cho ăn đòn, ăn roi là để tồn tại. Chúng ta đi tới một khái quát cực kỳ quan trọng:

(3) → (4) Ăn là sự tiếp nhận

Chết là tiếp nhận đất. Vậy nên ăn đất là ẩn dụ của cái chết.

3. Nghĩa của từ càng khái quát càng dễ dùng cho nhiều tình huống khác nhau. Ăn là tiếp nhận, và có đảm bảo đường tiếp nhận: chủ động, bị động, đồng thuận hoặc theo tục luật.

Chủ động tiếp nhận với ý nghĩa không chính đáng, xấu xa là ăn bám, ăn chực, ăn hại, ăn ghe, ăn ké, ăn báo cô; ăn bót, ăn bòn, ăn vụng, ăn hoang, ăn không, ăn đồ (trẻ em), ăn quẩn, ăn quèo; ‘Khôn ngoan thì kiếm ăn người, mặt đời thì kiếm ăn quanh’ (Tục ngữ)... Không ít hạng người có thủ đoạn ăn lưu manh, phi nghĩa: ăn cắp, ăn trộm, ăn gian, ăn lường, ăn lận, ăn quịt, ăn hót, ăn bữa, ăn chằng, ăn thông lung (trong cờ bạc). Những tên đạo chích và gái đứng đường thì ăn sương. Tục ngữ có câu ‘Kiếp trâu ăn cỏ, kiếp chó ăn

*của dơ*'. Những hạng kỳ hào, lý dịch, quan chức *ăn chặn, ăn chet, ăn cướp cơm chim, ăn tiền, ăn đứt lót, ăn hối lộ* (xưa gọi lịch sự là *ăn lễ*), được gọi chung bằng từ *ăn bẩn*. Từ đây, có cách chửi mắng là bảo một người '*ăn cái nọ, ăn cái kia*'. (ô uế, xấu xa)

Sự tiếp nhận bị động là nước da *ăn ảnh, ăn phấn, ăn đèn, ăn nắng, ăn gió*. Có người 'mặc đồ đen lại *ăn* hơn đồ trắng'. Giấy sản xuất thời bao cấp rất xấu, thường bị *ăn mực*.

Tiếp nhận theo quy luật, theo *luật chơi*, theo *tục lệ* là sự tiếp nhận *hợp lý*. Đó là *ăn bổng, ăn lộc, ăn hương hỏa, ăn thừa tự, ăn bát họ, ăn cái; làm công ăn lương; làm ở hợp tác xã ăn công điểm*. Trong cá cược nói 'đặt một *ăn ba*'. Trong buôn bán, nói 'hàng này đã *ăn giá* 300 ngàn'. Người làm trái tục lệ liền bị làng xóm kéo đến *ăn vạ* (ngã lợn gà ra ăn). *Ăn vạ* còn nhằm *bất đền*, tức tiếp nhận sự đền bù của người khác.

Tiếp nhận từ cả hai phía thường mang nghĩa *hài hòa*: Tú này *ăn mộng*. Những người *ăn cánh* thường nói *ăn khớp* nhau. Đội bóng này chơi cực kỳ *ăn gió* (jeu); chưa thấy hai tiền đạo nào chơi *ăn ý* nhau như vậy. Dân đồng ca này hát bè không *ăn nhịp* lắm...

4. Để *ăn* được một đối tượng khác thì phải *mạnh hơn*. Từ đây *ăn* có ý nghĩa là *vượt trội, là thắng, là làm tiêu hao đối tượng*. Đó là *ăn tôm, ăn lèo, ăn chấn* trong bài bạc, *ăn xe, ăn pháo* trong đánh cờ, đánh bài. Rồi 'Cờ bạc *ăn nhau về sáng*' (Tục ngữ), 'Anh ta thì *ăn giải* gì, có mà giải rút', 'Về đầu óc, đưa em *ăn đứt* thằng anh', 'Đấu với nó sao được, nó sẽ *ăn gỏi* cậu'...

Từ đây thêm một dòng nghĩa mới: *ăn là tiêu hao đối tượng*. Đó là nước *ăn chân*; gấu *ăn trắng* (hiện tượng nguyệt thực); acid *ăn mòn* kim loại; vải này *ăn màu*; buôn bán ế ẩm, *bị ăn cụt* vốn; biển *đã ăn vào 100 mét*; đường kẻ này *ăn sang trái*; ‘*Son ăn tùy mặt* ma bắt tùy người’ (Tục ngữ)...

5. Từ ‘ăn’ thường trực trong tâm thức người Việt. Và tiếng Việt có nhiều từ ghép ‘**ăn** + **X**’, ở đó:

- Có X nói về *duyên cớ* ăn: *Ăn Tết, ăn tân gia, ăn hỏi, ăn mừng, ăn khao, ăn giỗ, ăn com khách, ‘Ăn có mời làm có khiến.’* (Tục ngữ); ‘*Mòng ba cá đi ăn thề, mòng bốn cá về cá vượt vũ môn.*’ (Ca dao)...

- Có X nói về *tính chất, phương thức* ăn: *ăn già, ăn non, ăn vật, ăn vay, ăn đong...*; *ăn xó mó niêu, ăn xin, ăn mày cửa Phật; ‘Ăn mặn nói ngay còn hơn ăn chay nói dối’* (Tục ngữ); ‘*Những người ăn xổi ở thì/ Tiết trăm năm nỡ bỏ đi một ngày*’ (Truyện Kiều)...

- Khi ghép ‘ăn’ với một *động từ X* khác, như *ăn học, ăn tiêu, ăn mặc, ăn ngủ, ăn nói, ăn nhậu, ăn chia, ăn ngồi...* vai trò của *ăn* và X như nhau, những tổ hợp này còn *có thể* nói về một điều X *khái quát*: *Ăn chơi* nói về chuyện chơi bời, *ăn ở* nói về cách ứng xử trong cuộc sống, còn *ăn nằm* chủ yếu nói về chuyện hai người có quan hệ... ‘*nằm*’ với nhau.

Con đường phát triển nghĩa của từ **ăn** phong phú là như vậy. Mong bạn hãy liên hệ với từ ‘ăn’ trong ngoại ngữ mình biết và hãy thử dịch những ví dụ gặp trong bài này xem bao nhiêu trường hợp có thể dùng *eat* (Anh), *manger* (Pháp), *est*’ (Nga) để dịch từ **ăn** của chúng ta.

Một điều đáng suy ngẫm: *nhiều cách nói đặc sắc về từ ăn đang mất dần đi trong xã hội hiện đại.*

#### 10.2.4. Đường đi của từ **lại**<sup>1</sup>

Một đặc điểm lô gích của ngữ nghĩa các từ cơ bản: *Sự chuyển từ nghĩa gốc sang nghĩa phái sinh.*

Có nhiều từ cơ bản đa nghĩa. Ban đầu mỗi từ chỉ có một vài, thậm chí chỉ một, nghĩa gốc. Trong quá trình tiến hóa ngôn ngữ, có sự phát triển về nghĩa của chúng một cách lô gích theo những tình huống mới và nhận thức mới của con người về tự nhiên và xã hội. Sự chuyển nghĩa trên cơ sở nhận thức của chúng ta về mối quan hệ giữa các phạm trù, từ phạm trù không gian tới các phạm trù khác. Điều này xảy ra với những từ cơ bản - những từ miêu tả những bộ phận bên ngoài dễ nhận biết nhất của con người, những hành động xảy ra hàng ngày của con người, những từ trở những hiện tượng thiên nhiên dễ thấy nhất quanh ta. Chúng ta minh họa điều này qua từ **lại**, một từ trở sự chuyển động trong không gian.

2. *Giả thuyết*: Ban đầu từ **lại** chỉ có một nghĩa gốc liên quan đến nhận thức không gian.

Có hai từ cơ bản đối lập nhau trở sự vận động, di chuyển trong không gian. Đó là **đi** và đối lập với **đi** là **lại**. Con người di chuyển đến một chỗ khác liên tiếp bằng hai chân và luôn luôn có một chân tựa lên mặt đất được gọi là **đi**. Từ điển

1 Bài công bố trên *Tạp chí Ngôn Ngữ*, số 11. 2010, trang 9 - 14, với tựa đề *Con đường chuyển nghĩa của từ cơ bản: trường hợp của LẠI*

*tiếng Việt* 1992 của Viện Ngôn ngữ học (Hoàng Phê chủ biên) cấp cho động từ *đi* 18 nghĩa khác nhau. Ấy là chưa nói đến 4 tổ hợp trợ từ mang tính thành ngữ chứa *đi*. Gần như toàn bộ 18 nghĩa khác nhau này đều có liên quan với nhau qua hiện tượng chuyển nghĩa liên quan đến một nét nghĩa gốc của *đi*:

**Đi:** [+] *vận động dời khỏi một gốc*

Hai từ *về* và *lại* trở vận động theo hướng ngược lại với *đi*, hướng về điểm gốc. Từ đây hình thành nét nghĩa căn bản của *lại*:

**Lại:** *sự chuyển động hướng về điểm gốc (mốc đến) trong phát ngôn. (Điểm mốc ở đây thường là người nói, vì người nói thường lấy mình làm mốc.)*

Ví dụ 1: ‘*Lại đây với mẹ!*’ Nghe tiếng gọi này, đứa con chạy lại phía người mẹ là mốc hay điểm nhìn trong phát ngôn trên.

Ví dụ 2: ‘*Anh lại đàng này với tôi!*’. Người nói câu này đã nghĩ tới mốc đến ‘*đàng này*’ mà người đó đã xác định.

3. Sự phát triển nghĩa của *LẠI* theo nhận thức không gian và hoạt động

### 3.1. Một chuyển nghĩa căn bản

*Đi* là dời khỏi gốc xuất phát, *lại* là trở về gốc đã xuất phát. Do vậy, từ *lại* có một tiền giả định khái quát là *tồn tại một xuất phát điểm - một gốc - nào đó*. Trong quá trình phát triển nghĩa, sẽ hình thành những tiền giả định cụ thể ứng với những nghĩa cụ thể của từ *lại*.

Trở lại một vị trí đã xuất phát là *sự lặp lại* vị trí đó. Do vậy:

**Lại** → **lại 1**: *sự lặp lại một vị trí* (ký hiệu → trở sự chuyển nghĩa)

3.2. *Sự chuyển quan hệ không gian* (lặp lại vị trí) *thành quan hệ sự kiện và thuộc tính* (lặp lại sự kiện, lặp lại thuộc tính). Như vậy:

**Lại 1** → **lại 2**: lặp lại một *hành động*, lặp lại một *sự kiện* hay lặp lại một *thuộc tính*.

Ví dụ: lại mưa, lại ăn, ăn lại, nói lại...

*Khái quát*: Tổ hợp ‘*lại X*’, và ‘*X lại*’ có tiền giả định ‘đã xảy ra X’. Ví dụ: ‘*Lại nói chuyện* vua Ngô là Hạp Lư từ khi đánh được nước Sở, uy danh lòng lẫy, sinh ra chơi bời,...’ (Đồng Chu Liệt Quốc, quyển 6). Câu này có tiền giả định là ‘trước đây đã nói tới chuyện vua Ngô tiến đánh nước Sở, [sau đó nói sang chuyện khác]...’

Ở tổ hợp ‘*X lại*’, nếu X là những động từ có tiền giả định ‘hành động X được thực hiện tại một địa điểm A nào đó’ thì tổ hợp này có tiền giả định là ‘chủ thể của hành động X đã ở A’. tiền giả định này mất đi nếu hành động X xảy ra trong tương lai. Ví dụ: *ở lại; đứng lại; ngồi lại...* đều có chung một tiền giả định là chủ thể của những hành động trên đã có mặt ở nơi mà người ấy *ở lại; đứng lại; ngồi lại*. ‘Tôi *ở lại* Đà Lạt 2 ngày’ có tiền giả định là ‘*tôi đã có mặt ở Đà Lạt*’. Nhưng với câu ‘Tôi sẽ *ở lại* Đà Lạt 2 ngày’ chúng ta không thể khẳng định tôi đã có mặt hay chưa có mặt ở Đà Lạt.

*Sự chuyển nghĩa từ hành động và sự kiện thành thuộc tính*

Lặp lại hành động thì hai hành động giống nhau, lặp lại sự kiện thì hai sự kiện giống nhau, lặp lại thuộc tính thì hai thuộc tính giống nhau. Phạm trù *giống nhau* nằm trong phạm trù khái quát hơn: *sự phù hợp*. Do vậy, ta đi tới một chuyển nghĩa mới:

**Lại 2 → lại 3: sự phù hợp**

Đây là sự *phù hợp* về *mục đích, kết quả hay tính chất* của hai hiện tượng, hai hành động.

Ví dụ: - Hai ông ấy *đã* làm nghề tri huyện *lại* kiêm cả nghề đào mỏ, chẳng qua cũng muốn vinh thân như mọi người. (NTT)

Để được vinh thân, những con người ấy đã làm hai nghề, tri huyện và ‘đào mỏ’ (lấy vợ con nhà giàu). Nghề đào mỏ cũng *lặp lại* mục đích vinh thân như nghề tri huyện. Nói cách khác, hai nghề ấy *phù hợp* với nhau về mục đích.

Để cấu trúc ‘A và B’ được bình thường thì giữa A và B phải có sự phù hợp ngữ nghĩa [x. NĐĐ, 1987]. Còn ‘*nữa*’ cũng ‘biểu thị sự tiếp diễn của hành động, sự lặp lại của hành động’ (Từ điển tiếng Việt). Thế là hình thành những cụm từ có các từ *lại, và, nữa* mang ý nghĩa lặp lại để thể hiện sự phù hợp:

‘**A và lại B**’ (là biến âm của ‘**A và lại B**’)

‘**A lại B nữa**’

‘**Đã A lại B**’

Ví dụ:

- Thấy anh bây giờ khổ sở, em *đã* chẳng thương *lại* còn xấu xí, nhắc đến những lúc hoang phí trước mà xỉ vả. (Nam Cao, *Đôi mắt*)

- Ngón tay búng tách tách, miệng *lại* huýt sáo *nữa*.

- Họ cần cù, *vả lại* tiềm lực lớn nên thành công là đương nhiên.

### 3.4. Một sự chuyển nghĩa của **lại** liên quan tới **đi**

Vận động *đi* - dời khỏi gốc - là vận động *mở ra*, làm tăng khoảng cách, còn vận động đối lập *lại* - vận động trở về điểm gốc - là vận động *hướng tâm*, thu hẹp về khoảng cách, về thể tích, về không gian. Hệ quả là sự tập trung. Chúng ta có hai sự chuyển nghĩa mới liên quan tới *đi* và *lại*.

#### 3.4.1. Sự chuyển nghĩa của từ **đi**

Chuyển động *đi* là chuyển động *dời khỏi gốc*, xa dần điểm gốc, xa dần tầm nhìn của người nói và tới một lúc nào đó sẽ không thấy nữa. Vì vậy:

*Chuyển nghĩa 1: Sự dời khỏi gốc* khiến *đi* chuyển thành sự suy giảm. Và khái quát nữa: *đi* được dùng cho những sự vật, những đối tượng có thuộc tính **âm** [ - ].

Chúng ta nói: đen *đi*, xấu *đi*, gầy *đi*, mờ *đi*, nghèo *đi*, hèn *đi*, kém *đi*, chậm *đi*, yếu *đi*, tái *đi*, xám *đi*, voi *đi*, lạng người *đi*, lười *đi*...

*Chuyển nghĩa 2: Khi dời khỏi gốc* xa tới mức độ nào đó sẽ thoát khỏi tầm nhìn rồi chuyển thành *không thấy được*. Vậy:

**đi** → không thấy được

Chúng ta nói: trốn *đi*, giấu *đi*, che *đi*, lấy *đi*, khuất *đi*, ném *đi*, biến mất *đi*...

Kết hợp hai ý nghĩa trên sẽ dẫn đến cách nói: loại *đi*, bỏ *đi*, vất *đi*, khử *đi*...

*Chuyển nghĩa 3: Dời khỏi gốc* chuyển thành *dời khỏi gốc* rễ. Gia đình là cội nguồn, gốc rễ. Một người chết là người đã ‘bỏ gia đình, anh em, con cháu mà *đi*.’ Từ đây mà *đi* là ẩn dụ của *cái chết*. Chúng ta nói: cụ đã *đi* rồi. ‘Bác đã *đi* rồi sao Bác ơi!’ (Tố Hữu)

3.4.2. Sự chuyển nghĩa **lại** → **lại 4: sự hướng tâm, sự tập trung**, cuối cùng thành *khoảng cách, không gian bị thu nhỏ*.

Tất cả những chuyển động hoặc hành động nào được nhìn nhận là hướng tâm, tập trung hoặc làm khoảng cách, làm không gian, làm thể tích của đối tượng thu nhỏ lại đều cho phép dùng từ *lại* để biểu thị ý nghĩa này. Đó là lý do cho các cách nói: *nhỏ lại, bé lại, ngắn lại, co lại, tóp lại, hóp lại, teo lại, cụm lại, dúm lại, riu lại, choắt lại, quắt lại, hẹp lại, đặc lại, cô lại, khít lại, góp lại, gom lại, vun lại... co tay lại, dồn cục lại, tập hợp lại, xúm lại, chất đống lại, thót bụng lại, thu mình lại, nhắm mắt lại, trói lại, gói lại, cuộn lại, gấp lại, đong lại*...

Chúng ta thử dùng hiện tượng chuyển nghĩa này để phân tích giá trị của *lại* trong câu thơ ‘Có phải duyên nhau thì *thắm lại*/ Đùng xanh như lá bạc như vôi’ (*Mời trầu*, Hồ Xuân Hương). Trong miếng trầu, vôi bạc, lá trầu xanh, ban đầu là những đối tượng rời nhau với những màu riêng rẽ. Khi thành duyên, chúng *gắn kết* với nhau. Chính nét nghĩa ‘*sự*

*hướng tâm*, *‘sự tập trung’*, *‘khoảng cách bị thu nhỏ’* của từ *lại* làm cho *thấm lại* có nét nghĩa hai đối tượng hướng đến nhau, *không còn khoảng cách mà gắn kết nhau* trong sắc *thấm tình yêu*.

### 3.5. Sự chuyển từ nghĩa vận động sang nghĩa biểu hiện phạm trù trừu tượng

*Chuyển động hướng về điểm mốc, điểm gốc* được hiểu là chuyển động *trở về nơi xuất phát, trở về trạng thái ban đầu*:

***lại* → *lại* 5: trở về trạng thái ban đầu**

Tiền khách chúng ta nói: ‘Ông (/Bà) *lại* nhà ạ!’. Người miền Bắc đặt sinh lễ cưới trong những quả sơn son và mang đến nhà gái. Sau lễ cưới, nhà gái đưa lại nhà trai một phần lễ vật đó. Một phần lễ vật đã trở về nơi xuất phát nên thành cách nói *lại quả*. Người miền Nam thường đặt sinh lễ trong mâm, mà *hồi* là trở về, nên phương ngữ Nam Bộ nói *hồi mâm*, cũng có nghĩa là *lại quả*. ‘*Lại người*’ là sau một thời gian sức khoẻ bị giảm sút, nay trở lại trạng thái bình thường ban đầu. ‘*Lại hôn*’ là gì nếu không phải là từ bỏ việc hôn nhân đã định để trở về trạng thái ban đầu? Những cách nói *lại giống, lại sức, tỉnh lại, trẻ lại, khoẻ lại, lấy lại tinh thần, nhớ lại, tìm lại họ hàng...* cũng được hiểu là trở lại trạng thái đã có lúc ban đầu. ‘Nghe thấu hiểu lời của Evtushenko, Nika đã rút những giận hờn của mình *lại* [...]’ (An Ninh Thế Giới, 10.2005)

### 3.6. ***Lại* một chuyển động ngược chiều với *đi***

Một khi *đi* được hiểu là vận động *thuận* (xuất phát từ

gốc) thì **lại** được hiểu là vận động *ngược*, trái hướng vận động của **đi**. Do đó:

***lại* → lại 6:**

a) Những hành động, chuyển động mang ý nghĩa ‘đáp trả’, ‘phản ứng’ lại một hành động trước đó.

*Hòn đất ném đi hòn chì quăng lại, cãi lại, mắng lại, phê phán lại, đánh lại, bắn lại, bật lại, văng lại...* Ý nghĩa ‘đáp trả’ cũng được hiểu theo nghĩa ‘sòng phẳng’: *có đi có lại* cho toại lòng nhau; Ở đời này *bánh ú trao đi bánh chì trao lại*, có ai cho không bao giờ đâu! *Có nói đi cũng xin được nói lại*.

b) Vận động ngược chiều phát triển thành một nghĩa mới trở *những hiện tượng ngược* với *thông thường*, *ngược* với *người khác về thuộc tính, về kết quả, về sự đánh giá*

‘Nhưng tức quá, càng uống lại càng tỉnh ra’ (*Chí phèo*).  
Tức vì chuyện ngược đời càng uống càng tỉnh. Điều này trái với lẽ thường *càng uống càng say*. ‘Điều bất ngờ lớn đã xảy ra: Đội chặn đứng được chuỗi trận bất bại của đội đầu bảng MU *lại* là đội Wolverhampton đang đứng cuối bảng’ (b., 08.02.2011). Thế là ***lại 6*** xuất hiện trong mô hình ngôn ngữ nghịch nhân quả [x. NĐD, 1987] và so sánh đối lập:

‘**X** thì **A** (nhưng) (mà) **Y** lại **B**’ (IIa)

‘**X** thì **A** còn **Y** lại **B**’ (IIb)

Ví dụ: ‘Quả này trông thì đẹp nhưng ăn lại chua’; ‘Cô chi hiền thế, còn thằng em *lại* hư quá.’

Hệ quả của điều này là ‘*Lại X*’ là một cấu trúc mơ hồ: một

mặt có thể hiểu X là hiện tượng ‘ngược đời’. Mặt khác, do ‘**lại X**’ có một tiền giả định ‘trước đó đã xảy ra một một sự kiện thuộc cùng phạm trù với X.’ [x. NĐD, 1987], nên có thể hiểu X có thuộc tính phù hợp với một điều trước đó.

### 3.7. Những cấu trúc ngữ pháp chứa hàm ý

Chính vì **lại** trở những hiện tượng *ngược*, cho nên nó được dùng trong những câu bác bỏ: Khi người ta *chất vấn* một hiện tượng ngược với sự nhìn nhận của mình là người ta *bác bỏ hiện tượng đó*: ‘*Không nghe tiếng máy bay sao lại có pháo sáng!*’. (NMC) Lẽ ra không nghe tiếng máy bay thì không có pháo sáng. ‘Sao tôi *lại* không biết!’ có nghĩa là *tôi biết*; ‘Sao *lại* không nói điều đó!’ có nghĩa là *lẽ ra cần nói điều đó*; ‘Sao *lại* nói điều đó’ có nghĩa ngược lại *lẽ ra không nên nói điều đó*. Những câu trên đều là những câu bác bỏ.

Trong ngôn ngữ, có những cấu trúc ngữ pháp chứa đựng những hàm ý xác định. Nghĩa là cứ có một hình thức nào đó là có một hàm ý tương ứng xác định mà không phụ thuộc vào nội dung của từ ngữ cụ thể trong cấu trúc. Đây là những *hàm ý ngôn ngữ*. Ví dụ:

‘A **gì mà lại** B thế (/vậy)’

Dù không biết nội dung cụ thể của A và B là gì nhưng câu 1 là một cấu trúc luôn luôn có hàm ý:

Theo quan điểm người nói ‘đối tượng này *không xứng đáng là A*’.

Thay A, B bằng những từ ngữ cụ thể thích hợp, chúng ta sẽ được những hàm ý tương ứng. Ví dụ: Với A = người mẫu;

B = mắt lác (/xấu, /mập, /chân vòng kiềng...) thì câu ‘Người mẩu gì mà lại mắt lác’ sẽ có hàm ý là ‘Người này không xứng đáng là người mẩu’. Với A = tiến sĩ, B = ăn cắp công trình của sinh viên, (/không hiểu điều này, /dốt...) thì câu ‘Tiến sĩ gì mà lại đi lấy khoá luận của sinh viên làm công trình khoa học của mình’ sẽ có hàm ý ‘Người này không xứng đáng là tiến sĩ.’ Với A = yêu, B = ki bo (/lãng nhãng với nhiều người) thì câu ‘Yêu gì mà ki bo thế’ sẽ có hàm ý như vậy không xứng đáng, không thể gọi là yêu.

Cơ sở lô gích cho sự hình thành hàm ý này là cơ chế ‘chất vấn nhằm để bác bỏ’ quan hệ nghịch nhân quả ‘A mà lại B’.

Có sự kiện A. Theo lô gích thông thường từ A dẫn tới sự kiện *không* B. Nhưng thực tế lại xuất hiện sự kiện B trái ngược, nghĩa là B có quan hệ nghịch nhân quả với A. Từ ‘*mà*’ trở quan hệ nghịch nhân quả, còn ‘*lại*’ biểu thị những hiện tượng ngược đời. ‘Nếu trong một câu có nhiều từ định hướng nghĩa thì các định hướng nghĩa đó không trái ngược nhau.’[x. NDD, 1984] Do vậy, hai từ ‘*mà*’ và ‘*lại*’ có nét nghĩa phù hợp. Ấy thế là cấu trúc ‘A mà lại B’ cũng biểu thị một kết quả ngược đời. Vậy là người nói dùng từ *mà* và từ *lại* để liên kết A và B trong cấu trúc chất vấn ‘A gì mà lại B thế (/ vậy)’. Và cấu trúc này có những thông tin sau:

- a) Có một đối tượng là A.
- b) Tiền giả định ‘A sẽ dẫn tới kết quả *không* B.’
- c) Đã xảy ra B.

Mặt khác ‘A gì’ là một câu chất vấn về A nhằm bác bỏ A. Nhưng đã là A trong thực tế, không thể bác bỏ được nên ‘A

gì' chỉ có thể là lời đánh giá 'không xứng đáng là A' mà thôi. Từ đây câu 1 có hàm ý là câu 2.

Trong cấu trúc 1 có thể lược bớt một trong hai từ cùng định hướng nghĩa 'mà' hoặc 'lại' và hàm ý của nó vẫn vậy. Cả hai câu 'A *gì mà* B thế (/vậy)', 'A *gì lại* B thế (/vậy)' đều có hàm ý 'không xứng đáng là A'.

#### 10.2.5. *Có chân trong bàn chấp hành*<sup>1</sup>

1. Tiếng Việt cũng như mọi ngôn ngữ khác, theo dòng thời gian luôn luôn có những từ ngữ mới xuất hiện. Trở lại thời tiền sử khi vượn-người đang trở thành người, thì tiếng nói bộ lạc nào chắc cũng chỉ chừng dăm bảy chục từ liên quan đến cuộc sống bầy đàn cần thiết cho những truyền tin hàng ngày như *ăn uống, đi lại, săn bắt, con mồi, kẻ thù, sống chết, cây cối, trời đất, nắng mưa...* và một vài từ trở bộ phận cơ thể con người *đầu, mặt, tay, chân...* Xã hội phát triển và nhu cầu giao tiếp ngày càng tăng thì những khái niệm, những thông tin mới ngày càng nhiều, và con người phải *đặt ra những từ ngữ mới*. Nhưng đặt từ ngữ mới thế nào khi ngoài chính mình con người hầu như chưa hiểu biết gì về thiên nhiên? Thế là con người lấy mình để nhận thức thiên nhiên và đặt tên cho những đối tượng xung quanh. Từ đây có giả thuyết con người là trung tâm vũ trụ (anthropocentrism).

Có thể hình dung quá trình đặt ra từ mới như sau: thấy những đối tượng nào về *hình thức* hoặc *tính chất* giống những bộ phận cơ thể con người thì cho chúng cùng tên

1 Một phần của tiểu mục này đã đăng trong *SGTT*, 04.07.2012

với bộ phận con người. Con người nhìn bằng mắt thì cái bộ phận mà con thú dùng để nhìn cũng được gọi là ‘mắt’. Đó là cách lấy con người làm trung tâm để gọi tên các con vật, các sự vật, hiện tượng... Mỗi dân tộc nhìn chính mình và nhìn thế giới theo những cách khác nhau. Chẳng hạn, người Việt thấy con người có tứ chi (hai *tay*, hai *chân*). Và *tay* là một bộ phận khái quát mà những bộ phận nhỏ của nó có tên gọi chung là *tay*: *cánh tay*, *bàn tay*, *ngón tay* mà người Anh gọi bằng những từ hoàn toàn khác nhau: *arm*, *hand*, *finger*. ‘Cánh tay’ là ‘arm’ nhưng với người Việt từ ‘cánh’ gọi trong nhận thức là cái gì đó *từ trung tâm vươn xa ra*, thế là hình thành mấy chục từ ghép mà tiếng đầu tiên là cánh: *cánh bướm*, *cánh bướm*, *cánh chim*, *cánh bèo*, *cánh cửa*, *cánh cung*, *cánh hoa*, *cánh quạt*, *cánh quân* (chiến đấu), *cánh sen*... Trong khi đó, người Anh lại dùng ‘arm’ để tạo ra những cụm từ *arm of the tree*, *arm of the sea*, *arm of a chair*, *armchair*, *arm of a record-player*,... mà người Việt gọi là *cành cây*, *nhánh biển*, *tay ghế*, *ghế bành*, cái *cần* của máy quay đĩa,... Sự khác nhau trong nhận thức về phân cắt thế giới khách quan, về những đặc điểm các bộ phận con người cùng sự khác biệt loại hình giữa các ngôn ngữ dẫn tới quá trình phát triển nghĩa của những từ ngữ trở bộ phận con người cũng khác nhau. Lấy *chân*, *tay* làm ví dụ.

2. Trong con người, chân là bộ phận thấp nhất giúp ta đứng vững. Từ đây bộ phận thấp nhất làm giá đỡ cho những đối tượng tự nhiên hoặc nhân tạo được nhiều dân tộc gọi tên là ‘chân’: *chân tường*, *chân cột*, *chân giường*, *chân bàn*,

*chân đèn, chân cầu thang; chân đồi, chân núi, chân chống* (xe đạp), *chân kính* (đồng hồ), *chân vạc*... Có những cái chân có hình dáng riêng: sập *chân quỳ*; lư hương *chân quỳ*; quần sắt kiểu *chân què* của phụ nữ nông thôn Bắc Bộ xưa...

Nhưng với *chân trời*, hoặc ‘*chân mây* mặt đất một màu xanh xanh’ (Nguyễn Du), thì người Pháp, người Anh và người Nga lại dùng một từ gốc Latinh *horizon*, chẳng dính líu gì tới ‘chân’ cả.

Trong khi chúng ta nói *chân răng, chân tóc, chân móng tay*, thì người Pháp, người Anh lại thấy ở những đối tượng trên có đặc điểm cắm sâu vào như *rễ cây* để đứng vững nên họ có lối nói *rễ răng* (la racine des dents, roots of teeth), *rễ tóc* (la racine des cheveux, root of the hairs), *rễ móng tay* (la racine des ongles, root of the fingernail).

*Chân vịt, chân rết* là cách lấy chân người gọi tên chân con vật. Từ đây lại dùng tên này để gọi những đối tượng nào có hình dáng hoặc công dụng giống như thế: *chân vịt* của con tàu, hệ thống mương máng *chân rết*, công ty mở thêm nhiều *chân rết* ở các địa phương...

3. Chân để con người đứng ở một *vị trí*. Vậy thì ‘có chỗ đứng trong thị trường’ là ‘có *chân* trong thị trường’. Cái vị trí này là *vị thế* con người trong một tổ chức xã hội. Ấy thế là *chân* được dùng hoán dụ cho *thành viên* của một tổ chức: ‘chạy được một *chân* trong ban chấp hành’, ‘có *chân* trong hội đồng quản trị’, ‘có *chân* trong đội tuyển quốc gia’, ‘xin được một *chân bán hàng* ở Trung tâm thương mại’, ‘còn thiếu một *chân* tổ tôm’... Tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng

Nga không có kiểu chuyển nghĩa theo cách dùng hoán dụ từ *chân*. Người ta dùng trực tiếp từ ‘thành viên’ (*member, membre, член*).

Kết hợp nghĩa ‘thành viên’ với nghĩa ‘ở vị trí thấp nhất’, người Việt nhận thức ở từ *chân* một nghĩa mới. Nó trở người ở những nghề nghiệp có vị trí thấp trong một tổ chức, những người phụ việc, phục vụ cho cán bộ lãnh đạo: ‘Anh ta là một *chân chạy* trong công ty’, ‘Chưa tìm được việc làm, thôi thì trước mắt kiếm một *chân sai vặt, chân chạy cò, chân loong toong* hay một *chân bảo vệ* nào đó cũng được’... Tục ngữ ‘Giàu hai con mắt, khó hai *bàn tay*’ đã khái quát tay để *cầm nắm* thành tay là công cụ *lao động*. Mà chân ở vị trí thấp nhất, nên từ *tay chân, chân tay* chỉ loại công cụ lao động thấp nhất - bọn đàn em, bộ hạ, thuộc hạ cho những *đại ca*, những *ông trùm* và những người quyền thế.

4. Dùng *tay, chân* để trở người là một điểm đặc biệt của tiếng Việt. Hầu như không thấy trong tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Nga. Trong khi chúng ta nói *tay chơi, tay ngang, tay sai, tay súng, tay thợ, tay trong...* thì để chỉ mỗi loại người này tiếng Anh lại dùng một từ trong đó không có yếu tố ‘*tay*’: *playboy; layman; lackey...*

*Tay, chân* được dùng trở các vận động viên thể thao. Dùng *tay* trở vận động viên chơi môn thể thao bằng tay. ‘Vô sĩ thép’ Mike Tyson chỉ được xếp vị trí cuối cùng trong danh sách 10 *tay đấm* huyền thoại của quyền Anh; ‘Minh Quân vô địch giải các *tay vợt* xuất sắc’, ‘Việt Nam góp mặt hai *tay cơ* tại vòng tứ kết giải Billards 9 bóng châu Á; ‘*Tay đua* 24

tuổi người Ý Marco Mimoncelli tử nạn ngày 13.01.2011'; '27.12 tới, vào đúng mùa cưới, *chân sút vàng* của đội tuyển Việt Nam Phạm Thành Lương đã quyết định 'đưa nàng về dinh'... (trích [vietbao.com](http://vietbao.com)), 'danh hiệu kỳ đạo của các *tay cò* Việt Nam' (trang [www.thanglongkydao.com](http://www.thanglongkydao.com)). Các bạn còn gặp '*tay đập*', '*tay chấn*' trong bóng chuyền. Và '*tay kiếm cừ khôi*' là tên một trò chơi game.

Điều thú vị trên đây hầu như cũng không thấy trong tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Nga.

5. **Tay** thì *dài* và dùng để *cầm nắm*. Người có tay thì loài vật, cây cỏ và dụng cụ con người tạo ra cũng có 'tay'.

*Gấu* có *tay gấu*. *Dài* thì có *tay đòn*, *cánh tay đòn* trong đòn bẩy. Nó cũng có thể vươn ra xa như *tay tre*. Cây dây leo phải dùng 'tay' của nó bám vào vật khác mà leo lên. Đó là *tay bầu*, *tay bí*, *tay mướp*. Người Việt gọi vật tạo ra có hai 'tay' được buộc vào nhau, tức là tự nắm lấy nhau, dùng để đeo lên vai là *tay nải* hay *tay đẩy*. Đối tượng nào có đặc điểm 'dài, vươn ra xa để nắm bắt đều có *tay*. Vòi *bạch tuộc* còn gọi là *tay bạch tuộc*. Và chúng ta nói 'Các công ty đa quốc gia đã *với tay* hay là *vuôn vòi bạch tuộc*, tới tận hang cùng ngõ hẻm trên thế giới'.

Tay còn biểu trưng cho *năng lực* lao động, cho người *lao động*. Người Việt nói *một tay lão luyện*, *một tay già đời*, phải giữ *tay nghề* cho khỏi *xuống tay*, và người Anh cũng nói giống vậy: *an old hand, keep a good hand in*,... Lao động tinh xảo ở cái *ngón tay*. Phải chăng vì vậy mà từ 'tay nghề' tạo ra một từ mới mang sắc thái âm tính: *ngón nghề*?

Làm nhiều khác giới: trăm hay không bằng *tay quen*. Nói ‘việc đó trong *tầm tay*’ là dễ dàng làm việc đó. Nếu không làm nổi thì ‘việc đó ngoài tầm tay (với)’ và đành *bó tay*. Để mất cơ hội là ‘cơ hội vượt khỏi *tầm tay*’, nhưng người Anh nhấn mạnh dùng ngón tay cầm nắm nên nói ‘vượt khỏi *ngón tay*’ (to let something slip through one’s *finger*).

‘Bàn tay lao động’ chuyển thành nghĩa khái quát ‘bàn tay hành động’. Hành động tốt thì có *bàn tay sạch*. Hành động xấu, nhẹ thì *tiếp tay* cho kẻ khác, nặng hơn thì có ‘bàn tay *nhóp nhúa*’, thậm chí ‘bàn tay *vấy máu*’. Người hay ăn cắp được người Anh nói là người ‘có *ngón tay dính như keo*’ (to have sticky fingers).

Từ nghĩa cầm nắm dẫn tới nghĩa *sở hữu*. Không *sở hữu* là *tay không*. ‘Giấc Nam Kha khéo bất bình/ Bùng con mắt dậy thấy mình *tay không*’ (*Cung oán ngâm khúc*) *Trắng tay, tay trắng* là bàn tay sạch, nhưng cũng là *tay không*, như một câu đối về thân phận giáo viên:

*Phấn trắng, giấy trắng, bàn tay trắng.*

*Bảng đen, mực đen, cuộc đời đen.*

### 10.3. Lô gích của những hiện tượng ‘phi lô gích’

#### 10.3.1. Ở đây bán bột trẻ em

Có những biển hàng nghe mà rùng mình: Ở đây *xay bột trẻ em*; Ở đây *bán bột trẻ em*. Nghĩ cho cùng, những lối nói này có sai không?

Đầu tiên chúng ta chú ý rằng trong tiếng Việt có những lối nói ‘mâu thuẫn’ nhau: áo ấm và áo lạnh, áo rét; dương thai và dương bệnh; cứu đói và cứu hỏa; cứu quốc và cứu nguy; đánh thắng và đánh bại...

Theo cái ‘lô gích’ hình thức của nguyên lý *cấm mâu thuẫn* thì giữa hai lối nói mâu thuẫn hẳn phải có một lối nói sai. Ấy thế mà người Việt dùng cả hai. Điều gì cả xã hội dùng có nghĩa là điều đó đúng và có *lô gích của chúng*. Vấn đề là cần chỉ ra *bản chất lô gích* của mỗi lối nói đó.

Những cách nói mâu thuẫn này bắt nguồn từ *hiện tượng rút gọn, theo nguyên lý tiết kiệm* trong ngôn ngữ. Nguyên lý này cho rằng trong giao tiếp, con người dùng *lượng ngôn ngữ tối thiểu* để truyền đi *lượng tin tối đa*. Nói ít mà người nghe vẫn hiểu đúng thì không việc gì phải nói dài. Từ đây, những hiện tượng có vẻ phi lý này lại là *kết quả rút gọn của những cấu trúc ngôn ngữ khác nhau*. Một điều phiền toái là quá trình rút gọn này dẫn tới những hiện tượng *mơ hồ* (nhập nhằng) trong ngôn ngữ. Ví dụ: *hũ vàng* được hiểu là kết quả rút gọn của 3 câu khác nhau: *Hũ đựng vàng; Hũ làm bằng vàng; Hũ sơn màu vàng*. Và *bột trẻ em* cũng vậy. Nó được rút gọn từ *bột dùng cho trẻ em*.

Hiện tượng rút gọn này tuân theo quy luật *người ta rút gọn đi* (bỏ đi) *những yếu tố mà vắng chúng người nghe vẫn nhận ra*. Nghĩa là rút gọn những yếu tố đương nhiên nhận ra được nhờ những yếu tố còn lại.

Ví dụ 1: Quan sát 3 cụm từ đồng nghĩa áo ấm và áo lạnh,

*áo rét*. Mỗi danh ngữ trên là kết quả rút gọn của một cấu trúc riêng:

1) áo lạnh ← áo mùa lạnh ← áo [dùng] *cho* mùa lạnh

Hãy so sánh với những cách nói khác cùng kiểu:

sách thiếu nhi ← sách [dùng/viết] *cho* thiếu nhi

máy lạnh ← máy làm *cho* lạnh

sữa trẻ em ← sữa dùng *cho* trẻ em

*bột trẻ em* ← bột dùng *cho* trẻ em

2) áo ấm ← áo mặc *cho* ấm

truyện vui ← truyện đọc *cho* vui

bùa mê ← bùa làm *cho* mê

3) áo rét ← áo mặc (để) *chống* rét

áo mưa ← áo mặc (để) *chống* mưa

áo gió ← áo mặc (để) *chống* gió

thuốc đau bụng ← thuốc uống để *khỏi* (/ *chống*) đau bụng.

Ví dụ 2: ‘*Cứu nước*’ thì hiểu được nhưng sao lại ‘*cứu hỏa*’?

Còn ai mong muốn *bà Hỏa* lan rộng mà đi cứu hỏa?

Cấu trúc nghĩa cơ bản của từ *cứu* là ‘*cứu A thoát khỏi mối đe dọa sống còn của B*’ Theo nguyên tắc điều gì hiển nhiên rõ ràng thì có thể rút gọn, chúng ta vận dụng vào một số tình huống điển hình:

1) Rút gọn B.

Khi nói tới *cứu nước* chúng ta hiểu đương nhiên là cứu nước thoát khỏi mối đe dọa mất nước trước *giặc ngoại xâm*,

trước *bọn xâm lược*... Vậy thì bỏ đi cụm từ *giặc ngoại xâm*, *bọn xâm lược*. Chỉ cần nói *cứu nước* là đủ.

Khi nói *cứu người* chúng ta hiểu *đương nhiên* là cứu người thoát khỏi mối đe dọa hiểm nguy, đặc biệt là của *cái chết*. Vậy bỏ *cái chết* đi, chỉ cần *cứu người* là đủ.

Đó là lý do của những cách nói *cứu quốc*, *cứu nước*, *cứu người*, *cứu nhân* độ thế,...

## 2) Rút gọn A.

Khi nói *cứu A* thoát khỏi mối đe dọa của *bệnh tật*, *đói kém*, *tai nạn*, *thương tích*, *nguy nan*,... *Đương nhiên* A là người. Nếu A là gia súc, gia cầm... thì chúng ta nói rõ, như ‘*cứu đàn trâu bò thoát khỏi dịch lở mồm long móng*’. Vậy bỏ từ *người* đi.

Đó là lý do của những cách nói *cứu bệnh*, *cứu đói*, *cứu khổ*, *cứu nạn*, *cứu nguy*, *cứu thương*, *cứu hỏa*... Trong tiềm năng chúng ta có thể gặp lối nói *cứu lụt*, *cứu lũ*, *cứu bão*, *cứu động đất*...

Ví dụ 3: Nói ‘*đương thai*’... nghe được nhưng sao lại ‘*đương bệnh*’?

Tất cả đều được rút gọn từ cấu trúc ‘*đương A trong thời gian có (/mang) B*’

Trong lối nói ‘*đương A trong thời gian có (/mang) B*’ *đương nhiên* A là con người (‘*đương A*’ có *tiền giả định* A là người). Bỏ điều *đương nhiên* A đi. Cụm từ giải thích về thời gian của A ‘*trong thời gian có (/mang)*’ không còn ý nghĩa gì nữa nên cũng được bỏ đi, chỉ còn lại *đương B*: *đương bệnh*, *đương già*, *đương lão*, *đương thai*...

Ví dụ 4: *Đánh bại kẻ địch/ đánh thắng kẻ địch*

*Đánh bại* có cơ sở lô gích giống như *đánh tan, đánh thua, đánh chìm, đánh đắm, đụng chìm...* rên đường rơi, chiếc A300 đã *đụng chìm* một chiếc tàu bỏ neo gần bờ Rockaway...’ (Tuổi Trẻ, 13.11.2001). Nó là kết quả của chuỗi rút gọn sau:

‘A đánh B và B bại’ → ‘A đánh và B bại’ → ‘A đánh B bại’  
→ ‘A đánh bại B’

‘*Đánh thắng*’ là kết quả của chuỗi rút gọn sau:

‘A đánh B và A thắng B’ → A đánh và A thắng B’ → A đánh thắng B’

Ví dụ 5: *Tôi đi khám bệnh. Tôi đi khám bác sĩ.*

Lối nói ‘*Tôi đi khám bệnh*’ có cùng cơ sở lô gích với các lối nói ‘*Tôi đi cắt tóc*’, ‘*Tôi đi may áo*’, ‘*Tôi đi nhổ răng*’, ‘*Tôi đi sửa xe*’... Chúng cùng có khuôn là ‘*Tôi đi [đến tiệm] để người ta cắt tóc/may áo/nhổ răng/sửa xe cho tôi*’. ‘*Tôi đi khám bệnh*’ là ‘*Tôi đi [đến bác sĩ] để bác sĩ khám bệnh cho tôi*’. Còn ‘*Tôi đi khám bác sĩ*’ là lối nói rút gọn của ‘*Tôi đi khám bệnh ở bác sĩ*’.

Cách nói ‘mâu thuẫn’ do hiện tượng *đồng âm*

Ví dụ: *Bẩn sạch* và *ướt ráo*. Phải chăng cũng là sai lô gích vì ‘*sạch*’ trái nghĩa với ‘*bẩn*’ còn ‘*ráo*’ trái nghĩa với ‘*ướt*’? Không phải vậy, vì hai từ này còn có nghĩa là ‘*hết tất cả*’. *Sạch* và *ráo* trong cụm từ trên đây dùng theo nghĩa này.

### 10.3.2. Triết lý tiếng Việt: hai cực trở tổng thể

Trong mục này tôi cố gắng nói có đầu có đuôi để minh

oan cho thành ngữ *Thượng cẳng chân hạ cẳng tay*<sup>1</sup> mà không ít người cho đến nay vẫn tưởng là vô lý, thiếu lô gích.

1. Tôi thường nghe nhiều lời bình (và cả một số bài viết) về những hiện tượng ‘phi lý’, ‘thiếu lô gích’ ở tiếng Việt. Trong số này có thành ngữ *Thượng cẳng chân, hạ cẳng tay*. Chân thấp tay cao, sao lại là *thượng cẳng chân*? Có giáo sư giải thích rằng chân đá hất lên cao, tay đập xuống nên mới nói vậy. Và cũng có bài viết theo như thế. Bạn có thể hỏi các có thể *chân đập, tay thui* có phải là *thượng cẳng chân, hạ cẳng tay* không? Cái ‘phi lý’ của thành ngữ này mạnh đến nỗi hai nhà nghiên cứu văn học dân gian NL và LVD trong quyển từ điển *Thành ngữ tiếng Việt* (1978, nxb Khoa Học Xã Hội) được đánh giá cao, khi trích dẫn thành ngữ này cũng đã sửa lại cho nó ‘lô gích’ hơn (?): ‘Bà cai Hách không dám hé răng nửa lời, vì cai Hách là kẻ phàm phu, chỉ biết có *thượng cẳng tay, hạ cẳng chân*’ (Vũ Trọng Phụng, *Giông Tố*) Quyển *Từ điển thành ngữ Việt Nam* (1993, nxb Văn Học) của một nhóm tác giả thuộc *Viện Ngôn ngữ học* cũng dùng lại lời trích dẫn đã bị sửa lại này. (Hay *những tư tưởng sai thì gặp nhau*?) Thật ra nhà văn họ Vũ viết ‘*thượng cẳng chân, hạ cẳng tay*’. (*Giông Tố*, chương 27)

Tôi tâm đắc câu *cái gì hợp lý thì tồn tại* của triết gia G.W.F. Hegel và đi tìm *cái lý* cho những cách nói có vẻ ‘phi lý’ nhưng vẫn được dùng rất bình thường này.

1 Bài đã đăng trên *Tuổi Trẻ* ngày 14.04.2010

2. Trước hết, mời các bạn quan sát và trả lời những câu hỏi sau:

Trong vở *Thị Màu lên chùa*, người mỗ ‘chiềng làng chiềng chạ, *thượng hạ, Tây Đông*, con gái phú ông là Thị Màu không chồng mà chửa...’ Vì sao lời trình *thượng hạ, Tây Đông* là lời trình tới cả làng?

Tô Hoài viết ‘Họ buồn ghê lắm, *thượng vàng hạ cám*. Từ cái bát ăn đến sợi tơ bóng, tơ mờ của Nhật nhà cậu vẫn làm đầy...’ (*Mười năm*) Vì sao buồn *thượng vàng hạ cám* được hiểu là buồn *đủ mọi thứ*?

Nghĩa của câu ‘*Làm trai cho đáng nên trai/ Xuống Đông, Đông tinh, lên Đoài, Đoài yên*’ được hiểu là ‘tài trai là đi tới nơi nào liền đưa lại yên bình cho nơi đó’. Vì sao *xuống Đông lên Đoài* được hiểu là đi *khắp nơi*?

Vì sao ‘*đầu đuôi câu chuyện*’ được hiểu là ‘*toàn bộ câu chuyện*’?

Và một bài thơ tứ tuyệt châm biếm:

*‘Khen ai khéo khéo tạc con voi*

*Có đủ cả đầu đủ cả đuôi*

*Chỉ có cái kia là chẳng thấy*

*Hay là thầy Lý bớt đi rồi?’*

Vì sao chỉ cần ‘*có đủ cả đầu đủ cả đuôi*’ là thành con voi? Thiếu những bộ phận khác chỉ là chuyện vật, không ăn nhằm gì. Người ta nhắc tới ‘cái kia’ cốt châm biếm thầy Lý hay bớt xén, ăn bẩn của dân. Vậy thôi.

Tục ngữ ‘Con vua vua dẫu, con *châu chấu* châu chấu yêu’ có nghĩa ‘*Mọi sinh vật đều yêu con cái mình.*’ Vì sao cặp từ *vua-châu chấu* được hiểu là *mọi sinh vật*?

Còn ‘Chuyện bầy bọ của quan chức X chỉ một hôm trong *Nam* ngoài *Bắc* đều biết’ có nghĩa là ‘... chỉ một hôm *cả nước* đều biết.’ Vì sao cặp từ *Nam-Bắc* lại là *cả nước*?

3. Chúng ta *quy nạp*: các cặp từ *thượng - hạ, đầu - đuôi, Đông - Đoài, Nam - Bắc, vua - châu chấu*,... giống nhau ở chỗ đều trở hai cực của một chỉnh thể và chung nghĩa ‘*tất cả*’. Vậy đã rõ: *Người Việt có triết lý lấy hai cực để biểu trưng tổng thể* và tạo ra nghĩa *tất cả*. Chúng ta nêu vài ví dụ khác:

Đất nước hình chữ S có hai cực *Bắc - Nam*, nên câu ‘*Từ Bắc chí Nam* người ta đều làm thế’ có nghĩa ‘*Cả nước* đều làm thế’.

Theo chiều thẳng đứng có hai cực *trên - dưới*, nên câu ‘*Trên dưới* một lòng’ được hiểu là ‘*Mọi người* đều một lòng’.

Theo phương mặt trời mọc lặn có hai cực *Đông - Tây* (Đoài là phương Tây), nên ‘*chuyện Đông, chuyện Tây*’ là chuyện đủ mọi nơi trong thiên hạ. Còn ‘*xuống Đông, Đông tỉnh, lên Đoài, Đoài yên*’ có nghĩa là ‘*đi đến nơi nào là đẹp yên loạn lạc nơi đó*’.

Theo trục thời gian có hai cực *xưa - nay, trước - sau* nên ‘*Lệ làng này xưa nay* là vậy’ có nghĩa là ‘*Mọi thời*, lệ làng này là vậy’. Còn ‘*Trước sau* vẫn vậy’ nghĩa là ‘*luôn luôn* vậy’.

Theo phương nhìn thẳng có hai cực *trước - sau* nên ‘*Trước sau* nào thấy bóng người’ nghĩa là ‘*không thấy một ai* quanh

ta'. Còn 'Mắt *trước* mắt *sau*' là 'để ý tới *mọi* phương' (và chuẩn bị chuồn).

4. Nghĩa của '*thượng cẳng chân hạ cẳng tay*' được hình thành thế nào?

Thành ngữ này có hai cặp từ (*thượng, hạ*) và (*cẳng chân, cẳng tay*). Cặp (*thượng, hạ*) trở *tổng thể*. Còn *cẳng chân, cẳng tay* là những bộ phận *cơ bắp* nên trở hành động *đánh đập* (giới ngôn ngữ học gọi là *biểu trưng* hành động *đánh đập*). Trong truyện ngắn *Một bữa no đòn*, Nguyễn Công Hoan đã viết 'Chửi. Kêu. Đấm. Đá. Thui. Bịch. *Cẳng chân. Cẳng tay.*' Ghép hai phần nghĩa này lại, sẽ được nghĩa của thành ngữ trên: *Về tổng thể là những hành động đánh đập vũ phu*. Khi định nghĩa thành ngữ này nhiều người chưa thêm đó thường là hành động của *đàn ông* đối với vợ con. Đáng buồn là tôi phải bỏ chi tiết này cho '*phù hợp*' với nạn bạo lực học đường, nhất là kiểu đánh hội đồng có nhiều *nữ sinh* cũng *thượng cẳng chân hạ cẳng tay* như ai, ngày càng phát triển ở ta hiện nay.

Nhiều thành ngữ có nghĩa được hình thành từ những *cặp từ biểu trưng* và chúng ta dễ dàng giải thích nghĩa của chúng. Ví dụ:

- (Những mảnh ruộng, mảnh vải...) *đầu thừa đuôi thẹo*

Thành ngữ này có hai cặp (*đầu, đuôi*) và (*thừa, thẹo*). *Đầu đuôi* trở *tổng thể*, còn (*thừa, thẹo*) trở *những thứ không ra gì*. Vậy đó là 'Những mảnh ruộng, mảnh vải... *nhìn chung* (/về *tổng thể*) *không ra gì*'.

- (Bọn) *đầu trộm đuôi cướp*.

Thành ngữ này có hai cặp (*đầu, đuôi*) và (*trộm, cướp*). Cặp (*trộm, cướp*) trở hạng *lưu manh*. Vậy ‘*nhìn chung, đó là bọn lưu manh.*’

(Họ buôn ghê lắm,) *thượng vàng hạ cám*. Thành ngữ này có hai cặp đều trở hai cực: (*thượng, hạ*) và (*vàng, cám*). Trong các thứ đồ vật, của cải, *vàng* là thứ quý nhất xếp ở cực cao nhất, còn *cám* là thứ không ra gì (có câu ‘*có mà ăn cám!*’) nên xếp ở cực cuối. Do vậy (*vàng, cám*) trở *tổng thể* các thứ đồ vật, của cải. Vậy là *họ buôn đủ mọi thứ*.

5. Trong nhiều ngôn ngữ khác, rất ít cách nói *lấy hai cực trở tổng thể*.

Cách nói *từ đầu đến cuối* cũng gặp trong tiếng Nga (*s nachala do kontsa*), tiếng Pháp (*depuis le premier jusqu’au dernier*) và phổ biến nhất là thành ngữ lấy chữ đầu và chữ cuối của bộ chữ cái La tinh hoặc Hy Lạp. (A): *from A to Z*; (P): *depuis A jusqu’à Z*; (N): *ot al’fy do omeghi*. Người Việt dễ dàng tiếp nhận thành ngữ ‘*Từ A đến Z*’ để làm mới lạ thêm cách diễn đạt *từ đầu đến cuối* của mình.

Ki-tô giáo lấy chữ đầu (A) và cuối (V) trong bộ chữ cái Hy Lạp và vẽ hai chữ này lồng lên nhau để tạo ra biểu trưng ‘*tổng thể*’ về thế giới, về nhận thức, về thời gian, về không gian. *Ta là Alpha và Oméga* - đó là Chúa Ki Tô.

Những thành ngữ khác có *hai cực biểu trưng tổng thể*

Làng *trên xóm dưới*; *đầu mày cuối mắt*; *sớm muộn* thế nào cũng lộ; *lắm từ đầu đến chân...*

Trong ‘đầu chày đít thót’ (đầu, đít), biểu trưng tổng thể; còn (chày, thót) biểu trưng bị đánh đập, hành hạ, sai bảo. Vậy thì, *đầu chày đít thót* trở loại người về tổng thể là hạng để bị sai bảo, hành hạ.

Nhiều thành ngữ mới xem thì có vẻ ‘ngược đời’, ‘phi lý’ như *cao chạy xa bay*; *mẹ tròn con vuông*; *nhường cơm sẻ áo*; *mình đồng da sắt*; *con ông cháu cha*; *ăn gió nằm sương*; *huơng lạnh khói tàn* (← hương tàn khói lạnh); *Im hơi lặng tiếng* (← im tiếng lặng hơi); *nhường cơm sẻ áo* (← nhường áo sẻ cơm); *ruộng cả ao liền* [← ruộng liền (bờ) ao cả (/sâu)]; *đường kim mũi chỉ* (← đường chỉ mũi kim)... lại hoàn toàn có lý nếu nhìn nhận *nghĩa của chúng theo các cặp biểu trưng*.

Thành ngữ *cao chạy xa bay* có hai cặp (*chạy, bay*) và (*cao, xa*). Cặp (*chạy, bay*) biểu trưng cho *trốn đi*. Cái gì càng cao, càng xa thì càng khó thấy. Tới một lúc sẽ không thấy đâu nữa. Vậy cặp (*cao, xa*) biểu trưng cho *biệt tăm*. Cộng hai nghĩa này lại, chúng ta được: *cao chạy xa bay* = (*chạy, bay*) + (*cao, xa*) = *trốn đi biệt tăm*.

Xin các bạn lưu ý:

a) Theo cách tiếp cận biểu trưng chúng ta dễ dàng giải thích được vì sao có thể hoán vị các yếu tố trong những thành ngữ này.

b) Không chỉ trốn đi theo cách *chạy, bay*. Trốn chạy bằng *taxi* hay bằng *honda ôm* thì vẫn là *cao chạy xa bay*, là *xa chạy cao bay*, là *cao bay xa chạy*.

Thành ngữ *mẹ tròn con vuông* cũng có hai cặp: (*mẹ, con*) và (*tròn, vuông*). Cặp (*mẹ, con*) biểu trưng cho *việc sinh nở*. Hình vuông, hình tròn là hai hình hoàn hảo. Người Việt làm bánh chưng bánh giầy theo hai hình này. Vậy cặp (*tròn, vuông*) biểu trưng cho *sự hoàn hảo*. Cộng hai nghĩa này lại, chúng ta được: *mẹ tròn con vuông* = (*mẹ, con*) + (*tròn, vuông*) = *việc sinh nở thuận lợi (hoàn hảo)*.

Cứ vậy, các bạn dễ dàng giải thích được những thành ngữ ‘nghịch nhĩ’ hoặc không nghịch nhĩ khác.

Sáng tạo biến thể của những thành ngữ loại này thế nào?

Trong bài thơ *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên* (1954) của Tố Hữu có câu ‘Những chiến sĩ *chân đồng vai sắt*’. Sau này, một bài hát về pháo binh cũng có câu ‘Pháo binh ta *chân đồng vai sắt*’ (/ *Chiến sĩ ta bắn giỏi đánh hay*/ Từ mùa khô cho đến mùa mưa/ Vào trận ta đã đánh là thắng)’ Vì sao từ thành ngữ ‘*mình đồng da sắt*’ trở một siêu nhân dễ dàng vượt qua được mũi tên hòn đạn lại có thể chuyển thành ‘*chân đồng vai sắt*’?

Câu trả lời là thành ngữ trên gồm hai cặp từ biểu trưng (*mình, da*) và (*đồng, sắt*). Cặp thứ nhất là phần bề ngoài con người, biểu trưng cho *hình thể*. Cặp thứ hai (*đồng, sắt*) gồm hai loại kim loại được coi là *rất cứng* biểu trưng cho *sức mạnh vô song*. Kết hợp hai cặp biểu trưng này lại sẽ tạo ra hình tượng một siêu nhân có *thể trạng siêu phàm*. Chiến sĩ Điện Biên *vai* kéo pháo, *đôi chân* đi bộ hàng ngàn dặm từ hậu phương lên chiến trường. Đó là những người ví như siêu nhân. Cặp (*chân, vai*) cũng là phần bề ngoài con người

nên có thể thay thế cho (*mình, da*) biểu trưng cho hình thể. Và Tố Hữu đã tạo ra một biến thể thành ngữ mới thích hợp cho chiến sĩ pháo binh: *chân đồng vai sắt*.

Lưu ý: Tách các bộ phận ra, thành ngữ có thể chỉ còn có nghĩa đen chứ không còn nghĩa biểu trưng nữa.

Ví dụ: thành ngữ ‘mang nặng đẻ đau’ có thể tách thành hai vế dùng theo nghĩa đen, như: ‘(Bác sĩ quyết định mổ để lấy đứa bé ra, vì như thế sự ràng buộc giữa cô và đứa con cô sẽ ít đi). Do vậy có câu: *Cô sẽ mang nặng chứ không đẻ đau*’ (TTCN, số 39.1998)

### 10.3.3. Có chăng những tục ngữ ‘mâu thuẫn’?

(1) *Một giọt máu đào hơn ao nước lã*

(2) *Bán anh em xa mua láng giềng gần*

Nghĩa của hai tục ngữ trên là gì? Chúng có mâu thuẫn nhau không?

Hai câu trên là những tục ngữ *so sánh*. Về bản chất, tục ngữ so sánh là so sánh phạm trù. Trước hết, nghĩa của tục ngữ chủ yếu không phải là nghĩa đen mà là *nghĩa biểu trưng, nghĩa phạm trù*: lấy cái cụ thể để nói lên phạm trù khái quát.

Những tục ngữ so sánh như vậy cho biết người Việt coi phạm trù nào quan trọng hơn, sắp xếp cao hơn phạm trù kia. *Phương pháp khái quát* cho phép tìm ra bản chất của một tục ngữ so sánh như sau:

*Bước 1.* Thay những từ ngữ biểu hiện quan hệ so sánh hơn kém bằng dấu > (hơn) hoặc dấu < (kém) chúng ta sẽ

được một tục ngữ so sánh dưới dạng bất đẳng thức có hai vế rõ ràng.

Những từ ngữ cụ thể trong tục ngữ biểu hiện những phạm trù nào, dương hay âm? Mỗi phạm trù đều có những yếu tố ngôn ngữ biểu trưng cho *phạm trù dương* (tích cực) và *phạm trù âm* (tiêu cực). Bằng cảm nhận của người bản ngữ chúng ta nhận ra được điều này.

*Bước 2.* Chuyển mỗi vế của tục ngữ thành các phạm trù.

*Bước 3.* Bản chất của tục ngữ được thể hiện ở phạm trù dương trong mỗi vế.

Minh họa. Với hai tục ngữ trên, chúng ta làm như sau:

Bước 1:

(1a) *Một giọt máu đào > (một) ao nước lã*

(2a) *Anh em xa < láng giềng gần*

Hai tục ngữ trên có 3 phạm trù:

- Các từ *máu đào*, *nước lã*, *anh em*, *láng giềng* biểu trưng cho phạm trù *họ hàng* (HH); ở đó *máu đào*, *anh em* biểu trưng phạm trù họ hàng *dương* HH (+), còn *láng giềng*, *nước lã* biểu trưng cho phạm trù họ hàng *âm* HH (-).

- Các từ *gần*, *láng giềng*, *xa* biểu trưng cho phạm trù *khoảng cách* (KC). Người Việt coi khoảng cách gần là tích cực, nên *gần*, *láng giềng* biểu trưng cho phạm trù khoảng cách *dương* KC(+), còn *xa* biểu trưng khoảng cách *âm* KC (-).  
Chả thế mà từng có câu về hai yếu tố tạo sức mạnh tình cảm trong quan hệ nam nữ 'Thứ nhất *cự ly*, thứ nhì *cường độ*'.

- Các từ *ao*, *giọt* biểu trưng phạm trù *số lượng* (SL). Điều hiển nhiên là *ao* lớn hơn *giọt*. Vì vậy *ao* biểu trưng cho phạm trù số lượng *dương* SL (+), còn *giọt* biểu trưng số lượng *âm* SL (-).

Bước 2: Chuyển bất đẳng thức ở bước 1 thành bất đẳng thức các phạm trù.

(1a) *giọt máu đào* > *ao nước lã*

(1b) SL (-) HH (+) > SL (+) HH (-)

(2a) *anh em xa* < *láng giềng gần*

(2b) HH (+) KC (-) < HH (-) KC (+)

Bước 3: Mỗi vế của 1a, 2a đều có 2 phạm trù giống nhau, một dương, một âm. Bản chất của tục ngữ được thể hiện ở phạm trù dương trong mỗi vế. Do vậy:

(1b)  $\Rightarrow$  HH(+) > SL (+)

hay là *Họ hàng* > *số lượng*

Như vậy, triết lý của câu 1 là:

*Phạm trù họ hàng quan trọng hơn phạm trù số lượng.*

(2b)  $\Rightarrow$  HH (+) < KC (+)

hay là *họ hàng* < *khoảng cách*

Như vậy, triết lý của câu 2 là:

*Phạm trù họ hàng kém quan trọng hơn phạm trù khoảng cách.*

Kết luận: Hai tục ngữ trên không mâu thuẫn nhau. Kết hợp lại, chúng ta thấy được triết lý của người Việt về thứ tự quan trọng của 3 phạm trù trên là:

*khoảng cách > họ hàng > số lượng*

Những tục ngữ sau đều nhấn mạnh tới tầm quan trọng của khoảng cách: *Quan xa, bản nha gần; Phép vua thua lệ làng; Lấy chồng khó giữa làng hơn lấy chồng sang thiên hạ*. Cũng vậy là lời hát ‘con chim đa đa, *chồng gần không lấy mà lấy chồng xa...*’

Phạm trù khoảng cách trong tâm thức người Việt vô cùng quan trọng. Điều này giải thích vì sao xóa bỏ tính cục bộ, địa phương, vùng miền vô cùng khó khăn.

Lại xét tục ngữ:

(3) *Đi 10 bước xa hơn đi 3 bước lợi*.

Trong so sánh đối chiếu hai đối tượng có những thuộc tính đối lập nhau, được phép bỏ đi những yếu tố ngầm ẩn. Ví dụ ‘*Hoa cúc đẹp nhưng hoa ngâu thơm hơn*’ được hiểu là ‘*hoa cúc đẹp (nhưng không thơm) còn hoa ngâu (tuy không đẹp, nhưng) lại thơm*’. Với tục ngữ so sánh cũng vậy, chúng ta tái hiện câu 3:

(3)  $\leftrightarrow$  ‘*Đi 10 bước khô mà xa hơn đi 3 bước gần mà lợi*’

Ở đây, 10 bước/3 bước biểu trưng cho ‘độ dài’ (ĐD), khô/lợi biểu trưng cho phạm trù ‘sự thuận tiện’ (ThT). Đi gần thì thuận lợi nên ‘*đi gần*’ biểu trưng ĐD (+). Theo cách làm 3 bước trên đây, ta được:

(3)  $\leftrightarrow$  *10 bước khô > 3 bước lợi*

$\leftrightarrow$  ĐD (-) ThT (+) > ĐD (+) ThT (-)

$\leftrightarrow$  ThT (+) > ĐD (+)

Suy ra triết lý của câu 3 là:

Trong đi lại, *sự thuận tiện > độ dài*.

(Ý nghĩa của dấu > là ‘quan trọng hơn’;

ý nghĩa của dấu < là ‘kém quan trọng hơn’)

Theo cách này, dễ dàng tìm ra triết lý của những tục ngữ so sánh:

‘Bà con vì tổ vì tiên không phải vì tiền vì bạc.’

⇒ *họ hàng > tiền bạc*

‘Chết đứng còn hơn sống quỳ.’

⇒ *tự do > mạng sống*

‘Trăm hay không bằng tay quen.’

⇒ *lý thuyết < thực hành*

‘Tình thương quân cũng là nhà

Yêu nhau có nghĩa hơn tòa ngôi cao.

⇒ *tình yêu > cửa cải*

‘Nói hay hơn hay nói.’

⇒ *chất lượng > số lượng*

‘Một mặt người bằng mười mặt của.’

⇒ *con người > cửa cải*

‘Học thầy không tầy học bạn.’

⇒ *tri thức cá nhân < tri thức tập thể*

‘Một kho vàng không bằng một nang chữ.’

⇒ *cửa cải < tri thức*

#### 10.3.4. Có những câu tục ngữ-ca dao ‘mâu thuẫn’?

Trong kho tàng ca dao Việt Nam có những tục ngữ dưới hình thức ca dao ‘mâu thuẫn’ nhau hoàn toàn:

(4) Thà rằng ăn nửa trái hồng

Còn hơn ăn cả chùm sung *chất lè*.

(5) Thà rằng ăn cả chùm sung

Còn hơn ăn nửa trái hồng *dở dang*.

Thoạt nhìn, dễ tưởng rằng hai câu trên dẫn tới những kết luận mâu thuẫn:

(4)  $\Rightarrow$  nửa trái hồng > cả chùm sung

(5)  $\Rightarrow$  cả chùm sung > nửa trái hồng

Thực ra chúng không hề mâu thuẫn. Phương pháp phát hiện bản chất của những câu này cũng hệ như phương pháp đã thực hiện ở những tục ngữ so sánh. Có điều cần chú ý tới *tín hiệu bổ sung*. Đó là từ *dở dang* trong câu (5).

Bước 1.

(4)  $\leftrightarrow$  nửa trái hồng > cả chùm sung *chất lè*

$\leftrightarrow$  cả chùm sung > nửa trái hồng *dở dang*

Trong 2 câu trên có các từ ngữ *hồng, sung, nửa, cả*. Chúng biểu trưng cho 3 phạm trù khác nhau: *chất lượng, số lượng* và *toàn khối* (Do từ *dở dang*, chúng ta hiểu hai từ *cả, nửa* trong câu 5 biểu trưng cho phạm trù toàn khối).

*Chất lượng*: hồng CL (+); sung CL (-)

*Số lượng*: cả SL (+); nửa SL (-)

*Toàn khối: cả TK (+); nửa TK (-)*

(4)  $\leftrightarrow$  (4b) SL (-) CL (+) > SL (+) CL (-)

$\leftrightarrow$  CL (+) > SL (+)

*Chất lượng > số lượng*

Như vậy, triết lý của câu 4 là *phạm trù chất lượng quan trọng hơn phạm trù số lượng*.

(5)  $\leftrightarrow$  (5b) TK(+) CL (-) > TK (-) CL (+)

$\leftrightarrow$  TK(+) > CL (+)

*Toàn khối > chất lượng*

Như vậy, triết lý của câu (5) là người Việt coi *phạm trù toàn khối, chính thể quan trọng hơn phạm trù chất lượng*.

Theo phương pháp này, chúng ta dễ dàng giải thích được những câu ca dao sau cũng không mâu thuẫn:

(6) Vợ chồng là ruột là rà

Anh em thì có cửa nhà anh em.

(7) Anh em là ruột là rà

Vợ chồng như áo cởi ra là rồi.

## CHƯƠNG 11

## LỜI ÍT, Ý NHIỀU

## 11.1. Viết dư



Nếu không cần thiết, viết dư sẽ làm câu mất hay.

[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

## 11.1.1. Thế nào là viết dư?

[Download Sách Hay](#) | [Đọc Sách Online](#)

Viết dư là viết những điều đương nhiên ai cũng biết nên không cung cấp được thông tin mới, tạo ra những câu vô bổ. Thông thường, một sinh vật nhìn bằng mắt, người đi bằng chân. Chúng ta nói: từ *nhìn* có tiền giả định là *bằng mắt*, từ *đi* có tiền giả định *bằng chân*. Một khi mở bàn tay đánh vào *má* thì gọi là *tát*, đánh vào *mông* gọi là *phát*, đánh vào *mồm miệng* gọi là *vả*, đánh vào *tai* gọi là *bạt* (rất ít dùng *tát*). Tương tự, các từ *tát*, *phát*, *vả*, *cốc* lần lượt có tiền giả định là *vào má*, *vào mông*, *vào miệng*, *vào đầu*. Đó là những điều đương nhiên ai cũng biết. Cho nên những câu ‘Bố em đi bằng chân’; ‘Bà ấy nhìn tôi bằng mắt’ là dư thừa vô bổ.

Nhưng câu ‘Có thể nói doi *nhìn* bằng tai’ lại cho chúng

ta một thông tin về loài dơi. Đúng là dơi không nhìn bằng mắt. Dơi phát ra sóng siêu âm, chúng dội lại tai dơi làm nó nhận ra những đối tượng xung quanh. Những câu ‘Sau vụ tai nạn, bố em phải đi bằng *đôi chân giả*’; ‘Mẹ kể luôn nhìn tôi bằng *đôi mắt cú vọ*’... lại không dư.

Chúng có những thông tin không phải đương nhiên mọi người biết.

Lại có những điều đã giới thiệu ở phần trước đó trong câu, trong đoạn. Viết lại những nội dung đã biết hay có thể được suy ra ngay từ những điều đã viết cũng là viết dư. Ví dụ:

(1) Hiện nay rất nhiều cơ quan đăng thông báo tuyển người công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

Đăng ‘thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng’ tức là đã ‘thông báo *công khai*’ rồi. Câu 1 dư từ *công khai*.

Tường thuật trận chung kết bi-a loại carom 1 băng toàn quốc giữa Đặng Đình Tiến và Vũ Ngọc Long, bình luận viên nói: ‘Vũ Ngọc Long của *Thành phố Hồ Chí Minh* đã vượt lên 35 - 29’; ‘Tay cơ Đặng Đình Tiến của *Thành phố Hồ Chí Minh* đã ghi một mạch 12 điểm.’ Thế cũng là nói dư vì lúc đầu đã giới thiệu đây là cuộc đấu nội bộ của hai tay cơ Thành phố Hồ Chí Minh.

(2) Trong suốt tháng sách, *mỗi* thứ bảy *hàng tuần* luôn có các chương trình giao lưu, tọa đàm... ‘(b., 08.10.08).

Câu 2 cũng dư vì ‘*mỗi* thứ bảy’ cũng có nghĩa là ‘thứ bảy *hàng tuần*’. Cần bỏ đi từ *mỗi* hoặc từ *hàng tuần*:

(2a) Trong suốt tháng sách, thứ bảy *hàng tuần* luôn có các chương trình giao lưu, tọa đàm...

(2b) Trong suốt tháng sách, *mỗi* thứ bảy luôn có các chương trình giao lưu, tọa đàm...

Trên đường phố, có những biển báo như: ‘được phép rẽ phải khi đèn đỏ’. Nói đơn giản ‘được rẽ phải khi đèn đỏ’ vẫn đủ ý. Vậy từ ‘phép’ trong biển trên là dư. Về phương diện sắc thái nghĩa, từ ‘phép’ mang dáng dấp thời bao cấp xin - cho, được phép và không được phép, chính quyền thiếu tôn trọng người dân.

(3) Hai người sẽ phải nộp phạt *ít nhất* 12 triệu đồng *trở lên*.

Câu 3 đã dư hoặc từ *trở lên* hoặc từ *ít nhất*. Chỉ cần viết:

(3a) Hai người sẽ phải nộp phạt *ít nhất* 12 triệu đồng.

(3b) Hai người sẽ phải nộp phạt 12 triệu đồng *trở lên*.

Như vậy: *Trong một câu, nếu bỏ đi một từ, một cụm từ mà nghĩa của câu không thay đổi, kể cả về sắc thái, về phong cách ngôn ngữ thì từ đó, cụm từ đó là dư.*

Lưu ý: Về phong cách có những câu đối với thể loại này là dư nhưng với thể loại khác lại không dư. Ví dụ:

(4) Nếu không chắc thể thì đừng *có* mà hứa.

(5) Tình hình đang rất khó khăn, nhưng đừng *có* ngồi đó mà rên rỉ.

Thoạt nhìn, hai câu trên đây dư vì trong mỗi câu có thể lược bớt đi một từ:

(4a) Nếu không chắc thế thì đừng hứa.

(5a) Tình hình đang rất khó khăn, nhưng đừng ngồi đó rên rỉ.

Nếu là tường thuật *gián tiếp* lời ai đó thì câu 4 dư vì nó có thể rút gọn thành 4a mà vẫn giữ nguyên ý. Còn như câu 4 tường thuật *trực tiếp* lời một người thì hai từ *có* và *mà* khiến câu 4 có sắc thái *khẩu ngữ* và nó khác câu 4a về sắc thái nghĩa. Tương tự, hai từ *có*, *mà* khiến câu 5 mang sắc thái *khẩu ngữ* nên nó không dư.

*Viết dư có thể tạo ra ý mà người viết không mong đợi.*

(6) Với chủ đề nổi bật ‘Julian Assange, người làm *sáng tỏ* công lý *bị lộ mặt*’, báo *Le Monde* đã bình chọn người sáng lập trang web Wikileaks Julian Assange là ‘nhân vật của năm 2010’. (b., 26.10.2010)

Câu trên có thể bị hiểu theo nghĩa ‘Julian Assange [người làm *sáng tỏ* công lý] *bị lộ mặt*’. Câu trên dư từ *sáng tỏ*? Phải chăng ý người viết là ‘Julian Assange, người làm ‘*công lý*’ *bị lộ mặt*’?

#### 11.1.2. Tiếng Việt đang ‘dài’ ra<sup>1</sup>

*Thói quen nói năng đúng giáo điều mà không cần hiểu thấu đáo dẫn tới hệ lụy đã hình thành thói quen chấp nhận, tư duy thụ động, không muốn lật lại nghĩa lý của câu chữ, của khái niệm và lập luận khi tiếp nhận văn bản. Đây là nguyên nhân chính dẫn tới những lối nói dư thừa hiện nay.*

1 Bài đã đăng trên SGTT, 29.08.2011

*Hiện tượng:* Viên sĩ quan cảnh sát giao thông trả lời phỏng vấn trong chương trình *Chào buổi sáng* (Ti vi, 25.06.2011): ‘Chúng tôi đã xác định được những cơn mưa kéo dài *trên một tiếng đồng hồ* hoặc *dưới một tiếng đồng hồ* gây ngập lụt là 53 điểm.’

Sao không nói ‘Chúng tôi đã xác định được 53 điểm cơn mưa trên dưới một tiếng là ngập’ cho gọn? Cũng trong *Chào buổi sáng*, hàng ngày ra rả ‘người *tham gia giao thông*’, ‘các phương tiện *tham gia giao thông*’. Sao không nói ‘người *đi lại*’, ‘các phương tiện *đi lại*’ cho ngắn hơn?

*Nguyên nhân.* Chúng ta tìm căn nguyên của hiện tượng nói dài ngày càng trở nên phổ biến trong sách báo và văn bản tiếng Việt hiện nay.

Anh dân quân đánh vẫn chưa thạo chữ quốc ngữ trong *Đôi mắt* của Nam Cao đã nói thuộc lòng một bài 3 giai đoạn kháng chiến phòng ngự, cầm cự, tổng phản công... ‘dài đến năm trang giấy’. Những người này cứ nói ra ‘là thấy *đề nghị, yêu cầu, phê bình, cảnh cáo, thực dân, phát xít, phản động, xã hội chủ nghĩa, dân chủ* với cả *tân dân chủ* nữa...’ (trích *Đôi mắt*, 1948). Cách nay gần 65 năm đã xuất hiện trên cửa miệng người dân bình thường những khái niệm cao xa mấy ai hiểu hết ý nghĩa này. Thời đó người dân tin theo Đảng nên đã nói đúng theo đường lối, theo chỉ thị, nghị quyết. Sáu bảy thập kỷ là khoảng thời gian tạo ra hai thế hệ, đủ dài để hình thành những thói quen ngôn từ nói năng đúng giáo điều mà không cần hiểu thấu đáo. Điều này dẫn tới hệ lụy là xã hội hình thành thói quen chấp nhận, *tư duy thụ động*, không

muốn lật lại nghĩa lý của từ ngữ, câu chữ, của khái niệm và lập luận khi tiếp nhận văn bản. Vả lại, nếu ai đó muốn bình luận sẽ tạo ra những lời nghịch nhĩ và trở thành ‘*người có vấn đề*’. Kết quả là người ta lo nói năng an toàn, *cầm giấy* phát biểu theo những giáo điều, dần dần *hình thành thói quen* kết luận mà không chú ý tới lý lẽ thuyết phục. Nhiều người nghèo đi về ngôn từ và tư duy, nhưng vẫn cần thể hiện mình. Vậy là sinh ra lối nói sang trọng với nhiều từ Hán-Việt nhưng lại không hiểu thấu đáo và những câu hùng hồn dài dòng rỗng nghĩa, dư thừa.

**Những lối nói dư thường gặp** (qua phim truyền hình và một số chương trình truyền hình gần đây)

*Dùng lặp hai từ Hán-Việt và thuần Việt đồng nghĩa*

‘Nạn rải đinh *tái* xuất hiện *trở lại*’ (CBS, 06.05.2011) *Tái* xuất hiện là xuất hiện *trở lại*. Nói nạn rải đinh xuất hiện *trở lại* là đủ. Và ‘Mời các bạn nghe những tin tức *cập nhật* đầu tiên *trong ngày*’. (CBS, 13.01.2010). *Cập nhật* là *trong ngày*. Nói ‘*tin tức đầu tiên trong ngày*’ là đủ. Nguyên nhân chính của loại *dư quá phổ biến* này là trong nhận thức của người Việt hiện nay, nghĩa của nhiều yếu tố Hán-Việt đã ‘mờ’ đi nên nhiều người không thấy ‘*dư*’ nữa. Trong từ *cập nhật* hiện nay, nghĩa của từ *nhật* đã mờ hẳn đi, và nó đang chuyển thành nghĩa *tức thời*. Có thể chấp nhận cách nói ‘Không khí làm việc và đưa tin rất khẩn trương, *cập nhật từng phút*’. (b., 13.03.2011)

*Những kiểu nói dư thường gặp*

*Dùng lặp lại những từ đồng nghĩa, những diễn đạt đồng nghĩa*

‘Mục đích cô đến đây để làm gì?’ (CGL0G, tập 18)

Muốn biết *mục đích* của một hành động chúng ta hỏi *để làm gì?* Khẩu ngữ hàng ngày chấp nhận lối nói dư. Khẩu ngữ trong phim là khẩu ngữ văn học, được gọt dũa. Lời thoại trong phim càng ngắn càng tốt. Sao không biên tập lại ‘Cô đến đây làm gì?’ cho gọn?

Lại nữa: ‘Chắc có lẽ là vậy’. (CGLOG, tập 19) *Chắc và có lẽ* là hai từ thể hiện hành vi phỏng đoán một khả năng không chắc chắn. Nói ‘*Chắc vậy*’ hoặc ‘*Có lẽ vậy*’ là đủ.

*Đưa vào lời nói những yếu tố đương nhiên tồn tại*

- (Anh xin lỗi.) Anh đã tát vào má em. (SQRCNV, 01.06.2011)

Nói ‘(Anh xin lỗi.) *Anh đã tát em*’ là đủ. Tương tự, đưa em mách ‘anh đã *cốc* con’ chứ không cần nói dài ‘anh đã *cốc* vào đầu con’.

*Nói dư thành sai*

- Ở Việt Nam *chủ yếu* có mấy loại gấu? Gợi ý: 2, 3 hay 4? (Đấu trường 100, 30.05.2011)

Đáp án (Lời MC): ‘Hai. Không có thêm loại gấu nào nữa đâu.’

Từ *chủ yếu* khiến câu hỏi *định lượng* này mang tính xác suất. Đáp án 2 khiến người nghe nghĩ rằng *còn một loại gấu*

*thứ ba* (thứ yếu!) nữa. Dù 99,9% gấu ở Việt Nam là hai loại *gấu ngựa* và *gấu chó* thì vẫn có 0,1% thuộc loại gấu thứ ba. Nói như MC '*Không có thêm loại gấu nào nữa đâu*' là không chuẩn. Còn như, nếu *chỉ có 2* loại gấu thì từ **chủ yếu** làm câu hỏi trên sai. Cần bỏ đi từ *chủ yếu*.

- Sáng tác này của Trần Hoàn vào năm nào: a) 1948, b) 1958, hay c) 1968?

Đội A: 1958. Lời MC: '*Đáp án này hoàn toàn sai*'; Đội B: 1948. Lời MC: Vâng, *hoàn toàn chính xác!*' (Trò chơi âm nhạc, 29.07.2011)

Nếu 1948 là *hoàn toàn chính xác*, 1958 là *hoàn toàn sai* thì năm nào là *chính xác không hoàn toàn*, năm nào là *sai không hoàn toàn*? Lời MC đứ từ '*hoàn toàn*'.

*Dùng chập những cụm từ đồng nghĩa*

- Một nữ tử tù trốn thoát, điều này *chưa từng xảy ra* bao giờ từ trước đến nay. (p. NTT, 17.05.2009)

*Chưa từng* là *chưa bao giờ* và cũng là *từ trước đến nay chưa xảy ra*. Vì vậy, câu trên dư chập ba. Có 3 cách nói ngắn hơn: '*điều này chưa bao giờ xảy ra*'; '*điều này chưa từng xảy ra*' và '*điều này từ trước đến nay chưa xảy ra*'.

**Hãy nói ngắn gọn** hơn là nói những câu nghe rồn rảng nhưng đông dài chữ nghĩa.

Hiện tượng dư còn có thể tiếp cận theo *lượng thông tin*.

Ví dụ: Có ai đó kể về một vụ bê bối lớn rồi hạ lời bình: '*Đúng là thượng bất chính thì...*' Mới nghe tới đó, bạn biết ngay đoạn tiếp theo của lời bình này là 'hạ tắc loạn'. Tục

ngữ ‘*Thượng bất chính, hạ tắc loạn*’ là một cấu trúc cố định, phần đầu tất yếu dẫn tới phần sau, nên ‘*thượng bất chính*’ đã ngầm chứa đựng thông tin của tục ngữ, nghĩa là ‘*hạ tắc loạn*’ được coi là dư về lượng thông tin.

Vậy: *Một yếu tố dư vắng mặt nhưng người ta vẫn có thể nhận ra nó nhờ những yếu tố khác thì yếu tố đó được coi là dư.*

Chúng ta không đề cập đến hiện tượng dư theo nghĩa cuối cùng này.

### 11.1.3. Những thông tin người nghe chờ đợi

Có thể dùng câu 8 dưới đây trả lời cho cả ba câu hỏi 7a, 7b và 7c:

(7a) Ai mua chiếc xe máy này ở Tây Ninh?

(7b) Anh Ba mua chiếc xe máy này ở đâu?

(7c) Anh Ba mua gì ở Tây Ninh?

(8) Anh Ba mua chiếc xe máy này ở Tây Ninh.

Nhưng trả lời như vậy là dư vì ở mỗi câu, người hỏi chỉ muốn biết đúng *một thông tin*. Đó là *ai* trong câu 7a, là *ở đâu* trong câu 7b và là *gì* trong câu 7c. Vì khi hỏi như 1a họ đã biết ‘*có người* mua chiếc xe máy này ở Tây Ninh’. Còn như hỏi 1b thì người hỏi đã biết ‘Anh Ba đã mua chiếc xe máy này’... Trong những câu hỏi bộ phận về các yếu tố *ai, nào, sao, gì, đâu, bao giờ*... luôn luôn chứa những thông tin mà người hỏi đã biết. Đó là tiền giả định của mỗi câu hỏi loại này.

Trong nói năng hàng ngày, chúng ta thường lược bỏ những điều mà người khác đã biết. Như vậy, để trả lời các câu hỏi 7a-7c người ta có thể đáp gọn hơn:

(8a) - Anh Ba.

(8b) - Ở Tây Ninh.

(8c) - Chiếc xe máy này.

Nói rộng ra, những tin tức báo chí, những thông tin xã hội, những thông tin trong lời nói của chúng ta mỗi người tiếp nhận một khác, tùy nhu cầu và tùy tầm nhận thức của họ và mức độ dư thông tin với mỗi người mỗi khác.

Trong giao tiếp không nên cung cấp những thông tin dư, những thông tin mà người nghe không chờ đợi.

#### 11.1.4. *Hiện tượng dư trong ngôn ngữ*

##### 11.1.4.1. *Dư lô gích*

Mỗi sự kiện thường có những *hệ quả lô gích* nhất định. Đó là những điều tất yếu được suy ra từ sự kiện đó. *Những loại thông tin ngôn ngữ khác nhau cũng có những hệ quả lô gích nhất định.* Ví dụ: Một người đã thông báo trên các phương tiện truyền thông đại chúng (đài truyền thanh, truyền hình, báo chí) rằng ngày X ông ta đã bị mất toàn bộ các giấy tờ cá nhân. Hệ quả lô gích của điều này là mọi vụ việc liên quan tới những giấy tờ đó xảy ra sau ngày X sẽ không phải do ông ta thực hiện. Không chú ý tới điều này dễ xảy ra hiện tượng dư thừa ngôn từ một cách lô gích. Ví dụ:

(9) Xác chết đầu tiên là một phụ nữ trạc 40 tuổi nằm bất động phía dưới dốc.

‘Xác chết’ tất nhiên ‘bất động’. Câu trên dư từ ‘bất động’.

Nói ‘vào hồi 15 giờ chiều’ cũng là dư lô gích. Có ‘15 giờ sáng’ không?

(10) Đằng sau phép màu kinh tế kỳ diệu đó che giấu một thực tế đầy khó khăn.

Câu trên dư từ ‘*che giấu*’ vì ‘đằng sau’ thường là *không trông thấy*. Mà ‘che giấu’ cũng là làm cho ‘không trông thấy’. Nên sửa: ‘Đằng sau phép màu kinh tế kỳ diệu đó, là một thực tế đầy khó khăn’.

Nhiều từ mượn tiếng nước ngoài được để nguyên dạng dễ làm người viết không nhận ra nghĩa và từ loại của chúng. *Do không hiểu tiếng nước ngoài* nên đã dùng lặp lại những từ đồng nghĩa làm thành câu dư lô gích.

(11) Việc tuyển CEO của doanh nghiệp này ít nhiều gây sự chú ý đối với các nhà *head - hunter* trên thị trường. (b., 01.11.2005)

Head - hunter là danh từ: *người săn lùng chất xám*. Câu trên dư từ *nhà*.

Lời MC ‘xin được cảm ơn...’, ‘xin được trân trọng giới thiệu...’, ‘xin được tặng bó hoa’; ‘kính chào tất cả quý vị và các bạn...’; ‘xin thưa với tất cả khán giả...’ (b., 03.09.2007) đã dư từ *được* và *tất cả*.

(12) Phụ nữ giả làm đàn ông để cưới... vợ’ (b., 31.12.1996)

Động từ *giả* có tiền giả định bổ ngữ là điều sai. ‘Giả đàn ông’ nghĩa là không phải đàn ông. Tít này dư từ *phụ nữ*.

#### 11.1.4.2. *Dư ngữ nghĩa*

*Trâu, bò, lợn* là những *gia súc*. *Kho* là nơi *chứa*, nơi *cất giấu*. Nói *trâu* tức là nói tới *gia súc*, nói *kho* là nói nơi *chứa*. Nói từ này là suy ra từ kia. Nói cả hai sẽ thành *dư ngữ nghĩa*. Ví dụ: ‘Nổ kho chứa đạn dược ở đảo Cyprus, 12 người chết’ (b., 12.07.2011). Viết ‘nổ kho đạn dược’ là đủ.

*Dùng lặp* hai từ đồng nghĩa cũng thành *dư ngữ nghĩa*. Ví dụ:

(13) Nhiều vùng mất *trắng* hoàn toàn. (Ti vi, 06.05.2011)

(14) Hội nghị phát triển tư vấn kỹ thuật khu vực Tây Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long. (Tên hội nghị do *Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam (VECAS)* tổ chức ngày 18.12.2010), [dẫn theo *Tuổi Trẻ Cười*, 438]

Hai câu 13, 14 đều dư ngữ nghĩa vì mất *trắng* là mất *hoàn toàn*, ‘Tây Nam Bộ’ và ‘đồng bằng sông Cửu Long’ đều trở một vùng đất.

(15) Trên phương diện lý thuyết, chế độ dân chủ căn cứ trên hai quan niệm: chủ quyền thuộc về toàn dân và nguyên tắc mọi người bình đẳng.

Có hai cách nhìn nhận câu 15: hoặc là câu sai, hoặc là câu dư.

Nếu coi từ ‘*quan niệm*’ không đồng nghĩa với từ ‘*nguyên tắc*’ thì câu trên dư từ ‘*hai*’ và dấu hai chấm. Cần viết lại là:

(15a) Trên phương diện lý thuyết, chế độ dân chủ căn cứ trên quan niệm chủ quyền thuộc về toàn dân và nguyên tắc mọi người bình đẳng.

Nhưng cũng có thể sửa theo cách cho rằng hai quan niệm được thể hiện qua hai nguyên tắc, nghĩa là cần thêm từ ‘*nguyên tắc*’ trước từ ‘*chủ quyền*’.

(15b) Trên phương diện lý thuyết, chế độ dân chủ căn cứ trên hai quan niệm: *nguyên tắc* chủ quyền thuộc về toàn dân và nguyên tắc mọi người bình đẳng.

b) Nếu coi từ ‘*quan niệm*’ đồng nghĩa với từ ‘*nguyên tắc*’ thì lặp lại từ ‘*nguyên tắc*’ là dư. Cần bỏ nó đi:

(15c) Trên phương diện lý thuyết, chế độ dân chủ căn cứ trên hai quan niệm: chủ quyền thuộc về toàn dân và mọi người bình đẳng.

*Do đặc điểm loại hình tiếng Việt nên đã dùng lặp từ đồng nghĩa thuần Việt và Hán-Việt trong một cấu trúc.*

Tiếng Việt có *loại từ* - từ chỉ loại của danh từ, như các từ *người, nhà, con, cây, cục, tấm, tờ...* Để chỉ một người làm nghề gì đó, chúng ta dùng từ *người*, *nhà* rồi kèm theo nghề nghiệp của họ: *người thủy thủ, người giáo viên, người nông dân, người ngư dân, người ân nhân, người bác sĩ, người kỹ sư, nhà họa sĩ, nhà chuyên gia, nhà luật sư, người phát ngôn viên...* Ấy thế là dư: Trong những cách dùng trên, tiếng đứng cuối là một yếu tố Hán-Việt để chỉ người nhưng nghĩa đã mờ đi trong nhận thức của người Việt. Thế là xảy ra sự tranh chấp trong cách dùng giữa từ thuần Việt và từ vay mượn. Lẽ ra chỉ cần nói *thủy thủ, giáo viên, kỹ sư, luật sư, chuyên gia, phát ngôn viên...* là đủ. Nhưng vì nghĩa của từ Hán-Việt, của từ gốc Pháp bị ‘mờ’ dần đi, và áp lực của kết cấu tiếng Việt có loại từ đứng trước danh từ khiến từ *người, chủ, kẻ,*

*nhà* xuất hiện ở đầu những danh từ trên, như trong những câu dưới đây:

- Qua bàn tay khéo léo của *người* nghệ *nhân*. (b., 06.08.2010);

- Bên dưới lòng ngoềng những *chữ Hán tự* viết tháu. (b., số 2. 1999);

- Dùng nửa ly *ruợu vang nho*. (26.07.2010)

- Cảnh sát sẽ bắt được *kẻ hung thủ* này.

- Các *nhà chuyên gia* đánh giá đây là phát hiện khảo cổ học quan trọng nhất ở Việt Nam trong 100 năm qua.

- Sự tiên đoán này đã kích thích các *nhà khoa học gia* cố gắng tìm các nguyên tố mới. (Nên viết ‘... đã kích thích các *nhà khoa học* cố gắng tìm các nguyên tố mới.’)

Lập động từ Hán-Việt sau động từ thuần Việt: ‘C. Ronaldo đòi yêu sách 400.000 bảng/tuần để gia nhập Man City.’ (b., 13.06.2011). *Yêu sách* là đòi hỏi quyết liệt, không nhân nhượng. Chắc người viết bức xúc lắm nên mới *đòi yêu sách*.

Lại xảy ra trường hợp có những động từ cần giới từ đi theo sau. Nhưng giới từ này lại trùng với một yếu tố Hán-Việt trong động từ đó. Như vậy cũng thành dư.

Nói ‘Chúng ta *đề cập đến* (/tới) vấn đề này’ là dư từ ‘*đến* (/tới)’ vì ‘*đề cập*’ có nghĩa là nói đến, nói tới.

Viết ‘Lối sống hưởng thụ đã *du nhập vào* không ít thanh thiếu niên’ là viết dư từ *vào*, vì ‘*du nhập*’ có nghĩa là ‘đưa, nhập từ ngoài *vào*’.

Viết ‘Các nhà khảo cổ đã *phát hiện ra* 3 ngôi mộ cổ’ cũng

là dư, vì ‘*phát hiện*’ tức là ‘*tìm ra*’. Chỉ cần viết ‘... *phát hiện*’ 3 ngôi mộ cổ’ là đủ.

Những kiểu nói dư liên quan đến đặc điểm loại hình tiếng Việt *quá phổ biến* hiện nay nên nhiều người không thấy ‘dư’ nữa. Đây là những *lỗi dư, thiếu lô gích nhẹ nhất*. Tương tự ‘Mai là *ngày sinh nhật* của tôi’ cũng dư. *Sinh nhật* là *ngày sinh*. ‘Mai là sinh nhật’ hóa ra chưa sinh! Viết ‘Mai là kỷ niệm *sinh nhật* của tôi’ hoặc ‘Mai là kỷ niệm *ngày sinh* của tôi.’

Ngôn ngữ nào cũng có những ‘lô gích’ riêng trong cách diễn đạt. Nhiều lỗi nói ở ngôn ngữ này là chuẩn mực về ‘lô gích’ nhưng khi chuyển sang ngôn ngữ khác thì lại trở thành dư và ngây ngô. Trong số này có đại từ phản thân ‘*mình*’ (tiếng Nga: *svoj*, tiếng Anh: *himself, oneself...*, tiếng Pháp: *soi-même*). Người Việt nói ‘*Nó không tự tin*’ thì người Anh lại có lỗi nói mà theo tiếng Việt là dư: ‘*Nó không tự tin ở mình*’ (He is not confident of himself; He lacks self-confidence). ‘Họ là hai anh em ruột *của nhau*’... Nếu không chú ý tới điều này, khi dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, chúng ta dễ dùng dư cụm từ *của mình, của nó* như: ‘Tại tôi không biết giữ mồm giữ miệng *của mình*’, ‘Tôi phải trở về bệnh viện *của mình*’, ‘Toà nhà mà anh thấy cái nóc đã phủ rêu *của nó* chính là toà nhà chúng ta đang tìm’;...

#### 11.1.4.3 *Hiện tượng dư ngữ pháp: chập cấu trúc*

Khái quát của hiện tượng chập cấu trúc (§9.1.2.) là: Có những câu cấu trúc khác nhau cùng diễn đạt một nội dung. Nhập chúng lại trong một câu sẽ gây ra hiện tượng dư ngữ pháp do chập cấu trúc.

(16) Tôi tự hỏi không biết có phải người ta cố tình làm như vậy không?

Nên sửa lại:

(16a) Tôi tự hỏi: có phải người ta cố tình làm như vậy không?

(16b) Tôi không biết có phải người ta cố tình làm như vậy không.

(17) Nhưng mới cách đây vài hôm *trở về trước*, *sở dĩ* thái độ của tôi như thế vì Hạnh đối với tôi như cái bánh dore đang ăn chưa trọn vẹn.

‘Cách đây *vài hôm*’ đồng nghĩa với ‘*vài hôm* trước đây’. ‘*Sở dĩ* A vì B’ đồng nghĩa với ‘A vì B’. Vậy câu trên có hai điểm dư. Sửa:

(17b) Nhưng mới cách đây vài hôm, thái độ của tôi như thế vì...

(17c) Nhưng mới vài hôm *trước đây*, thái độ của tôi như thế vì...

(18) Thấm thoát thời gian trôi qua đã một năm rồi.

‘Thấm thoát’ là ‘thời gian đã trôi qua nhanh chóng’. Câu trên dư cụm ‘thời gian trôi qua’. Có ba cách sửa:

(18a) Thấm thoát đã một năm trôi qua rồi.

(18b) Đã một năm trôi qua rồi.

(18c) Thấm thoát đã một năm rồi.

Câu 18 nhấn mạnh tới số lượng *một năm*. Nên chuyển *một năm* lên đầu câu. Câu 18b không nói được ý ‘trôi qua nhanh’. Câu 18c tốt nhất.

Có kiểu mở rộng gây dư thừa:

- Điều tôi muốn nhấn mạnh là phải làm sao để ngăn chặn được ‘lỗ hổng’, *đó là việc* một cá nhân hoặc một nhóm người quyết định nhân sự như hiện nay. (b., 28.4.08) Chỉ việc bỏ đi ‘*đó là việc*’, câu sẽ thanh thoát hơn: ‘Điều tôi muốn nhấn mạnh là phải làm sao để ngăn chặn được ‘lỗ hổng’ một cá nhân hoặc một nhóm người quyết định nhân sự như hiện nay’.

#### 11.1.5. *Thông tin từ phía người nói*

##### 11.1.5.1. Những thông tin tự nhiên ngoài ý định

Có những thông tin tự nhiên ngoài ý định, ý muốn của người nói, thậm chí muốn giấu cũng không được.

Nghe giọng nói của một người, chúng ta nhận ra ‘Ông này người Huế’, ‘Bà này chắc là Việt Kiều’ (vì trong giọng nói hầu như không có thanh điệu).

*Giọng nói, nói nhanh hay chậm, nói to hay nói nhỏ...* đều cho người nghe nhận biết những đặc điểm xã hội của một người. Người này già hay trẻ? Người này khoẻ hay yếu? Trạng thái tinh thần ra sao: vui buồn, cáu kỉnh, giận dữ, lo lắng, sợ hãi, hốt hoảng? Nam hay nữ? Người vùng nào? Là người Việt ở nước ngoài lâu năm hay là người nước ngoài?

(19) - Chắc chị có bà con quen biết ở Hà Nội?

- Dạ không, mặc dầu quê ngoại em ở Hà Nội. Em đi tìm các anh.

- Để làm gì? - Nam buột miệng hỏi lại.

- Để gặp lại, để cảm ơn và... cũng có khi chẳng để làm gì cả. - Giọng cô khách đã có cái gì tủi tủi.

Biết mình lỡ lời, anh hỏi lướt đi bằng cái giọng cố tỏ ra ân cần:

- Thế sau cái lần ấy, hai cha con chị...' (Chu Lai, *Phố*)

Vậy là giọng nói còn cho biết sắc thái ngôn ngữ: tình cảm, ấm áp, thân tình, ân cần, thái độ buồn vui, tủi hờn, giận dữ... giọng vui vẻ, dễ nghe hay bần gắt, khó nghe, khiêm tốn, nhã nhặn hay kênh kiệu, mất tự tin hay đanh thép, đàn anh, kẻ cả, lão xược, xảo trá...

*Từ ngữ* cũng có thể cung cấp những thông tin về một người.

(20) - Ông người Nam Bộ thiệt?

- Thiệt!

- Hồi nhỏ đi học có hay bị bạn đánh không?

- Bé người cho nên cũng hay bị bạn bắt nạt.

- Không phải là người Nam Bộ! Người Nam Bộ không nói bắt nạt.

- Ờ mà phải, tôi vừa trót lỡ lời không dùng chữ *ăn hiếp* là tiếng Nam Bộ.

(*Bất khuất*, Nguyễn Đức Thuận)

#### 11.1.5.2. Những thông tin trong lời nói

Những thông tin trong lời nói bao gồm: hiển ngôn và hàm ngôn. Hàm ngôn bao gồm *tiền giả định*, *hàm ngôn vô hướng*, *hàm ngôn hữu hướng* còn gọi là *hàm ý*. Có hai loại hàm ý là *hàm ý ngôn ngữ* và *hàm ý ngữ dụng* hay *hàm ý hội thoại*. (xem § 11.2. *Hàm ý ngôn từ*.)

### 11.1.5.3. Từ câu dư tới câu hay

Khi cố tình viết dư, nói dư để truyền một thông tin khác, để *nhấn mạnh* thì điểm nhấn rơi vào phần dư. Cách nhấn mạnh hợp lý trong lối viết dư sẽ tạo ra những câu chấp nhận được và trở thành câu hay.

(21) Tôi không biết liệu lời đe dọa đó có đủ không, nhưng tôi sẽ làm bất cứ việc *chết tiệt* gì, hay cắt đầu hân ta, nếu cần thiết - Nixon quát lên. (*Tuổi Trẻ*, 25.06.2009)

Nói 'làm bất cứ việc gì' là đủ. Câu trên dư ở từ *chết tiệt* nên đây là điều được nhấn mạnh. Từ này mang sắc thái âm tính, do vậy hàm ý của câu trên là 'sẽ làm bất cứ việc *tồi tệ* nào', Nixon đã đem từ mà dịch sang tiếng Việt là *chết tiệt* vào. Đó là một câu dịch hợp lý và hay.

Trong *Quán mắc cỡ* có người hỏi 'Đại từ điển tiếng Việt do giáo sư Nguyễn Như Ý chủ biên, giải thích 'bánh ú' như sau: *bánh làm bằng bột nếp, nhân đậu mỡ, gói bằng lá chuối, hình chóp nón màu trắng trong, mềm, mặn, thường luộc từng chuối*'. Bánh này hơi lạ phải không cô Tú? Cô Tú trả lời:

(22) '...ông giáo sư có thể chỉ nghe kể chứ chưa thấy cái bánh ú ra sao!' [Sau khi chỉ ra những chỗ sai trong định nghĩa trên, cô Tú giải thích về các loại bánh ú. Cuối cùng, cô Tú viết] 'Xem lại từ điển này, Tú tôi phát hiện không ít sự sai sót, lầm lẫn. [...] Từ điển là văn bản pháp luật của chữ nghĩa, để tránh phải cãi nhau, ông giáo sư nên sửa chữa những điều chưa chính xác trong quyển từ điển này'. (*Tuổi Trẻ Cười*, 01.01.2011).

Sao cô Tú không viết như người hỏi ‘giáo sư Nguyễn Như Ý’ mà lại dùng cách viết dư ‘*ông giáo sư*? Dư từ *ông* nên điểm nhấn rơi vào từ *ông*. Rõ ràng khi gọi *ông giáo sư* thì sự trọng thị trong cách gọi *giáo sư* đã bị giảm đi nhiều. Viết dư là cách để tạo ra hàm ý.

Một ví dụ khác:

(23)... ba luật sư còn lại đã *tự ý bỏ về* khi có những yêu cầu không đúng quy định của pháp luật, không có căn cứ, không được hội đồng xét xử chấp nhận. (b., 05.04.2011).

Trong tiếng Việt có những động từ mang ý *chủ động*, nghĩa là tự người ta thực hiện hành động đó chứ không do tác động của một người khác, một yếu tố khác. Một người ‘*bị yêu cầu ra khỏi phòng xử*’ thì người đó ra khỏi phòng xử do bị yêu cầu mang ý nghĩa bắt buộc mà không do chủ ý. Nhưng ‘*ông ta đã bỏ về*’ thì ông ta đã bỏ về theo *chủ ý* chứ không do ai tác động. Vậy thì, cách viết ‘ba luật sư còn lại đã *tự ý bỏ về*’ là dư nhưng bộc lộ điều muốn nhấn mạnh: Họ bỏ về do *chủ ý* chứ không phải *bị yêu cầu ra khỏi phòng xử*.

Tương tự ‘Các thí sinh không đến dự thi coi như *tự ý bỏ cuộc*’ (b., 06.09.2001) là cách nói dư nhưng nhấn mạnh rằng không do ban tổ chức loại mà do chính họ bỏ cuộc.

Có những câu đúng nhưng kỳ cục. Một khi chúng ta viết những điều mà đương nhiên ai cũng biết thì người viết bị coi là ‘chập mạch’. Thuộc loại những câu này là: ‘Tôi cần bằng răng’; ‘Chiếc xe đạp thì có vành, có xích, có yên’; ‘Cô này có răng, răng cô ấy trắng ngà’...

Tuy nhiên, nêu viết những điều bất ngờ liên quan đến sự ‘đương nhiên’ này thì câu có thể sinh hàm ý và trở thành hay.

Lại so sánh 2 câu

(24) Tôi cắn trái ổi *bằng răng*.

(25) Bà ta cắn chồng bằng *hàm răng giả*.

Ai cũng biết cắn bằng răng. Câu 24 dư. Nhưng câu 25 lại không dư. Nó là một câu hay vì ‘Cái hàm răng giả’ là thông tin quan trọng mà người nói muốn nhấn mạnh trong câu này.

## 11.2. Hàm ý ngôn ngữ



### 11.2.1. *Hiển ngôn* và *hàm ngôn*

Trong cuộc sống, có những điều không được phép nói, không tiện nói ra hoặc nói thẳng chưa chắc đã đạt hiệu quả cao bằng những lời nói tế nhị, chứa đựng nhiều ý tứ. Ông cha ta có câu *ý tại ngôn ngoại*. Nghĩa là lời nói hiện ra bên ngoài còn ý tứ hay là những hàm ý, ngụ ý, ám chỉ lại nằm sâu bên trong lời nói. Trên mặt chữ có những thông tin không được viết ra nhưng đọc giả có thể nhận biết được qua những điều đã viết. Viết hay là viết kiệm lời mà nhiều ý. Cách thông tin một sự kiện có thể do vô tình hoặc một cách có ý thức đã bộc lộ quan điểm của người nói. Thông tin hiện ra ngay trên lời nói được gọi là *hiển ngôn*. Những ý tứ bên trong lời nói là những *thông tin chìm*, được gọi chung là *hàm ngôn*. Vấn đề này hết sức phong phú và phức tạp.

Trong tiếng Việt, từ hư có vai trò quan trọng đặc biệt để biểu hiện hàm ngôn, hàm ý. Trong mục này chúng ta chỉ đề cập tới vai trò của **từ hư** trong những lời nói **đúng một mình, không cần kèm theo ngữ cảnh**, mà vẫn chứa đựng nhiều thông tin.

Chúng ta giải thích điều này qua những ví dụ cụ thể.

### 11.2.2. Hàm ngôn và hàm ý: Thêm một từ hư, câu thêm một nghĩa

Xem xét hai câu mà đứng riêng không có ý tứ gì cả:

(1) Con cá này 20 ngàn.

(2) Ông Ba cao mét bảy.



Chỉ thêm một chữ là hai câu trên có thể thêm một nghĩa mới.

Đầu tiên chúng ta thêm từ **cũng**:

(3) Con cá này **cũng** 20 ngàn.

(4) Ông Ba **cũng** cao mét bảy.

Hai câu 3, 4 cũng chứa những hiểu ngôn y như hai câu trước, nhưng còn thêm thông tin khác là *tiền giả định* của chúng: *Có con cá khác*, hoặc *có thứ hàng khác giá 20 ngàn*; *có người khác cao mét bảy*. Tiền giả định không bộc lộ ý tứ gì nên được gọi là *hàm ngôn* - những điều ngầm ẩn không phải là hàm ý của người nói. *Hàm ý* là những thông tin chìm có chủ đích của người nói như hai câu dưới đây:

(5) Con cá này **có** 20 ngàn.

(6) Ông Ba cao **có** mét bảy.

Hai câu 5, 6 thể hiện *hành vi đánh giá - hàm ý* - của người nói. Từ *có* tạo ra nghĩa ‘số lượng 20 ngàn, số đo chiều cao mét bảy là ít’. Giá ít là giá rẻ. Thế là ở câu 5 người nói *có hàm ý đánh giá* (khen) con cá này rẻ. Cao ít là thấp. Vậy ở câu 6 người nói *có hàm ý đánh giá* (chê) ông Ba thấp.

Thế là chỉ thêm từ *có*, hai câu 1, 2 thành những câu *có hàm ý*. Thay vì *có*, thêm *những* thì *hàm ý* của câu sẽ ngược lại.

(7) Con cá này *những* 20 ngàn.

(8) Ông Ba cao *những* mét bảy.

Từ *những* khiến người nghe nhận ra rằng người nói câu 7 *có hàm ý đánh giá* (chê) con cá này đắt, người nói câu 8 *có hàm ý đánh giá* ông Ba cao.

Trong tiếng Việt, có những từ hù đồng nghĩa. Nghĩa của hai từ *thôi, kia* (*cơ*) gần giống nghĩa của *có* và *những*. Chúng cũng được dùng thể hiện hành vi đánh giá.

(5b) Con cá này 20 ngàn *thôi*.

(6b) Ông Ba cao mét bảy *thôi*.

(7b) Con cá này 20 ngàn *kia*.

(8b) Ông Ba cao mét bảy *cơ đấy*.

Các câu 5b - 8b lần lượt đồng nghĩa với các câu 5 - 8 tương ứng.

- *Chờ mười phút nữa thôi có lâu là mấy*. Nhờ từ *thôi* mà câu thơ trên đây của Phạm Tiến Duật có ý rằng thời gian chờ mười phút là không nhiều.

### 11.2.3. Hàm ý ngôn ngữ: Thêm hai từ hư, câu có thể thêm hai nghĩa

Bây giờ bạn hãy dùng từ *mà* thêm vào các câu 1 - 8, nghĩa của chúng sẽ *đảo hướng* hoàn toàn.

(9) Con cá này *mà* 20 ngàn.

(10) Ông Ba *mà* cao mét bảy.

Hai câu 9, 10 vẫn có hiển ngôn như hai câu 1, 2. Nhưng nhờ từ *mà* người nói thể hiện được hàm ý:

(9a) *Không đáng* 20 ngàn, ít hơn 20 ngàn mới phải

(10a) Đo thể nào ấy chứ, không được mét bảy, thấp hơn mét bảy mới đúng.

Cái hàm ý '*không đáng*' này có trong tất cả các câu 11 - 16 chứa từ *mà* dưới đây.

(11) Con cá này *mà cũng* 20 ngàn.

(12) Ông Ba *mà cũng* cao mét bảy.

Hai câu 11, 12 vẫn có hiển ngôn và tiền giả định như hai câu 3, 4. Nhờ từ *mà*, người nói thể hiện được hàm ý 'con cá nào 20 ngàn thì được chứ con này *không đáng* 20 ngàn. Ít hơn mới phải. Ai cao mét bảy thì đúng chứ ông Ba thì không, thấp hơn mét bảy mới đúng.'

(13) Con cá này *mà có* 20 ngàn.

(14) Ông Ba *mà có* mét bảy.

Hai câu 13, 14 vẫn có hiển ngôn như hai câu 5, 6. Nhưng từ *mà* khiến hàm ý của chúng *đảo ngược lại*:

(13a) *Không thể rẻ* 20 ngàn được, đáng ra giá phải cao hơn.

(14a) Đo thể nào ấy chứ (/mất thể nào ấy chứ), *không thể* thấp hơn mét bảy.

(15) Con cá này *mà* *những* 20 ngàn.

(16) Ông Ba *mà* cao *những* mét bảy.

Hai câu 15, 16 vẫn có hiển ngôn như hai câu 7, 8. Từ *mà* khiến hàm ý của chúng *đảo ngược lại*: ‘*không thể* *đất* 20 ngàn được (Đất quá), *không thể* *cao* mét bảy được. (Không tin được.)’

Vậy là nếu từ *mà* không với chức năng tạo định ngữ<sup>1</sup> thì thêm từ *mà* là thêm hàm ý ‘*không đáng là... lẽ ra là... mới phải*’ vào nghĩa của câu tương ứng không có *mà*.

**Cũng, có, thôi, những, kia, cơ, mà, vẫn...** là những từ *hư*. Các câu 3 - 16 đứng riêng biệt mà vẫn chứa những ý tứ khác nhau. Điều này cho thấy từ *hư* trong tiếng Việt có vai trò đặc biệt quan trọng để tạo ra hàm ngôn, hàm ý của câu. Hàm ý trong các câu 5 - 16 độc lập với tình huống giao tiếp, độc lập với ngữ cảnh, nên được gọi là *hàm ý ngôn ngữ*. Loại hàm ý này còn được gọi là *hàm ý quy ước*.

Ngữ pháp tiếng Việt trước hết là *ngữ pháp của những từ hư*. Có khá nhiều khuôn (tức là cấu trúc) tiếng Việt chứa đựng hàm ý. Ví dụ:

(17) *Tại sao A vẫn là B?*

Dù không biết nội dung cụ thể của A và B là gì, nhưng cấu trúc này luôn luôn có hàm ý: *Lẽ ra A không còn là B nữa mới phải*.

1 Ví dụ: “Đây là quyển sách mà anh tìm”.

Chúng ta phân tích, đại để như sau: Đây là *câu chất vấn*, do vậy có một hàm ý bác bỏ: A không nên (/không thể) là B. Từ ‘vẫn’ chỉ sự không thay đổi của B, mà lẽ ra phải thay đổi rồi. Thay A, B bằng những từ ngữ cụ thể, lập tức bạn sẽ thấy ngay được hàm ý của câu cụ thể. Chẳng hạn, ‘Tại sao một người như thế vẫn là tỉnh ủy viên?’ (*Tuổi Trẻ*, 17.12.2004). Câu này có hàm ý *lẽ ra người này không còn là tỉnh ủy viên nữa mới phải*. Nói cách khác: người này không còn xứng đáng là *tỉnh ủy viên*.

(18) *A thì cũng (/ vẫn) B*

Dù không biết nội dung cụ thể của A và B là gì, nhưng cấu trúc này luôn luôn có hàm ý: *Chắc chắn vẫn xảy ra B dù có xảy ra A chẳng nữa*. Các bạn có thể nghiệm lại hàm ý này qua những ví dụ sau:

- Trong đời một con người, dù là cả một đời bằng phẳng, tẻ nhạt *thì cũng* có lúc được chứng kiến những điều tưởng không thể nào giải thích nổi. (Nguyễn Minh Châu, *Chuyến bay*)

- Thịt heo già, thịt heo nái mà dì luộc rồi *thì cũng* trở nên mềm mại, không dai, da thật dòn. (Sơn Nam, *Con Bầy đưa đò*)

- Đến nước ấy thì đẹp mặt!

- Ai cười *thì cũng* đành chịu vậy, chứ biết làm sao bây giờ? (Nam Cao, *Bài học quét nhà*)

- [Phụ nữ có thể giữ bất cứ bí mật nào, trừ cái thai trong bụng. Cầm không cần công bố cũng không coi đó là bí mật.]

Đằng nào *thì cũng* chỉ có chị là người sống cuộc đời của chị mà thôi. (Lý Lan, *Tai nạn*)

Thay đổi trật tự từ và từ ngữ, đặc biệt là từ hư có thể tạo ra những câu đồng nghĩa nhưng có hàm ý khác nhau.

Nếu đổi câu ‘Siêu thị này *mở cửa đến 10h30*’ thành ‘Đến 10h30 siêu thị này *mới đóng cửa*.’ sẽ tạo ra được câu có hàm ý: siêu thị này đóng cửa rất muộn.

Nói ‘Thầy ra 10 bài, *chỉ còn một bài* chưa giải được’ nhằm nhấn mạnh số bài *chưa* giải được là ít. Còn cách nói ‘Thầy ra 10 bài, đã giải được *đến 9 bài*’ lại nhấn mạnh số bài *đã giải được* là nhiều.

Tìm hiểu và rèn luyện kỹ năng về sử dụng từ hư trong quá trình nói năng có tầm quan trọng đặc biệt trong việc nâng cao khả năng tiếng Việt của mỗi người nhằm tạo ra những câu ngắn gọn lại bộc lộ được những ý tứ sâu sắc. *Khéo dùng từ hư sẽ làm ngôn từ thêm súc tích.*

11.2.4. *Hàm ý cấu trúc* - một tiểu loại của hàm ý ngôn ngữ: *cấu trúc nhân quả và nghịch nhân quả*

11.2.4.1. Hàm ý trong câu ghép ‘*nếu A thì B*’

Câu ‘*nếu A thì B*’ được gọi là câu *nhân quả* vì A là điều kiện, là nguyên nhân sinh ra B. Trong truyện *Mất cái ví*, Nguyễn Công Hoan cho người cháu nói ‘Nếu nó có tính tất mất thì tao mất nhiều lần rồi’. Câu này bộc lộ hàm ý ‘nó không có tính tất mất’, suy ra ý của người cháu là *nó không lấy cái ví*. Hàm ý này được suy ra từ cặp liên từ trong câu *nếu x thì y*. Có hàng loạt hàm ý từ loại câu này:

*Thề bồi:*

(19) Tôi mà nói dối thì tôi làm con cho anh.

Câu 19 có hàm ý ‘tôi không nói dối’.

*Khuyên can:*

(20a) Thả hết ra thì còn mặt mũi nào. (Cù Lao Tràm)

(20b) Nếu Bộ hạ muốn hàng xin hãy chém đầu thần đi đã.

Hai câu trên là những lời *khuyên* ‘đừng thả hết ra’, ‘xin Bộ hạ đừng hàng’.

*Đe dọa:*

(21) Không nghe lời ta *thì* rồi sẽ biết tay ta.

Hàm ý của câu 21 là ‘phải nghe lời ta.’

*Đánh giá:*

(22) Nếu nó là người mầu thì mấy thành hoa hậu mất.

Câu 22 có hàm ý ‘Nó không thể là người mầu được.’

*Nhận định:*

(23a) Nó không hiểu thì còn ai hiểu?

(23b) Cô ấy mà thương anh thì trời sập.

(23c) Nó mà không đa nghi thì đến Tào Tháo cũng là kẻ thật thà.

Hàm ý của câu 23a là ‘chắc chắn nó hiểu’, của 23b là ‘cô ấy không thương anh’, còn của 23c là ‘nó rất đa nghi’.

*Cảnh báo:*

(24) Làm vậy [thì] anh sẽ bị ngồi tù 10 năm đấy.

Hàm ý của 24 là ‘*đừng* làm vậy’.

*Ngắn gọn:*

(25) Nếu mày bán mảnh đất hương hỏa của dòng tộc thì cầm dao đâm chết tao đi đã.

Hàm ý của 25 là ‘không được bán đất hương hỏa’.

*Khẳng định:*

(26) ‘Biết chết liền’/ ‘Hiểu chết liền’/ ‘Nói chết liền’...

Dạng đầy đủ của những câu 26 là ‘*Nếu biết thì chết liền*’; ‘*Nếu hiểu thì chết liền*’, ‘*Nếu nói thì chết liền*’... Hàm ý của những quán ngữ trên: Không thể biết được; Không thể hiểu được; Không thể nói được.

Có thể dùng những quy tắc lô gích để *chứng minh* hàm ý của những kiểu nói trên. (Xem [Dân, 2008])

11.2.4.1. Hàm ý trong câu ghép nghịch nhân quả ‘*Tuy A nhưng mà B*’

Câu ghép ‘*Tuy A nhưng mà B*’ được gọi là *ngịch nhân quả* vì B là điều trái ngược với kết quả suy ra từ A theo quan hệ nhân quả thông thường. Ví dụ: *Tuy Tú Xương có tài nhưng thì mấy lần vẫn trượt*.

Cấu trúc ngôn ngữ khái quát của quan hệ nghịch nhân quả là:

*Tuy... nhưng (mà vẫn)...*

*Tuy... song...*

*Dẫu (/Mặc dù)... nhưng (vẫn)...*

a) Nếu kết quả xảy ra *sớm hơn thông thường* thì câu nghịch nhân quả được gọi là *ngịch nhân quả sớm* với những cấu trúc ngôn ngữ đặc thù:

*Chưa - đã:* Chưa đồ ông nghề đã đe hàng tổng.

*Mới - đã:* Qua câu thơ ‘*Mới* ngày nào mái tóc *còn* xanh/  
Mà nay *đã* phơ phơ đầu bạc.’ Chúng ta cảm nhận *thời gian*  
*trôi nhanh quá*, vì đây là nghịch nhân quả *sớm* về thời gian.

*Còn - đã:*

‘Hôm qua *còn* theo anh

Đi ra đường quốc lộ,

Hôm nay *đã* chặt cành

Đắp cho người dưới mộ.’

Khổ thơ đầu này trong bài *Viếng bạn* của Hoàng Lộc cho ta thấy người bạn đã thăng thốt: bạn mình chết đột ngột quá, bất ngờ quá. Cấu trúc nghịch nhân quả *sớm* về thời gian đã tạo ra hàm nghĩa đó.

b) Nếu kết quả xảy ra *muộn hơn thông thường* thì câu nghịch nhân quả được gọi là nghịch nhân quả *muộn* với những cấu trúc ngôn ngữ đặc thù:

*Đã - chưa:* Học *đã* sôi com nhưng *chưa* chín. (Tú Xương)

*Đã - vẫn:* *Đã* tuổi thất thập cổ lai hy *vẫn* không chịu về hưu.

*Đã - còn:* *Đã* già *còn* dại.

Nhờ cấu trúc nghịch nhân quả chúng ta giải thích được nhiều hiện tượng ngữ nghĩa và xác định được hàm nghĩa của câu. Ví dụ:

(27) *Tuy bạn A có khuyết điểm...*

Chưa hết câu nhưng 27 đã cho chúng ta biết người nói

có ý biện hộ cho A nhằm giảm nhẹ mức khuyết điểm, và bênh vực A.

(28) *Tuy nhiên*, anh ấy là người tốt.

Hàm nghĩa câu 28 là *có những điều khiến người ta nghĩ rằng anh ấy không tốt*. Hàm nghĩa chung của loại câu ‘*Tuy nhiên*, P’ là *có những điều khiến người ta nghĩ rằng không P*.

Nhiều câu chỉ đọc một từ **mà** nhưng lại mang hàm nghĩa rõ ràng vì nó là *một tín hiệu* được rút gọn của cấu trúc *ngịch nhân quả*.

(29) Giàu có ức vạn mà làm cộng sản, thật cũng lạ. (Cách Mạng)

Câu trên mang hàm nghĩa là lý lẽ: nghèo thì mới làm cộng sản

(30) Giáo khổ trường tư mà cũng đòi mặt nhìn gái tân thời. (Sống Mòn)

Anh giáo nghèo đã bị phê. Câu 30 bộc lộ hàm ý là lý lẽ người nghèo thì chớ mơ tưởng đến các cô gái tân thời.

(31) Làm vậy mà được khen.

Hàm ý của câu 31 là làm vậy không đáng được khen.

Những ví dụ trên cho thấy câu quảng cáo ‘Thuốc Nam mà hiệu quả’ của một nhà sản xuất thuốc Nam là *phản quảng cáo* vì đã *hạ thấp thuốc Nam*. Từ mà bộc lộ hàm ý *thuốc Nam không hiệu quả!*

Từ **mà** trong *những câu chất vấn* tạo ra hàm ý *bác bỏ*.

(32) Ô, thừa cậu thế chẳng nhẽ làm cái thằng con giai mà lại không có vợ. (Sống Mòn)

(33) a- Con cái không đứa nào giống tôi hết.

b- Không giống ông *mà* đứa nào cũng cứng đầu? (Phim *Đồng Tiền Xương Máu*)

Hàm ý của câu 33b: ông là người cứng đầu.

(34) Có 4 đồng *mà* mày cũng cưới được vợ kia à? (Sống Mòn)

Câu trên bộc lộ lý lẽ ‘cưới vợ thì tốn nhiều tiền bạc’, nên người nói bày tỏ sự ngạc nhiên về một điều ngược đời: có ít tiền, mà thằng Mô trong *Sống mòn* đã cưới được vợ.

(35) Anh *mà* cũng nghĩ thế à?

Hàm ý của câu này ‘anh nghĩ thế làm tôi ngạc nhiên’, vì tôi đinh ninh anh không thể nghĩ thế.

(36) Vui về gì đâu *mà* đùa. (TDĐC)

Câu này có hàm ý xin đừng đùa vì tôi không vui về gì.

(37) Can gì đến mình *mà* mình cũng nhắng nhít lên? (Nguyễn Công Hoan).

Hàm ý của câu trên là một lời khuyên ‘đừng có nhắng nhít lên như vậy’.

(38) Bà tuy đông cháu, nhưng hai giọt máu của đứa con trai xấu số này, bà lòng nào *mà* bỏ chúng nó. (*Đi bước nữa*)

Câu 38 có hàm ý bà không thể bỏ những đứa cháu là con của người con trai xấu số.

(39) Ông Phúc bóp điếu thuốc trong tay hỏi nhỏ:

- Bà định nói chuyện với tôi? Có chuyện gì nữa mà nói? (Phim MĐLNNM)

Suy ra hàm ý ‘không có chuyện gì nữa nên bà đừng nói gì nữa’.

(40) Thế mà anh chưa biết tên em.

- Biết mà làm gì? (Phim *Đêm miền yên tĩnh*)

Hàm ý của câu là không cần biết tên em.

(41) - Có anh chiều nó quá thì có.

- Tôi mà chiều? (Lý Biên Cương)

Câu trả lời trong 41 có hàm ý là tôi không chiều nó.

#### 11.2.5. Những lưu ý

*Lưu ý 1.* Các quan hệ trong một câu ghép có thể được tách ra thành lời lẽ của những người tham gia cuộc thoại - cuộc nói chuyện - tạo nên những liên kết phản ánh cấu trúc của câu ghép đó. Có những cuộc thoại mà qua cấu trúc của chúng vẫn xác định được hàm ý từ lời lẽ của những người tham gia. Đây là một tiểu loại của hàm ý hội thoại (xem §11.3) Xin minh họa qua hai ví dụ:

Ví dụ 1. Dùng cụm từ *vẫn còn* để gây cười.

(42) - Từ nay, không thể để thầy A làm giám thị.

- ???

- Thấy hiện tượng quay cóp ông ấy **vẫn còn** đòi lập biên bản.

Câu cuối này có nghĩa là ‘Vì thấy hiện tượng quay cóp thầy A *vẫn còn* đòi lập biên bản nên từ nay thầy A không được làm giám thị’. Đây là lý lẽ ‘Những ai thấy hiện tượng quay cóp, nếu đòi lập biên bản thì không được làm giám

thị'. Suy ra những người được làm giám thị thời nay là những người *không* lập biên bản những hiện tượng quay cốp.

Mặt khác, từ *vẫn còn* trong câu này giúp chúng ta biết rằng 'Trước đây giám thị lập biên bản những người quay cốp.' Điều này đương nhiên đúng.

Không lập biên bản hiện tượng quay cốp, đương nhiên sai. Trước đây người ta làm đúng. Ngày nay đã làm không đúng. Suy ra, ngày nay giáo viên đã xuống cấp về phẩm chất, đạo đức. Và bật ra tiếng cười châm biếm sâu cay về giám thị, về những người chỉ đạo thời nay.

Ví dụ 2. Lấy điều kiện *cần* làm điều kiện *đủ*

(43) - Tại sao mỗi khi cô ấy hát thì cậu lại ra đứng ngoài ban công?

- Nếu không, người ta tưởng tớ bóp cổ cô ấy.

Đây là kiểu hàm ý nảy sinh từ thói quen lấy điều kiện cần làm điều kiện đủ. Trong câu nhân quả '*nếu A thì B*', A là điều kiện đủ của B còn B là điều kiện cần của A. Ai hát mà tiếng the thé, nghèn nghẹt (như bị bóp cổ) là hát dở. Ai bị bóp cổ thì tiếng nghèn nghẹt. Vậy nên tiếng nghèn nghẹt là điều kiện cần của hát rất dở. Cô ấy hát nghe nghèn nghẹt. Vậy hành động ra đứng ngoài ban công để tránh bị hiểu lầm là đã bóp cổ cô ấy bộc lộ hàm ý cô ấy hát rất dở.

(44) Chắc anh ta đã hối lộ cậu một trận nhoè? (CHCC, tr. 77)

Say thì nhìn không rõ. Nhìn không rõ là nhoè. Điều kiện cần nay thành điều kiện đủ: Hối lộ một trận nhoè tức là hối lộ một trận say.

*Lưu ý 2. Những trạng ngữ, định ngữ... trong một câu cũng thường bộc lộ những thông tin chìm.* Nghệ thuật dùng những trạng ngữ chêm xen trong bình luận cũng giúp tạo ra những cách nói khái quát chứa đựng hàm ý. Đó là cách nói ‘*trên đời này thường...*’; ‘*con người ta thường...*’. Lấy vài ví dụ từ truyện ngắn Andersen.

(45) *Trên đời này không mấy khi con người ta được đặt vào đúng chỗ của mình.* (TNA)

(46) *Vả chăng, con người ta cũng thế thôi, nhìn vào mặt trái thì cũng chẳng thấy có gì là tốt.* (TNA)

Một nhà báo có thể ‘ca ngợi’ một quan chức bằng câu:

(47) *Hồi trước ông ấy liêm khiết lắm.*

Trạng ngữ ‘hồi trước’ đã bộc lộ rõ ràng hàm ý của nhà báo. Định ngữ cũng có thể vô tình bộc lộ quan điểm của người nói. Khi bàn về việc xử lý những cán bộ cao cấp phạm tội, có người nói

(48) *Có tội thì xử lý. Phải có chứng cứ rõ ràng mới xử lý.*

Với câu điều chỉnh *phải có chứng cứ rõ ràng mới xử lý*, không khỏi khiến người ta thắc mắc: những cán bộ từ cơ nào trở xuống thì không cần có chứng cứ rõ ràng cũng xử lý?

Trong ngôn ngữ có những từ nhiều *tiềm năng* tạo ra những *biểu tượng hai mặt*. Chẳng hạn, *con rối*, *diễn viên*, *hai mặt*, *nước sơn*, *mặt sau...* Sắp đặt chúng theo một trình tự hợp lý sẽ tạo ra những liên kết ngầm ẩn buộc người đọc nghĩ tới những điều tác giả muốn gửi gắm trong câu chữ. Lại minh họa qua truyện ngắn Andersen. Khi con búp bê đề

nghe ‘Chúng ta chơi trò người lớn nào! Vui đáo để’, người đọc chưa thấy ngay ý nghĩa của ‘trò người lớn’ là thế nào. Phải đến câu sau nữa ‘ngay cả bức chân dung cũng quay mặt vào tường để tỏ ra mình cũng có hai mặt’ chúng ta mới rõ thế nào là ‘trò người lớn’. Điều này rõ ràng đến nỗi tác giả không cần có lời bình nữa, chỉ nêu tiếp các sự kiện minh họa cho khái niệm ‘trò người lớn’: Những dây buộc con rối hơi thô một chút, nhưng như thế người ta càng thấy rõ hơn. Diễn viên nào cũng cố ý phô phía nào có nước sơn đẹp nhất ra...

### *Lưu ý 3. Cấu trúc câu có thể bộc lộ quan điểm*

Trong tiếng Việt có những câu đồng nghĩa. Gọi là đồng nghĩa nhưng thật ra mỗi loại câu, mỗi lối nói lại chứa đựng một hàm ý hoặc sắc thái riêng. Có những cấu trúc chuyển tải được những ý tứ, quan điểm của người viết. Cú cấu trúc ấy là có hàm ý ấy. Những cấu trúc chứa đựng hàm ý này gắn vào tâm thức người Việt, nên nhiều khi người nói vô tình bộc lộ quan điểm của mình.

Bởi vậy ngôn ngữ thường vô tình bộc lộ quan điểm của người viết cho dù trong thâm tâm người đó không cố ý thể hiện những điều này ra trên ngôn từ.

Khi viết ‘Nhưng cũng đã có câu trả lời: nếu điều hành dứt khoát, thẳng thắn và dám nhận trách nhiệm như vậy thì đâu còn là Liên đoàn Bóng đá Việt Nam’ (b., 20.10.2000) nhà báo đã ngầm phê phán: Liên đoàn bóng đá Việt Nam điều hành không dứt khoát, không thẳng thắn và không dám nhận trách nhiệm’. Chính cụm từ *đâu còn là* trong cấu trúc ‘nếu... thì đâu còn là...’ khiến câu trên mang hàm ý ấy.

Một cách khái quát, cấu trúc (I) ‘nếu B thì *đâu còn là A*’ luôn luôn có hàm ý là ‘A thì không B’. Dựa theo các quy tắc trong lô gích mệnh đề và luật chất vấn để bác bỏ, chúng tôi đã chứng minh được hàm ý này. Có điều, cách chứng minh vượt khỏi khuôn khổ của sách này.

Tiền giả định của mỗi câu cũng có hàm ngôn là một kiểu thông tin chìm trong câu đó. Với hàng tít ‘Sóng gió **lại** đến với VFF’ (b., 22.02.2003), nhờ từ ‘lại’ người đọc biết ngay được tiền giả định của tít báo trên: VFF - Liên đoàn Bóng đá Việt Nam - đã từng gặp sóng gió, từng bị phê phán.

Một số ví dụ khác:

(49) Vòng loại Euro 2012: Nga *bị* Armênia cầm hòa 0 - 0 (b., 27.03.2011)

Câu này bộc lộ quan điểm đội tuyển Nga được đánh giá trên cơ đội tuyển Armênia và thêm ý kết quả này đáng thất vọng với đội Nga. Nếu thay *bị* bằng *được* và đảo lại trật tự ‘Vòng loại Euro 2012: Armênia cầm hòa *được* 0 - 0 với đội tuyển Nga’ thì cách diễn đạt trên vẫn bộc lộ quan điểm đội tuyển Nga được đánh giá trên cơ đội tuyển Armênia nhưng lại thêm ý kết quả này đáng mừng cho đội Armênia.

Có hàng loạt cấu trúc so sánh, sắp xếp mức độ cao thấp về một thuộc tính của A và B để tạo ra hàm ý. Bằng nhau thì nói ‘A *như* B’. Khen A thì nói ‘A *không kém* gì B’. Chê A thì nói ‘A *không hơn* gì B’. Xếp B thấp hơn A thì nói ‘*Đến A còn x nữa là B*’. Xếp B thấp nhất thì nói: *Không hơn B thì còn hơn ai nữa?*

(50) Mỗi người trên cương vị của mình ai cũng có lý khi nhắc đến phần việc của... người khác. Nhưng khi hợp lại nhiều cái lý ấy, người đọc lại thấy rối ren chẳng hiểu nổi vì sao phim Việt Nam (đa phần) cứ dở mãi như thế. (b., 01.09.1998).

Từ *nhưng* trong câu trên tạo ra được thông tin chìm ‘nghe có vẻ có lý nhưng thật ra không có lý’. Nói cách khác: họ đổ lỗi cho nhau. Nhưng nếu viết ‘*ai cũng đổ lỗi cho người khác*’ thì hiệu quả sẽ kém đi nhiều so với cách viết ‘*ai cũng có lý nhưng... hợp nhiều cái lý ấy... lại thành rối*’.

Không nói trực tiếp nhưng chuyển theo cách *so sánh* tương đương, cũng là một thủ pháp đồng nghĩa, vẫn chuyển tải được điều cần nói đồng thời lại bộc lộ được hàm ý mạnh hơn và hiệu quả hơn.

(51) Ông (Lương Ngọc) Toàn đề nghị coi giáo dục là một tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của một cán bộ, một chính quyền địa phương. [...] Xin chính phủ, xin các cấp, nếu chưa xây xong trường học thì chưa được làm công sở, chưa được sắm xe. Chúng tôi lên miền núi nghe cử tri nói: *Chúng tôi chỉ cưới một con trâu, còn các đồng chí ở miền xuôi, ở trung ương lên cưới 600 con trâu* (xe giá 600 triệu = 600 con trâu). Về miền xuôi, cử tri miền xuôi cũng nói về những vị đi xe xịn, giá trên một tỉ đồng: *Các đồng chí đang ngồi trên hai trường học*. (b., 27.10.1996)

### 11.3. Hàm ý hội thoại

11.3.1. Hàm ý nảy sinh qua những ngữ cảnh, qua những tình huống giao tiếp được gọi là *hàm ý hội thoại* hay *hàm ý ngữ dụng*. Những giai thoại ngôn từ, những chuyện cười đặc sắc dùng thủ pháp ngôn từ thường sử dụng loại hàm ý này. Paul Gricetrong LC đã phát hiện ra nguyên lý *cộng tác hội thoại* làm điều kiện cần cho một cuộc thoại thành công: *hãy đóng góp đúng như mục đích hay phương hướng mà cuộc thoại đòi hỏi*.

Kèm nguyên lý này là 4 *phương châm*.

1. *Phương châm lượng*: Hãy cung cấp lượng tin đúng như cuộc thoại đòi hỏi.

Không cung cấp nhiều hơn.

2. *Phương châm chất*: Nói đúng. Đừng nói điều mình tin là sai hoặc không có bằng cứ xác thực.

3. *Phương châm quan hệ*: Hãy đóng góp những điều có liên quan.

4. *Phương châm tình thái*: Hãy nói rõ ràng, đặc biệt là: Tránh tối nghĩa, tránh mơ hồ, nói ngắn gọn, có mạch lạc.

Trong nói năng, có nhiều cách nói hay tạo ra hàm ý liên quan mật thiết tới những *phương châm hội thoại* này. Một số ví dụ.

(1) Tới điểm hẹn đi chơi, A nói: Hy vọng cậu có mang bia và nước uống. B đáp: Mình có mang nước uống. A hiểu là B nói thật (phương châm chất) nên A suy ra anh ấy không mang bia.

(2) Có truyện cười dân gian sau:

*A: Nhà vua triệu người làm thống lĩnh loài khuyển đấy.*

*B: Vậy từ nay ông phải theo lệnh tôi.*

A đã nói một điều mà ông ta tin là sai (vi phạm phương châm chất) nên lời của A có hàm ý liên quan tới điều mà ông ta cố ý nói sai: B là thống lĩnh loài khuyển vậy thì B là con khuyển. B cũng nói một điều ông ta không tin là đúng (cũng lại vi phạm phương châm chất): ông phải theo lệnh tôi. Suy ra ông là *cấp dưới* của tôi. Nói cách khác ông cũng là loài khuyển và là con khuyển hạng dưới vì tôi là thống lĩnh.

(3) (Vợ chồng đi xét nghiệm ADN để xác định xem đứa con có đích thực là con mình không)

Con: Kết quả thế nào ạ?

Bố: Con *mãi mãi* là con của bố mẹ. (Mùa bão bão, t.3)

Câu trả lời đã vi phạm phương châm giao tiếp ‘nói đúng vào điều cần nói’. Người bố thực sự đã trả lời. Sự vi phạm này tất có lý do trực tiếp liên quan đến kết quả xét nghiệm. Không nói dư thông tin nên người ta không nói một điều hiển nhiên, như: ‘nhìn bằng mắt, ăn bằng mồm, viết bằng tay, đi bằng chân...’ Trong một gia đình bình thường, con đương nhiên là con ruột. Và người bố không nói ‘Con mãi mãi là con của bố mẹ’. Nhưng trong tình huống đứa con muốn biết kết quả nó có đích thực là con ruột hay không, người bố không nên trả lời đúng như sự thực phũ phàng: ‘Con không phải là con đích thực của bố mẹ’. Vậy trả lời thế nào? Thông thường, quan hệ con ruột sẽ khác với quan hệ không phải là con ruột và do vậy cách ứng xử sẽ thay đổi.

Câu trả lời ‘con *mãi mãi* là con của bố mẹ’ cốt để nhấn mạnh quan hệ giữa bố mẹ và con không có gì thay đổi. Người bố đã vi phạm phương châm quan hệ trong giao tiếp. Suy ra hàm ý của câu này là con không thực sự là con ruột của bố mẹ. Trả lời như vậy là hay.

(4) - Con là con sinh đôi phải không?

- Đó không phải là lỗi của con. (p. *Nữ hoàng Seon Deok*, tập 23)

Câu trả lời này có vẻ vi phạm phương châm quan hệ vì không trả lời trực tiếp vào câu hỏi, tất có hàm ý. Đây là một lời *thanh minh*. Khi thanh minh, người ta xác nhận đúng là có điều đó. Từ đó thay thế cho ‘là con sinh đôi’ nên lời thanh minh này gián tiếp xác nhận rằng ‘Đúng, con là con sinh đôi’.

(5) Một giai thoại về Bernard Show.

Có lần khi tiếp chuyện Bernard Show, một triệu phú hóm của gác hai chân lên ghế và thanh minh: Tôi có thói quen gác hai chân lên ghế khi ngồi nói chuyện.

B. Show thủng thẳng đáp: Không sao, ngài gác *cả 4 chân* lên ghế cũng được.

Bernard Show đã nói một điều ông không tin là thật, vi phạm phương châm chất. Câu trên có tiền giả định rằng ‘ngài có 4 chân’. Mà chỉ loài vật mới 4 chân nên câu này có hàm ý *ngài giống con vật*.

(6) A: Ông thanh tra đấy à? Tôi đang đợi ông gọi đây. Tôi muốn bố trí một...

B: Không biết chị có vui lòng đi uống nước với tôi không?

Nghe B trả lời, A suy luận như sau: Lời B nói có vẻ vi phạm phương châm quan hệ vì ông ấy không trả lời vào điều mình nói. Tuy nhiên, nó vẫn gắn với mục đích chung mà mình đặt ra. Tại sao B lại ‘vi phạm’ phương châm quan hệ? Chỉ có thể cho rằng *B không muốn nói qua điện thoại những điều bí mật quan trọng, vì có thể bị nghe lén*. Vậy thì, lời của B có hàm ý ‘*đi uống nước rồi chúng ta sẽ nói chuyện ấy.*’

### 11.3.2. Những tình huống giao tiếp tạo ra hàm ý

Đặt trong ngữ cảnh này thì một lời nói có thể không có hàm ý A, nhưng nếu đặt trong một ngữ cảnh khác thì nó lại có hàm ý B. Bình thường, câu ‘ngọn lửa đã tắt vì ông X’ không có hàm ý gì. Đó chỉ là thông tin về một quan hệ nhân quả. Thế nhưng trong tình huống thủ tướng Đức G. Schroeder đến đài tưởng niệm các nạn nhân Do Thái bị phát xít giết hại trong chiến tranh thế giới lần thứ hai thì lại khác. Trong lễ tưởng niệm, thủ tướng G. Schroeder định vận nút điều chỉnh để khơi sáng thêm ngọn lửa trên Đài tưởng niệm. Loay hoay thế nào, ngọn lửa lại leo lét rồi tắt ngúm. Một người thợ phải dùng quẹt gas để thổi lại ngọn lửa. Thế là ngay hôm sau có bản tin xuất hiện trên các báo điện tử khắp thế giới của một phóng viên hãng Reuters với hàng tít ‘Ngọn lửa Holocaust đã tắt vì ông Schroeder’. (*Tuổi Trẻ*, 03.11.2000) Nếu là một người nào đó, dù là thủ tướng đi chăng nữa thì câu trên cũng không có hàm ý gì. Nhưng đây là thủ tướng Đức, người ta liên tưởng tới những lò thiêu

người Do Thái của Đức quốc xã. Ông này muốn làm tắt đi ngọn lửa tưởng niệm chăng?

*Hàm ý nảy sinh trong ngữ cảnh.* Người ta có thể *tạo ngữ cảnh* cho bài viết của mình để *bóp méo, xuyên tạc lời người khác*. Ví dụ:

Một giáo chủ nọ lần đầu đến New York, nghe nói rất dễ bị các nhà báo gài bẫy nên ông rất thận trọng trong nói năng. Ông vừa xuống sân bay, một nhà báo tới hỏi: *Cha có định tới dạ hội không?* Giáo chủ muốn tránh trả lời nhưng vẫn giữ vẻ thân thiện với cánh nhà báo liền cười hỏi lại: *'New York có dạ hội phải không?'* Thế là ngày hôm sau có một tờ báo đăng một tit lớn:

*'Câu hỏi đầu tiên khi giáo chủ xuống sân bay là: New York có dạ hội phải không?'*

Đúng là giáo chủ nọ đã bị gài bẫy để nhà báo có quyền đặt một tit báo tạo ra hàm ý đầy ý châm biếm mà ông không thể phản bác lại được *'điều giáo chủ quan tâm đầu tiên khi xuống sân bay là...'*.

## 11.4. Nói vậy mà không phải vậy: ngụ ý và ám chỉ

11.4.1. Người Nam Bộ có câu *nói vậy mà không phải vậy*. Có thể hiểu hiển ngôn lời nói chỉ là phần nổi còn ý tứ sâu xa thì ở bên trong, thậm chí có thể hiểu khác hẳn những gì lộ ra bên ngoài. Chúng ta cũng hay nghe những câu *'Nói vậy có ngụ ý là...'*; *'Nói vậy là ám chỉ đến...'*; *'ẩn ý của câu này*

là...'. *Ngụ ý, ám chỉ, ẩn ý, nói bóng gió, nói cạnh khoe, nói móc...* kiểu 'chém bụi tre nhè bụi chuối' đều thể hiện hàm ý. Có điều, chúng khác với tiền giả định, *hàm ý ngôn ngữ* ở điều cơ bản sau đây: Có cơ chế xác định tiền giả định và hàm ý ngôn ngữ, còn người nói có *ngụ ý, ám chỉ, ẩn ý, bóng gió, cạnh khoe,...* gì thì người nghe do kinh nghiệm mà *hiểu ngầm, phát hiện ra*. Nhiều khi không dễ dàng hiểu ngay được ngụ ý của người đối thoại.

'Xlavin bật cười:

- Ông ta không chơi bóng bàn đấy chứ?

Glép chưa hiểu ra ngay, vươn người về phía người đối thoại - theo thói quen - và hỏi:

- Bóng bàn? Sao vậy? Ông định ngụ ý gì?

- Tôi ngụ ý đến một nền ngoại giao - Xlavin đáp - Ông có nhớ đã từng có một kiểu ngoại giao như thế rồi không?

- À, đó là những trò chơi của tiến sĩ Kít-xinh-giơ' (*TASS được quyền tuyên bố*, 179, Bằng Việt dịch)<sup>1</sup>

Khi buộc phải đến làm gia sư dạy con Hoàng Cao Khải, và có lần buộc phải làm chủ khảo trong một cuộc thi vịnh Kiều do Hoàng Cao Khải tổ chức, trong bài vịnh *Kiều bán mình*, Nguyễn Khuyến có viết:

1 [*nền ngoại giao bóng bàn*: Tháng 4.1971, lần đầu tiên Trung Quốc mời đội bóng bàn của Mỹ sang Bắc Kinh thi đấu giao hữu, chấm dứt thời kỳ chiến tranh lạnh Trung - Mỹ. Tháng 07. 1971 ngoại trưởng Mỹ Kissinger bí mật tới Bắc Kinh chuẩn bị cho chuyến thăm Trung Quốc vào tháng 02.1972 của tổng thống Nixon. Ngày 16.04.1972, Mỹ mở cuộc ném bom đầu tiên xuống Hà Nội - kho xăng dầu Đức Giang. NĐD]

*‘Thằng bán tơ kia giờ giới ra,  
Làm cho vương đến cụ viên già.*

...

*Có tiền việc ấy mà xong nhỉ?  
Đòi trước làm quan cũng thế a?’*

‘Thằng bán tơ’ ám chỉ Hoàng Cao Khải, còn ‘cụ viên già’ ám chỉ mình. Người ta hiểu ngầm lời ám chỉ đó nhưng *không* có cố để bắt lỗi. Hiểu ngôn trong hai câu cuối là ‘đòi trước có tiền là xong việc ấy’. Nhưng trạng ngữ ‘*đòi trước*’ và từ *cũng* đã tạo ra hàm ý: *đòi nay* - đòi Nguyễn Khuyến và cả đòi chúng ta đang sống - quan lại cũng tham nhũng, tiền mua được tất cả.

Vì hiểu ngầm những ám chỉ là phần của người đọc, người giải mã văn bản nên trong xã hội có những cá nhân và tổ chức chuyên có nhiệm vụ thực hiện công việc này. Do không có một cơ chế ngôn ngữ hay lô gích chặt chẽ xác định lời ám chỉ nên có trường hợp người viết không có ẩn ý, không có ám chỉ gì nhưng dựa vào một vài câu chữ, người ta cũng *quy chụp* là có ẩn ý, ám chỉ này nọ. Trong văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ trước, chúng ta còn nhớ không ít những ‘vụ án văn chương’ liên quan tới cái gọi là ‘những biểu tượng hai mặt’, ‘những ám chỉ, xỏ xiên’ nhằm vào một số ai đó; có thể được ‘nâng cấp’ lên thành những ám chỉ, nói xấu chế độ. Trong một thư gửi Tô Hoài, Nguyễn Tuân tái bút như sau: *Khi lên cao, mình có bị ong đốt, mặc dù chẳng có trêu phá gì nó.* Về câu này, Tô Hoài bình luận: Cái câu ‘tái bút’ *ong*

đốt vu vơ chỉ gởi cho tôi này, chắc là nếu đăng báo, in sách cũng lại điều đúng đấy. Ôi là trời, cái tính người ta thế, chứ xô xiên gì đâu, biết làm thế nào.’ (Tô Hoài, *Cát bụi chân ai*, 71)

Hàm ý trong những *lối nói bóng gió, cạnh khóe, móc máy, có ẩn ý, ngụ ý hay ám chỉ*, có mức độ nặng nhẹ khác nhau và khá mơ hồ.

Trong một cuộc nói chuyện về lạm phát và tiền tệ, ông tổng giám đốc Eximbank hỏi ‘*Trong túi các vị có đôla không?*’. Lại nữa, trong cuộc nói chuyện về tiền tệ, ông Lê Trọng Nhi đề nghị cử tọa ‘*Ai trong ví có đôla thì giơ tay*’. Cả hai vị này đều muốn *ám chỉ* với người nghe rằng *nguồn tiền, ngoại tệ không chỉ nằm trong ngân hàng, trong lưu thông mà còn nằm trong dân*. (SSTT, 13.08.2008)

Trong câu trên, thay vì *ám chỉ* có thể dùng *ngụ ý*.

Thế nào là *ám chỉ*, là *ngụ ý*? Khi người ta nói ‘A có hiện tượng X’ nhưng cốt để người nghe nhận ra ‘B có hiện tượng X’ là người ta *nói A để ám chỉ B, nói A để ngụ ý B*.

#### 11.4.2. Nói *ám chỉ*, *ngụ ý* thế nào?

Những phương thức tạo ra *ngụ ý* và *ám chỉ* rất *linh hoạt*. Chủ yếu nhờ sự *liên tưởng so sánh*.

Nguyễn Quang Thiều, bình luận về điều kiện sáng tác của các nhà văn Việt Nam hiện nay: ‘Trong một thế giới đã trở nên tương đối phẳng, việc *xây đập, dựng tường, rào dây thép gai* ngày càng trở nên vô nghĩa’ (*Tuổi Trẻ*, 07.08.2010).

Nói chuyện viết lách, sao lại *xây đập, dựng tường, rào*

*dây thép gai?* Những từ ngữ này khiến người ta liên tưởng tới những ranh giới ngăn cấm không được phép vượt qua. Hẳn ông phó chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam khóa 8 hiện nay ám chỉ việc che giấu thông tin, hạn chế các nhà văn tự do sáng tác là không thể?

Sự liên tưởng *nhà hát lớn - đóng kịch* khiến người nghe nhận ra câu của huấn luyện viên Mourinho ‘Barcelona là một thành phố của văn hóa với những nhà hát lớn nên Messi đã học được rất nhiều ở đó’ là lời bóng gió về pha bóng mà ông cho rằng Messi đã đóng kịch và khiến Del Horno phải nhận thẻ đỏ rời sân trong trận bán kết lượt về Champions League 2006.

‘Bà con đến xem đông vì lần đầu tiên huyện xử vụ án tham nhũng. Phải nói lần đầu tiên huyện xử *nửa vụ án tham nhũng* chứ!’ (p. *Hương đất*, tập 18) ‘*nửa vụ án tham nhũng*’ dẫn tới hàm ý là ‘*còn có những kẻ chưa bị xử*’. Từ đây, trong tình huống của câu chuyện dẫn tới *ám chỉ* là ‘những cán bộ lãnh đạo của huyện thì chưa bị xử mà chỉ ‘xử lý nội bộ’.

Trong một buổi lễ, một nhà khoa học ngồi cạnh vị linh mục. Vị linh mục rút điều thuốc, nhà khoa học lịch sự đánh diêm mời châm thuốc. Do vụng về, que diêm tắt. Vị linh mục đùa:

- Ông thấy chưa, *ánh sáng khoa học đã tắt rồi!*

Nhà khoa học nhanh trí:

- Cha thấy đấy, *trong tay nhà thờ, chuyện này không phải xảy ra lần đầu!*

Nhà khoa học *ám chỉ* tới vụ Giáo hoàng đã đưa Galileo ra trước *Tòa án dị giáo*, tòa án này đã tuyên án quản thúc Galileo tại gia suốt đời và buộc ông công khai tuyên bố từ bỏ thuyết Copernicus. Galileo buộc phải phục tùng.

‘Hễ thấy bóng dáng ra đình là các ông *nói móc* ngay. Các ông bình phẩm từ cái đầu rũ rượi như *đầu dừa chết trôi* (ấy là các ông móc đến cái chết của bố hấn) đến cái áo ba-đờ-xuy của hấn tã như *áo thằng đánh rậm* (ấy là các ông móc đến nghề đi câu); ‘Đứa chết trôi’ là bố của Trạch Văn Đoàn bị chết đuối khi đi đánh rậm, ‘thằng đánh rậm’ thì đích thị là Trạch Văn Đoàn rồi. (Nam Cao, *Đôi móng giò*)

Cũng có thể dùng ký hiệu *ngôn từ* hoặc *sự vật* liên quan đến thành ngữ, tục ngữ để ám chỉ. Có giai thoại về Nguyễn Bình Khiêm như sau:

‘Khi Lê Trung Tông mất, Trịnh Kiểm muốn nhân dịp này cướp ngôi nhà Lê. Ông hỏi ý Phùng Khắc Khoan. Ông này cử người đi hỏi Nguyễn Bình Khiêm. Trạng Trình không đáp, nhưng có lên lễ chùa và nói với nhà sư ‘*Giữ chùa thờ phật thì ăn oản*’. Nghe chuyện này Trịnh Kiểm hiểu *ngụ ý* của Nguyễn Bình Khiêm: nói với nhà sư để gián tiếp nói với người của Phùng Khắc Khoan. Và Trạng Trình đã dùng nghĩa biểu trưng của tục ngữ *giữ chùa thờ Phật thì ăn oản* tạo ra lời khuyên *ẩn dụ*: ‘*Phải tôn Lê thì mới hưởng phúc lâu dài*’. Trịnh Kiểm từ bỏ ý định cướp ngôi nhà Lê.

Sau này chúa Trịnh chuyên quyền, Phùng Khắc Khoan tìm đến am Bạch Vân hỏi Nguyễn Bình Khiêm về định hướng cuộc đời. Nguyễn Bình Khiêm không hề bảo gì...

Vào lúc trời chưa sáng rõ, Nguyễn Bình Khiêm đến cạnh buồng đập cửa:

- Gà đã gáy rồi sao không dậy? Còn ngủ làm gì nữa?

Ông Khoan ngẫm hiểu ngụ ý của Trạng Trình là *đã đến lúc có thể vào Thanh Hóa với nhà Lê*. [...] Ông đến chào từ biệt, Trạng Trình vẫn không nói gì, đợi đến lúc ông vừa quay gót liền *cuốn một chiếc chiếu ném theo*. Phùng Khắc Khoan hiểu ra thêm ngụ ý của Trạng Trình giục ông: ‘*Phải hành động nhanh như cuốn chiếu*’.

‘Chủ sai tớ về quê. Tớ xin mấy đồng tiền để uống nước dọc đường. / Chủ bảo không cần. Hai bên đường đầy ruộng. Khát thì xuống đấy mà uống. / Tớ: dạo này khô hạn, chẳng còn ruộng có nước. / Chủ cho tớ mượn cái bao tải vện vào người, khi nào khát thì *vắt ra mà uống*. / Tớ: Trời này vện khó tải ngót lăm. Hay ông cho con mượn cái chày giã cua vậy! / Để làm gì? / Dạ, *vắt cổ chày cũng ra nước* ạ!’ Anh đầy tớ đã dùng *thành ngữ* để ám chỉ sự keo kiệt của chủ.

Cảnh sát Indonesia đã thẩm vấn ông Margiono, tổng biên tập tuần báo D&R (*Trình thám & Lãng mạn*), vì tội ‘gieo rắc sự căm ghét đối với tổng thống Suharto’. Số là ngay lúc ‘Hội nghị hiệp thương Indonesia’ bắt đầu nhóm họp, tuần báo này đã dùng *ký hiệu hình ảnh* để ám chỉ: đưa lên trang bìa ảnh Suharto trong áo hoàng bào dưới dạng một con bài tây pích. Ông này có thể bị phạt tới 6 năm tù vì đã ‘phỉ báng người đứng đầu nhà nước’, đã có hành động ‘hèn hạ vì tổng thống Suharto không phải là một vị vua’, đã vi phạm 3 điều khoản trong bộ luật hình sự của Indonesia. Và báo này đã

bị thu hồi. (*Tuổi Trẻ*, 17.03.1998). Không rõ sau khi ông Suharto phải từ chức thì tổng biên tập Margiono có được tha hay không.

Có thể dùng những ký hiệu quy ước để tạo ra ngụ ý hay ám chỉ. ‘Phù Sai sai người đem *thanh kiếm Chúc lâu* đưa cho Ngũ Viên. Ngũ Viên cầm lấy thanh kiếm mà than rằng:

- Đại vương muốn ta chết đây!’ (Đông Chu Liệt Quốc, tập 7)

Ám chỉ thường mang sắc thái *âm tính*. Ám chỉ là một hình thức châm biếm nhằm vạch ra cái xấu, những bức xúc cần bộc lộ nhưng không tiện, thậm chí không được phép nói thẳng.

‘Sư cụ xoi thịt cây vụng ở trong phòng. Chú tiểu biết, hỏi:

- Bạch cụ, cụ xoi gì trong ấy ạ?

- Tao ăn đậu phụ.

Lúc ấy có tiếng chó sủa ầm ĩ ngoài cổng chùa. Sư cụ hỏi:

- Cái gì ngoài cổng thế?

- Bạch cụ, *đậu phụ* làng cán *đậu phụ* chùa đấy ạ!’

Chú tiểu thông minh đã vạch sự dối trá của sư cụ bằng một lời ám chỉ.

11.4.3. Có một phương thức cũng hay dùng tạo ngụ ý, tạo ám chỉ: *Lấy điều kiện cần trong quan hệ nhân quả làm điều kiện đủ*. Nghĩa là nếu có nhiều sự kiện A, B, C,... cùng là nguyên nhân dẫn tới kết quả X, thì có thể nói kết quả X của sự kiện A nhưng lại ngụ ý hay ám chỉ sự kiện B. Ví dụ:

- Con ơi, sao con ngu thế, mẹ đã dặn con bao lần rồi, chọn bạn tử tế mà chơi. Câu nói cạnh khoe của mẹ thằng Nguộc làm mẹ tôi tức điên, nhưng là cán bộ phụ nữ, bà phải gương mẫu, không thể cãi nhau với người đàn bà lạc hậu này. (*Văn Nghệ*, 30.01.1999).

Ngụ ý của câu nói cạnh khoe này được hình thành như sau: ‘Có ngu thì mới chơi với những người không tử tế. Thằng Nguộc chơi với tôi. Mà thằng Nguộc bị mẹ mắng là ngu. Điều này dẫn tới ám chỉ, trong con mắt mẹ thằng Nguộc, tôi là đứa không ra gì.

- Phóng viên: Nghề bán hoa dạo này thế nào thưa cô?

Cô hàng hoa: Lạ trời, tất nhiên là không khá bằng nghề bán nhĩ. (*Văn Nghệ Trẻ*, 24.01.1999)

‘Bán hoa’ là một cụm từ mơ hồ, một mặt được hiểu theo nghĩa đen là bán bông. Mặt khác, trong hoa có nhĩ; trong *nhĩ hoa có phấn*. Do vậy, nói ‘nghề bán nhĩ’ để ám chỉ ‘nghề bán hoa’ tức là nghề ‘bán *phấn* buôn hương’. Câu trả lời đã bộc lộ ngụ ý ‘nghề mại dâm hiện nay phát triển quá mạnh’ của cô hàng hoa khi trả lời phóng viên.

11.4.4. *Ngụ ý và hàm ý có thể đan xen nhau*. Hàm ý được phát hiện qua suy luận lô gích còn ngụ ý thì không. Ví dụ:

Chuyện cười *Ai không thông minh?*

(Một sinh viên bước vào phòng thi vấn đáp, giáo sư hỏi)

- Theo em, thi vấn đáp là gì?

- Thưa giáo sư, đó là cuộc nói chuyện giữa hai người thông minh.

- Vậy nếu một người không thông minh thì sao?
- Thì người kia sẽ rớt ạ! (*Tuổi Trẻ Cười*, 15.08.2004)

Giáo sư có *ngụ ý* ‘nếu sinh viên không thông minh thì sao?’ Trong nhiều trường hợp *không thể chứng minh rõ ràng được một ngụ ý*. Tuy nhiên, ngụ ý trên đây được nhận ra từ quan hệ thầy trò. Trên thực tế, trong một kỳ thi, người bị rớt chỉ có thể là sinh viên. Mặt khác, khi giáo sư giả định rằng có một người không thông minh đã ngụ ý rằng người còn lại sẽ thông minh. Cái lô gích thông thường là người không thông minh sẽ bị rớt đã dẫn tới ngụ ý của giáo sư: ‘Sinh viên không thông minh, còn giáo sư thông minh’.

Lời sinh viên cũng có ngụ ý và nó thành hàm ý. Câu ‘nếu một người không thông minh thì người kia sẽ rớt’ là một phán đoán nhân quả theo quan niệm của sinh viên. Người bị rớt đương nhiên là sinh viên. Vậy lời sinh viên có hàm ý *người không thông minh là giáo sư!* Hơn nữa, là một ý tứ chưa chất: *người không thông minh sẽ làm người thông minh rớt.*

11.4.5. *Người nói có thể vô tình, nhưng người nghe lại có thể suy luận theo lô gích hình thức để cho rằng người đối thoại có ngụ ý hay ám chỉ này nọ.* Ví dụ:

*Chuyện một người vụng nói*

(Một người mở tiệc chiêu đãi, đã trễ giờ mà chỉ có mặt khoảng phân nửa người được mời)

Chủ tiệc: ‘Đến giờ này mà *những người cần đến thì không đến*’ Nghe câu này, 50% những người đã đến liền bỏ về.

Họ hiểu ngầm: chủ tiệc muốn nói *những người đã đến thì không cần đến*.

Thấy nguy, chủ tiệc lại xuýt xoa: Khổ cho tôi, *những người cần ở lại thì lại bỏ về*. Nghe câu này, những khách còn ngồi lại hiểu ngầm: chủ tiệc muốn nói *những người không bỏ về thì không cần ở lại*. Hầu hết những người còn lại liền bỏ về.

Anh bạn thân nhất trách chủ tiệc nói năng vụng về khiến mọi người hiểu lầm.

Chủ tiệc thanh minh: *Những lời tôi nói không phải ám chỉ họ*. Anh bạn chí thân tức quá: còn ai vào đây nữa, *không ám chỉ họ* tức là *ám chỉ mình*. Anh này bỏ về nốt.



[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

## CHỮ TẮT VÀ TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

ANTĐ: b. *An Ninh Thủ Đô*; ATGT: an toàn giao thông;

b.: báo; BTTU: phim *Bí thư tỉnh ủy*

CBS: *Chào buổi sáng*; CHCC: *Cơ hội của Chúa*, Nguyễn Việt Hà, nxb Văn học, 1999

CGLOG: *Cuộc gọi lúc 0 giờ* (phim TV); CLT: *Cù lao Tràm*, Nguyễn Mạnh Tuấn;

CLV: Chế Lan Viên; CM: *Cách mạng*, Nguyễn Khải; CTT: phim *Chủ tịch tỉnh*;

đ.: đài truyền hình, tivi; DBN: *Đi bước nữa*, Nguyễn Thế Phương;

ĐCLQ: *Đông Chu liệt quốc*, Nguyễn Đỗ Mục dịch, nxb KHXH, 1989;

ĐMYT: *Đêm miền yên tĩnh*; ĐTXM: *Đồng tiền xương máu* (phim TV);

GT: *Giông tố*, Vũ Trọng Phụng; HTX: hợp tác xã; KTN: *Kiến thức ngày nay*;

LAF: *Love after war*, Ed. Wayne Karlin & Hồ Anh Thái, Curbstone Press;

LC: Paul Grice: 1975, *Logic and Conversation*; LL: Lê Lưu;

MĐLNLM: *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, Nguyễn Khắc Trường, nxb Hội nhà văn, 1991 (tái bản);

NC: *Nam Cao, Tác phẩm*, II, nxb Văn học, 1977; NCH: Nguyễn Công Hoan;

NDD: Nguyễn Đức Dân: 1984: ['Ngữ nghĩa các từ hư: nghĩa của cặp từ', *Ngôn ngữ*, 4.1984]; 1987: [*Lô gích, ngữ nghĩa và cú pháp*, nxb ĐH & THCN, 1987]; 1996: [*Lô gích và tiếng Việt*, nxb Giáo dục, 1996]; 2008: ['Ngữ pháp lô gích trong tiếng Việt', in trong *Ngữ pháp tiếng Việt-những vấn đề lý luận*, Viện Ngôn ngữ học, nxb KHXH, 2008];

NĐT: Nguyễn Đình Thi, *vỡ bờ*; NHT: Nguyễn Huy Tưởng; NMC: Nguyễn Minh Châu, *Mảnh trăng cuối rừng*; NN&ĐS: *Ngôn ngữ và đời sống*;

NNTT: (phim TV) *Người nữ tử tù*; NTT: Ngô Tất Tố, *Tác phẩm 1&2*, nxb Văn học, 1975, 1977;

p.: phim; PTVA: Phan Thị Vàng Anh, *Thương*;

SĐ: *Số đỏ*, Vũ Trọng Phụng; SGK: sách giáo khoa; SGTT: b. *Sài Gòn tiếp thị*;

SM: *Sống mòn*, Nam Cao; SQRCNV: phim *Sự quên rũ của người vợ*

TC: tạp chí;

TĐTV: *Từ điển tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học, Hoàng Phê chủ biên, 1992;

TNA: *Truyện ngắn Andersen*; TNTÂ: *Tiếng nói tri âm*; TTC: *Tuổi Trẻ Cười*;

TTĐ: Triệu Truyền Đống, *Phương pháp biện luận*, nxb GD, 1999.

TV- tivi, đài truyền hình; TY (/TYSCT): *Tình yêu sau chiến tranh*, chủ biên: Wayne Karlin & Hồ Anh Thái, nxb. Hội Nhà Văn;

VN: tuần báo *Văn nghệ*; VNT: tuần báo *Văn nghệ trẻ*.

# MỤC LỤC

## PHẦN MỘT

|                     |     |
|---------------------|-----|
| Chương 1: Mở đầu    | 7   |
| Chương 2: Câu sai   | 25  |
| Chương 3: Câu mơ hồ | 56  |
| Chương 4: Diễn đạt  | 75  |
| Chương 5: Câu hay   | 106 |

## PHẦN HAI

|                                     |     |
|-------------------------------------|-----|
| Chương 6: Chính tả                  | 174 |
| Chương 7: Dấu câu                   | 215 |
| Chương 8: Từ và nghĩa               | 244 |
| Chương 9: Cú pháp                   | 307 |
| Chương 10: Lô gích trong tiếng Việt | 326 |
| Chương 11: Lời ít, ý nhiều          | 379 |
| Chữ tắt và tài liệu trích dẫn       | 432 |

## TỪ CÂU SAI ĐẾN CÂU HAY

*Nguyễn Đức Dân*

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: TUÔNG VÂN

Bìa: DUY NGUYỄN

Sửa bản in: TỊNH VŨ

Trình bày: VŨ PHƯƠNG

[downloadsachmienphi.com](http://downloadsachmienphi.com)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: [nxbtre@hcm.vnn.vn](mailto:nxbtre@hcm.vnn.vn)

Website: [www.nxbtre.com.vn](http://www.nxbtre.com.vn)

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: [chinhanh@nxbtre.com.vn](mailto:chinhanh@nxbtre.com.vn)

# Từ câu Sai đến câu hay



MỜI CÁC BẠN TÌM ĐỌC  
BỘ SÁCH: TIẾNG VIỆT GIÀU ĐẸP

[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Download Sách Miễn Phí Online

